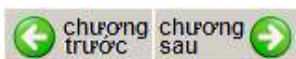


KHÔNG HỌC TINH HOA

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

Mục lục | [Lời nói đầu](#) | [chương 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) | [Tổng luận](#) | [Phụ lục 1](#) [2](#) [3](#) | [Sách tham khảo](#)



Mục Lục

[Lời nói đầu](#)

[Chương 1:](#) Ý niệm về Thượng Đế qua Tứ Thư, Ngũ Kinh và sử liệu Trung Hoa

[Chương 2:](#) Quan niệm về thánh nhân theo thư tịch Nho giáo

[Chương 3:](#) Quan niệm thiên tử Trung Hoa đối chiếu với quan niệm thiên tử trong các quốc gia Âu Á cổ kim

[Chương 4:](#) Nền thiên trị Trung Hoa thời cổ

[Thiên dẫn đầu:](#) Đại cương Hồng Phạm Cửu Trù

[Thiên 1:](#) Đấng quân vương phải am tường vật lý

[Thiên 2:](#) Đấng quân vương phải biết phương pháp tu thân

[Thiên 3:](#) Đấng quân vương phải biết phương pháp trị dân

[Thiên 4:](#) Đấng quân vương phải am tường ý nghĩa của tháng năm, hiểu thiên văn, lịch số

[Thiên 5:](#) Đấng quân vương sẽ ở ngôi Hoàng Cực, thay Trời trị dân

[Thiên 6:](#) Thuật cai trị: chính trực nhưng phải biết cương nhu, quyền biến

[Thiên 7:](#) Đấng quân vương phải biết suy nghĩ bàn bạc, hỏi han khi gặp những trường hợp nan giải

[Thiên 8](#): Đấng quân vương phải nhân các điềm trời mà soát xét lại đường lối cai trị

[Thiên 9](#): Đấng quân vương phải nhìn vào tình cảnh dân, để nhận định giá trị của nền cai trị

Tổng luận

Phần phụ lục

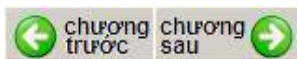
Phụ lục 1: Nguyệt lệnh (Lễ Ký)

Phụ lục 2: Thơ Thất Nguyệt (Bân Phong, Kinh Thi)

Phụ lục 3: Chiêm Chu niên phong năm ca (Ngọc Hạp Ký)

Các sách tham khảo

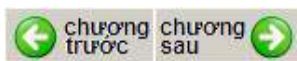
Mục lục | [Lời nói đầu](#) | [chương 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) | [Tổng luận](#) | [Phụ lục 1](#) [2](#) [3](#) | [Sách tham khảo](#)



KHỔNG HỌC TINH HOA

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

[Mục lục](#) | [Lời nói đầu](#) | [chương 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) | [Tổng luận](#) | [Phụ lục 1](#) [2](#) [3](#) | [Sách tham khảo](#)



Lời Nói Đầu

Quyển Khổng học Tinh hoa này có mục đích trình bày phương pháp tu thân và trị dân của người xưa mà Khổng giáo gọi là «[Nội thánh ngoại vương chi đạo](#)».

Nền tảng của Khổng giáo là Thượng Đế.

Trung Dung viết: «Tư tri nhân, bất khả dĩ bất tri thiên.»

«Biết người trước phải biết Trời,

Hiểu Trời chẳng nổi, hiểu người làm sao?»

Cho nên trước khi đi vào vấn đề tu thân, trị dân, tất nhiên phải nghiên cứu niềm tín ngưỡng Trung Hoa thời cổ. Vì thế, chương đầu sách khảo sát quan niệm về Thượng Đế qua văn liệu, sử liệu Trung Hoa.

Nhiều người nghĩ rằng Khổng giáo chỉ dạy con người trở nên hiền nhân quân tử, chứ không làm cho con người siêu phàm thoát tục như Phật giáo, Lão giáo.

Đó là một sự ngộ nhận đáng tiếc, thực ra Khổng giáo có mục đích thâm viển là thánh hóa con người, giúp con người tiến tới cực điểm tinh hoa, sống cuộc đời hoàn thiện, phối hợp cùng Thượng Đế. Vì thế, chương 2 sẽ đề cập đến quan niệm thánh nhân trong Nho giáo, song song với những phương pháp tu thân ngộ hầu thực hiện được lý tưởng cao siêu ấy.

Nhưng trở nên hoàn thiện (trung 忠) chưa đủ, còn phải giúp đỡ dẫn dắt người khác trở nên hoàn thiện giống mình (thứ 恕), cùng nhau biến cải vật chất và hoàn cảnh cho trần ai tục lụy biến thành Nhược Thủy, Bồng Lai, thế mới là thuận theo thiên lý, hoàn tất sứ mạng con người. Vả lại, đã sinh ra đời, con người có nhiệm vụ chung sống với nhau, để chung lưng góp sức cải thiện hoàn cảnh vật chất, suy cứu cho ra căn nguyên và định mệnh của mình. Đã sống chung, tất phải có người lãnh đạo chỉ huy. Vì thế, chương 3 đề cập đến cương vị, sứ mạng, đạo độ của một vị lãnh đạo lý tưởng. Vị lãnh đạo lý tưởng là người đem an bình lại cho nhân loại, chỉ vẽ cho con người định mệnh cao sang của mình, dạy dỗ cho biết phương pháp thực hiện định mệnh ấy, lại lấy mình làm tấm gương sáng cho mọi người soi vào mà bắt chước, mà cố gắng noi theo. Vị lãnh đạo lý tưởng ấy Nho giáo mệnh danh là Thiên tử.

Ngoài ra, chương 3 còn đào sâu khơi rộng vấn đề bằng cách đối chiếu quan niệm Thiên tử Trung Hoa với các quan niệm Âu Á, cổ kim tương tự, mục đích là tháo gỡ mối tơ vò nhân loại, giải đáp thai đồ tự ngàn xưa về nhân thế và định mệnh con người.

Mỗi manh để tìm ra lời giải đáp đã nằm gọn trong định luật biến dịch, định luật tuần hoàn, và trong những hiện tượng đối lập như «[phục, khởi](#)» (immanence et émergence), «[ẩn, hiện](#)» (latence et manifestation, potentialité et réalisation) của trời đất.

Nói cách khác, nếu trong nhân loại đã có những vị chân Thiên tử, tất nhiên nhân loại ai ai cũng có khả năng trở thành Thiên tử.

Thế mới hay:

«Người là người mà tớ cũng là người
Nhắm cho kỹ, vẫn chênh vênh đầu dốc.»
(Phạm Văn Ái)

Chương 4 sẽ nghiên cứu phương pháp trị dân tại Trung Hoa thời cổ. Phương pháp này đã được ghi chép trong Hồng Phạm Cửu Trù. Hồng Phạm có chín thiên, nên chương 4 cũng có chín thiên chính. Trước sau toàn dùng Hồng Phạm Cửu Trù và Tứ Thư, Ngũ Kinh để phác họa lại những nét chính yếu của nền Thiên trị (Théocratie) Trung Hoa thời cổ, một đề tài mà xưa nay ít người đã đề cập tới một cách mạch lạc, thấu đáo.

Sách có bốn chương, mà chương vẫn, dài không cân xứng với nhau, đó là một khuyết điểm của cuốn sách. Nhưng thiết nghĩ không nên câu nệ về hình thức, mà cần chú trọng đến tinh hoa, đến nội dung.

Người xưa gắn liền đời sống nhân quần với đời sống thiên nhiên vũ trụ, cố gắng theo đúng nhịp điệu của trời đất, trăng sao, nên rất chú trọng đến thiên văn, khí tượng, và lịch số.

Để cho vấn đề thêm sáng tỏ, và để cho quý độc giả rộng đường tham khảo, tác giả đã trình bày thêm trong phần phụ lục:

1- Thiên Nguyệt Lệnh (Lễ Ký) ^[1] phác họa lại chương trình hoạt động của các vị Thiên tử xưa trong 12 tháng quanh năm, mục đích là điều hòa công tác của quần chúng, của quốc gia cho ăn khớp với nhịp điệu thời tiết.

2- Thơ Thất Nguyệt (thiên Bân Phong, Kinh Thi) ^[2] trình bày đại khái những mối lo âu và công việc của dân chúng miền cực Tây nước Trung Hoa trong một năm.

3- Thiên «Chiêm chu niên phong năm ca» của Ngọc Hạp Ký để trình bày cách thức của người xưa xem khí tượng để ước đoán cát, hung, đắc, thất, trong tháng, trong năm.

Đáng lẽ còn phải đề cập đến thiên văn và lịch số Trung Hoa trong phần phụ lục, nhưng e quá dài, nên xin dành đề tài này cho một thiên khảo luận khác.

Quyển Khổng học Tinh hoa có mục đích tìm hiểu thân thể và định mệnh con người qua lăng kính Khổng giáo.

Nó cũng muốn phát quang gai góc cho công trình nghiên cứu của những người sau được dễ dàng hơn.

Tác giả chỉ có công sưu tầm. Cái hay trong sách là của tiền nhân, cái dở trong dĩ nhiên là của tác giả. Mong các bậc cao minh lượng thứ.

Saigon, ngày 27 tháng 5 năm 1966

Nhân Từ Nguyễn Văn Thọ cẩn chí.

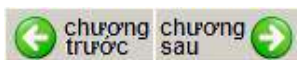


CHÚ THÍCH

[1] Theo nhà học giả Couvreur, thiên Nguyệt Lệnh gồm nhiều đoạn trích trong quyển Xuân Thu của Lã Bất Vi. Các đường lối, phong tục ghi trong Nguyệt Lệnh phần nhiều khai nguyên từ thời các vị đế vương xưa. (Xem Couvreur, Li Ki, I chapitre IV – lue Ling, page 330).

[2] Bân là tên một vùng phía cực Tây nước Tàu (kinh tuyến 105o46', vĩ tuyến 35o04'). Tổ tiên nhà Chu sinh sống ở đó từ 1796 đến 1325 trước công nguyên cho đến khi dựng nên cơ nghiệp nhà Chu. Thơ Bân Phong như vậy rất cổ kính (cf. Legge, The She King, Prolegomera 127 và các trang 2, 226, 227). Thơ Thất Nguyệt vì mô tả đời sống của giòng họ nhà Chu từ thời xa xưa trong vùng hẻo lánh, lạnh lẽo của miền cực Tây nước Trung Hoa, nên dĩ nhiên có nhiều điều không ăn khớp với thiên Nguyệt Lệnh.

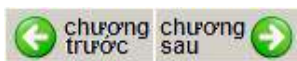
[Mục lục](#) | [Lời nói đầu](#) | [chương 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) | [Tổng luận](#) | [Phụ lục 1](#) [2](#) [3](#) | [Sách tham khảo](#)



KHỔNG HỌC TINH HOA

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

[Mục lục](#) | [Lời nói đầu](#) | **chương 1** [2](#) [3](#) [4](#) | [Tổng luận](#) | [Phụ lục 1](#) [2](#) [3](#) | [Sách tham khảo](#)



Chương 1

Ý niệm về Thượng Đế qua Tứ Thư, Ngũ Kinh và sử liệu Trung Hoa

Khảo sát ý niệm về Trời, về Thượng Đế qua Tứ Thư, Ngũ Kinh và sử liệu Trung Hoa, tức là khảo sát niềm tin ngưỡng của dân tộc Trung Hoa thời cổ, trong khoảng hơn 2000 năm lịch sử trước đời Khổng Tử.

Sống thời nay mà bàn chuyện xa xăm quá vãng từ ba, bốn nghìn năm về trước như vậy, thoát nghĩ, tưởng là viễn vông, lỗi thời. Nhưng biết đâu trong cái thế giới ngã nghiêng cả về tinh thần lẫn vật chất này, niềm tin của người xưa lại chẳng làm vững mạnh lại lòng tin của người nay?

Khảo cứu Tứ Thư, Ngũ Kinh, nhiều người vẫn tưởng rằng đức Khổng lập ra một đạo mới, nhưng kỳ thực Ngài chỉ muốn làm sống lại những truyền thống, những tín ngưỡng cao đẹp của người xưa, muốn xây dựng lại cho nước Trung Hoa nền Thiên trị (Théocratie) chính thống của các thánh quân, hiền phụ thời trước...

Ngài nói:

«Ta trần thuật chứ không sáng tạo,
Tin cổ nhân, mộ đạo cổ nhân.» [1]

Thực vậy, Ngài ra công sưu tầm, san định các tài liệu lịch sử, lễ nhạc, thi ca thời cổ, ghi chép thành bộ Ngũ Kinh quý báu mà ngày nay chúng ta thừa hưởng. Nhờ vậy mà bây giờ chúng ta mới còn có những quan niệm chính xác về dân Trung Hoa thời cổ.

«Công Tôn Triều, đại phu nước Vệ, hỏi Tử Cống: Thầy ông là Trọng Ni học với ai mà giỏi như vậy? Tử Cống đáp: Đạo thống của vua Văn, vua Võ chưa tan nát ở cõi này, vẫn còn ở nơi người. Vì vậy trang hiền đức học nhớ được phần trọng đại, kẻ tầm thường học nhớ được phần nhỏ nhít. Ở đâu lại chẳng có đạo thống của vua Văn, vua Võ? Thầy tôi há chẳng học ở đó sao? Cần gì mà phải nhất định có một ông thầy?» [2]

Nay thì trái lại, đạo thống của vua Văn, vua Võ đã tan nát, chẳng còn ở nơi người, nhưng vẫn còn nguyên vẹn trong sách vở. Ta hãy giở lại những trang sách cũ để tìm ra những điều trọng đại...

Dân Trung Hoa có ý niệm về Trời, về Thượng Đế tự bao giờ? Từ Bàn Cổ, từ Phục Hi, hay từ Hoàng Đế?

Đó thực là một câu hỏi khó trả lời...

Chúng ta chỉ biết rằng: theo Trúc Thư Kỷ Niên thì từ thời Hoàng Đế (tức vị năm 2697 trước kỷ nguyên) đã thấy đề cập tới Trời, một cách kính cẩn nhưng cũng rất tự nhiên, quen thuộc.

Trong thiên đầu sách, nhan đề là «Hoàng Đế Hiền Viên Thi», Trúc Thư ghi:

Năm thứ 50 (đời Hoàng Đế), mùa thu, tháng bảy, ngày Canh Thân, phượng hoàng bay đến, Hoàng Đế tế lễ ở sông Lạc.

Từ ngày Canh Thân, trời sa mù ba ngày, ba đêm; ban ngày cũng hôn ám. Hoàng Đế hỏi Thiên Lão, Lực Mục, Dung Thành xem sự thế thế nào ?

Thiên Lão tâu: «Thần nghe khi nước yên và vua chuộng văn thì phượng hoàng tới ở; lúc nước loạn và vua chuộng võ, thì phượng hoàng bay đi. Nay phượng hoàng bay lượn vui vẻ ở bờ cõi Đông, tiếng kêu an hòa tiết tấu ứng hợp với Trời. Suy ra thì biết: TRỜI ĐÃ BAN NHỮNG LỜI NGHIÊM GIÁC CHO ĐỨC VUA, xin đức vua chớ nên bất tuân.» [3]

Tài liệu lịch sử này chứng minh rằng Hoàng Đế (2697 BC) và quần thần đã tin kính Trời, đã đề cập tới Trời một cách rất là tự nhiên quen thuộc và trong những tình thế nghiêm trọng bất thường, đã biết cùng nhau bàn bạc để tìm hiểu ý Trời mà tuân cứ...

Vua Nghiêu (tức vị 2356 BC) lại còn thánh thiện hơn nữa: Ngài đã biết sống thánh thiện noi gương Trời!

Khổng Tử đã viết về vua Nghiêu như sau: «Vua Nghiêu đức nghiệp lớn thay, chỉ có Trời là lớn! Chỉ có vua Nghiêu là bắt chước Trời.» [4]

Khi vua Thuấn lên ngôi (2255) đã tế lễ Thượng Đế. [5]

Vua Đại Võ khi còn là hiền thần, đã biết khuyên vua Thuấn sống cuộc đời đức hạnh «để có thể huy hoàng rước lấy Thượng Đế». [6]

Lúc trị thủy thành công trở về, Đại Võ dâng vua Thuấn một tấm ngọc huyền khuê, để báo cáo công việc hoàn thành. [7] Phó Diễn bình rằng: Võ dâng Thuấn ngọc huyền khuê là muốn nói cùng vua Thuấn: «Đức hạnh của nhà vua đồng nhất với đức hạnh Trời.» [8]

Các vua sáng lập nhà Ân (1766-1122) cũng đã biết sống cuộc đời thánh thiện, phối hợp với Thượng Đế.

Kinh Thi viết:

«Thủa nhà Ân còn thời thịnh trị,
Đã từng cùng Thượng Đế tất giao.» [9]

Sau khi nhà Ân suy vi thì vua Văn (sinh năm 1258 BC), người được mệnh lệnh Thượng Đế hưng binh đánh Trụ, lại biết sống phối hợp với Trời.

Kinh Thi viết:

«Việc Trời chẳng tiếng chẳng tăm,
Nên dùng dạng thức vua Văn hiển hình,
Cho muôn dân thấy mà tin.» [10]

Vũ Vương (1122 BC) đã điều động binh tướng đánh Trụ vương với danh nghĩa «thay Trời trừ bạo».

Trong bài diễn văn quan trọng để hô hào tướng sĩ ở Mạnh Tân, sau khi đã kể các tội ác của Trụ vương, vua nói:

«Hoàng Thiên đã chấn nộ, sai cổ quân tôi là Văn Vương kính cẩn ra oai Trời, nhưng đại sự chưa

thành tựu. Tôi nay còn là trẻ nít, ngày đêm những lo cùng sợ. Tôi đã nhận lãnh sứ mạng do cổ quân tôi, tôi đã tế lễ Thượng Đế, tôi đã làm lễ nghi kính đất đai, và tôi nay hướng dẫn chúng tướng sĩ thi hành hình phạt của Trời. Trời thương dân chúng. Cái gì dân muốn, Trời cũng sẽ nghe theo.

Xin các tướng sĩ hãy giúp tôi quét sạch bốn biển. Thời cơ này xin chớ để mất.» [\[11\]](#)

Lúc lâm trận Mục Dã, đứng trước một đạo binh vô cùng đông đảo của Trụ vương, để khuyến khích ba quân, Võ Vương đã kêu lên: «Thượng Đế ở với ba quân, ba quân hãy vững lòng vững dạ.»

Kinh Thi viết:

«Quân Thương Ân bạt ngàn Mục Dã,
Một rừng người chặt cả sa tràng.
Cho ba quân thêm dạ sắt gan vàng,
Võ Vương kêu: Thượng đế ở cùng ta đó,
Ba quân hãy vững lòng vững dạ.» [\[12\]](#)

Sử còn cho hay:

«Sau trận Mục Dã, Trụ Vương trốn vào Lộc Đài tự thiêu chết. Còn vua Vũ, sau khi nhận lời ca tụng của các vị vương bá về trận thắng, liền đuổi theo Trụ Vương tới kinh đô. Dân chúng túc trực ngoài thành lũy, lo lắng sợ hãi. Vua Vũ cho sứ giả tới phủ dụ dân bằng lời lẽ sau: «Trời cao gíng phúc lành cho (anh em).» Dân chúng cúi chào vua Vũ. Vua Vũ cũng cúi chào đáp lễ lại...» [\[13\]](#)

Nếu ta đem so sánh các nhân vật lịch sử Trung Hoa trên đây với các nhân vật lịch sử Do Thái, và các giai đoạn lịch sử Do Thái ghi trong Cựu Ước với những niên kỷ phỏng định tương ứng, ta mới thấy dân Trung Hoa ngay từ trước Hồng Thủy, [\[14\]](#) từ lâu trước thời Abraham [\[15\]](#) và Moïse [\[16\]](#) đã có một niềm tin ngưỡng sâu xa, một lòng kính tôn tin cậy hết sức lớn lao đối với Thượng Đế.

Bảng đối chiếu sau đây sẽ giúp ta dễ lĩnh hội được điều đó. [\[17\]](#)

BẢNG NIÊN KỶ ĐỐI CHIẾU GIỮA TRUNG HOA, DO THÁI, VIỆT NAM VÀ ÍT NHIỀU CƯỜNG QUỐC ÂU Á THỜI CỔ

TRUNG HOA		DO THÁI	CÁC NƯỚC	VIỆT NAM
Phục Hi 2852 Thần Nông 2737 Hoàng Đế 2697 Nghiêu 2356 Thuấn 2255		Adam 4004 BC Hồng Thủy 2348		Hồng Bàng 2879 BC
Hạ 2205-1766	Đại Võ 2205	Abraham 1800	Luật Hamourabi (Babilone) 2000	
Thương 1766-1122	Thành Thang 1766	Xuất Ai Cập Moïse 1240	Ai Cập thịnh trị từ 1600-1200	
Chu 1122-255	Văn Vương sinh 1258 Võ Vương 1122 Chiêu Vương 1052 Mục Vương 1001 Linh Vương (Khổng Tử sinh 571) Liệt Vương (Mạnh Tử sinh 357)	Các quan xét 1160-1020 Samuel 1050 David 1000 Ezechiel giảng giáo ở Babylone 594	Assyrie thịnh trị 900-607 Babylone thịnh trị 606-536 Ba Tư thịnh trị 536-330	
Tần 249-206	Tần Thủy Hoàng (249)		Hi Lạp thịnh trị 330 -146 BC	

Tây Hán	Cao Tổ (206)	La Mã thịnh trị 146 BC - 476 AD	Hồng Bàng 258 BC
---------	--------------	---------------------------------	------------------

Thượng Đế trong Tứ Thư, Ngũ Kinh, có nhiều danh hiệu:

Đế, [18] Thượng Đế, [19] Thiên, [20] Hoàng Thiên, [21] Thượng Thiên, [22] Hoàng Thượng Đế, [23] Thiên Hoàng Thượng Đế, [24] Thượng Thiên Thần Hậu, [25] Hoàng Hoàng Hậu Đế, [26] v.v... Ấy là chưa kể đến những danh từ trừu tượng siêu hình như Dịch, [27] Thần, [28] Thái Cực, [29] v.v...

Các giáo sĩ Âu Châu rất bất mãn vì Trung Hoa lại có thể dùng chữ Thiên mà chỉ Thượng Đế, vịn lẽ rằng trời là vòm trời, vô tri giác, sao lại có thể kính tôn và thờ phụng được. Linh mục Ruggieri viết:

«Trời không phải là thần minh mà là tòa của thần minh... Có thể ông Khổng đã dùng chữ trời mà chỉ danh một trí tuệ tối cao cai trị trời đất, nhưng tôi không biết ông Khổng đã nghĩ thế nào?» [30]

Những lời bắt bẻ ấy thật vô lý cứ: Trước hết, trong bất kỳ tiếng nước nào, mỗi chữ thường có nhiều nghĩa. Muốn hiểu đúng nghĩa, phải đặt mỗi chữ vào đúng chỗ của nó trong câu (contexte). Và lại, nếu người xưa đã thờ một vòm trời vô tri giác, thì sao lại nói Trời xem, Trời nghe, Trời muốn, Trời giận, Trời phạt, v.v... thì tại sao trong đền thờ Thượng Đế ở Bắc Kinh lại có bốn chữ đại tự thiếp vàng Hoàng Thiên Thượng Đế? [31] Hơn nữa, theo nguyên tắc, không một người ngoại quốc nào có thể có đủ thẩm quyền thay đổi từ ngữ của một dân tộc....

Theo Cha Matteo Ricci (sinh tại Macerat ngày 6-10-1552, đến Macao ngày 7-8-1582, mất tại Bắc Kinh ngày 11-5-1610; [32] cầm đầu các cha Dòng Tên vào Trung Hoa từ năm 1583), Thiên và Đế trong sách cổ điển Trung Hoa đều chỉ «một đấng chủ thể vạn vật; phải hiểu Thiên là đấng ngự trị trên trời, theo kiểu nói thân mật của các dân tộc, đã được Thánh Kinh phê nhận». [33] Nhưng những ý kiến xây dựng của cha Ricci đâu có được nghe theo. Cha Pasio khuyến cáo cha Longobardo, người kế nghiệp cha Ricci, rằng nếu dùng chữ Thượng Đế, chữ Thiên để chỉ Thiên Chúa e bất lợi cho công cuộc truyền giáo, nhất là ở Nhật Bản. [34] Cuộc tranh luận về từ ngữ kéo dài mãi cho tới hội nghị Kiating (1628). Các giáo sĩ đành vãn ý Giáo Hội La Mã như sau: «Những chữ Thiên, chữ Thượng Đế còn có nên giữ để chỉ Chúa người Công giáo không?» Mãi đến 1704 Giáo Hội mới trả lời: «Không, hãy dùng chữ Thiên Chúa.» [35]

Ngày 30-11-1700, Vua Khang Hi giáng chiếu như sau: «Đối với các việc tế lễ mà các vua chúa thời xưa quen dâng kính Trời, đó là những việc tế lễ mà các triết gia Trung Hoa gọi là ... tế lễ Trời Đất, mục đích là để tôn kính Thượng Đế... cho nên, đã hiển nhiên là không phải dâng tế lễ cho trời hữu hình hữu chất, mà là dâng cho đấng chủ thể đã tạo thành trời đất muôn vật. Và vì người xưa kính sợ Thượng Đế, không dám trực tiếp xưng tên Ngài, nên họ thường xưng hô Ngài dưới danh hiệu là Thượng Thiên, Hoàng Thiên, Mân Thiên. Y như ngày nay, khi đề cập tới Hoàng Đế, người ta không gọi đích danh Hoàng Đế, mà lại gọi cửu trùng, chín bệ...

Như vậy xét về từ ngữ thì có khác nhau, nhưng xét về ý nghĩa thì những danh từ ấy đều là một...» [36]

Vua Khang Hi thực đã tỏ ra một thái độ sáng suốt và biết dung hòa hết sức...

Trong Cựu Ước, nhiều khi Chúa mượn hình người xuống gặp gỡ các tổ phụ, ví dụ gặp Abraham ở gốc sồi Mambré (Sáng Thế Ký 18-1, 23) hay Jacob (Sáng Thế Ký 32-22, 23) hay Moïse (Exode 33-10, 11), v.v...

Trong Tứ Thư, Ngũ Kinh, trái lại, tuyệt nhiên không thấy có sự hiển linh đó, vì Khổng giáo chủ trương Trời «không tiếng, không hơi» (vô thanh vô xứ). [37] Tuy nhiên, Thi, Thư cũng một đôi lần ghi chép những

lời Thượng Đế phán bảo cùng các thánh vương.

Kinh Thư, thiên Duyệt mệnh thượng, ghi chép: Vua Cao Tông (Vũ Đinh 1325 BC) nằm mộng thấy Thượng Đế ban cho một hiền thần. Vua tỉnh dậy, cho họa ảnh, đồ hình, tìm tòi khắp trong nước. Quả nhiên gặp được Duyệt ở đất Phó Nham đúng như hình vẽ. Vua liền phong cho Phó Duyệt làm tể tướng và giữ luôn bên cạnh mình. [\[38\]](#)

Kinh Thi thiên Hoàng Hĩ có ghi những lời Thượng Đế phán bảo Văn Vương:

Thượng đế gọi vua Văn phán bảo,
«Người chớ nên trở tráo đảo điên.
Đừng cho dục vọng tần phiền,
Đừng vì ngoại cảnh rối ren tơ lòng.»
Vua Văn tiến tới cùng nẻo đức,
Đức vua văn rất mực cao siêu...
Thế mà dân Mật dám điều
Manh tâm phản loạn, ra chiều khinh khi.
Chiếm xứ Nguyễn, lại đi Cung đánh,
Làm Văn Vương nổi thịnh nộ lên.
Ba quân điều động một phen,
Ngăn quân phản loạn dẹp yên cõi bờ.
Để thiên hạ thấy cho tường tận,
Khỏi hoang mang lo lắng đợi trông.
Vua tuy vẫn ở trong kinh khuyết,
Nhưng ba quân ra tít Nguyễn thành,
Quản chi đồi núi chêngh vênh,
Núi non nào thấy bóng hình địch quân.
Đồi cao, đồi thấp biệt tăm.
Suối kia, ao nọ vẫn nằm chơ vơ.
Địch quân đóng bên bờ sông Vệ,
Đóng xứ Kỳ, đóng xế về Nam,
Là nơi đồng ruộng mỡ màng,
Là trung tâm điểm muôn vàn lý hương.

oOo

Thượng đế gọi vua Văn phán bảo:
«Ta ưa người hoài bão đức nhân,
Chẳng cần khoe tiếng khoe tăm,
Chẳng cần thanh sắc lố lằng bên ngoài,

Không hay, không biết, thành thời,
 Thung dung theo đúng luật trời ở ăn.»
 Thượng đế gọi vua Văn phán bảo:
 «Hãy ra tay chinh thảo địch quân.
 Hãy cùng huynh đệ hợp quần,
 Sẵn sàng thang, móc, xung, lâm phá thành.
 Thành Sùng nọ, sẽ phanh, sẽ phá,
 Sẽ ra tay xô ngã thành Sùng...» [39]

... Trời oai nghi, [40] nhưng luôn để mắt nhìn xuống muôn phương [41] để diu dắt ám trợ chúng dân. [42]

«Kìa Thượng Đế muôn trùng cao cả
 Oai nghi nhìn thiên hạ chúng dân
 Nhìn quanh tứ phía hồng trần
 Tìm xem ai kẻ trị dân an bình.» [43]

Bởi vì:

«Sinh dân Trời chẳng bỏ liều
 Liệu người cai quản đến điều mới thôi.» [44]

Dĩ nhiên là «Trời rất thông minh, nên các vị thánh quân phải bắt chước Trời, như vậy quần thần sẽ khâm phục và dân chúng sẽ được cai trị hẳn hoi, yên ổn.» [45]

Trời không thân ai, chỉ thân kẻ biết kính sợ Ngài. [46]

Trời đôi khi cũng phần nộ [47] vì những lỗi lầm, [48] thất bại [49] hay tội lệ [50] của các nhà cầm quyền, có khi cũng ra uy, [51] giáng tai ách, [52] nhưng, thật ra Ngài thương muôn dân vô hạn, [53] đến nỗi đồng hóa mình với chúng dân. [54]

Kinh Xuân Thu cũng viết:

«Trời rất thương dân. Có lẽ nào Trời để cho một người trị dân theo ý riêng mình, theo tính xấu mình mà phế bỏ tính trời đất, chắc không thể nào được.» [55]

oOo

Khảo cứu văn liệu, sử liệu Trung Hoa thời cổ, ta không khỏi ngạc nhiên khi thấy dân Trung Hoa xưa đã thờ Trời, tin Trời, kính sợ Trời. Hơn thế, họ còn coi Trời như cha, vì thế mà vua nhiều khi còn được mệnh danh là nguyên tử, là con đầu của Thượng Đế. [56] Trịnh Khang Thành bàn rằng: «Phàm người ta ai cũng là con Trời, Thiên Tử là con đầu hay là trưởng tử.» [57]

Chính Trời cai trị, hướng dẫn dân chúng.

Kinh Thi viết:

«Trời xanh dẫn dắt chúng dân,
 Như là tấu khúc nhạc huân, nhạc trì,

Trời, Người, đôi ngọc chương khuê,
 Bên cho, bên lấy, đề huề, xiết bao,
 Tay cầm, tay giắt, khéo sao,
 Trời xanh, dẫn dắt dân nào khó chi.» [58]

Như vậy, các vua quan chỉ là những người đại diện, những thiên sứ, [59] những tôi tá của Trời. [60]
 Một tổ chức xã hội theo quan niệm như vậy là Thiên trị (Théocratie).

Các trang hiền thánh, các thánh quân, hiền thần đều ước ao sống cuộc đời thánh thiện, phối hợp với Thượng Đế.. Những chữ «phối Thiên», «khắc phối Thượng Đế» (kết hợp với Thượng Đế) [61] được đề cập nhiều lần trong Tứ Thư, Ngũ Kinh...

Thực là lạ lùng khi nhận thấy người xưa đã có một niềm tin ngưỡng sâu xa về Thượng Đế như vậy, và một lý tưởng đạo hạnh tuyệt vời như vậy ...

Nhiều học giả Âu Châu, khi khảo sát lại niềm tin ngưỡng Trung Hoa thời cổ cũng phải ngỡ lạ lùng.

Cha Ricci viết ngày 4-11-1595 như sau: «Tôi đã nhận thấy có nhiều đoạn [trong Tứ Thư, Ngũ Kinh] phù hợp với tín ngưỡng chúng ta, ví như Thiên Chúa duy nhất, linh hồn bất tử, các thánh nhân được vinh quang, v.v...» [62]

Pascal viết: «Ai đáng tin hơn: Moïse hay Trung Hoa?» [63]

Cha Lecomte viết:

«Đạo giáo Trung Hoa hình như đã giữ được tinh toàn qua các thế hệ những chân lý chính yếu mà Thiên Chúa đã mặc khải cho những người sơ thủy. Trung Hoa lúc sơ khai may mắn hơn các nước khác trong hoàn vũ, đã thâm lượm hầu như được chính mạch, chính nguồn những chân lý thánh thiện và chính yếu cho đạo giáo cổ thời của họ. Những vị hoàng đế đầu tiên đã xây đền thờ Thiên Chúa, và thực không phải là một vinh dự nhỏ cho dân Trung Hoa vì đã tế lễ tạo hóa trong một đền thờ cổ kính nhất thiên hạ. Niềm đạo hạnh ban sơ đã gìn giữ được trong dân chúng nhờ công lao của các vị hoàng đế; vì thế tà đạo đã không lọt được vào Trung Quốc.» [64]

James Legge, một giáo sĩ Thệ Phán và một học giả lừng danh về Hán học, đã viết trong bài phi lộ quyển Kinh Thư mà ông bình dịch như sau:

«Thiên Chúa được gọi là Đế, là Thượng Đế, tức là đề cao tính cách hữu ngã, chí tôn và duy nhất của Ngài. Chúng ta thường thấy những danh hiệu trên được dùng thay đổi với chữ Thiên. Thiên vẫn hàm ngụ ý nghĩa chí tôn, và duy nhất, còn tính cách hữu ngã thì được ám chỉ tới một cách không rõ rệt, như là bằng một sự liên tưởng. [65] Vua chúa cai trị là do Trời. Vua chúa bắt buộc phải thi hành công lý cũng là vì Trời. Mọi người đều phải sống dưới lẽ luật của Ngài, và có bốn phận tuân theo ý chỉ của Ngài. Ngay hạ dân, Ngài cũng ban cho một ý thức về luân lý, theo ý thức ấy, sẽ làm tỏ rõ nhân tính hằng cửu chân thiện. Mọi uy quyền đều do nơi Ngài. Ngài cất nhắc kẻ này lên ngôi báu và hạ bệ kẻ khác xuống. Tuân phục Ngài sẽ được phúc lộc; bất tuân Ngài sẽ bị Ngài trách phạt. Bốn phận các vua chúa là phải cai trị cho công bình và nhân hậu, cho dân chúng được hạnh phúc, sung sướng. Vua chúa phải nêu gương mẫu cho đình thần, bá quan, và muôn dân. Sự thành công lớn lao nhất của vua chúa là khiến cho dân chúng được sống yên bình, thẳng đảng tiến bước theo lời chỉ giáo của lương tâm họ. Khi vua chúa làm lỗi, Trời sẽ chỉnh huấn bằng những phán quyết như giông tố, đói khát, hay các thiên tai khác; nếu vua chúa không chịu sửa đổi, thì hình phạt sẽ nặng nề hơn.

Họ sẽ mất quyền cai trị, và quyền ấy sẽ sang tay người khác xứng đáng với nhiệm vụ ấy...» [66]

Mấy hàng của James Legge có thể dùng để toát lược chương này.

Thực ra quan niệm về Thượng Đế là một quan niệm rất phức tạp. Nó biến ảo vô cùng, và thay đổi tùy nơi, tùy thời, tùy sự nhận thức của từng người. Đề cập thế nào về Thượng Đế cũng thấy là bất xứng, diễn tả thế nào về Thượng Đế cũng vẫn thấy sai ngoa. Cho nên, nơi đây chúng ta đã không có tham vọng bao quát mọi ý niệm về Thượng Đế trong Nho giáo, chúng ta đã thu hẹp phạm vi, không đề cập tới những quan niệm siêu hình, những danh từ trừu tượng về Thượng Đế của các triết gia về sau, nhất là của Tống Nho.

Chúng ta đã đề cập tới Thượng Đế bằng những quan niệm của đại chúng, của các vị hiền thánh thời xa xưa, chứ không muốn đề cập tới Thượng Đế bằng khối óc của những nhà triết học. [67]

Cũng vì vậy mà chúng ta đã không đi sâu vào những ý kiến dị biệt, những tranh luận kéo dài hàng mấy thế kỷ của các giáo sĩ, các học giả Âu Châu quanh chữ Thiên, quanh ý niệm về Trời, về Thượng Đế trong Nho giáo. [68]

Chương này chỉ là chương dẫn đầu để xây nền đắp tảng cho các chương sau, vì Thượng Đế chính là căn bản cho nền đạo giáo và chính trị Trung Hoa thời trước.

Chương này ngoài ra còn có mục đích dùng sử liệu văn liệu để chứng minh Thượng Đế chẳng phải là của sở hữu của cá nhân nào, quốc gia nào, dân tộc nào hay thời đại nào, mà Thượng Đế là của chung cho hoàn vũ và nhân loại. Trời chẳng thân ai, chỉ thân người biết kính sợ Ngài (Kinh Thư – Thái Giáp hạ 1)

CHÚ THÍCH

[1] Tử viết: Thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ. 子曰: 述而不作, 信而好古. (Luận Ngữ, Thuật Nhi, 7)

[2] Vệ Công Tôn Triều vấn ư Tử Cống viết: Trọng Ni yên học ? Tử Cống viết: Văn Vũ chi đạo vị truy ư địa, tại nhân. Hiền giả thức kỳ đại giả; bất hiền giả thức kỳ tiểu giả. Mạc bất hữu Văn Vũ chi đạo yên ? Phu tử yên bất học ? Nhi diệc hà thường sư chi hữu ? 衛公孫朝問於子貢曰: 仲尼焉學? 子貢曰: 文武之道未墜於地, 在人. 賢者識其大者; 不賢者識其小者. 莫不有文武之道焉? 夫子焉不學? 而亦何常師之有? (Luận Ngữ, Tử Trương đệ thập cửu, tiết 22).

[3] Ngũ thập niên thu thất nguyệt, Canh Thân, phượng điều chí, Đế tế ư Lạc Thủy. Canh Thân, thiên vụ tam nhật tam dạ; trú hôn. Đế vấn Thiên Lão, Lực Mục. Dung Thành viết: ư công hà như ? Thiên Lão viết: «Thần văn chi quốc an, kỳ chủ hiếu văn, tắc phượng hoàng cư chi. quốc loạn, kỳ chủ hiếu vũ, tắc phượng hoàng khứ chi. Kim phượng hoàng tường ư Đông giao nhi lạc chi kỳ minh âm trung di tắc dữ Thiên tương phó. Dĩ thị quan chi, thiên hữu nghiêm giáo dĩ tứ đế. Đế vật phạm dã.» 五十年秋七月, 庚申, 鳳鳥至, 帝祭於洛水. 庚申, 天霧三日三夜; 晝昏. 帝問天老, 力牧. 容成曰: 於公何如? 天老曰: 臣聞之國安, 其主好文, 則鳳凰居之. 國亂, 其主好武, 則鳳凰去之. 今鳳凰翔於東郊而樂之其鳴音中夷則與天相副以是觀之, 天有嚴教以賜帝, 帝勿犯也. (Trúc Thư Kỷ Niên, quyển chi nhất, chương Hoàng Đế Hiền Viên thi). (James Legge, The Chinese Classics, vol III, The Annals of the Bamboo Books, page 108)

[4] Khổng Tử viết: Đại tai Nghiêu vi quân, duy thiên vi đại, duy Nghiêu tác chi.

孔子曰: 大哉堯之為君, 惟天為大, 惟堯則之 (Mạnh Tử, Đằng Văn Công thượng, 4).

[5] Tứ loại vu Thượng Đế 肆類于上帝 (Thượng Thư, Thuấn Điển 6). Thượng Thư là bộ sách được đức Khổng san định mục đích đề cao các thánh quân hiền phụ và nền Thiên trị thời cổ. Nên sách chỉ ghi chép sự tích của ít nhiều thánh quân hiền thần từ thời Nghiêu (2356 BC) đến đời Tần Mục Công (659 BC) chứ không phải là một bộ sử liên tục, có mạch lạc liên tiếp. Thoạt tiên Kinh Thư chỉ gọi là Thư. Sau, Trịnh Khang Thành thêm vào chữ Thượng. Ông nói: Đức Khổng vì tôn trọng bộ sách, coi nó như là cuốn thiên thư, nên gọi là Thượng Thư (Tôn nhi trọng chi nhược thiên, cổ viết Thượng Thư) (Cf. James Legge, The Shoo King, part I, the Book of Tang The Canon of Yaou, page 15, notes).

[6] ... dĩ chiêu thụ Thượng Đế (Thượng Thư, Ích Tắc 2)

以昭受上帝

(James Legge bình và dịch như sau: 以昭受上帝 You will brightly receive God. We must understand 上帝之命 or some similar phrase. (James Legge, The Shoo King, part II, book IV, chap. 1, 2, 4; notes, p. 79).

James Legge không dịch là rước lấy Thượng Đế, mà dịch là nhận sự ủy nhiệm của Thượng Đế, nhưng công nhận nếu dịch theo nghĩa đen thì phải dịch như cách thứ nhất.

[7] Kinh Thư, Vũ Cống, 38.

[8] Ngô quân chi đức dữ Thiên vi nhất. 吾君之德與天為一 (cf. Couvreur, Chou King, page 89.)

[9] Ân chi vị táng sư khắc phối Thượng Đế. 殷之未喪師克配上帝 (Kinh Thi, Đại Nhã tam, Văn Vương chi thập tam chi nhất, chương 6.)

[10] Thượng thiên chi tải, vô thanh vô xú, nghi hình Văn Vương, vạn bang tác phụ. 上天之載, 無聲無臭, 儀刑文王, 萬邦作孚 (Kinh Thi, Đại Nhã tam, Văn Vương chi thập tam chi nhất.)

Đoạn này tác giả dịch khác James Legge. Tuy nhiên James Legge cũng chú: King Wan might be considered as an embodiment of Heaven. (James Legge, The Shoo King, pages 431-432.)

[11] Cf. Kinh Thư, Thái Thệ thượng 5, 10: Hoàng thiên chấn nộ, mệnh ngã văn khảo, túc tương thiên uy, đại huân vị tập... Dư tiểu tử túc dạ chi cụ, thụ mệnh văn khảo, loại vu Thượng Đế, nghi vu trúng thổ, dĩ nhĩ hữu chúng, để thiên chi phạt. Thiên cang vu dân, dân chi sở dục, thiên tất tòng chi, nhĩ thượng bát dư nhất nhân, vĩnh thanh tứ hải, thời tai phát khả thất. 皇天震怒, 命我文考, 肅將天威, 大勳未集... 予小子夙夜祇懼, 受命文考, 類于上帝, 宜于冢土, 以爾有眾, 底天之罰. 天矜于民, 民之所欲, 天必從之, 爾尚弼予一人, 永清四海, 時哉弗可失.

[12] Ân Thương chi lữ, kỳ hội như lâm, thi vu Mục Dã, duy dư hầu hân, Thượng đế lâm nhữ, vô nhị nhĩ tâm. 殷商之旅, 其會如林. 矢于牧野, 維予侯興. 上帝臨女, 無貳爾心 (Kinh Thi, Đại Nhã, Văn Vương, Đại minh, thất chương.) Chỗ này tác giả dịch theo ý, và hơi khác James Legge. Legge cho câu Thượng đế lâm nhữ, vô nhị nhĩ tâm là lời Khương Tử Nha khuyên Vũ Vương lúc lâm trận Mục Dã (J. Legge, The She King, tr. 435), nhưng nếu vậy thì tác dụng tâm lý sẽ không lấy gì làm mạnh mẽ, sâu rộng; vả lại, theo Kinh Thư, chương Thái Thệ, ta chỉ thấy trước sau có mình Vũ Vương đứng ra lời cuốn quần chúng.

[13] Cf. James Legge, The Shoo King, part V, book III, p. 2, notes, p. 308.

[14] Hồng Thủy khoảng năm 2348 (cf. Sấm truyền cũ, thuật cùng gấm truyện thánh tổ tông, Imprimerie de la Mission, 1960, trang 20).

Đó cũng là niên kỷ theo sự ước toán của Tổng Giám Mục Usher 1650 AD (cf. Hallay's Bible Handbook, trang 32). Các sách Thánh kinh mới như Crampon, Bible de Jerusalem không còn ghi những niên kỷ về Adam hay Hồng Thủy. Lý do là vì xưa kia Giáo Hội tin rằng Chúa dựng nên ông Adam khoảng 4004 năm trước kỷ nguyên. Truyền thống này được lưu truyền trong các bài hát cũ, hay trong Histoire universelle của Tổng Giám Mục Bossuet. Nhưng từ khi khoa địa chất học và nhân chủng học khám phá ra được rằng vũ trụ cũng như loài người đã có từ rất lâu về trước, thì các sách vở mới đều bỏ trống những niên kỷ về sự tạo dựng Adam hay Hồng Thủy.

[15] Abraham sinh khoảng 1996 BC theo Tổng Giám Mục Usher nhưng Crampon thì lại ghi sự du mục của Abraham vào khoảng 1800.

[16] Moïse đưa dân Do Thái ra khỏi Ai Cập năm 1941 theo Tổng Giám Mục Usher (Hallay's Bible Handbook, trang 33), hay 1240 theo Bible de Crampon (Bible de Crampon, trang LI).

[17] Các niên kỷ Trung Hoa trong đồ bản sau, lấy ở bộ Kinh Thư do cha Couvreur dịch (Séraphin Couvreur, Les Annales de la Chine, Tome II, pages 401-402). Các niên kỷ về Do Thái lấy ở Sấm truyền cũ, thuật cùng gấm truyện thánh tổ tông, Imprimerie de la Mission, trang 7 và 20 (niên kỷ về Adam và Hồng Thủy). Các niên kỷ sau thời Hồng Thủy đều lấy ở Bible de Crampon, trang LI. Các niên kỷ về các nước Cận Đông, Hi Lạp, La Mã đều lấy ở Hallay's Bible Handbook, trang 40-41. Các niên kỷ về Việt Nam rút ở Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim.

[18] Kinh Thư: Duyệt Mệnh thượng, 2. – Hồng Phạm 3, 15. – Kim Đằng 7.

[19] Kinh Thư: Thuấn Điển 6. – Thái Giáp hạ 3. – Bàn Canh hạ 6. – Thái Thệ thượng 6, 7, 10. – Thái Thệ hạ 3. – Vũ Thành 6.

[20] Kinh Thư: Thái Thệ 7 – Thái Giáp thượng 2.

[21] Kinh Thư: Thái Giáp thượng 5 – Duyệt Mệnh trung 10 – Y Huấn 2.

[22] Kinh Thư: Thang Cáo 2.

[23] Kinh Thư: Thang Cáo 2.

[24] James Legge, The Shoo King, part II, book III, 2, notes.

[25] Kinh Thư: Thang Cáo 4.

[26] Luận Ngữ, chương XX, 3.

[27] Thiên địa thiết vị nhi Dịch hành hồ kỳ trung hĩ. 天地設位而易行乎其中矣 (Hệ Từ thượng)

[28] Thần dã giả diệu vạn vật nhi vi ngôn dã. 神也者, 妙萬物而為言也 (Thuyết Quái)

[29] Thị cố Dịch hữu Thái Cực. 是故易有太極 (Hệ Từ thượng)

[30] Le ciel n'est pas la divinité, mais le siège de la divinité...

Peut-être (forsan) par ce mot que vous croyez signifier le ciel, votre Confucius a-t-il voulu désigner cette intelligence suprême qui gouverne le ciel et la terre, mais j'ignore ce qu'il a pensé au juste (quid ille senserit ignoro).

Catéchisme du P. Ruggieri (1584); Opere storiche, tome II page 507, 520. – Henri Bernard Maître,

Sagesse chinoise et philosophie chrétienne, page 99.

[31] Cf. A.M. Bùi Hữu Ngạn, Thượng Đế trong Nho giáo, trang 47.

[32] Cf. Henri Bernard Maître, Sagesse chinoise et philosophie chrétienne, page 101.

[33] Dictionnaire de Théologie Catholique, Tome II, phần II, cột 2365-2389.

A.M. Bùi Hữu Ngạn, Thượng Đế trong Nho giáo (Ra Khởi 1958), trang 38.

[34] Cf. Henri Bernard Maître, Sagesse chinoise et philosophie chrétienne, page 110.

[35] «Les expressions T'ien et Chang-ti, ciel et Souverain Seigneur sont-elles à conserver comme désignant le Dieu des chrétiens?»

La réponse définitive de Rome en 1704 sera: Non, dites T'ien Tchou, Seigneur du ciel. (Ibidem pages 110-111).

[36] Cf. Henri Bernard, Maître Sagesse chinoise et philosophie chrétienne, page 143:

Le 30 Novembre 1700, paraissait une déclaration impériale: «A l'égard des sacrifices que les anciens Rois et Empereurs avaient coutume d'offrir au ciel, ce sont ce que les philosophes chinois appellent... sacrifices qu'on fait au Ciel et à la Terre, par lesquels ils disent que le Chang Ti ou Souverain Seigneur est honoré... D'où il est évident qu'on n'offre pas ces sacrifices au ciel visible et matériel; mais seulement au Seigneur et à l'auteur du ciel et de la terre et de toutes choses. Et comme par la crainte et le respect qu'ils ont pour lui, ils n'osent pas l'invoquer directement par son propre nom, ils ont coutume de l'invoquer sous le nom de ciel suprême; de ciel bienfaisant, de ciel universel, de même manière que quand on parle avec respect de l'empereur, on ne l'appelle pas par son nom, mais on dit les «degrés de son trône», «la cour suprême de son palais». Or ces noms quoique différents si l'on regarde les termes, sont cependant les mêmes, si l'on regarde leur signification». (Những danh từ Hoàng Thiên, Thượng Thiên, Mân Thiên, Cửu Trùng, Chín Bê là những tiếng tác giả gượng dùng, để phiên dịch cho xuôi chứ thật ra muốn dịch đúng phải có bản Hán văn.)

[37] Thượng thiên chi tải, vô thanh vô xú... 天之載, 無聲無臭 (Kinh Thi, Đại Nhã tam, Văn Vương chi thập tam chi nhất.)

[38] Mộng Đế lai dư lương bát... 夢帝來予良弼 (Kinh Thư – Duyệt Mệnh thượng 2)

[39] Kinh Thi – Đại Nhã – Văn Vương. Hoàng Hĩ Thượng Đế 5, 9, 7.

[40] Ibidem I.

[41] Thiên giám hạ dân. 天監下民 (Kinh Thư – Cao Tông Dung nhật 3).

[42] Thiên âm chất hạ dân 天陰鷺下民 (Kinh Thư – Hồng Phạm 2).

[43] Kinh Thi – Đại Nhã – Văn Vương, Hoàng Hĩ Thượng Đế I.

[44] Đế tác bang, tác đối. 帝作邦作對 (Kinh Thi – Văn Vương – Hoàng Hĩ 3)

[45] Duy thiên thông minh, duy thánh thời hiến, duy thần khâm nhượng, duy dân tòng nghệ. 惟天聰明, 惟聖時憲, 惟臣欽若, 惟民從乂 (Kinh Thư – Duyệt Mệnh trung 3)

[46] Duy thiên vô thân, khắc kính duy thân. 惟天無親, 克敬惟親 (Kinh Thư – Thái Giáp hạ 1)

[47] Đế nãi chấn nộ. 帝乃震怒 (Kinh Thư – Hồng Phạm 3.)

Hoàng Thiên chấn nộ 皇天震怒 (Kinh Thư – Thái Thệ thượng 3.)

[48] Cồn nhân hồng thủy, cốt trần ngũ hành 鯀陸洪水,汨陳五行 (Kinh Thư – Hồng Phạm 3.)

[49] Cô thực bất kính thiên giáng chi tai 孤實不敬,天降之災 (Xuân Thu – Trang Công năm thứ 2. Couvreur, Le Chou King, p. 153.)

[50] Thương tội quán doanh, Thiên mệnh tru chi 商罪貫盈,天命誅之 (Kinh Thư – Thái Thệ 9.)

[51] Thiên giáng úy 天降畏 (Kinh Thư – Đại Cáo)

[52] Thiên độc giáng tai hoang vu Ân bang 天毒降災荒于殷邦 (Kinh Thư – Vi Tử 4.)

[53] Thiên cặng vu dân 天矜于民 (Kinh Thư – Thái Thệ thượng 2)

[54] Thiên thị tự ngã dân thị, Thiên thính tự ngã dân thính 天視自我民視,天聽自我民聽 (Kinh Thư – Thái Thệ trung 7.) Dân chi sở dục, Thiên tất tòng chi 民之所欲,天必從之 (Kinh Thư – Thái Thệ 1.)

[55] Thiên chi ái dân thậm hĩ. Khởi kỳ sử nhất nhân tứ ư dân thượng, dĩ tòng kỳ dân nhi khí thiên địa chi tính, tất bất nhiên hĩ 天之愛民甚矣豈其使一人肆於民上以從其淫而棄天地之性必不然矣 (Xuân Thu Tả Truyện; Tương Công năm 14. Couvreur, Le Chou King, p. 310.)

[56] Hoàng Thiên Thượng Đế cải quyết nguyên tử 皇天上帝改厥元子: Đấng Hoàng Thiên Thượng Đế thay đổi con đầu của Ngài (Kinh Thư – Thiệu Cáo 9.)

[57] Phàm nhân giai vân thiên chi tử, thiên tử vi chi thủ nhĩ 凡人皆云天之子.天子為之首耳 (Cf. James Legge, The Shoo King, p. 425.)

[58] Thiên chi dĩ dân, Như huân như trì, Như chương như Khuê, Như thủ như huê, Huê vô viết ích, Dĩ dân khổng dĩ. 天之牖民,如殫如簋,如璋如圭,如取如攜,攜無曰益,牖民孔易 (Kinh Thi, Đại Nhã, Sinh Dân, thập chương, Bản, 6.)

[59] Thiên sứ dật đức liệt vu mãnh hỏa 天吏逸德烈于猛火: Bậc thiên sứ thiên lại làm đức dữ hơn lửa mạnh (Kinh Thư – Dận Chính 6.) Cf. James Legge, The Shoo King, Thang Cáo thiên, trang 174, chú thích.

[60] Dư tạo thiên dịch 予造天役: Ta là tôi tá của Trời (Lời vua Vũ Vương) (Kinh Thư – Đại Cáo 8)

[61] Khắc phối Thượng Đế 克配上帝 (Kinh Thư – Thái Giáp hạ 3.) (Kinh Thi – Đại Nhã, Văn Vương, Văn Vương 9)

Kỳ tự thời phối Hoàng Thiên 其自時配皇天 (Kinh Thư – Thiệu Cáo 14.)

Cố Ân lễ thiệp phối thiên 故殷禮陟配天 (Kinh Thư – Quân Thích 8)

Khắc phối bỉ thiên 克配彼天 (Kinh Thi – Chu Tụng: Thanh Miếu, Tư Văn 1)

Cố viết phối thiên 故曰配天 (Trung Dung, chương 31)

[62] J'ai noté, écrit-il, beaucoup de passages qui sont en faveur de notre foi comme l'unité de Dieu, l'immortalité de l'âme, la gloire des Bienheureux etc... (Henri Bernard, Maître Sagesse chinoise et philosophie chrétienne, p. 103)

[63] Lequel est le plus croyable des deux, Moïse ou la Chine? (Pascal – Pensées – petite édition Brunschwig, p. 596. – Sagesse chinoise et philosophie chrétienne, p. 138).

[64] La religion chinoise, disait le Comte, semble avoir conservé intactes et pures au cours des âges, les premières vérités révélées par Dieu aux premiers hommes. «La Chine plus heureuse dans ses commencements que nul autre peuple du monde, a puisé presque dans la source, les saintes et les premières vérités de son ancienne religion». Les premiers empereurs bâtirent des temples à Dieu et «ce n'est pas une petite gloire à la Chine d'avoir sacrifié au Créateur dans le plus ancien temple de l'univers».

La piété primitive se conserve dans le peuple grâce aux Empereurs qui prirent soin de l'entretenir, si bien que l'idolâtrie n'arriva pas à se glisser en Chine... (Cf. Henri Bernard, Maître Sagesse chinoise et philosophie chrétienne, page 133. – Nouveaux mémoires du P. Le Comte parus en 1696).

[65] Thiết tưởng trong đoạn văn này James Legge đã quá dè dặt, nên đã không nhận xét về danh từ «Thiên» cho thật đứng đắn. Ấu cũng một phần do ảnh hưởng những cuộc tranh luận trong dĩ vãng.

[66] The name by which God was designated, was the Ruler, and the Supreme Ruler, denoting emphatically His personality, supremacy, and unity. We find it constantly interchanged with the term Heaven, by which the ideas of supremacy and unity are equally conveyed, while that of personality is only indicated vaguely, and by an association of the mind. By God kings were supposed to reign, and princes were required to decree justice. All were under law to Him; and bound to obey His will. Even on the inferior people He has conferred a moral sense, compliance with which would show their nature invariably right. All powers that be are from Him. He raises one to the throne and puts down another. Obedience is sure to receive His blessings; disobedience, to be visited with His curse. The business of kings is to rule in righteousness and benevolence, so that the people may be happy and good. They are to be an example to all in authority, and to the multitudes under them. Their highest achievement is to cause the people tranquilly to pursue the course which their moral nature would indicate and approve. When they are doing wrong. God admonishes them by judgments, – storms, famine and other calamities; if they persist in evil, sentence goes forth against them. The dominion is taken from them, and given to others more worthy of it...

(Cf. James Legge, The Shoo King, prolegomena, page 193)

[67] Trong tập Vô Cực Luận (sẽ in) tôi đã có dịp đề cập tới Thượng Đế siêu hình và bất khả tư nghị của các thánh triết Trung Hoa.

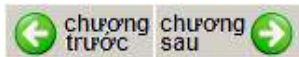
[68] Đối với những độc giả nào muốn đi sâu vào vấn đề, tôi xin giới thiệu ít nhiều sách vở, tài liệu như sau:

- Henri Bernard Maître, Sagesse chinoise et philosophie chrétienne (Cathasia).
- Amaury de Riencourt, L'Âme de la Chine. (Librairie Arthème Fayard. Viện Khảo Cổ, thư viện số 3086).
- Bùi Hữu Ngạn, Thượng Đế trong Nho giáo (Tủ sách Ra Khơi).
- Tien Tcheu Bang, L'idée de Dieu dans les huit premiers classiques chinois. Fribourg 1942.
- De Harlez, Les religions de la Chine. Leipzig 1891.
- H.G. Creel, La naissance de la Chine. Paris 1937.

- Kou Mou Je, L'évolution de la théologie chinoise avant les Ch'in. Shanghai 1936.

Giáo sĩ Đắc Lộ và tác phẩm quốc ngữ đầu tiên (Phép giảng tám ngày) (Tĩnh Việt Văn Đoàn) các trang LXIII, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80, 81, ...)

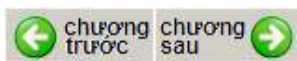
[Mục lục](#) | [Lời nói đầu](#) | **[chương 1](#)** [2](#) [3](#) [4](#) | [Tổng luận](#) | [Phụ lục 1](#) [2](#) [3](#) | [Sách tham khảo](#)



KHÔNG HỌC TINH HOA

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

[Mục lục](#) | [Lời nói đầu](#) | **chương 1** **2** [3](#) [4](#) | [Tổng luận](#) | [Phụ lục 1](#) [2](#) [3](#) | [Sách tham khảo](#)



Chương 2

Quan niệm về thánh nhân theo thư tịch Nho giáo

Sau khi khảo sát quan niệm về Trời, về Thượng Đế ở Trung Hoa, chúng ta sẽ lần lượt nghiên cứu ba vấn đề hết sức quan trọng mà xưa nay đã bị quên lãng, hay đã được đề cập tới một cách phớt qua. Đó là các quan niệm về:

- thánh nhân
- Thiên tử
- Nền Thiên trị Trung Hoa thời cổ

Thấu triệt mấy vấn đề chính yếu này, chúng ta sẽ biết lòng dạ các tiên hiền, tiên thánh khi các Ngài ra công trước tác, giáo hóa; ta sẽ phanh phui những mối manh chính yếu trong giải đồng nối kết Trời người, chúng ta sẽ am tường cách tổ chức giáo hóa và chính trị người xưa, biết những phương pháp giản dị nhưng hữu hiệu, có thể mang lại hòa bình, hạnh phúc cho nhân loại.

Vậy trước hết, chúng ta hãy cùng nhau giở những trang sử sách cũ, tìm cho ra chân dung, chân tướng của các vị thánh nhân qua các thời đại...

A. QUAN NIỆM VỀ THÁNH NHÂN THEO TỨ THƯ NGŨ KINH

Trong cuộc đối thoại với Hạo Sinh Bất Hại, Mạnh Tử đã định nghĩa và định vị trí của thánh nhân như sau:

Hạo Sinh Bất Hại, người nước Tề, hỏi Mạnh Tử: «Nhạc Chính Tử là người thế nào?» Mạnh Tử đáp: «Là người thiện và tín.» Hạo Sinh Bất Hại hỏi tiếp: «Sao gọi là Thiện? Sao gọi là Tín?» Mạnh Tử giải: «Người mà hành vi nhân phẩm đáng yêu, đáng kính, gọi là Thiện. Người làm thiện theo lương tâm và bản tính không cưỡng ép và không giả trá gọi là Tín. Người mà lòng thiện đầy đủ phát lộ ra khắp thân thể và mỗi cử động đều hợp vớ lẽ lành, gọi là Mỹ. Người có mỹ đức đầy đủ và làm nên sự nghiệp, khiến cho cái mỹ đức mình chói lọi trên đời, gọi là Đại. Đã là bậc đại nhân, lại đứng ra hoằng hóa cho đời, khiến cho thiên hạ đều quay về nẻo thiện, gọi là Thánh. Đã là bậc thánh cảm hóa cho đời, thế mà sở hành và trí tuệ mình chẳng ai ức đặc nổi, biến hóa vô tận, thông với trời đất, gọi là Thần... Trong sáu bậc đó, Nhạc Chính Tử dự vào hai bậc thấp, còn bốn bậc kia thì ngoài sức người vậy.» ^[1]

Theo định nghĩa của Mạnh Tử thì thánh nhân thực là hi hữu, ngàn năm một thừa.

Hữu Nhược nói:

«... Người năm bảy đấng,
Kìa kỳ lân vẫn giống thú rừng,

Phượng hoàng vẫn loại chim muông,
 Thái Sơn vẫn đúc theo khuôn đồng gò,
 Sông với biển vẫn nhà ngòi lạch,
 Thánh với phàm một phách thể nhân,
 Nhưng thánh phàm, muôn phân, ngàn biệt,
 Vì thánh nhân bạt thiệp, siêu quần...»[2]

Thánh nhân bạt thiệp, siêu quần, vì các Ngài là những người thông minh duệ trí, nhân đức tuyệt vời [3] noi gương Trời mà hành sự, [4] sống cuộc đời thánh thiện, phối hợp với Thượng Đế. [5]

Dịch Kinh viết: «Thánh nhân đức độ sánh với trời đất, sáng láng như hai vầng nhật nguyệt, biến thông tựa bốn mùa, ảnh hưởng người in tựa thần minh...» [6]

Trung Dung đề cập tới thánh nhân nhiều lần nhất, với những lời lẽ đẹp đẽ nhất. Dưới đây, xin trích dẫn một trong nhiều đoạn.

Trung Dung viết:

«Chỉ có đáng chí thánh trong trần thế,
 Mới có đầy đủ thông minh trí tuệ.
 Y như thể có trời ẩn áo giáng lâm,
 Mới khoan dung, hòa nhã, ôn thuần.
 Y như có dung nhan Trời phát phưởng,
 Phấn phát, tự cường, kiên cương, hùng dũng.
 Y như là đã cầm giữ được sức thiêng;
 Trang trọng, khiết tịnh, trung chính, triền miên,
 Y như thừa hưởng được đôi phần kính cẩn.
 Nói năng văn vẻ rõ ràng, tường tận,
 Y như là chia được phần thông suốt tinh vi.
 Mệnh mang sâu thẳm, ứng hiện phải thì,
 Mệnh mang như khung trời bao la vô hạn,
 Sâu thẳm như vực muôn trùng thăm thẳm.
 Thấy bóng ngài, dân một dạ kính tôn,
 Nghe lời ngài, dân tin tưởng trọn niềm,
 Ngài hành động: muôn dân đều hoan lạc.
 Nên thanh danh ngài vang lừng Trung Quốc,
 Vượt biên cương lan tới các nước ngoài.
 Đâu xe có thể đi, người có thể tới lui,
 Đâu có được trời che và đất chở.
 Đâu còn nhật nguyệt hai vầng tỏ mở,

Đâu có móc động đâu có sương rơi.
 Đâu còn có dòng máu nóng con người,
 Ở nơi đó ngài vẫn được tôn sùng quý báu.
 Thế nên gọi là “cùng trời phối ngẫu”.»
 (Trung Dung, chương 31)

B. QUAN NIỆM VỀ THÁNH NHÂN THEO CHU HI

Trong tập Chu Hi học án của linh mục Stanislas Le Gall, dòng Tên, [7] có một đoạn bình luận về thánh nhân như sau:

«Trên mẫu người quân tử còn có thánh nhân, kiệt tác của Tạo Hóa, tinh hoa của nhân loại.

«Xét về phương diện bản thể, phương diện «thiên địa chi tâm», thì thánh nhân cũng như mọi người, đều thụ hưởng như nhau. Nhưng điểm làm cho thánh nhân khác biệt chính là tại «khí chất chi tính» ở nơi thánh nhân tinh toàn, thuần túy, y như hạt kim cương trong suốt, mặc tình cho ánh sáng rọi thấu qua.

Chu Hi nói: «Con người là tinh hoa của ngũ hành, nhưng thánh nhân là tinh hoa của tinh hoa đó...»

«Trong những thế kỷ tiếp giáp với thời kỳ nguyên thủy, khi hoàn vũ còn mằng sữa, mới mẻ, khi khí chất hầy còn tinh khiết, thì dĩ nhiên có thánh nhân sinh; đó là thời kỳ hoàng kim, có những thánh nhân, minh triết trị dân, làm cho họ sung sướng. Hứa Dung Trai cho rằng đầu mỗi kỷ nguyên vũ trụ, lại có một vị thánh nhân như Phục Hi. [8] Vũ trụ càng già càng cổ, vật chất càng ô trọc, thì thánh nhân lại càng trở nên hiếm thấy, và hoàn vũ lại dần dà quay trở về trạng thái hỗn mang nguyên thủy.

«Dưới đây là những vị thánh nhân đã được công nhận:

- 1- Phục Hi (2852-2737)
- 2- Thần Nông (2737-2697)
- 3- Hoàng Đế (2697-2597)
- 4- Nghiêu (2357-2255)
- 5- Thuấn (2255-2205)
- 6- Vũ (2205-2197)
- 7- Thành Thang (1766-1753)
- 8- Y Doãn (? -1713)
- 9- Tỉ Can (? - 1222)
- 10- Văn Vương (1232-1135)
- 11- Vũ Vương (1196-1116)
- 12- Châu Công (? -1105)
- 13- Liễu Hạ Huệ (khoảng 600)
- 14- Khổng Tử (551-479) [9]

Vị thánh sau cùng lại là vị thánh được suy tôn, sùng thượng nhiều nhất: đó là đức Khổng. Tử Cống nói trong quyển V, tiết 6, Luận Ngữ: «Thực Trời đã ban nhiều ân trạch nhiều tài năng cho đức Khổng; Ngài chính là vị Thánh...»

«Thánh nhân chính là mẫu người lý tưởng trong nhân loại, chính là tinh hoa của nhân loại, chính là người đã thể hiện được sự toàn thiện. Sự toàn thiện ấy cũng được gọi là «Thành», là «Chí Thành», «chí thiện», vì thế mà Rémusat đã dịch «thành» là «toàn thiện»; Intorcetta đã dịch là hoàn thiện, tinh tuyền; Legge cũng dịch là tinh tuyền không pha phách tà ngụy.

«Chu Hi cũng định nghĩa «thành» là chân thực, không còn chút chi man muội, lỗi lầm. [\[10\]](#)

«Thánh nhân như vậy có một đời sống hoàn toàn phù hợp với thiên lý. Cũng có thể nói thánh nhân được mệnh danh là «thành», chính là vì đã sống cuộc đời hoàn toàn phù hợp với tính bản nhiên, với thiên lý, và vì vậy đã phối hợp được với trời đất, đã sánh được với trời đất.

«Chu Liêm Khê cho rằng chữ «thành» đồng nghĩa với chữ Thái Cực, với Lý. Thái Cực hay Lý ấy, bất kỳ ai cũng có, nhưng khi Thái Cực hay Lý đã lồng vào hình hài, khí chất không tinh tuyền thì ảnh hưởng sẽ bị giới hạn lại. Chỉ có thánh nhân sống theo tính bản thiện của mình, nên thần trí người nhận định được hằng tính của mỗi vật, mỗi sự; ý chí người hướng về chân, thiện, mỹ, không chút khó khăn và sống trong đường nhân nẻo đức, trong trật tự và bốn phận, không chút chi vất vả.

«Nhiều người thường nghĩ «thánh nhân sinh nhi tri chi» và cho là thánh nhân có khối óc thông minh quán triệt, bao quát mọi sự, mọi điều; «thánh nhân cũng thông minh khôn lường như thần minh»... Nhưng Chu Hi cho rằng thánh nhân chỉ thông suốt được những nguyên lý đại cương, và dễ dàng suy ra những áp dụng cụ thể, hữu ích cho mọi người. [\[11\]](#)

«Đó cũng là ý kiến của Doãn Ngạn Minh 尹彥明 (1200), một nhà bình giải Luận Ngữ. Ông nói: «Tuy là bậc thánh nhân, thông minh thiên phú, và sinh nhi tri chi, đức Khổng thường nhắc đi nhắc lại rằng Ngài ham học, hiếu học. Ta đừng tưởng đó là Ngài nói nhún nhường, để khuyến khích các đệ tử theo gương mà cố gắng. Không, Ngài chỉ biết những chân lý hằng cửu, còn những áp dụng cụ thể, đặc thù, ví như những chi tiết về lễ nghi hay nhã nhạc, những chuyện xưa tích cũ, những biến cố lịch sử cổ kim, thời đức Khổng cũng phải học mới biết. Nhưng mỗi khi gặp những vấn đề nan giải, khó khăn, Ngài liền thấu triệt dễ dàng, có những quyết định sáng suốt, những phán đoán xác đáng, minh triết, vì Ngài thông minh tinh tế rất mực.» Chu Hi cho rằng thánh nhân có một khối óc hoàn toàn trong sáng, hàm tàng vạn lý, vừa thoát mới cảm xúc, liền thông suốt ngay... [\[12\]](#)

«Các bậc chí thánh đều tiên tri, tiên đoán được sự suy thịnh của các triều đại. Các Ngài biết trước những điều hay, dở xảy tới cho đất nước bằng cách quan sát các hiện tượng thiên nhiên, nhân tình, thế thái, hay bằng phương pháp bốc phệ, thi, qui.»

«Thánh nhân sở dĩ có cái nhìn tinh tế thấu triệt, vì lòng không bận tư tà, dục vọng, cho nên mới nhìn thấu đáo được những điều tinh vi huyền diệu.

«Thánh nhân lại còn là những người có đức hạnh siêu việt, theo đúng Trung Dung, Trung Đạo; xử sự luôn theo chính lý. Mạnh Tử nói: «Các quan năng thì Trời ban cho mọi người, nhưng chỉ có thánh nhân tận dụng được quan năng mình, vì các Ngài sống hoàn toàn hợp với chân lý, hợp với lương tri, lương năng... [\[13\]](#)

Bình đoạn này Trình Tử cũng cho rằng thánh nhân theo đúng thiên lý, thiên đạo vì vậy đã tận dụng được quan năng mình. Phàm nhân tuy là có đạo lý trong mình, nhưng họ nào có biết, có hay; hiền nhân quân tử, tuy biết và theo, nhưng không hoàn toàn triệt để; duy có thánh nhân là giữ vẹn đạo lý, cho nên mới sử dụng quan năng được đúng mức.

«Thánh nhân vì không bị dục tình quấy nhiễu, nên lúc nào cũng ung dung thanh thản. Thiên lý, thiên

đạo được thể hiện nơi Ngài một cách sáng tỏ để soi đường dẫn lối cho kẻ khác...»

«Ở nơi thánh nhân, mỗi động tác, mỗi cử chỉ, mỗi lời ăn tiếng nói, ngay đến sự ngồi nghỉ yên lặng, cũng là những bài học hữu ích cho các bậc chính nhân quân tử. Những kẻ phạm phu tục tử nếu không được cải hóa, thời chỉ tại họ đã thâm căn cố đế trong tính hư nết xấu, và lòng họ đã hư hỏng. Còn thánh nhân luôn luôn có thể soi sáng nhân trí và cải hóa nhân tâm. [14]

«Ảnh hưởng của thánh nhân thực là vô biên như ảnh hưởng của Trời. Chu Hi nói: «Cũng y như xem bốn mùa vùn xoay, xem vạn vật sinh hóa, thì biết được thiên lý biến dịch ở khắp nơi mà chẳng cần Trời phải nói nên lời. Ở nơi thánh nhân cũng vậy, động hay tĩnh, nhất nhất đều khai minh nguyên lý huyền diệu; sự toàn thiện, tinh tuyền sẵn chứa nơi người. Và Chu Hi kết luận bằng những lời hết sức hào hứng như sau: «Thánh nhân là hiện thân của Trời.» [15]

«Dịch Kinh từ lâu vẫn coi con người toàn thiện là có đức độ sánh với Trời. Dịch Kinh viết: «Đức độ người ngang với đức độ trời đất, người sáng láng như hai vầng nhật nguyệt, biến thông tựa bốn mùa, ảnh hưởng người in tựa thần minh...»

«Tử Tư, trong bộ Trung Dung, cũng nương theo ý Dịch Kinh, chủ trương thánh nhân có thể chuyển hóa chúng nhân bằng gương mẫu và bằng lời giáo hóa, khiến chúng dân có thể tiến hóa đến cùng cực tinh hoa. Như vậy thánh nhân đã giúp đất trời trong công cuộc sinh thành muôn vật, và cùng đất trời hợp thành bộ ba. Thánh nhân sánh vai với Trời, kết hợp với Trời ...» [16]

Những lời bình luận trên về thánh nhân rất là xác đáng. Nó đúng với quan niệm truyền thống Nho giáo. Theo Kinh Thư, thiên Khang Cáo, vua Thành Vương khi phong cho chú là Ông hoàng Khang làm Vệ hầu, đã khuyên Ông Khang phải cố gắng sao cho đức độ «cao vút tới Trời» (Hoàng vu Thiên).

Ông Khế bình ba chữ «Hoàng vu Thiên» như sau: «Người ta ai cũng có tính Trời. Tính Trời đó ở trong họ như lửa vừa nhen nhóm, như suối vừa tung tỏa. Con người chỉ phải khuếch sung tính Trời đó mà thôi.» [17]

Vũ Chính bình rằng: «Phải khuếch sung đức hạnh để được hợp nhất với Trời.» [18]

C. THUYẾT THIÊN NHÂN TƯƠNG DỮ VÀ THIÊN NHÂN HỢP NHẤT TRONG NHO GIÁO

Cho nên thánh nhân là người «kế thiên lập cực», [19] thay Trời chỉ vẽ cho nhân loại đâu là cực điểm tiến hóa, soi đường dẫn lối cho mọi người tiến tới Trung đạo, tiến tới tinh hoa của nhân loại.

Quan niệm về thánh nhân của dân tộc Trung Hoa đã cho chúng ta thấy rõ ràng rằng muốn tiến tới Trời, tiến tới tinh hoa của nhân loại, phải thông minh duệ trí, sống cuộc đời nhân đức thánh thiện, phối hợp với Trời.

Nhưng muốn sống phối hợp với Trời, phải biết Trời ra sao, Trời ở đâu. Đó là cả một vấn đề ! Nho gia cho rằng Trời chính là bản thể nhân loại. [20] Cho nên muốn tìm Trời phải tìm ngay trong đáy lòng mình, vì thế mà Trung Dung đã có một câu rất là táo bạo:

«Biết người trước phải biết Trời,

Biết Trời chẳng nổi, hiểu người làm sao?» [21]

Độc bộ Thư Kinh Đại Toàn, ta thấy người xưa bàn về tâm pháp của các đấng thánh vương như sau:

«Tinh ròng chuyên nhất ngày đêm

Ra công ra sức giữ nguyên lòng Trời.»

«Đó là tâm pháp Nghiêu truyền cho Thuấn. «Kiến trung», cố đạt tới Trung Dung, tới tinh hoa nhân loại (Thang), «Kiến cực», cố đạt tới tuyệt đỉnh tinh hoa hoàn thiện (Vũ). Đó là tâm pháp của các đời Thương Thang, Chu Vũ. Sự toàn thiện đó hoặc gọi là Đức, là Nhân, là Kính, là Thành, lời tuy khác nhưng ý là một; nghĩa là không ngoài sự làm sáng tỏ nguồn mạch kỳ diệu của tâm hồn. Nói đến Trời thì nghiêm chỉnh lòng lại, là Trời tự hiện; nói đến dân, thì cố cẩn thận tâm tư, dân sẽ được nhờ. Lễ nhạc, giáo hóa cốt là để phát huy tâm hồn. Điển chương văn vật là sự biểu dương phát lộ của tâm hồn. Suy lòng mình ra thì có thể làm cho nhà yên nước trị; thiên hạ bình. Sức mạnh của tâm hồn thực là kỳ diệu vậy.» [22]

Cho nên thánh nhân giảng dạy không phải là truyền đạo của mình, mà chính là truyền lòng mình; không phải là truyền lòng mình cho người, mà chính là truyền lòng người cho người, [23] bởi vì trong lòng mỗi người đã sẵn có lòng Trời rồi vậy. [24]

Mạnh Tử viết:

«Thấu triệt lòng sẽ hay biết tính,
Hay biết tính, nhất định biết Trời.
Tồn tâm dưỡng tính chẳng rời,
Ấy là giữ đạo thờ Trời chẳng sai.» [25]

Mạnh Tử cũng viết:

«Cả vạn vật ở trong ta đó,
Quay về ta, ta cố tinh thành,
Kiện toàn, hoàn thiện, tinh anh,
Vui nào hơn được khi mình đang vui...» [26]

Cho nên muốn tìm đạo Trời phải tìm nơi đáy lòng. Chu Hi viết trong phụ chú chương 1 Trung Dung như sau:

«Những học giả muốn tìm đạo ấy
Tìm đáy lòng sẽ thấy chẳng sai.
Dẹp tan cảm dỗ bên ngoài,
Căn lành sẵn có đồng thời khuếch sung.» [27]

Trong bộ Cậ Tư Lục, Chu Hi lại chủ trương: nếu khai phá được hết chương ngại vật, thấy được bản tính mình, sẽ đạt tới thiên đạo, và sẽ trở nên một với thánh nhân. [28]

Vương Dương Minh viết:

Thần thánh ngàn xưa đều quá vắng,
Lương tri mới thực chính thầy ta. [29]

Theo vi ý Kinh Thi, Kinh Thư, ta có thể hiểu truyền thống chính yếu của Nho giáo như sau: Trời sinh ra con người, đã ghi tạc vào lòng con người những khuôn phép thánh thiện tuyệt hảo, để làm di luân, qui tắc hàng cửu cho con người theo. [30] Con người chỉ cần nhận ra bản tâm, bản tính của mình sẽ thấy định mệnh cao sang của mình... chỉ cần sống hoàn toàn theo tiếng gọi lương tâm, nghĩa là gạt bỏ hết mọi tư dục, tư tà, sống cuộc đời công chính cao đại, hoàn toàn theo đúng Thiên lý, Thiên đạo, tức là lên tới mức độ thánh thiện tuyệt vời, thế là đạt tới Trung điểm, Trung đạo, thế là theo đúng mệnh Trời.

Mạnh Tử nói rằng: «Bực đại nhân vẫn giữ được cái tâm tốt lành của con đồ.» [31]

Như vậy thánh nhân chỉ là những người giữ được bản tâm, bản tính, những người giữ được «xích tử chi tâm»; còn phàm phu tục tử chính là những người sống cuộc đời phóng túng chạy theo vật dục bên ngoài, để mất bản tâm, bản tính mình, có thể thôi.

Thánh nhân và người thường giống nhau ở chỗ cùng có một bản tâm, bản tính, mà khác nhau ở chỗ giữ được và đánh mất nó mà thôi.

Mạnh Tử viết:

«Cho nên phàm những vật đồng loại thì bản tính giống nhau. Tại sao riêng về nhân loại, người ta lại nghĩ rằng bản tính chẳng tương tự? Những vị thánh nhân và chúng ta đều là một loại...

«Tâm tính của người ta giống nhau ở chỗ nào? Tức là ai nấy đều công nhận chỗ hợp lý, hợp nghĩa vậy. (Lý là những lẽ đương nhiên của bản tính, nghĩa là sự thi hành những lẽ đương nhiên ấy). Thánh nhân chẳng qua là những người trước ta đã tỉnh ngộ, và bày tỏ ý nghĩa mà chúng ta nhìn nhận đó...» [32]

Nếu chúng ta trở nên xấu xa, đánh mất bản tâm, bản tính, thì lỗi tại chúng ta chứ đâu phải lỗi nơi bản tâm, bản tính?

Mạnh Tử viết:

«Cây cối trên núi Ngưu Sơn (phía đông nam nước Tề) ngày xưa vẫn tốt tươi. Nhưng vì ở về chỗ giáp mối với một nước lớn, cho nên thường bị búa rìu bừa đổ. Như vậy có thể nào giữ được vẻ tốt tươi được chăng?»

«Nhưng nhờ có sức mạnh nhựa lưu thông ngày đêm, lại được nước sương tắm nhuận, cho nên mới đâm chồi nảy mộng. Rồi thì bò, chiên kéo nhau từng đoàn đến ăn phá. Vì vậy mà cảnh núi ấy trở nên trơ trụi. Hiện nay thấy nó trơ trụi, ai ai cũng ngỡ rằng núi ấy chưa từng sản xuất tài mộc. Như thế há nên đổ lỗi cho bản tính của núi sao?»

«Cái bản tính tồn tại nơi người cũng thế. Người ta há chẳng có những nỗi lòng nhân nghĩa sao. Nhưng vì họ (mê sa theo các sở dục) mà buông mất tấm lòng lương thiện của họ đi, cũng như cảnh núi trở nên trơ trụi vì cây cối đều bị búa rìu bừa đổ hết vậy.»

«Mỗi ngày họ cứ sát phạt tấm lòng lương thiện của họ mãi thì lòng dạ của họ có thể nào mà tốt đẹp như xưa chăng?»

«... Cho nên nếu khéo bồi dưỡng thì vật nào cũng sinh nảy thêm ra, còn như chẳng chịu bồi dưỡng, thì vật nào cũng phải tiêu mòn.»

«Đức Khổng có nói rằng: Giữ thì còn, bỏ thì mất. Nó ra vào không chừng, không ai biết nó ở đâu. Đó là đức Khổng nói về những nỗi lòng lương thiện của con người vậy.» [33]

«... Nhân là lương tâm con người, nghĩa là con đường chính đại của người. Những ai bỏ con đường chính đại của mình mà chẳng theo, những kẻ để thất lạc lương tâm mình mà chẳng biết tìm nó lại, thật đáng thương hại thay! Mỗi khi con gà, con chó họ chạy lạc, thì họ biết đi kiếm mà đem về. Nhưng tới chừng cái lương tâm họ thất lạc thì họ chẳng biết cách tìm nó trở lại. Người học vấn đạo lý chỉ có cái mục đích này mà thôi: Tìm lại lương tâm thất lạc của mình.» [34]

Trương Hoành Cừ chủ trương: «người theo đạo Nho sẽ từ chỗ toàn thiện tiến tới chỗ minh triết hoàn toàn. Cho nên «thiên nhân hợp nhất» là tuyệt đỉnh của sự học vấn và như vậy con người có thể thành Thánh...» [35]

Tống Nho luận về «Thiên tính tại nhân tâm» hay «thánh nhân kết hợp làm một với Trời» thật là rõ ràng. Dưới đây xin đan cử thêm một vài chứng cứ:

Diệp Lục Đồng chủ trương: «Thiên tính nơi con người cũng như tính nước nơi băng; nước và băng tuy lưu thông hay ngưng kết có khác nhau, nhưng cũng chỉ là một vật; sự hấp thụ ánh sáng nhiều ít có khác nhau, chiếu sáng mờ tỏ có khác nhau, nhưng tính chất hấp thụ và chiếu diệu ánh sáng chỉ có một.» Cao Trung Hiến bình rằng: «Lấy nước ví Trời, lấy băng ví người, lấy sự lưu thông ngưng đọng để ví sự sống chết; lấy sự hấp thụ ánh sáng để ví sự khác nhau về bản chất; lấy sự thấu quang, chiếu quang để ví tính trước sau chẳng có hai.» [\[36\]](#)

Tôn Chung Nguyên viết: «Trời và Thần chỉ là một, Thánh với Trời cũng chẳng là hai.» [\[37\]](#)

Trương Tải dạy học trò rằng: «Đã học tất phải nên như thánh nhân rồi mới được thôi. Đòi biết người mà chẳng biết Trời, chỉ cầu làm hiền nhân mà chẳng cầu làm thánh nhân, đó là tệ hại của các học giả từ thời Tần, Hán đến nay.» [\[38\]](#)

Trương Kỳ Quân, một học giả Trung Hoa lỗi lạc hiện thời, đã viết như sau: trong tạp chí Trung Quốc Nhất Chu và trong bộ Trung Hoa Ngũ Thiên Niên Sử của ông trước tác như sau:

«Trung Quốc tự thời Đường, Ngu (Nghieu, Thuấn) tới nay đều có chủ trương Trời người có thể kết hợp... Kính Trời cốt là để yêu người. Yêu người cốt là để kính Trời. Các thánh triết lịch đại chỉ cốt làm sáng tỏ lẽ “Trời người hợp nhất”.» [\[39\]](#)

Trong bài khảo luận của ông về Chu Dịch, ông cũng viết: «Sách Dịch thật mệnh mông bao quát, nhưng đại khái là cốt xiển minh lẽ “Thiên nhân hợp nhất”.» [\[40\]](#)

Thực ra, ngay ở thời nhà Thanh, khi mà nền văn học, đạo học nước Trung Hoa đã suy vi, những quan niệm trên vẫn còn phổ thông trong giới học giả. Các giáo sĩ Âu Châu cũng đã nhận xét thấy trào lưu này, khi các ngài mới du nhập vào Trung Quốc hồi thế kỷ 16.

Cha Ricci viết:

«Trào lưu tư tưởng mà nhiều người theo hiện nay, theo tôi, có lẽ đã vay mượn ở một giáo phái tà thần từ 500 năm nay (Tống triết). quan niệm ấy là: thiên địa vạn vật nhất thể. Hóa công cùng với trời đất, người vật, cỏ cây, tứ tượng điều hợp thành như một cơ thể duy nhất mà vạn vật là những phân bộ. Từ quan niệm nhất thể ấy, họ rút ra nhiệm vụ bác ái đối với mọi người, và chủ trương mọi người đều có thể trở nên giống Thiên Chúa ...

Đó là điều mà chúng ta cố gắng phi bác, chẳng những bằng lý luận mà còn bằng uy thế của tiền nhân Trung Hoa, vì các vị ấy đã giảng dạy một học thuyết khác.» [\[41\]](#)

Nhưng tiền nhân Trung Hoa, như các chứng cứ Kinh Thi, Kinh Thư, Luận Ngữ, Mạnh Tử trích dẫn trên cho thấy, trước sau đều có một chủ trương, một tín ngưỡng y thức như nhau và y thức như các bậc đại hiền triết thời Tống!

Theo Mạnh Tử thì dẫu là vị thánh ở Đông Di hay là vị thánh ở Tây Di, dẫu là xa nhau nghìn dặm, hay là cách nhau nghìn năm, thì tôn chỉ lẽ lối cũng y thức như nhau, như hai mảnh tre ở một phù tiết. Đường lối thánh trước thánh sau chỉ là một ... [\[42\]](#)

Để rộng đường khảo sát, so sánh, tôi xin trưng ra đây quan điểm về vấn đề, của một vài vị thánh nhân Thiên Chúa giáo.

Theo thánh Augustin, thì lương tâm là nơi tâm hồn gặp gỡ Thiên Chúa, là nơi huyền nhiệm của lòng người, nơi là tâm hồn nhận chân được sự hiện diện của Thiên Chúa trong lòng mình. [43]

Trong một bài giảng thuyết, ngài nói: «Cũng một nhẽ ấy, Thiên Chúa vẫn là Thiên Chúa, vẫn là Ngôi hai... mà đồng thời cũng làm cho các thiên thần sung mãn, hoàn toàn ở khắp mọi nơi, hoàn toàn hiện diện trong hoàn vũ, hoàn toàn ở trong các tổ phụ, hoàn toàn ở trong các đấng tiên tri, hoàn toàn ở trong mọi đấng thánh, hoàn toàn ở trong lòng đấng Trinh nữ...» [44]

Nơi khác ngài than thở: «Lạy Chúa, trong Chúa, con sẽ có sự chắc chắn, vững vàng, và bản thể rất ráo của con.» [45]

Thánh Paolo nhìn nhận rằng ngay những người ngoại giáo cũng tuân theo những giới luật của Thiên Chúa đã ghi tạc trong tâm khảm họ. [46]

Thánh Paolo cũng là vị thánh Công giáo đầu tiên sống với niềm tin say say là có Thiên Chúa hiện diện trong tâm khảm ngài.

Thánh Paolo viết: «Thiên Chúa là đấng đã truyền cho ánh sáng bùng lên trong tâm tối, chính cũng đã bùng sáng lên trong lòng chúng ta.» [47]

Nơi khác ngài viết: «Anh em hãy ngợi khen và hãy mang Thiên Chúa trong thể xác anh em.» [48]

Đời sống của ngài hoàn toàn phối hợp với Thiên Chúa, vì thế ngài mới dám viết cho những người xứ Galates: «Tôi sống chẳng phải tôi sống nữa, mà là Chúa sống trong tôi.» [49]

Gần đây quan điểm «thiên địa vạn vật nhất thể» và chủ trương «con người có thể tiến hóa tới cùng cực tinh hoa», «có thể phối hợp với Thượng Đế» của Kinh Dịch và của thánh hiền Trung Hoa lại được cha Teilhard de Chardin công khai chủ trương bên phía trời Âu, và được các giới văn học khắp nơi tán đồng và sùng thượng. Phải chăng đó là điềm báo hiệu cho một cuộc Đông Tây gặp gỡ, kim cổ giao duyên trong một tương lai gần gũi? [50]

Tóm lại đối với hiền thánh Trung Hoa: Đạo Trời vốn đã ẩn áo ở đáy lòng nhân loại.

Sự toàn thiện toàn mỹ cũng vốn đã nằm sẵn trong đáy thẳm lòng sâu con người.

Thánh nhân là những người thông minh duệ trí, nhận ra được căn bản hoàn thiện nơi đáy lòng mình, sống hợp với thiên lý, thiên đạo, hợp nhất với Trời. Cực điểm ấy tức là cùng đích đã đặt ra cho nhân loại: Chưa đi đến mức hoàn thiện ấy, dĩ nhiên là nhân loại còn phải tiến hóa mãi. Đại Học vì thế mới đặt lần mức cho mọi người dừng chân: lần mức ấy là sự chí thành chí thiện (Chỉ ư chí thiện. Đại Học chương 1).

Cực điểm ấy cũng chính là Trung điểm, Trung đạo, là Trung Dung.

Đạo thánh nhân cao siêu toàn mỹ, vì thế mới được Trung Dung khen tặng chẳng tiếc lời. Trung Dung (chương 27) viết:

«Đạo thánh nhân to sao, to lớn quá,
Nó mệnh mang biến hóa chúng nhân.
Nó cao, cao vút tới trời thẳm muôn tầng,
Nó rộng, rộng bát ngát khôn kể xiết.
Gồm thâu mọi điều lẽ nghi chi tiết,
Bao uy nghi quán triệt hết chẳng trừ.

Đội thánh nhân, Trời mới phú thác cho.
 Không đức cả, Trời không ngưng đạo cả,
 Nên quân tử dốc một lòng một dạ.
 Trọng tính Trời, quyết gắn bó học hành,
 Tiến sao cho đến mức rộng rãi tinh anh.
 Mức cao sáng của Trung Dung đạo cả.
 Ôn điều cũ, học thêm điều mới lạ,
 Chuộng lễ nghĩa, sống đời sống nét na.
 Ở ngôi cao, không có thói kiêu xa,
 Ở cấp dưới không làm điều trái nghịch.
 Nước có đạo, chỉ một lời làm tiến ích,
 Nước đảo điên: lạng lẽ đủ dung thân.
 Thơ rằng: Khôn lại còn ngoan,
 Khôn ngoan nên mới bảo toàn tấm thân.»

D. PHƯƠNG PHÁP TU LUYỆN ĐỂ TRỞ NÊN HIỀN THÁNH

Như vậy cùng đích của nhân loại đã được xác định rõ ràng: con người sinh ra đời, cốt là để «thực hiện» Thượng Đế ngay từ khi còn ở trần gian này; cốt là để sống một cuộc đời thánh thiện phối hợp với Thượng Đế. Đại Học gọi thể là «dừng chân lại ở nơi toàn thiện tuyệt đối» (chỉ ư chí thiện); Trung Dung gọi thể là «phối thiên» (kết hợp với Trời) (Trung Dung chương 31). Lão Tử cũng chủ trương rằng: «Lý tưởng cao siêu nhất của người xưa là sống phối hợp với Trời.» [51] Gần đây, nhà đại hiền triết Ramakrishna mà dân Ấn Độ coi là một vị thánh sống, một hiện thân của Thượng Đế, đã nói: «uống thay cho những kẻ đã được điểm phúc sinh ra làm người mà không thực hiện nổi được Thiên Chúa trong đời mình! Họ sinh ra như thế thực là uống phí, vô ích!» [52]

Vì thế các Nho gia cự phách và chân chính đã khinh thường mũ áo, công danh, coi rẻ bạc vàng, phú quý, [53] suốt đời cố gắng học hỏi suy tư, cải thiện mình, [54] ngộ hầu trở nên một hiền nhân quân tử, nên một vị thánh nhân, sống hoàn toàn thuận theo thiên lý, phối hợp với Trời ...

Mạnh Tử viết: «Người quân tử trọn đời hằng có điều lo, mà không khi nào có điều sợ. Như cần phải lo thì lo thế này: «Vua Thuấn cũng là người, mình cũng là người. Vua Thuấn đã làm gương mẫu cho thiên hạ, roi truyền cho các đời sau. Còn mình đây chẳng hơn gì một kẻ làng mạc quê mùa.» Đó là điều mình nên lo sợ vậy. Đã lo, thì phải làm sao? Thừa phải làm như vua Thuấn vậy thôi. Còn như sợ thì người quân tử chẳng hề. Việc trái đức nhân mình không làm; việc trái lễ phép mình chẳng động. Như có một buổi, xảy ra điều đáng sợ, người quân tử cũng không lấy làm sợ đó.» [55]

Sở nguyện của Mạnh Tử là theo đòi đức Khổng mà thôi. [56]

Vương Dương Minh lập chí cũng chẳng kém.

Đào Trinh Nhất viết: «Người thường nói “biết con không ai bằng cha”, nhưng ở đây Long Sơn Công dù tài giỏi học đỗ tới trạng nguyên mặc lòng, thật không biết lập chí của cậu ấm con cụ.

«Cậu (khi ấy Vương Dương Minh mới 12, 13 tuổi) muốn học tới bậc gì cao hơn trạng nguyên, tể tướng,

tôn hơn đế vương nữa kia. Học sao tới chỗ có ích cho muôn dân, cho nghìn đời, chứ cầu lấy béo nhà sường thân, hiển hách một đời có sá kể gì. Xưa nay lắm kẻ chẳng học chữ nào cũng đi tới đó.»

«Cậu định học đến bậc thánh nhân !»

«Có lần nghe thầy đồ giảng sách rồi cậu bé Dương Minh hỏi:

- Thừa thầy, ở đời làm việc gì cao hơn hết?

- Chỉ có việc đi học thi đỗ thôi. Thầy học trả lời.

- Thi đỗ không phải là việc cao nhất đâu. Duy có việc học làm thánh hiền là cao hơn tất cả ...» [\[57\]](#)

Mà muốn nên thánh hiền, tất nhiên phải biết quý trọng, biết tài bồi thiên tính, biết rèn luyện, biết khuếch sung nhân tâm.

Công Tôn Đồ Tử thưa với Mạnh Tử: «Cũng đều là người nhưng tại sao có người thành ra đại nhân, có kẻ hóa ra tiểu nhân?» Mạnh Tử đáp rằng: «Ai noi theo cái đại thể của mình thì làm bậc đại nhân, ai noi theo cái tiểu thể của mình thì làm tiểu nhân.»

Công Tôn Đồ Tử hỏi tiếp rằng: «Cũng đều là người nhưng tại sao có người noi theo đại thể, có kẻ noi theo tiểu thể ?» Mạnh Tử đáp rằng: «Lỗ tai là cơ quan để nghe, con mắt là cơ quan để thấy, người ta có thể dùng chúng mà suy tư, chúng nó lại còn bị vật ngoài mê hoặc nữa. Vật trong và vật ngoài giao tiếp nhau, do đó mà những căn cơ ở người, bị các cảnh trần lôi cuốn; lỗ tai mê theo âm thanh, con mắt mê theo sắc đẹp, lỗ mũi mê theo mùi thơm, cái miệng mê theo món ngon, tay chân mình mảy mê theo vật mịn.

«Chỉ có tâm là cơ quan để tư tưởng mà thôi. Hễ biết tư tưởng thì rõ thông chân lý; mà chẳng xét nét thì chẳng biết được chính tà.

«Các cơ quan ấy, từ những cái nhỏ là lỗ tai, con mắt, lỗ mũi, cái miệng, thân thể, tay chân, cho đến cái lớn là tâm chí đều do nơi Trời ban tất cả. Nếu trước mình đã định đặt xong cái đại thể, bồi dưỡng tâm chí, thì những cái tiểu thể như tai, mắt, v.v...chẳng chiếm đoạt quyền hành được. Nhờ đó mình thành ra bậc đại nhân vậy.» [\[58\]](#)

Sau khi biết mục phiêu của đời mình, sau khi đã biết mình sẽ phải rèn luyện cái gì, phải đặt trọng tâm công tác vào đâu, bấy giờ ta mới để hết tâm trí suy tư, học hỏi [\[59\]](#) để mở mang trí tuệ, rèn luyện cho tâm hồn ngày một thêm sắt son, sáng láng; cẩn thận giữ gìn cho mọi tâm tư, ngôn ngữ, hành vi, cử chỉ của mình, sự giao tiếp đối đãi của mình đối với mọi người lúc nào cũng hợp nghĩa lý, lúc nào cũng quang minh chính đại, không ai có thể chê trách mình được.

Trung Dung (chương 20) viết:

«Muốn thông thái không ngoài học vấn,

Muốn tu nhân phải gắng công lao.

Muốn lên hùng dũng anh hào,

Hai câu liêm sỉ ghi vào thâm tâm.

Trí-nhân-dũng tu thân là lý,

Biết tu thân ắt trị nổi người.

Trị người, hiểu biết khúc dồi,

Con thuyền thiên hạ âu tài đẩy đưa.»

Tu thân chẳng qua là cùng lý, trí tri, [60] hàm dưỡng tính tình, [61] chuyên tâm chú ý khử trừ nhân dục, hoàn toàn thuận theo thiên lý. [62]

Mạnh Tử nói rằng: «cách bồi dưỡng lương tâm hay hơn hết là nên bớt dần những điều ham muốn. Những người nào bớt được những điều ham muốn của mình, có thể chẳng bảo tồn được thiên lý, nhưng ít có cảnh ấy lắm. Kẻ nào tham dục nhiều, có thể bảo tồn được thiên lý, nhưng ít có cảnh ấy lắm.» [63]

Theo Thượng Thái, Thiên lý và nhân dục là hai lẽ tương đối, người ta có một phần nhân dục tức là diệt mất một phần thiên lý, có một phần thiên lý tức là thắng được một phần nhân dục. Khi người ta đã trừ bỏ được tất cả những dục vọng ở trong lòng thì phần còn lại tức là thiên lý. Bởi vậy, đối với Thượng Thái, kẻ học đạo muốn được giác ngộ, không cần phải tìm những điều xa xôi hư phiếm, chỉ biết «khắc kỷ phục lễ» để giữ toàn thiên lý là đủ. [64]

Học đạo phải biết tuần tự nhi tiến.

Trình Y Xuyên cho rằng học đạo cũng phải tuần tự trước sau, có gần, có xa, có thấp, có cao, có dễ, có khó, không thể nhất đán mà lĩnh hội được đạo thể. Người mới bắt đầu học đạo, đã muốn được «mặc thức tâm thông ngay», cũng chẳng khác gì kẻ muốn đứng trên đỉnh núi nhưng không leo núi, muốn ở bên kia sông mà chẳng vượt sông; chỉ là chuyện hảo huyền, không thể nào thực hiện được ... [65] Thế tức là kẻ sĩ thời mong nên giống hiền nhân, hiền nhân mong nên giống thánh nhân, thánh nhân mong nên giống Trời.

Đàng khác, công cuộc tu trì rất cần có sự kiên gan, bền chí. Đức Khổng nói: «Tỉ như đắp đất cho thành núi, chỉ còn một giỏ nữa là xong, nhưng mình lại thôi, đó là tại mình bỏ vậy.» [66]

Đời sống của những người chính nhân quân tử đang tiến bước trên con đường hoàn thiện phải là một bài kinh nguyện trường thiên, [67] sống cuộc đời đạo hạnh mẫu mực khả dĩ có thể treo gương cho mọi người.

Trung Dung (chương 29) viết:

«Mỗi động tác quân tử đều nên như mẫu mực,

Mỗi hành vi là khuôn phép chúng nhân theo.

Mỗi lời nói, thiên hạ đời sau sẽ nương vào,

Người xa ngưỡng vọng, người gần không ngán.»

Tất cả các công trình tu luyện trên đây tuy rất là quan trọng nhưng chưa có thể gọi được là đi đến Trung điểm, cực điểm, chưa gọi được là đạt tới tinh hoa nhân loại. Muốn vào tới Trung cung, Trung điểm, vào tới Trung Dung, còn phải biết nhận ra nguồn gốc và định mệnh cao sang của mình, còn cần phải rũ bỏ tất cả cái mình nhỏ nhoi hèn mọn, mà mặc lấy đại thể, đại đồng. [68] Lúc ấy tâm thần sẽ khinh khoáng, quên mọi biên cương, bờ cõi, giới hạn, quên hết mọi tiểu tiết đặc thù, thung dung sống trong toàn thể vô biên. Luận Ngữ cho rằng bậc thánh nhân rất ráo sẽ không còn bị nội giới hay ngoại cảnh chi phối, thung dung tự tại, không còn tình ý riêng tư, không còn cái mình nhỏ nhoi ti tiện. [69]

Thế tức là tuyệt hết niềm tây, hoàn toàn quên mình, để phối hợp với Thượng Đế. Đạo Lão gọi thế là «Tâm tử thần hoạt», «lòng chết để thần sống». [70] Đó là trạng thái vô ngã, vô kỷ, bỏ mình, bỏ mọi sự, mà các nhà huyền học mọi đạo giáo đều đề cập tới. [71]

E. KẾT LUẬN

Để toát lược và kết thúc thiên này tưởng không gì hơn là dùng những lời lẽ của Trung Dung (chương 20):

«Hoàn toàn là đạo của Trời,
Trở nên hoàn thiện đạo người xưa nay.
Người hoàn thiện cất tay là trúng,
Chẳng cần suy cũng đúng chẳng sai.
Thung dung trung đạo tháng ngày,
Ấy là vị Thánh từ ngày lọt lòng.
Còn những kẻ cố công nên thánh,
Gặp điều lành phải mạnh tay co...
Ra công học hỏi thăm dò,
Học cho uyên bác, hỏi cho tận tường.
Đẩn đo suy nghĩ kỹ càng,
Biện minh thấu triệt, quyết mang thi hành.
Đã định học chưa thành chưa bỏ,
Đã hỏi han, chưa tỏ chưa thôi.
Đã suy, suy hết khúc nôi.
Chưa ra manh mối, chưa rời xét suy.
Biện luận mãi, tới khi vỡ lẽ,
Chưa rõ ràng, không thể bỏ qua.
Đã làm làm tới tinh hoa,
Tinh hoa chưa đạt, việc ta còn làm.
Người một chuyến thâm toàn thắng lợi,
Ta tốn công dờ dỏi trăm khoanh;
Người làm mười lượt đã thành,
Ta làm nghìn thứ, ta ganh với người.
Đường lối ấy nếu ai theo được,
Dẫu u mê sau trước sẽ thông.
Dẫu rằng mềm yếu như không,
Sớm chày cũng sẽ ra lòng sắt son.»

CHÚ THÍCH

[1] Mạnh Tử – Tận Tâm chương cú hạ, tiết 24. Đoàn Trung Còn dịch, trang 269. Hạo Sinh Bất Hại vấn viết: «Nhạc Chính Tử, hà nhân dã?» Mạnh Tử viết: «Thiện nhân dã, tín nhân dã.» «Hà vị thiện? Hà vị

tín?» Viết: «Khả dục chi vị thiện, hữu chư kỷ chi vị tín. Sung thật chi vị mỹ, sung thật nhi hữu quang huy chi vị đại, đại nhi hoá chi chi vị thánh, thánh nhi bất khả tri chi chi vị thần. Nhạc Chính Tử, nhị chi trung, tứ chi hạ dã.»

浩生不害問曰: «樂正子, 何人也? 孟子曰: «善人也, 信人也.» «何謂善? 何謂信?»

曰: «可欲之謂善, 有諸己之謂信. 充實之謂美, 充實而有光輝之謂大, 大而化之之謂聖, 聖而不可知之之謂神. 樂正子, 二之中, 四之下也.»

[2] Mạnh Tử – Công Tôn Sửu thượng, 2. Đoàn Trung Còn dịch, trang 99. Hữu Nhược viết: Khởi duy dân tai ! Kỳ lân chi ư tảo thú, phượng hoàng chi ư phi điểu, Thái Sơn chi ư khâu diệt, hà hải chi ư hàng lạo loại dã. Thánh nhân chi ư dân, diệc loại dã. Xuất ư kỳ loại. bạt hồ kỳ tuy. Tự sinh dân dĩ lai, vị hữu thịnh ư Khổng Tử dã.

有若曰: 豈惟民哉! 麒麟之於走獸, 鳳凰之於飛鳥, 泰山之於丘垤, 河海之於行潦類也. 聖人之於民, 亦類也. 出於其類. 拔乎其萃. 自生民以來, 未有盛於孔子也.

[3] Cầu bất cố thông minh thánh trí, đạt thiên đức giả, kỳ thực năng tri chi
苟不固聰明聖知, 達天德者, 其孰能知之 (Trung Dung chương 32)

[4] Duy thiên thông minh, duy thánh thời hiển. 惟天聰明, 惟聖時憲 (Kinh Thư – Duyệt Mệnh trung, 3): Chỉ có Trời là thông minh, chỉ thánh nhân bắt chước Trời.

[5] Liêm Khê tiên sinh viết: Thánh hi thiên, hiền hi thánh, sĩ hi hiền.

廉溪先生曰: 聖希天 賢希聖 士希賢

(Chu Tử nguyên đính, Cận Tư Lục tạp chú, quyển 2, trang 1): Thánh cố nên giống Trời; hiền cố nên giống thánh; sĩ cố nên giống hiền nhân.

– Cố viết: «Phối thiên.» (Trung Dung chương 31)

[6] Dịch Kinh, Hệ Từ thượng: Quảng đại phối thiên địa, biến thông phối tứ thời, Âm Dương chi nghĩa phối nhật nguyệt, dị giản chi thiện phối chí đức.

廣大配天地, 變通配四時, 陰陽之義配日月, 易簡之善配至德.

[7] Le Philosophe Tchou Hi, sa doctrine, son influence par le P. Stanislas Le Gall SJ, pages 63 et ss.

[8] Au-dessus du Sage (賢人 ou 君子), brille d'un éclat exceptionnel le chef-d'œuvre de la nature, l'homme idéal, le type achevé de la perfection: le Saint (聖人). Sous le rapport de la nature originelle, c'est-à-dire, considéré hors de la matière qui l'individualise, le Saint n'est rien de moins qu'un être quelconque. Ce qui le distingue d'entre tous, c'est que sa substance matérielle est d'une pureté, d'une subtilité extrême, semblable à un diamant de la plus belle eau, qui n'offrirait aucun obstacle au passage des rayons lumineux. L'homme, dit Tchou-tse, est constitué par la portion plus pure de la matière (陰陽五行之氣 – 精英者為人) mais de cette quintessence elle-même la partie superfine est le partage du Saint (精英之中又精英者為聖人). Durant les premiers siècles qui suivent le chaos, lorsque le monde est encore dans la force de sa jeunesse renouvelée, la matière, étant plus pure, doit nécessairement produire des êtres plus parfaits: c'est l'âge d'or, le temps où de sages princes font des peuples heureux. Alors, dit Hui Yong Tchai (許庸齋), l'homme est à l'apogée de sa perfection. Au commencement de chaque période cosmique, apparaît un Fou-Hi.

[9] Mais à mesure que le monde vieillit, la matière se charge d'impureté, les Saints deviennent plus rares, l'humanité se dégrade, l'univers revient insensiblement au chaos, son point de départ.

Voici la liste des personnages reconnus officiellement comme Saints: 1) Fou-Hi (2852-2737); 2) Chen-Nong (2737-2697); 3) Hoang-Ti (2697-2597); 4) Yao (2357-2255); 5) — Choen (2255-2205); 6) Yu (2205-2197); Tch'eng T'ang (1766-1753); 8) I-In (mort en 1713); 9) Pi-Kan (1222); 10) Wen Wang (1331-1135); 11) Ou Wang (1169-1116); 12) Tcheou-Kong (mort en 1105); 13) Lieou h'a Hoei (environ 600); 14) Confucius (551-479)...

Trong thiên Tận Tâm chương cú hạ, tiết 38, Mạnh Tử cho một danh sách khác đôi chút: Nghiêu (2357-2255); Thuấn (2255-2205); Vũ (2205-2197); Cao Dao (hiền thần của Thuấn và Nghiêu); Thành Thang (1766-1753); Y Doãn (hiền thần của vua Thành Thang, Thái Giáp); Lai Châu (đời vua Thành Thang); Văn Vương (1231-1135); Tản Nghi Sinh (hiền thần của Văn Vương); Thái Công Vọng (hiền thần của Văn Vương); Khổng Tử (551-479).

Danh sách của Mạnh Tử dĩ nhiên là không đầy đủ. Đạo Nho chỉ chú trọng đến các thánh vương Nghiêu, Thuấn, Văn, Võ mà không đề cập đến Phục Hi, Thần Nông, Hoàng Đế, hay đề cập tới rất ít. Đạo Lão, trái lại, hay tán dương Hoàng Đế... Vả lại Mạnh Tử chỉ muốn nêu ra một thuyết là cứ 500 năm lại có thánh nhân ra đời.

[10] Le dernier dans l'ordre chronologique, Confucius occupe cependant depuis longtemps, parmi ses congénères, le premier rang d'honneur: il est le Saint par excellence 至聖先師孔子... Tse-Kong disait «Certainement le Ciel l'a doué sans mesure: il doit être un Saint»... L'idéal de l'humanité réalisé dans la personne du Saint, la perfection absolue qui est son partage, est bien ce que signifie le term 誠. Rémusat l'a rendu par «la perfection», «la perfection morale»; le P. Intorcetti par «vera solidaque perfectio» Legge le traduit par «sincerity»; simplicity or singleness of Soul»; «the disposition to and the capacity of what is good, without any deteriorating element, with no defect of intelligence or intromission of selfish thoughts».

Ces derniers mots décrivent très bien les effets de 誠 signalés par. Tchou-Hi 德無不實而無不照者聖人之德所性而有者天道也 mais ils n'expriment pas clairement ce qu'il est en soi. Tchou-Hi en donne cette definition: 誠者真實無妄之謂.

Cet état de conformité est le propre du Saint: 聖人之德渾然天理真實無妄.

[11] Il nous semble que ce qui rend le mieux l'idée de Tch'eng d'après les philosophes chinois, c'est la conformité parfaite d'un être avec sa nature, ou avec le principe d'ordre universel (天理), c'est par cette conformité que l'homme devient l'égal du Ciel et de la Terre (聖人體道無隱與天象昭然莫非至教常以示人而人自不察). Tch'eng, dit Tcheou-Lien-Ki est synonyme de Tai-Ki ou Li, que chaque être reçoit tout entier; mais il peut être et il est généralement limité dans ses effets par l'imperfection de la matière qui le renferme. Dans le Saint, ces limites n'existent pas: Il agit constamment en conformité avec sa vertueuse nature. Son intelligence perçoit sans effort la raison intime de chaque chose, sa volonté n'éprouve aucune difficulté à se porter au bien et à demeurer ferme dans la voie de la justice, de l'ordre et du devoir.

Tous les auteurs lui attribuent comme qualité essentielle la science innée, infuse (生而知之者). La plupart semblent croire qu'elle n'a pas de limite, mais s'étend à tout sans exception: rien n'est caché au regard du Saint: Il est omniscient (聖人神明不測之號) (Tchou Tse). Tchou-Hi cependant enseigne que l'objet de cette science embrasse seulement les principes généraux d'où le Saint tirera sans peine dans le cours de sa vie, les conclusions pratiques nécessaires pour le bien des hommes...

[12] C'est l'opinion que In Yen Ming (1100), un des commentateurs du Luen Yu exprime en ces termes: «Lorsque Confucius qui comme Saint possédait la science infuse, nous répète avec insistance qu'il aimait à étudier, il ne faut pas croire qu'il ne parlait ainsi que par pure modestie et pour exciter ses disciples au travail par la force de son exemple. Non, car la science innée n'a pour objet que les principes généraux. Quant à l'application de ces principes, comme par exemple les détails pratiques du cérémonial et de la musique, les choses célèbres de l'antiquité, les événements des temps anciens et modernes, le Saint lui-même ne peut que par l'étude, en avoir une connaissance certaine. Mais, dès que l'occasion amène devant son esprit les questions les plus difficiles, aussitôt sans effort, il les pénètre à fond; ses décisions sont claires, ses jugements infaillibles 所謂聖者不勉不思而至焉者也 (Mong-tse chap. V). 無思而無不通為聖人 (T'ong Chou), car il est doué d'une pénétration sans mesure. L'esprit du Saint, dit Tch'ou tse, est parfaitement pur et brillant, il contient dans sons ampleur, la raison de toutes choses. A la plus légère impression reçue, il répond à l'instant et rien dans la nature n'échappe à sa pénétration. (Mong tse, chap. XIII, comment)

[13] L'homme parfait peut lire dans l'avenir la prospérité ou la ruine des dynasties. Tous les changements en bien ou en mal, qui doivent arriver dans l'empire, il les connaît d'avance d'une science certaine, par l'observation des phénomènes de la nature, la disposition de l'herbe divinatoire (蓍) et les lignes qu'il remarque sur la carapace de la merveilleuse tortue (龜).

La raison de ce pouvoir de claire vue est, dit Tchou-Hi, que la Saint n'a devant les yeux de son intelligence aucune trace d'égoïsme ou de fausseté puisqu'il est de tout point conforme à la nature; rien ne l'empêche donc d'apercevoir les choses les plus subtiles; par sa connaissance admirable, il ressemble, aux Koei-chen (唯誠之至極而無毫私偽留於心目之間).

Le saint est de plus le paragon de la perfection morale. Il possède toutes les vertus à un degré eminent 聖者... 幾無不明德無不備者也乃以能察其幾焉 (Cf. Tchong Yong 34 comment).

Constant dans la voie du juste milieu, il agit suivant la droite raison. «Tout homme, dit Mong tse a reçu du Ciel ses sens avec leurs fonctions déterminées, mais le Saint peut seul en faire un usage parfait, parce que, ajoute le Commentateur, seul il sait se conformer de point en point à la direction du principe intérieur (Li) qui l'anime et le dirige (孟子曰形色天性也唯聖人然後可以踐形) (盡心上卅七).

[14] Ce passage, dit aussi Tchong-tse, signifie que le Saint suit en tout la voie que la nature a tracée aux hommes et par là, il fait un bon emploi de ses sens. Le vulgaire possède bien aussi le principe directif (li) mais il l'ignore, le sage ordinaire s'y conforme mais pas parfaitement; seul le Saint peut faire un emploi correct de ses sens.

程子曰: 此言聖人盡得人道而能充其形也... 眾人有之而不知; 賢人踐之而未盡; 能充其形惟聖人也 (Ibid. comment)

Jamais la passion ne l'émeut: il se possède dans un calme que rien ne saurait altérer. Le principe céleste incorporé dans sa personne (聖人體道) se manifeste et brille au dehors pour éclairer les hommes et les porter au bien. Tout en lui, ses moindres actions, ses paroles, jusqu'à son repos et son silence même, est autant de leçons, que les sages seuls perçoivent et dont ils font leurs profits; mais si le vulgaire et les hommes vicieux ne sont pas transformés, la faute en est uniquement à leurs mauvaises dispositions et à leur volonté dépravée; car la sagesse du Saint est d'elle-même capable d'éclairer tous les esprits, comme sa vertu a la force de changer tous les cœurs. (聖人體道無隱與天象昭然莫非至教常以示人而人自不知).

[15] Son influence bienfaisante est sans bornes, comme l'influence du Ciel. «De même, dit Tchou-Hi, que dans le cours régulier des quatre saisons, dans la production et la conservation des êtres de l'univers, se voient partout avec évidence, les effets de l'évolution du principe céleste (天理) sans que le Ciel doive pour cela rompre son silence; ainsi tout dans le Saint, l'action et le repos, révèle également le principe merveilleux, la droiture parfaite dont il est plein». Et il conclut par ce cri d'enthousiasme: «En un mot, le Saint est le Ciel personnifié».

四時行百物生莫非天理發見流行之實不得言而可見聖人一動一靜莫非妙道精義之際亦天而已 (Luen Yu chap. XVII, No 18 comment)

Le I-King avait depuis longtemps déjà représenté l'homme parfait

comme l'égal du ciel en perfection: «Ses vertus, y est-il dit, égalent celles du ciel et de la terre, il brille comme le soleil et la lune, sa régularité est comparable à celle des quatre saisons, son influence rappelle celle des esprits. Si son action devance le Ciel, le Ciel ne le contrarie pas; s'il suit le ciel, il se conforme aux saisons. Et si le Ciel même ne lui résiste pas, combien moins les hommes et les esprits lui résisteront-ils?...»

[16] Tse-Se, petit-fils de Confucius nous fait dans le Tchoung-Young une description qui semble bien n'être que le développement du passage précédent du I-King. Le Saint nous y est dépeint comme transformant les hommes par la force de son exemple et de ses enseignements, et conduisant tous les êtres jusqu'au complet épanouissement de leur nature. Il aide et assiste le Ciel et la Terre dans la production et la conservation de toutes choses; il est le troisième agent de l'univers (與天地並位為三也) (Tchoung Young comment) (l'égal même du Ciel) (配天) (Tchoung Young no 22 et no 26 與天地參配天配地 no 31, 配天).

[17] The critic See says: «Every man has his heavenly nature, which is in him as a fire that has just been kindled or a spring which is just issuing forth. What is required is the widening and enlarging of it. (Cf. James Legge, The Shoo king page 386 notes).

[18] The words of Woo Ch'ing: 又當擴充其德與天為一 (Hựu đương khoáng sung kỳ đức, dữ thiên vi nhất) (James Legge, The Shoo king, page 386, notes)

[19] Cf. James Legge, The Shoo king, page 428 notes.

[20] Thiên nhân bản vô nhị, bất tất ngôn hợp. Nhược bất nhất bản, tắc an đắc thiên nhi thiên phát vi, hậu thiên nhi phụng thiên thời? – Trình Hạo, Tống Nguyên Học Ấn, q. 3, trang 17.

Âm Phù Kinh của đạo Lão cũng chủ trương: Thiên Tính Nhân Dã, Nhân Tâm cơ dã. Lập Thiên chi Đạo dĩ định nhân dã. 天性人也, 人心機也. 立天之道以定人也 (Thiên Tính là người. Nhân Tâm là máy. Lập ra thiên đạo để định thế nào là người.)

[21] Tư tri nhân, bất khả dĩ bất tri thiên. 思知人, 不可以不知天 (Trung Dung chương 20)

[22] «Tinh nhất chấp trung» Nghiêu Thuấn tương thụ chi tâm pháp dã. «Kiến trung» (Thang), «kiến cực» (Vũ), Thương, Thang, Chu, Vũ tương truyền chi tâm pháp dã. Viết đức, viết nhân, viết kính, viết thành, ngôn tuy thù nhi lý tắc nhất, vô phi sở dĩ minh thử tâm chi diệu dã. Chí ư ngôn Thiên, tắc nghiêm kỳ tâm chi sở tự xuất; ngôn dân tắc cẩn kỳ tâm chi sở tự thi. Lễ nhạc giáo hoá tâm chi phát dã; điển chương văn vật tâm chi trú dã. Gia tề, quốc trị, thiên hạ bình, tâm chi suy dã, tâm chi đức kỳ thịnh hĩ hồ! 精一執中堯舜相授之心法也 建中(湯)建極(武)商湯周武相傳之心法也 曰德曰仁曰敬曰誠言雖殊

而理則一無非所以明此心之妙也

至於言天則嚴其心之所自出言民則謹其心之所自施禮樂教化心之發也典章文物心之著也家齊國治天下平心之推也心之德其盛矣乎 (Thư Kinh Đại Toàn, quyển nhị)

[23] Cáo Thần Tông viết: Tiên thánh hậu thánh nhược hợp phù tiết, phi truyền thánh nhân chi đạo, truyền thánh nhân chi tâm dã; phi truyền thánh nhân chi tâm dã, truyền kỹ chi tâm dã. Kỹ chi tâm vô dị thánh nhân chi tâm. Quảng đại vô hạn, vạn thiện giai bị. Dục thánh nhân chi đạo khuếch sung thử tâm yên nhĩ.

告神宗曰先聖後聖若合符節非傳聖人之道傳聖人之心也非傳聖人之心也

傳己之心也己之心無異聖人之心廣大無限萬善皆備欲聖人之道擴充此心焉耳 (Trung biên Tống Nguyên Học Ấn, quyển 1, trang 144.)

[24] Nhất nhân chi tâm tức thiên địa chi tâm, nhất vật chi lý tức vạn vật chi lý, nhất nhật chi vận tức nhất tuế chi vận. 一人之心即天地之心一物之理即萬物之理一日之運即一歲之運

(Tống Nguyên Học Ấn, quyển 15, Y Xuyên học án thượng, trang 2)

[25] Mạnh Tử viết: Tận kỳ tâm giả, tri kỳ tính giả. Tri kỳ tính, tắc tri Thiên hĩ.

孟子曰：盡其心者知其性也。知其性則知天矣 (Mạnh Tử – Tận Tâm chương cú thượng, 1)

[26] Mạnh Tử viết: Vạn vật giai bị ư ngã hĩ. Phản thân nhi thành, lạc mạc đại yên.

孟子曰：萬物皆備於我矣。反身而誠樂莫大焉 (Mạnh Tử – Tận Tâm chương cú thượng, 4)

Lý Phác, một triết gia thời Tống đã muốn đề mộ chí mình như sau: Dĩ thiên vi tâm, dĩ Đạo vi thể, dĩ thời vi dụng 以天為心以道為體以時為用: Lấy Trời làm lòng, lấy Đạo (Trời, tuyệt đối thể) làm bản thể, lấy thời gian làm của dùng. (Tống Nguyên Học Ấn – Bí Giám, Lý chương Công tiên sinh Phác, quyển 1, trang 18)

[27] Cái dục học giả ư thử phản cầu chư thân nhi tự đắc chi

蓋欲學者於此反求諸身而自得之 (Trung Dung chương 1– Phụ chú của Chu Hi.)

[28] Phàm vật mạc bất hữu thị tính. Do thông, tế, khai, tắc; sở dĩ hữu nhân vật chi biệt. Do tế hữu hậu bạc, cố hữu trí ngu chi biệt. Tắc giả lao bất khả khai; hậu giả khả dĩ khai, nhi khai chi dã nan. Bạc giả khai chi dã dị. Khai tắc đạt vu thiên đạo, dĩ thánh nhân nhất.

凡物莫不有是性。由通蔽開塞所以有人物之別。由蔽有厚薄故有智愚之別。塞者牢不可開。厚者可以開而開之也難。薄者開之也易。開則達于天道與聖人一 (Cận Tư Lục, quyển 1, trang 10)

[29] Thiên thánh giai quá ảnh lương tri nãi ngô tâm 千聖皆過影良知乃吾心 (Vương Dương Minh).

[30] Duy Hoàng Thượng Đế giáng trung vu hạ dân, nhược hữu hằng tính, khắc tuy quyết du duy hậu 惟上帝，降衷于下民，若有恒性，克綏厥猷惟后 (Kinh Thư – Thang Cáo, tiết 2)

... Thiên sinh chưng dân, hữu vật hữu tắc; Dân chi bình di, hảo thị ý đức.

天生蒸民有物有則，民之秉彝。好是懿德。 (Kinh Thi, Chưng Dân). (Trời sinh ra khắp muôn dân, Vật nào phép ấy, định phân rành rành. Lòng dân chứa sẵn căn lành, Nên ưa những cái tinh thành tốt tươi.)

[31] Mạnh Tử viết: Đại nhân giả bất thất kỳ xích tử chi tâm giả dã

孟子曰: 大人者不失其赤子之心者也 (Mạnh Tử – Ly Lâu chương cú hạ, 12.)

[32] Mạnh Tử – Cáo Tử chương cú thượng, tiết 7. Đoàn Trung Còn dịch, trang 157.

[33] Mạnh Tử – Cáo Tử chương cú thượng, tiết 7 và 8.

[34] Mạnh Tử – Cáo Tử chương cú thượng, tiết 1.

[35] Nho gia tắc nhân minh trí thành nhân thành trí minh. Cổ «thiên nhân hợp nhất», trí học nhi khả dĩ thành thánh. 儒家則因明致誠因誠致明. 故天人合一. 致學而可以成聖 (Tống Nguyên Học Án – Hoành Cừ học án, quyển 17, trang 55)

[36] Thiên tính tại nhân chính do thủy tính chi tại băng. Ngưng thích tuy dị vi vật nhất dã; thụ quang hữu tiểu, đại, hôn, minh; kỳ chiếu nạp bất nhị dã. Cao Trung Hiến viết: Dĩ thủy dụ thiên, dĩ băng dụ nhân, dĩ ngưng thích dụ sinh tử, dĩ thụ quang dụ khí bẩm chi bất đồng, dĩ chiếu nạp dụ tính chi bất nhị.

天性在人正猶水性之在冰. 凝釋雖異為物一也. 受光有小大昏明. 其照納不二也. 高中憲曰以水喻天以冰喻人. 以凝釋喻生死. 以受光喻氣稟之不同. 以照納喻性之不二 (Tống Nguyên Học Án, quyển 17, trang 20)

[37] Tôn Chung Nguyên viết: Thiên dữ thần phi nhị kiến; thánh nhân tức thiên. 孫鐘元曰天與神非二見聖人即天 (Tống Nguyên Học Án, quyển 17, trang 13)

[38] Cáo chư sinh dĩ học tất như thánh nhân nhi hậu dĩ. Dĩ vi tri nhân nhi bất tri thiên; cầu vi hiền nhân nhi bất cầu vi thánh nhân, thử tần hán dĩ lai học giả chi đại tể dã.

告諸生以學必如聖人而後已. 以為知人而不知天. 求為賢人而不求為聖人. 此秦漢以來學者之大蔽也 (Tống Nguyên Học Án, quyển 17, trang 2. Hoành Cừ học án, thượng)

«Cùng tính mệnh chi nguyên, tất dĩ thể thiên vi học vấn chi bản.»

窮性命之源必以體天為學問之本 (Liêm Khê học án. Tống Nguyên Học Án, quyển 11, trang 10)

Thiệu Khang Tiết: «Học mà không đạt được tới trình độ hợp Trời với người, thì không đủ gọi là học.» (Học bất tể thiên nhân bất túc dĩ vi chi học) 學不際天人不足以為之學 (Quan vật ngoại thiên).

[39] Trung Quốc tự Đường Ngu dĩ lai, tức hữu thiên nhân hợp nhất chi tư tưởng. Kính thiên tức sở dĩ ái nhân; ái dân tức sở dĩ tôn thiên. Lịch đại thánh triết mạc bất kế tục hoành dương thử thiên nhân hợp nhất chi đạo. Lão Tử tức kỳ nhất dã. 中國自唐虞以來, 即有天人合一之思想. 敬天即所以愛人; 愛民即所以尊天. 歷代聖哲莫不繼續宏揚此天人合一之道. 老子即其一也 (Trương Kỳ Quân, Lão Tử. Trung Quốc văn hóa nhất chu, kỳ 623, trang 21. Trung Hoa ngũ thiên niên sử, quyển 3, chương Lão Tử)

[40] Dịch chi vi thư quảng đại tất bị, nhi ngữ kỳ yếu qui, tắc vi thiên nhân hợp nhất chi đạo. 易之為書廣大悉備而語其要歸, 則為天人合一之道 (Trương Kỳ Quân, Chu Dịch. Trung Quốc văn hóa nhất chu, kỳ 588, trang 21. Trung Hoa ngũ thiên niên sử, quyển 1, chương Chu Dịch, trang 123)

[41] Cf. Opere storiche, tome I,

Henri Bernard Maître, Sagesse chinoise et philosophie chrétienne, page 108:

«Mais l'opinion la plus suivie actuellement et qui me paraît (pare) empruntée à la secte des idoles depuis 500 ans (philosophie des Song), c'est que tout ce monde est fait d'une seule substance, et que le Créateur du monde avec le ciel et la terre, les hommes et les animaux, les arbres et les végétaux, et les

quatre éléments, forment un corps continu dont les divers êtres sont les membres. C'est de cette unicité de substance que l'on déduit le devoir de la charité envers les hommes et la possibilité pour tous de devenir semblables à Dieu... voilà ce que nous nous efforçons de réfuter (*procuriamo di confutare*), non seulement par le raisonnement, mais avec l'autorité de leurs anciens auteurs qui très clairement ont enseigné une doctrine différente... (G. Ricci).

[42] Mạnh Tử viết: Thuấn sinh ư Chư Phùng, thiên ư Phụ Hạ, tốt ư Minh Điều. Đông di chi nhân dã. Văn Vương sinh ư Kỳ chu, tốt ư Tất Dĩnh. Tây di chi nhân dã. Địa chi tương khứ dã, thiên hữu dư lý, thế chi tương hậu dã, thiên hữu dư tuế. Đắc chí hành hồ Trung Quốc, nhược hợp phù tiết. Tiên thánh hậu thánh, kỳ quỹ nhất dã. 孟子曰:舜生於諸馮,遷於負夏,卒於鳴條.東夷之人也.文王生於岐周,卒於畢郢.西夷之人也.地之相去也,千有餘里;世之相後也,千有餘歲.得志行乎中國,若合符節.先聖後聖,其揆一也. (Mạnh Tử – Ly Lô chương cú hạ, tiết 1. Đoàn Trung Còn dịch, trang 38)

[43] Cf. *Revue des sciences philosophiques et théologiques*. (Paris Librairie philosophique J. Vrin 6, Place de la Sorbone V, Tome XLIV No 3 Juillet 1960) page 570:

«La conscience a pour Augustin une valeur exclusivement religieuse, c'est le lieu de rencontre entre l'âme et Dieu présent en elle...» (J. Stelzenberger, *Conscientia bei Augustinus zur Geschichte der Moralthologie*, Paderborn, Schöningh 1959).

[44] Cf. Henri de Lubac, *Aspects du Bouddhisme*. Notes 39 du chapitre III, page 176:... Augustin, sermon 263, N. 4: Sic et Dominus manens Deus, manens Verbum... implens angelos, totus ubique, totus in mundo, totus in Patriarchis, totus in Prophetis, totus in omnibus sanctis, totus in utero Virginis... (P. L. 38, 1215): cf *Enarratio in psalmum 61*, N. 4 (P.L., 730-732)...

[45] Cf. Henri de Lubac, *Aspects du Bouddhisme*. Notes 103 du Chapitre I «En toi, mon Dieu, j'aurai ma solidité, ma fixité, mon être définitifs» (Augustin).

[46] Cf. Romains 2, 14 et 15. Ceux-là (les Gentils) montrent gravées dans leurs cœurs les prescriptions de la Loi...

Trong Deutéronome, đoạn XXX, câu 11-15, Chúa cũng phán: «Vì luật mà ta truyền hôm nay, không có quá sức, quá tầm người. Ó không ở trên trời, để người phải nói: «Ai sẽ trời tìm nó cho ta để chúng ta được nghe biết Luật và tuân cứ.» Nó cũng chẳng cách mấy trùng dương, để người phải nói: «Ai sẽ vượt bể tìm nó cho ta để chúng ta được nghe biết Luật và tuân cứ.» Vì Đạo (Lời) nào có xa người, nó đã ở trong miệng người và lòng người, để người tuân cứ. (Dịch theo Bible de Jérusalem, trang 206)

Jérémie viết: «Ta sẽ đặt lề luật ta trong đáy lòng họ, và viết lề luật ta vào tâm khảm họ.» (Jérémie 31, 33)

[47] Le Dieu qui a dit à la lumière de resplendir du fond des ténèbres est Celui qui a resplendi en nos cœurs... (II Corinthiens 4, 6...)

[48] *Glorificate et portate Deum in corpore vestro*. (I Cor. 6, 20.)

(*Biblia sacra juxta Vulgatae exemplaria et correctoria romana*. Paris Librairie Letouzey et Ane, 87 Boulevard Raspail, page 1265).

Các bản Kinh thánh bằng tiếng Pháp mới không dám thêm chữ «và hãy mang Thiên Chúa trong thể xác anh em». Crampon chỉ dịch: *Glorifiez donc Dieu dans votre corps* (La Sainte Bible de Crampon, page 191). Quyển La «Bible de Jérusalem» dịch: *Glorifiez donc Dieu dans notre corps*; còn chữ «et portez» cho

xuống chú thích K nhỏ dưới gầm trang. (Bible de Jérusalem page 1515)

[49] Ce n'est plus moi qui vis, c'est le Christ qui vit en moi. Aux Galates 11, 20) (Crampon, page 215)... Puto autem quod et ego, Spiritum Dei habeam (Et je pense bien, moi aussi, avoir l'Esprit de Dieu) (Biblia sacra (Vulgata) et Bible de Jérusalem: 1 Cor, 40.

... Et ita cadens in faciem adorabit Deum, pronuntians quod vere Deus in vobis sit. (I Cor. XIV, 25) (Và bây giờ hấn sấp mình xuống đất, thờ phượng Thiên Chúa, và nói thực có Thiên Chúa trong anh em). La Bible de Jérusalem và La Sainte Bible de Crampon dịch chữ «In vobis» là «parmi nous» thiết tưởng không đúng, vì «inter» mới là «parmi», còn «in» phải dịch là «en».

[50] Pierre Teilhard voit le cosmos tout entier construit à partir d'une seule et même énergie, cette énergie s'actualise sous des aspects très différents. La science, particulièrement la physique, confirme de plus en plus le bien fondé de cette conception...

George Magloire & Hubert Cuypers, Teilhard de Chardin, page 131.

... Teilhard de Chardin résume admirablement sa conception cosmique dans ces quatre propositions:

«Je crois que l'univers est en évolution.»

«Je crois que l'évolution va vers l'Esprit.»

«Je crois que l'Esprit s'achève en Dieu personnel.»

«Je crois que le Personnel suprême est le Christ universel.»

Ibid. page 222.

[51] Thị vị phối thiên cổ chi cực 是謂配天古之極. Lão tử Đạo đức kinh, chương 68.

[52] «Il est né en vain, celui qui, ayant le rare privilège d'être né homme, est incapable de «réaliser» Dieu dans cette vie.» (L'enseignement de Ramakrishna, p. 5)

[53] «Người quân tử lấy đạo đức sung thực làm quý, lấy thân được làm giàu, còn xem hiên miện là nhỏ nhen, xem kim ngọc là tro bụi.» (Chu Liêm Khê, 1017-1073). Tống Nho của Bửu Cầm, trang 52.

[54] Học giả sở dĩ trị tâm dã; học tuy đa, nhi tâm bất trị, hà dĩ học vi? 學者所以治心也學雖多而心不治何以學為 (Học là cốt để sửa trị tâm hồn; học nhiều mà tâm hồn chẳng sửa trị, thì học để làm gì?) (Tốc Thủy học án. Tống Nguyên Học Án, quyển 4, trang 5.)

[55] Mạnh Tử – Ly Lôu chương cú hạ, 28. Đoàn Trung Còn dịch, trang 61.

[56] Nãi sở nguyện tắc học Khổng Tử dã. 乃所願則學孔子也 (Mạnh Tử – Công Tôn Sửu chương cú thượng, 2. Đoàn Trung Còn dịch, trang 95-97)

[57] Cf. Đào Trinh Nhất, Vương Dương Minh, trang 41-42.

[58] Mạnh Tử – Cáo Tử chương cú thượng, 15. Đoàn Trung Còn dịch, trang 173.

[59] Nho gia chủ trương phải suy tư học hỏi nhiều mới có thể thành thánh nhân được. Kinh Thư (Hồng Phạm, 6) viết: «Tư viết duệ... duệ tác thánh» 思曰睿... 睿作聖 (Suy tư sẽ thông tuệ... thông tuệ sẽ thành thánh). Kinh Thư (Đa Phương, 17) lại viết: «Thánh vãng niệm tắc cuồng, duy cuồng khắc niệm tác thánh» 聖罔念作狂惟狂克念作聖 (thánh mà bỏ suy niệm sẽ thành cuồng nhân; cuồng nhân chịu suy niệm sẽ thành thánh).

Đức Khổng nói: «Trước đây ta mắng trầm tư, mặc tưởng mà trọn ngày quên ăn, trong đêm quên ngủ. Không có ích. Chẳng bằng học.» (Luận Ngữ – Vệ Linh Công 15-30)

Y Xuyên (Trình Di, 1033-1107): Muốn «cùng lý», cần phải suy nghĩ chín chắn. Vì thế Y Xuyên nói: «Không suy nghĩ chín chắn ắt không thể đến được cõi đạo lý.» (Bất thâm tư bất năng tháo ư Đạo). «Không suy nghĩ chín chắn mà đắc đạo thì sự được ấy dễ mất.» (Bất thâm tư nhi đắc giả, kỳ đắc dị thất). «Tư lự lâu ngày, sự minh duệ tự nhiên sinh ra» (Tư lự cửu hậu, duệ tự nhiên sinh). «Đại phạm học vấn do sự nghe biết, đều không thể gọi là tự đắc. Kẻ tự đắc nên mặc thức tâm thông... Nghe thấy mà biết, không phải sự hiểu biết của đức tính. Sự hiểu biết của đức tính không mượn ở kiến văn» (Đại phạm học vấn, văn chi tri chi, giai bất vi đắc. Đắc giả tự mặc thức tâm thông... văn kiến chi tri phi đức tính chi tri. Đức tính chi tri bất giả kiến văn.) (Tống Nho của Bửu Cầm, trang 93)

[60] Thượng Thái nói rằng: «Sự đại yếu của người học nơi cửa thánh là lấy việc khắc kỷ làm gốc. Khắc kỷ phục lễ, không có tư tâm thì hợp với thiên lý.» (Thánh môn học giả, đại yếu dĩ khắc kỷ phục lễ vi bản. Khắc kỷ phục lễ, vô tư tâm yên, tắc thiên hĩ.)

Với tư tưởng ấy Thượng Thái bàn về những chữ cách vật cùng lý như thế này: «Gọi là cách vật cùng lý, phải nhận rõ thiên lý mới được. Điều gọi là thiên lý, tự nhiên thích hợp với đạo lý, không có một hào ly đặt để ra.» (Sở dĩ cách vật cùng lý, tu thị nhận đắc thiên lý thủy đắc. Sở vị thiên lý giả, tự nhiên để đạo lý, vô hào phát đồ soạn.) Lại nói: «Người học đạo phải nên cùng lý. Muôn vật đều có lý. Cùng lý hẳn hiểu biết được điều sở vi của Trời. Biết được sở vi của Trời, hẳn cùng Trời làm một. Cùng Trời làm một thì khi nào cũng hợp lý cả.» (Tống Nho của Bửu Cầm, Thượng Thái Tạ Lương Tá, 1050-1103, trang 99)

[61] Lấy sự «hàm dưỡng» và «học vấn» làm hai phương pháp chủ yếu của người học đạo, Y Xuyên đã nói rằng: «Hàm dưỡng nên dụng sự thành kính, còn tiến học thì tại trí tri.» (Hàm dưỡng tu dụng kính, tiến học tại trí tri). Bởi «hàm dưỡng» là gốc, «học vấn» là ngọn; gốc và ngọn không thể thiếu được ở cây, cũng như hai điều «hàm dưỡng» và «học vấn» không thể thiếu được ở người học đạo. (Tống Nho của Bửu Cầm, Trình Y Xuyên, trang 92)

[62] Vì vậy nếu người ta muốn tồn thiên lý khử nhân dục, thì phải biết giữ lấy điều nhân, và làm cho nó càng ngày càng tăng trưởng. Khi mà trong tâm của người ta chỉ còn có thiên lý, không có mảy may nhân dục, thì lúc tĩnh ắt hợp với điều Trung, lúc động ắt hợp với điều Hòa. Vì thế nên những mối thiện, ác, chính, tà của lòng người chỉ kết thúc trong mấy chữ thiên lý và nhân dục. Thuận theo thiên lý gọi là đạo tâm; tùy theo nhân dục thì gọi là nhân tâm. – Tống Nho của Bửu Cầm: Chu Hi (1130-1200), trang 144.

[63] Mạnh Tử - Tận Tâm chương cú hạ, 35. Đoàn Trung Còn dịch, trang 279.

[64] Tống Nho của Bửu Cầm, trang 102.

[65] Tống Nho của Bửu Cầm, trang 93.

[66] Luận Ngữ – Tử Hãn IX-18.

[67] Tử viết: «Khâu chi đảo cửu hĩ.» (Luận Ngữ – Thuật Nhi VII-34)

[68] «Bạc chí nhân lấy trời đất làm một thân, và lấy phẩm vật vạn hình ở giữa khoảng trời đất làm tứ chi bách thể» Há có người nhìn tứ chi bách thể mà không thương thay. Thánh nhân là bạc chí nhân chỉ một mình thể được cái tâm ấy; há thường chia lìa nhiều mối để tìm nó ở bên ngoài ? (Chí nhân tắc thiên địa vi nhất thân, nhi thiên địa chi gian, phẩm vật vạn hình, vi tứ chi bách thể. Phù nhân khởi hữu thị tứ chi bách thể nhi bất ai giả tai. Thánh nhân, nhân chi chí dã, độc năng thể thị tâm nhi dĩ, hạt thường chi li đa

đoan nhi cầu chi tự ngoại hồ.) – Tống Nho của Bửu Cầm: Trình Hạo, trang 78.

[69] Luận Ngữ – Tử Hãn IX-7.

- «Người học đạo phải nên cùng lý. Muôn vật đều có lý. Cùng lý hẳn hiểu biết được điều sở vi của Trời. Biết được sở vi của Trời, hẳn cùng Trời làm một... Kề còn thấy TA ấy là chưa thể cùng lý. Ai biết được cái ta chân thật?» (Tạ Lương Tá, 1050-1103. Tống Nho của Bửu Cầm, trang 99).

[70] Minh đạt ngôn tâm ký tử tắc thần hoạt. Cổ nhân vân: Tâm tử thần hoạt. Tâm tử tắc du thần tử hĩ. Du thần tử nhi nguyên thần hiện; như nhân dục tận nhi thiên lý hiện. Thị dĩ viết: Minh đạt nhị tự giả tức như ngôn: Minh tâm kiến tính dã. Minh giả, quang nhi bất muội. Đạt giả thông nhi bất trệ. Thị nguyên thần bất thức trung chi thức, lương tri, lương năng dã. Đáo thử tắc trí huệ sinh hĩ.

明達言心既死則神活. 古人云心死神活. 心死則遊神死矣. 遊神死而元神現; 如人欲盡而天理現. 是以曰明達二字者即如言明心見性也. 明者光而不昧. 達者通而不滯. 是元神不識中之識良知良能也. 到此則智慧生矣 (Huỳnh Đình Kinh chú. Ngoại Cảnh Ngọc Kinh, quyển thượng trang 17. Tung Ẩn Tử Thạch Hòa Dương thuật)

[71] Huyền học Lão giáo

«Đại đồng nhi vô kỷ» 大同而無己 (L'éloge substantiel de cet homme se résume en ces mots qu'il est un avec le Grand Tout. Il est le Grand Tout et n'est plus lui-même.) (Trang Tử – Tại Hựu, tiết E. Léon Wieger, Tchoang Tzeu, chapitre II, E)

«Chí nhân vô kỷ thần nhân vô công thánh nhân vô danh.»

至人無己 神人無功 聖人無名 (Trang Tử - Tiêu Diêu Du, tiết C.)

Huyền học Phật giáo

«Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm» 應無所住而生其心 (Kim Cương Kinh)

Tòng lai chí đạo dữ tâm thân; học đạo vô tâm đạo tức chân.

從來至道與心親 學到無心道即真 (Tĩnh Mệnh Khuê Chỉ, 11-13)

Phật giáo luôn tha thiết với vấn đề «phá ngã chấp».

Huyền học Bà La Môn giáo

«Kìa sông tới biển thời tiêu

Hết điều danh sắc, hết điều riêng tây

Trở thành biển cả từ đây

Gọi là biển cả từ nay khác gì

Con người nhìn lại cũng y

Khi mười sáu bộ đã qui về Ngài

Còn đâu danh tướng lôi thôi

Rồi ra cũng chỉ là ngôi chân thần

Thế là vĩnh cửu bất phân

Chẳng còn bộ phận, còn thuần tinh hoa

Đã điều qui tụ hiệp hòa

Như đũa liền trục ắt là chân nhân.

Chân nhân là chính chân thần

Tử sinh thôi hết bận tâm lo lường.»

(Prasna Up. 6-5-6 – Brih Upd 4-4, 1-2)

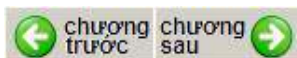
Huyền học và thánh kinh Công giáo

Si quelqu'un veut venir à ma suite, qu'il se renonce lui-même, qu'il prenne sa croix et qu'il me suive...
(Mat. 16, 24)

Ce n'est plus moi qui vis, c'est le Christ qui vit en moi. (Aux Galates 11, 20).

Ut langueat et liquefiat anima mea solo semper amore et desiderio lui, te concupiscat et decficiat in
atria tua, cupiat dissolvi et esse tecum (Prière de St Bonaventure, Paroissien Romain page 58... en sorte
que mon âme languisse et se fonde sans cesse d'amour et de désir pour vous seul. Qu'elle soupire après
vous et se sente défaillir à la pensée de vos tabernacles, qu'elle n'aspire qu'à sa délivrance et à son union
avec vous.)

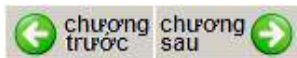
[Mục lục](#) | [Lời nói đầu](#) | [chương 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) | [Tổng luận](#) | [Phụ lục 1](#) [2](#) [3](#) | [Sách tham khảo](#)



KHÔNG HỌC TINH HOA

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

[Mục lục](#) | [Lời nói đầu](#) | **chương 1** [2](#) [3](#) [4](#) | [Tổng luận](#) | [Phụ lục 1](#) [2](#) [3](#) | [Sách tham khảo](#)



Chương 3

Quan niệm thiên tử Trung Hoa đối chiếu với quan niệm thiên tử trong các quốc gia Âu Á cổ kim

I. QUAN NIỆM THIÊN TỬ THEO TRUNG HOA

A. SỬ MẠNG VÀ THIÊN CHÚC

Thánh nhân lĩnh mệnh Trời trị dân thì được gọi là Thiên tử.

Theo nguyên nghĩa, Thiên tử tức là con Trời, hay nói theo từ ngữ Âu Châu, là con Thiên Chúa.

Thánh thiện phối hợp với Trời, thông minh, duệ trí, xứng đáng là tinh hoa nhân loại, thiên tử sẽ ở ngôi hoàng cực, tâm điểm nhân quần, thay Trời trị dân. Thiên tử là những Người Trời (Homme-Dieu), làm môi giới giữa Trời và người.

Phù hiệu của các vị Thiên tử Trung Hoa là rồng vàng, vì theo Dịch Kinh, rồng tượng trưng cho sự biến hóa vô lường, cho Càn Đạo, cho Thiên Đạo, [\[1\]](#) và theo Hà Đồ, màu vàng là màu của Trung cung, Trung điểm.

Trên phẩm phục nhà vua có thêu mười hai hình gọi là mười hai chương, phân phối như sau:

- 1- Mặt trời (nhật 日)
- 2- Mặt trăng (nguyệt 月)
- 3- Những vì sao (tinh thần 星辰)

Nhật, nguyệt, tinh thần lấy ý nghĩa soi sáng. [\[2\]](#)

- 4- Núi lấy nghĩa vững vàng (sơn 山)
- 5- Rồng lấy nghĩa biến hóa (long 龍)

- 6- Chim trĩ lấy nghĩa văn hoa (hoa trùng 華蟲) [\[3\]](#)



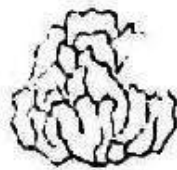
1. Nhật



3. Tinh thần



2. Nguyệt



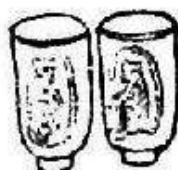
4. Núi



5. Rỗng



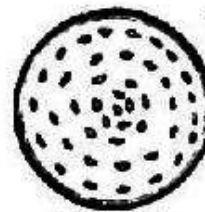
6. Chim trĩ



7. Bình tông di



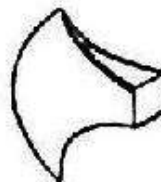
8. Rau tảo



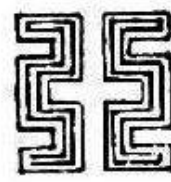
9. Gạo trắng



10. Lửa



11. Lưỡi rìu



12. Chữ Phát [4]

Nửa áo dưới (thường) có thêu:

7- Bình tông di, có mang hình con hổ và con vị (một thử khi đuôi dài) tượng trưng cho quyền tế lễ (tông di 宗彝)

8- Rau tảo, lấy nghĩa khiết tịnh, thanh đạm (tảo 藻)

9- Gạo trắng, có nghĩa nuôi nấng (phấn mễ 粉米)

10- Lửa có nghĩa sáng soi và làm cho ấm áp (hỏa 火)

11- Lưỡi rìu chỉ sự quyết đoán, và quyền sửa phạt (phủ 黼)

12- Chữ phất, thành bởi hai chữ kỷ quay lại với nhau, chỉ sự cân nhắc, thận trọng. (phất 黻) [5]

Cũng như Thượng Đế ngự giữa hoàn vũ làm khu nữu cho vũ trụ, hoàng đế cũng ngự giữa đất nước để cai trị muôn dân.

Các sơ đồ về tổ chức quốc gia thời Hạ, thời Thương, thời Chu chứng minh điều đó:

dân tộc trung kiên nhất hoàn cầu.» [\[8\]](#)

Hồng Phạm dành chương 5 để dạy nghệ thuật làm vua, vì số 5 ở Trung cung, tâm điểm, tượng trưng cho Đạo, cho Trời, vì chương 5 Hồng Phạm dạy vua lẽ lối sống xứng đáng thể hiện Trời, Đạo nơi trần thế. [\[9\]](#)

Thiên tử xứng đáng với tước hiệu và ngôi vị mình, phải nhân đức tuyệt vời.

Muốn là hoàng đế phải có đức độ sánh với Trời.

Khang Hi tự điển ghi chú về chữ Hoàng và chữ Đế như sau:

Hoàng là lớn, là Trời. [\[10\]](#)

Đế là có đức hợp với Trời. [\[11\]](#)

Những vị thánh vương Trung Hoa tin tưởng mình là con Trời, cho nên khi cầu khẩn Trời thì xưng mình là «tiểu tử» là «con nhỏ», còn khi đối thoại với mọi người thì xưng mình là «đại nhất nhân», là «một mình ta». [\[12\]](#)

Lúc nhà vua mất, Lễ Ký gọi là «đăng hà», ý nói lên một nơi xa thẳm như là lên trời [\[13\]](#) và trên bài vị dùng chữ «Đế» nghĩa là được phối hợp với Thượng Đế. [\[14\]](#)

Kinh Thi cũng còn ghi lại niềm tin ấy. Kinh Thi viết:

«Uy danh vang khắp nước non
Trời coi vua Võ là con của Trời
Nước Châu vinh hiển mấy mươi
Ý vua đà muốn, người người hải vâng
Nhu hoà đến cả chúng thần
Tấm lòng lân mẫn thấm nhuần non sông
Võ Vương đáng mặt Cửu Trùng...» [\[15\]](#)

Đoạn Kinh Thi này làm ta liên tưởng đến một đoạn Thánh Vịnh tương tự:

Trên Sion Chúa đặt ta
Làm vua núi thánh truyền ra luật Ngài
Cùng ta, Chúa phán lời chí thiết:
«Con là Con nay thiết Cha sinh
Hãy xin gia sản Cha dành
Bốn phương cõi đất quyền hành Cha ban
Con thống trị khắp toàn dân đó
Roi sắt dùng phạt cả thế gian
Con sẽ đập chúng cho tan
Như bình thợ gốm ra ngàn mảnh rơi...» [\[16\]](#)

Tóm lại, thiên tử chẳng những là thay Trời trị dân, mà còn treo cao gương nhân đức cho mọi người soi.

«Đấng thánh nhân ở ngôi cao, đã lập ra được một gương mẫu tuyệt đỉnh về nhân đức, lấy chính bản thân mình, đời sống mình để dạy dỗ thiên hạ, lại dùng lời nói để giáo hóa thiên hạ; lấy đời sống mình dạy dỗ, tức là cho chúng dân trông thấy những hành vi, cử chỉ của mình, lấy lời lẽ dạy dỗ để dân ca tụng ngâm vịnh cho thuộc, cho nhớ. Cả hai phương diện đều cần thiết, không thể bỏ dân nào được.

«Trong thiên hạ chỉ có Lý là hằng cửu, là cao đại, lời mình diễn về Hoàng Cực, tức là thuần chân, thuần lý, vì thế nên gọi là hằng cửu, là cao đại. Lý đó bắt nguồn từ Trời, vì Trời đã đem chân lý ấy ghi tạc vào tâm khảm con người, nên những lời lẽ hợp với chân lý, hợp với lương tâm con người tức là lời giáo huấn của Trời – Trời tức là vị thánh nhân không nói. Thánh nhân tức là Trời biết nói, một là hai, hai là một vậy.» [\[17\]](#)

B. ĐỨC ĐỘ CÁC VỊ CHÂN THIÊN TỬ TRUNG HOA

Lịch sử Trung Hoa đã ghi chép và đã khen lao đức độ các vị thánh quân, những bậc chân thiên tử.

Hoàng đế được coi là vị thánh nhân. Trong Hoàng Đế Nội Kinh Tố Vấn, chương Thượng Cổ Thiên Chân Luận có ghi chú như sau:

«Trong khi đức đỉnh ở Đỉnh Hồ Sơn xong thì Hoàng Đế lên trời giữa ban ngày. Quần thần chôn áo mào ngài ở Kiều Sơn...» [\[18\]](#)

Vua Thành Thang biết «lấy Trời làm lòng mình», nghĩa là hoàn toàn sống phối hợp với ý Trời. [\[19\]](#)

Sử chép vua Nghiêu rất thương dân. Ngài nói: «Thấy một người dân đói, ta thấy như là ta đói; thấy một người dân rét, ta thấy như là ta rét; thấy một người dân bị áp bức, ta thấy như là ta bị áp bức.» [\[20\]](#) Vì thế, dân chúng coi Ngài như cha, và khi Ngài băng hà, trong ba năm trong nước không nghe thấy tiếng âm nhạc. [\[21\]](#)

Vua Đại Võ khen vua Thuấn như sau: «Lời nói phải không còn bị che đậy giấu diếm, đồng nội không còn sót hiền tài. Muôn nước đều yên. Vua cư xử vừa lòng chúng dân, bỏ ý mình theo ý người, không hiếp đáp kẻ bơ vơ, không ruồng rẫy người cùng khổ, chỉ vua Nghiêu là được thế.»

Ích Tắc nói tiếp: «Vâng, đức vua Nghiêu lấy lòng vang khắp. Ngài là thánh, là thần, gồm văn, gồm võ. Trời cao thương Ngài, trao cho mệnh cả... Ngài gồm thân bốn bề, làm vua thiên hạ.» [\[22\]](#)

Trong Chiến Quốc Sách có chép: Đời vua Vũ có viên quan tên là Nghi Địch nấu rượu rất ngon. Nghi Địch dâng rượu lên vua. Vua Vũ uống vào, thấy rượu ngon ngọt, phán rằng: «Đời sau ắt có vị vua vì rượu mà mất nước.» Ngài bèn xa lánh Nghi Địch, và tự hậu chắt hể uống rượu. [\[23\]](#)

Trong một cuộc tuần thú, vua Đại Võ trông thấy một tội nhân, liền xuống xe, han hỏi và khóc ròng. Tả hữu nói: «Tội nhân này trái đạo, đức vua can chi phải khổ đau?» Vua nói: «Thời Nghiêu Thuấn, dân lấy lòng Nghiêu, Thuấn làm lòng mình. Ta nay lên làm vua, bách tính theo ý riêng mình, vì vậy ta khóc. Vạn phương có tội, lỗi tự mình ta...» Một hôm Ngài qua sông Giang, bị con rồng vàng đội thuyền lên. Cả thuyền đều sợ. Nhà vua không thay đổi thần sắc nói: «Ta chịu mệnh Trời, một niềm tận tụy vì dân. Sống chết của ta là do ý Trời, rồng này làm gì được ta.» Thoắt thôi, rồng cúi đầu cúp đuôi lặn mất. [\[24\]](#)

Chu Công nói: «Trung Tông nhà Ân kính sợ mệnh Trời, giữ mình, trị dân cẩn thận, hải hùng không dám hoang toàng, yên vui. Cho nên vua Trung Tông hưởng nước 75 năm. Tới đời vua Cao Tông, trước vốn khó nhọc ở ngoài cung, làm lụng với dân hèn, cho nên khi lên ngôi, có thời cư tang trong lều, ba năm không nói. Về sau vua cũng ít nói, nhưng khi nói ra là hợp lẽ. Ngài không dám hoang toàng, yên vui. Làm đẹp, làm yên nước Ân, cho nên kẻ nhỏ người lớn không hề khi nào oán trách. Cao Tông trị nước 59 năm.

Văn Vương phục sức xoàng xĩnh, chỉ chăm việc trị an và canh nông. Ngài khiêm cung nhu mì, thương yêu, bênh vực dân hèn, làm ơn cho kẻ góa bụa. Từ sớm đến trưa, từ trưa đến tối, vua không còn có thời giờ rảnh để ăn, mà mê mãi lo cho muôn dân được vui hòa. Ngài không dám ham mê chơi sẵn. Thâu thuế các nước thì chỉ thu chính đáng. Cho nên vua Văn chịu mệnh khi đã đứng tuổi, mà còn hưởng nước được 50 năm.» [25]

Đức Khổng khen các thánh vương thời cổ như sau: «Cao siêu thay! Thuấn Vũ có thiên hạ mà lòng không dính bén.» [26]

«... Đức nghiệp vua Nghiêu to lớn biết bao! Cao siêu biết bao! Chỉ có Trời là lớn; chỉ có vua Nghiêu sánh được với Trời. Lòng rộng thay! Dân chúng không thể khen tặng cho xiết. Cao siêu thay sự thành công của Ngài! Lễ nhạc, pháp độ Ngài rõ ràng thay.» [27]

«Vua Văn nhà Châu được hai phần ba thiên hạ theo mình mà vẫn phụng sự nhà Ân. Đức độ ấy có thể gọi là chí cực vậy.» [28]

Đức Khổng nói: «Vua Vũ nhà Hạ ta chẳng chê trách được. Trong việc ăn uống ngài giữ đạm bạc, nhưng trong việc cúng tế quỷ thần thì lại trọng hậu. Y phục ngài thường mặc thì xấu, nhưng áo mào Ngài trang sức trong dịp cúng tế thì lại rất đẹp. Cung thất của Ngài thì nhỏ hẹp, nhưng ngôi lạch trong nước thì Ngài tận lực sửa sang. Vua Vũ nhà Hạ ta chẳng chê trách được.» [29]

Đọc lịch sử ta thấy các vị thánh vương xưa rất trọng dân, thương dân, cai trị dân một cách dân chủ và bình dị.

Vua Nghiêu cho đặt trống và bản trước triều ca. Hễ ai muốn can gián khuyến cáo nhà vua thì đánh trống xin vào triều kiến, hoặc là viết lời gián nghị lên bảng. [30]

Vua Đại Võ cho treo chuông, trống lớn, khánh, mõ, trống khau tại triều đình. Vua truyền viết trên giá chuông trống như sau: «Ai muốn chỉ dẫn quả nhân về đạo lý, xin đánh trống lớn, muốn khuyến cáo về việc nghĩa xin đánh chuông, muốn trình bày công việc xin đánh mõ, muốn khiếu oan xin đánh khánh, muốn thưa kiện xin đánh trống khau.»

Vua thường nói: «Các hiền sĩ lặn độn ngoài đạo lộ còn khả trợ. Nhưng để họ lặn độn trước cửa ta thì không thể được.» Nên nhiều khi nhà vua đang gọi đầu, phải bỏ dở, vuốt tóc đến hai ba lần, có ngày lại mất cả ăn uống thư thả, để giữ trọn lễ với các hiền sĩ. [31]

Dưới triều nhà Hạ, hằng năm vào tháng đầu xuân, viên chấp lệnh gõ mõ đi khắp nẻo đường, rao rằng:

«Hỡi các quan, các thầy hãy cho nhà vua biết các khuyết điểm của triều chính; hỡi các thợ thuyền hãy cho nhà vua biết các lỗi lầm mà triều chính đã phạm đối với từng nghề nghiệp. Kẻ nào không tuân cứ, sẽ bị phạt theo phép nước.» [32]

Nói chung, các vị thánh vương xưa, tuy ở ngôi cao đứng đầu trăm họ, nhưng không hề dám trễ nải, ăn chơi, trái lại, thường tự nhủ: «Làm vua khó mà làm bầy tôi cũng chẳng dễ.» [33]

Các ngài dùng người hiền thì tôn trọng và không nghi ngờ, gặp kẻ xấu thì xua đuổi không ngần ngại. [34]

Các ngài không dám làm điều trái đạo để cầu lời khen của trăm họ, không dám trái ý trăm họ để thể theo ý riêng mình. [35]

Các ngài ra công học hỏi, tu thân; cố gắng không ngừng để trở nên giỏi giang, nhân đức, ngô hầu trị

dân một cách khôn ngoan sáng suốt. [36]

Các ngài cấp phát tài sản cho dân, vì biết rằng có «hàng sản» [37] thì dân mới có «hàng tâm». [38]

Các ngài khuyến khích chúng dân triệt để khai thác đất đai, để cho dân được no ấm, có đầy đủ tiện nghi và sống một cuộc đời phong phú về vật chất, thuần mỹ về tinh thần, khả dĩ có thể tiến tới được tinh hoa, thánh thiện. [39] Các ngài lấy đức độ mình để cảm hóa dân, coi mình như ngọn gió, và chúng dân như ngọn cỏ; hễ gió thổi thì cỏ lướt theo chiều. [40] Không bao giờ các ngài nghĩ đến sự tàn sát dân, và luôn luôn giữ được đức hiếu sinh, [41] tuy có lập ra hình phạt để sửa trị dân, nhưng trong lòng hằng mong mỗi có ngày vất bỏ được những hình phạt ấy. [42] Các ngài cố giáo hóa dân, mong sao cho dân một ngày một thêm hoàn thiện, có thể đạt tới Trung đạo thông phần vinh quang của thiên tử. [43]

Các vị chân thiên tử xưa trị dân cốt lấy đức độ mình mà cảm hóa dân, và đặc biệt nhất, là các ngài tỏ ra rất là nhân từ khoan hậu.

Đối với dân, thì thương dân và trọng dân, nếu cần sửa phạt thì đăn đo cân nhắc, coi là chuyện bất đắc dĩ. Khi chinh phạt thì chỉ chinh phạt kẻ tàn hung, còn lê dân thì tuyệt đối không sát hại. Khi diệt trừ những bạo chúa xong rồi thì giòng dõi được nhiều dung, hay, hơn nữa, lại còn được trọng dụng, phong quan tước.

Cao Dao khen Đại Võ: «Đức độ nhà vua thật là toàn vẹn. Ngài giản dị khi tiếp xúc với bầy tôi, khoan hồng trong việc cai trị dân chúng. Phạt không tới con, mà thường thì thưởng đến con cháu. [44] Tha cho kẻ lầm lẫn, dù họ phạm tội to; bắt tội kẻ cố ý, dù họ phạm tội nhẹ. Tội nghi ngờ thì coi là nhẹ; công nghi ngờ thì coi là lớn. Thà là đắc tội không thi hành luật pháp còn hơn là giết người vô tội. Đức vua cố làm cho dân thấy ngài quý trọng mạng sống của họ, cho nên dân cố tránh tội lệ, để khỏi bị các giới chức của nhà vua trừng trị.» [45]

Trong Kinh Thư có chép rằng: «Vua Thành Thang khi khởi cuộc chinh phạt (chống vua Kiệt), trước hết chiếm đất Cát. Thiên hạ đều tin tưởng ngài. Ngài đương chinh phục miền Đông thì đoàn rợ Di miền Tây phiên trách; tới chừng ngài chinh phục miền Nam thì đoàn rợ Địch miền Bắc phiên trách. Nó trách rằng: «Sao ngài chẳng tới sớm nước ta?» Dân chúng khắp thiên hạ mong chờ ngài đến, như lúc trời hạn người ta trông cho thấy mây và mống trời. Đến chừng ngài kéo binh vào xứ họ, họ vẫn tự nhiên chẳng sợ sệt gì cả: Người đi chợ vẫn đi, người đương cày vẫn cày. Ngài giết những vị vua hôn bạo, mà giải cứu cho nhân dân. Bá tánh đều mừng rỡ, dường như được mưa tuôn phải lúc.» [46]

Các vị thánh vương Trung Hoa thực đã có những thái độ đường lối khác hẳn với các vị lãnh đạo, các vị đế vương Do Thái.

Thánh Kinh đã cho ta thấy cách cai trị, cách xử sự của các vị lãnh tụ, các vị đế vương Do Thái thật là bạo tàn cứng rắn, chẳng hề có chút tình thương. Các vị lãnh đạo Do Thái đã trị dân bằng sự khủng bố, bằng những hình phạt, bằng sự giết lát.

Moïse đã tàn sát dân chúng hai lần: một lần ở Sinai, tiêu diệt 23.000 người, vì tội thờ bò vàng, nhưng trở trêu thay lại tha cho thủ phạm là Aaron anh mình; [47] chẳng những thế, ít lâu sau còn phong cho Aaron làm thầy cả thượng phẩm... Một lần khác, ở Péor, 24.000 dân lại bị tàn sát, vì tội trai lơ, trăng gió với các con gái dân Moab, với lễ thần Baal. [48]

Deutéronome xác nhận rằng Moïse đã làm cho cả Israel thấy bàn tay quyền phép, và sự kinh hoàng lớn lao... [49]

Khi Josué đưa dân Do Thái vào chiếm xứ Canaan thì đã ra tiêu lệnh phải tận diệt người, vật trong các thành mình sẽ chiếm. [50]

Vua Saül, trong khi tiêu diệt dân Amalec, đã phạm phải lỗi lầm là nhiều sinh cho vua Agag, nên từ đấy đã bị chúc dữ, đã mất vương quyền trên lý thuyết. [51] Còn Agag rốt cuộc cũng bị Samuel đích thân chém chết. [52] David sau khi đã được Samuel tấn phong và đã trở nên đáng Messie của Do Thái, vì sợ Saül giết, nên đã cùng bộ hạ qui hàng vua dân Philistins là Akish, trong vòng một năm bốn tháng. [53] Trong khoảng thời gian ấy, David thường cùng bộ hạ trở về cướp phá miền Negeb, phía nam Palestine, và tận diệt dân chúng vùng ấy, như dân Geshurites, Girzites, Amalécites, cũng như đã tận diệt dân thành Gat, để hết còn ai tố cáo hành động mình. [54] Khi ngài đã lên ngôi, ngoài những trận tiêu diệt địch quân ngoài chiến địa không kể, ngài còn tận diệt dân thành Rabba, cũng như dân chúng trong các thành trì của dân Ammonites. Sử Do Thái chép: «Còn dân sự trong thành, người đem ra mà cắt xé ra hoặc bằng cửa, hoặc bằng búa sắt, hoặc bằng rìu. David làm như vậy cho các thành của Ammon.» [55]

Sau khi thắng dân Moabites, vua bắt họ nằm cả xuống đất đoạn lấy dây đo; cứ giết hai dây, lại tha một dây. [56]

Khi ngài ở ngôi, trong nước có nạn đói kém ba năm. Ngài nghe lời dân Gabaonites, buộc cho con cháu vua Saül đã gây ra tai ương ấy, vì những tiền khiên của vua Saül, cha ông họ, nên đã giao tất cả con cháu vua Saül là 7 người, cho dân Gabaonites đóng cọc nhọn vào ruột, dựng lên trên một ngọn núi cho đến chết; cho rằng làm vậy, Chúa sẽ nguôi cơn thịnh nộ. [57] Trong vụ này vua chỉ tha cho một mình Meribaal, con Jonathan. Nhưng Meribaal chỉ là một phế nhân vì bị què quặt từ bé. [58]

Salomon vừa lên ngôi, liền kiếm cơ giết anh cùng cha khác mẹ với mình là Adonias, người đáng lý ra được thừa kế ngôi vua David, và đại tướng Joab, vị khai quốc công thần dưới triều David, vì đã muốn phò Adonias lên ngôi. [59]

Sử khen vua Salomon khôn ngoan, thông tuệ, giàu sang, phú quý, có tới những 700 vợ hàng vương tước, và 300 cung tần (I, Rois, XI, 1-3). Nhưng thực ra, dân chúng rên siết vì phải phục dịch nặng nề vất vả. Sau khi Salomon thăng hà, dân chúng đến cùng tân vương là Roboam mà than rằng: «Thân phụ vua đã làm cho ách chúng tôi nặng nề quá, nhưng bây giờ vua hãy giảm nhẹ sự phục dịch khó nhọc và cái ách nặng mà thân phụ của vua đã gán cho chúng tôi, thì chúng tôi sẽ phục dịch vua.» Vua Roboam, sau ba ngày suy nghĩ và vấn kế đình thần, đã trả lời dân như sau: «Cha ta đã khiến ách các người nặng nề; ta sẽ làm cho ách các người nặng nề hơn nữa. Cha ta có sửa phạt các người bằng roi da; ta sẽ sửa phạt các người bằng roi bò cạp.» [60] Một lời nói vô ý thức ấy đã làm cho mười họ Israel bỏ vua Roboam mà qui thuận Jéroboam thuộc giòng họ khác. [61]

C. CÔNG TRÌNH CỦA CÁC VỊ THÁNH VƯƠNG TRUNG HOA

Các vị thánh vương Trung Hoa là những người vừa mẫn tiệp, vừa thánh thiện, vừa tài ba xuất chúng, cho nên thường đã lưu lại những công nghiệp vĩ đại.

Phục Hi đã dạy dân săn, câu, chăn nuôi gia súc, lập lễ nghi cưới hỏi, lập văn tự, chế đàn cầm, đàn sắt, vẽ bát quái, đặt nền móng cho Kinh Dịch. [62]

Thần Nông dạy dân canh tác. Vua Nghiên cứu thảo mộc để học tính chất. Thần Nông là thủy tổ ngành y dược. Ông lập chợ cho dân buôn bán, phân phối đình thần. [63]

Hoàng Đế tổ chức triều thần để trị dân, lập chức tả hữu sử để ghi chép lịch sử, san định lại văn tự, lập thiên văn đài gọi là Linh đài để quan sát thiên tượng, thời tiết; qui định can chi để tính năm; lập lịch số, toán số, qui định cân lương, cung điện, sáng tác nhạc phẩm Hàm Trì, lập chế độ áo mào, y thường, chế tạo khí giới, dụng cụ, xe thuyền; lập những qui tắc cho công việc xây cất nhà cửa, tế lễ Thượng Đế, và dạy dỗ dân, tổ chức tiền tệ để tiện buôn bán, viết Nội Kinh. Vợ ngài là Luy Tổ dạy dân nuôi tằm.

Ngài ưa tuần thú, tổ chức quân lữ thành doanh vệ, chế trận pháp, làm kỳ hiệu, lập phép tính điền, để qui tụ dân chúng và khai khẩn đất đai, bắt đầu cho vẽ bản đồ các châu quận. [64]

Vua Nghiêu rất chú trọng đến thiên văn lịch số. Vua định vòng năm là 366 ngày. Sai Hi, Hòa trí lịch tượng, lập ghép thêm tháng nhuận, xác định khởi điểm bốn mùa theo vị trí biểu kiến mặt trời. Để trống và bảng trước triều đình cho dân chúng tới khiếu nại. Đi tuần thú tứ phương 12 năm một lần, để kiểm soát phong tục, lịch số, lễ nghi, phẩm phục, nhã nhạc, cốt cho phong tục trong nước đâu đấy được đồng nhất. [65]

Vua Thuấn qui định thống nhất lại hệ thống cân lường, lễ nhạc. Lập chính sách tuần thú năm năm một lần, phân công cho đình thần. Thừa ấy vua Thuấn đã biết phân công cho đình thần mỗi người một nhiệm vụ, thật là rõ rệt. Về chính trị ta thấy vua Thuấn chú trọng đến:

- 1- Nông nghiệp
- 2- Sản vật tự nhiên
- 3- Công chánh
- 4- Hình pháp
- 5- Giáo dục
- 6- Nghi lễ
- 7- Nhã nhạc
- 8- Thiên thời, địa lợi
- 9- Tấu đối (tức là phúc trình tường thuật mọi công việc cho nhà vua được hay biết).

Vua còn lập ra quan Bách quỹ có quyền trông nom, kiểm soát cả 9 bộ nói trên. Tổ chức của vua Thuấn chẳng khác nào tổ chức của nội các ngày nay. [66]

Vua Đại Võ khai sông, đào ngòi, đục núi làm đường, trị hồng thủy, lập thuế khóa, đúc cửa đỉnh, v.v... [67]

Văn Vương, Võ Vương nối tiếp đường lối của Nghiêu, Thuấn để trị dân. Văn Vương khi bị giam ở ngục Dũ Lý đã làm ra Dịch hậu thiên. Võ Vương nhờ Cơ Tử viết ra chương Hồng Phạm đúc kết lại tinh hoa phương pháp thay Trời trị dân. [68]

Công trình các vị thánh vương Trung Hoa nói tóm lại thực là bao la vĩ đại...

II. TƯƠNG QUAN GIỮA THÁNH NHÂN VÀ THIÊN TỬ THEO QUAN NIỆM TRUNG HOA

Trên nguyên tắc, thiên tử phải:

- 1/ là một thánh nhân [69] đức hạnh tuyệt vời. [70]
- 2/ là một triết vương [71] có mắt tinh đời, biết người, biết dùng người. [72]

3/ được mệnh Trời. [73]

4/ được lòng dân. [74]

5/ có trách nhiệm đem lại cho dân chúng hòa bình thái thịnh, dạy dỗ dân, làm gương cho dân, để họ tiến bước trên đường nhân nẻo đức. Như vậy thiên tử có trách nhiệm và quyền hạn cả về vật chất lẫn tinh thần đối với dân. [75]

Cho nên, dẫu là thánh nhân, dẫu đáng ngôi thiên tử, nếu không được tiến cử với Trời, không được mệnh Trời, thì cũng không được quyền cai trị thiên hạ. [76]

Tuy nhiên, thiên tử hay thánh nhân chỉ khác nhau về nhiệm vụ và địa vị, nhưng trên lý thuyết, không khác nhau về giá trị nội tại. [77] Các ngài trước sau vẫn là những người sống phối hợp với Thượng Đế, là vẻ sáng của Thượng Đế, là hiện thân của Thượng Đế.

Kinh Thi viết:

«Việc Trời chẳng tiếng chẳng tầm,
Nên dùng dạng thức vua Văn hiển hình,
Cho muôn dân thấy mà tin.» [78]

Cao Trung Hiến bình đoạn Kinh Thi này như sau:

«Thánh nhân là đạo Trời có hình tướng. Muốn tìm đạo Trời nơi Trời thì ẩn vi khó thấy, tìm đạo Trời nơi thánh nhân thì có thể thấy và bắt chước được. Cho nên Dịch viết: «Thần minh âu cũng ở nơi người nghĩa là thần minh có thể âm thầm khế hợp với người vậy.» [79]

Khổng Tử lúc gian nan nguy khốn mới xưng mình là vẻ sáng của Thượng Đế y thức như Văn Vương xưa.

Khi bị vây ở đất Khuông, Ngài nói: «Văn Vương thác rồi, vẻ sáng ấy chẳng ở lại nơi ta hay sao? Nếu Trời muốn để mất vẻ sáng ấy, thì sau khi Văn Vương thăng hà đâu có ban cho ta. Nếu Trời không muốn mất vẻ sáng ấy, thì người đất Khuông làm gì được ta?» [80]

Tổng Nho minh xác: «Thánh nhân và Trời là một.» [81]

Những lời lẽ trên gợi lại cho chúng ta một câu Phúc Âm: «Cha ta và ta là một.» [82]

Diệp Các Lão 葉闍老 đời Thanh chủ trương Thiên Chúa đã giáng trần nhiều lần dưới hình hài Nghiêu, Thuấn, Khổng Tử, nhiều vua, và nhiều vị thánh nhân khác. Cho nên cũng giáng trần bên Âu Châu trong hình hài Chúa Jésus... Kết luận là Chúa Jésus đối với Âu Châu thế nào thì Khổng Tử và các văn hào lỗi lạc khác đối với Trung Hoa cũng vậy.

Tiến sĩ Michel còn nói: học thuyết Khổng Tử hoàn bị vì chính là học thuyết của Trời. [83]

III. QUAN NIỆM VỀ THIÊN TỬ TRONG ÍT NHIỀU QUỐC GIA KHÁC VÀ QUA CÁC THỜI ĐẠI

Thực ra, niềm tin tưởng rằng vị thánh quân này, vị thánh nhân kia là hiện thân của Thượng Đế, là Thượng Đế giáng trần, đối với các dân tộc xưa không có gì là lạ cả.

Khảo sát các nền văn hóa cũ ta thấy khắp nơi đều tin tưởng như vậy.

Trong quyển The Golden Bough, nơi chương VII, nhan đề Incarnate human gods «Thần minh giáng

phàm», ông James George Frazer đã khảo sát về vấn đề này rất là tường tận kỹ càng.

Ông viết: «Quan niệm Người-Trời hay một nhân vật có quyền phép Trời hay quyền phép siêu nhiên là một quan niệm đặc biệt thời cổ sơ của lịch sử đạo giáo. Thời ấy thần minh và nhân loại còn được coi hầu như đồng loại. Sau này, hố sâu ngăn cách chia rẽ đôi đường mới một ngày một thêm sâu thẳm.» [\[84\]](#)

Tóm lại, trong khi các đế vương Trung Hoa xưng mình là:

- Thiên tử (con Thiên Chúa, con Trời) [\[85\]](#)
- Thiên sứ (sứ giả của Trời) [\[86\]](#)
- Thiên dịch (tôi tá của Trời) [\[87\]](#)

thì các vị đế vương hay các vị thánh nhân các nước khác trong hoàn vũ cũng thường xưng mình, hay thường được xưng tụng là:

- Con Thiên Chúa
- Thiên Chúa
- Đấng Christ, hay Messie
- Đấng Cứu Thế.

Chúng ta sẽ dùng lịch sử cổ kim để chứng minh điều đó.

Trước hết, chúng ta hãy lần giở Thánh Kinh cũ và mới. Tước hiệu «Con Thiên Chúa» đã xuất hiện từ trước thời Hồng Thủy như đã được ghi chép trong chương 6 Sáng Thế Ký. [\[88\]](#)

Ý nghĩa đoạn này chưa được giải thích chính xác. Những con Thiên Chúa đề cập nơi đây, có thể là những thiên thần, những người Trời, hay những người đã được Thần Chúa nhập vào. Nói được vậy, là vì Sáng thế ký, sau khi ghi chép rằng các Con Thiên Chúa bắt đầu yêu và lấy con gái loài người, đã viết tiếp: Yahve nói: «Thần ta sẽ chẳng ở mãi trong loài người, vì loài người chỉ là xác thịt. [\[89\]](#)

Trong Deutéronome, ta thấy chữ «Những Con Trời» dùng đối với chữ «Những Con Người». Và ở đây, «Những Con Trời» được quyền cai trị «Những Con Người», trong những vùng đất đai Thiên Chúa đã chỉ định sẵn. Ở Israel, Jacob là «Con Thiên Chúa được phần gia nghiệp». [\[90\]](#)

Về sau vua David cũng đã được gọi là Con Thiên Chúa, là Thiên tử.

Thánh Vịnh 89 đã ghi rõ điều đó:

«Chúa từng phán trong khi mặc khải

Ánh siêu nhiên, giải tới tôi hiền

Ta ban dũng sĩ triều thiên

Đặt người lê thứ lên trên ngai vàng

Tìm David trong hàng tôi tá

Lấy dầu thiêng ta đã xức cho

Ta còn vững mạnh hộ phù

Cho người sức mạnh cơ đồ làm nên...

Kẻ gian ác khôn tìm hành hạ,

Kẻ đối phương chẳng khá lộc lừa,
Và bao đảng nghịch quân thù,
Vì người, ta sẽ diệt trừ phá tan.
Ta cho tựa lòng nhân, đức tín
Nhờ danh ta nước tiến oai hùng,
Quyền người lan rộng Tây Đông,
Bao la mặt biển, dòng sông rộng dài,
Người sẽ gọi Cha tôi Chúa hỡi,
Thành đá hằng cứu rỗi của tôi,
Và ta con trưởng đặt người
Lên ngôi cao cả các ngôi vương hầu.
Ta sẽ trọn lòng yêu mãi mãi
Lời ước giao giữ tới đời đời,
Cháu con người sẽ truyền ngôi.

Tháng năm cùng với tầng trời dài lâu. [\[91\]](#)

Kể đến, vua Salomon cũng được Chúa chính thức công nhận là con, qua lời tiên tri Nathan. Chúa phán:

«...Đến khi người (David) mãn phần về cùng tổ phụ người, ta sẽ giữ vững giòng dõi người, một trong các con trai người sẽ được ta cho lên trị vì vững chắc. Người sẽ xây cho ta một đền thờ, và ta sẽ làm cho ngôi báu người bền vững mãi. Ta sẽ là cha người và người sẽ là con ta. Sự phù hộ ta, ta sẽ chẳng cất khỏi người như ta đã làm đối với những kẻ ở trước người, song ta sẽ lập người đời đời tại trong nhà ta và trong nước, và ngôi báu người sẽ bền vững mãi. [\[92\]](#)

Vua xứ Tyr, lại tiến thêm bước nữa: vua xưng mình là Thiên Chúa ngự tòa Thiên Chúa ở giữa trùng dương. [\[93\]](#)

Đàng khác, chính Thiên Chúa cũng công nhận vua xứ Tyr trước khi trở nên giàu có, oai quyền, kiêu ngạo đó là một gương mẫu cho sự toàn thiện, và đã được coi như một thiên thần Chérubin, được Chúa hết sức thương yêu chiều chuộng.

Chúa nói cùng vua Tyr:

Xưa người là một tấm gương hoàn thiện,
Người khôn ngoan, kiêu diễm biết là bao.
Người ở Eden, thượng uyển đáng Tối cao,
Y thường người, được dệt bằng muôn châu ngọc.
Mã não, kim cương, ngọc thanh, hoàng, xích, lục,
Với hoàng kim để làm sáo trống người,
Ta đã sắm, từ khi người vừa mới chào đời.
Người y như một thiên thần giang rộng cánh

Và chính ta, đã đặt người trên núi thánh.
 Cho người bước trên toàn là những ngọc châu
 Và người từng đã có đời sống thanh tao,
 Cho tới ngày người sa vào vòng tội lệ. [94]

Chúa cũng đã gọi Cyrus một vua Ba Tư ngoại đạo [95] là đấng Christ, đấng Messie.

Yahvé phán cùng Cyrus đấng Christ của Ngài: «Ta đã cầm lấy tay hữu người, để hàng phục các dân nước trước mặt người. [96]

Chẳng những thế, tước vị con Thiên Chúa còn được áp dụng cho những người có đời sống thánh thiện hoàn hảo.

Sách Minh Triết viết:

«Kẻ lành tự đắc mình được biết Chúa và tự xưng mình là con Thiên Chúa... Nếu kẻ công chính con Thiên Chúa thật, thì Chúa sẽ giúp họ, Chúa sẽ cứu họ khỏi tay thù địch! Vậy ta hãy sĩ và quấy nhiễu họ.» [97]

Kinh Thánh cũng chép khi Otniel, Saül, David được thụ phong thì Thần Chúa nhập vào các ngài, [98] và như vậy Chúa ở cùng Saül, [99] cùng David. [100] Những đoạn này làm liên tưởng tới câu Kinh Thi: «Thượng đế lâm nhũ, vô nhị nhĩ tâm.» [101]

Khi Chúa Jésus ra đời, bao nhiêu huy hiệu:

- Thiên tử [102]
- Thiên chúa [103]
- Christ, Messie [104]
- Cứu thế [105]

lại được dùng để xưng tụng Ngài và chính Chúa Jésus cũng rất nhiều lần xưng mình là Con Thiên Chúa. [106]

Tuy nhiên Thánh Jean và Thánh Paul vẫn chủ trương mọi người đều có thể trở nên con Thiên Chúa [107] và hoàn vũ chỉ cốt để tạo thành những con Thiên Chúa. [108]

Vì thế ước vọng và vinh dự lớn lao nhất của người Thiên Chúa giáo là trở thành «đấng Christ mới» (Christanus Alter Christus). [109]

Cho nên ngay trong giáo hội Công giáo nhất là máy thế kỷ đầu ta đã thấy có những người xưng mình là con Thiên Chúa, là hiện thân của Thượng Đế.

Ở thế kỷ thứ hai, Montanus người Phrygie xưng mình là hiện thân của Thượng Đế. [110]

Các môn đệ Thánh Columba cũng tôn thờ ngài như là hiện thân của Chúa Ki Tô. [111] Thế kỷ thứ 8, Elipandus ở Toledo, nói về Chúa Ki Tô như là «Chúa giữa các Chúa», ý nói mọi người tin đạo đều là Chúa y như Chúa Jésus vậy. [112]

Thế kỷ XIII, có một giáo phái gọi là «Anh chị em tinh thần tự do» chủ trương: Nhờ sự chiêm ngưỡng

miệt mài, ai cũng có thể kết hợp với Chúa một cách tuyệt diệu và nên một với Nguồn gốc vạn vật; và ai đã được nhập vào bản thể hạnh phúc của Chúa, sẽ trở nên phần mình Chúa, nên con Chúa như đấng Christ và sẽ không còn bị mọi luật lệ gian trần và thiên cung chi phối... [\[113\]](#)

Dĩ nhiên những chủ trương trên bị Giáo Hội phi bác và cho là lầm lạc hết.

Khảo sát lịch sử các nước sống ở ngoài ảnh hưởng Thiên Chúa giáo ta cũng vẫn thấy quan điểm tương tự về «thần minh», về «Người Trời», về «Thiên tử», và đấng «Cứu thế» ở khắp các dân nước.

Khi Pháp còn theo đạo Druidisme thì quốc gia Celte được coi là tiểu vũ trụ mà vị quân vương giáo chủ được coi là Hóa Công suy lòng mình để đem sự hòa bình thượng giới vào trong xã hội loài người. [\[114\]](#)

Thừa xa xưa, các vua xứ Akkad thuộc miền Mésopotamie, vẫn cho mình là đại diện của Trời, là thần minh, là đấng Christ, đấng Messie vì mỗi triều đại mới là một hứa hẹn cho sự bình yên thái thịnh. [\[115\]](#)

Các vua Babylone thời sơ thủy, từ Sargon I tới triều đại Ur hay sau hơn nữa, đều coi mình là thần minh, ngay khi còn sinh thời. [\[116\]](#)

Các vua Ai Cập cũng được thần thánh hóa ngay khi sinh tiền. Và chắc chắn là các vua Ai Cập coi mình là người Trời.. là con thần Ra. Các ngài cho rằng mình có chủ quyền chẳng những trên nước Ai Cập, mà trên khắp mọi dân nước, trên toàn thế giới... [\[117\]](#)

Ernest Findlay Scott cho rằng:

Chữ đấng «Cứu thế» xưa là một tiếng ngoại giáo thường được áp dụng cho nhiều vị thần minh, hay những người đã được thần thánh hóa.

Nhiều vua xứ Syrie và Ai Cập cũng được mệnh danh «đấng Cứu thế». Có lẽ vì nguồn gốc ngoại giáo như vậy nên thoát kỳ thủy giáo dân đã tránh không muốn dùng tước hiệu ấy để xưng tụng chúa Jésus, và mãi đến thế kỷ thứ 2, tiếng «đấng Cứu thế» mới trở nên tước hiệu phổ thông để chỉ đấng Christ. [\[118\]](#)

Andrew F. Wall viết trong bộ Tự điển Thần học như sau:

Các dân nước quanh dân Do Thái xưa thường hay thần thánh hóa vua chúa. Chẳng hạn, người Hi Lạp tin rằng thần minh có thể mặc xác phàm, và ngược lại con người có hồn thiêng bất tử giống thần minh. Vì thế họ thần thánh hóa vua chúa rất dễ dàng.

Các vị anh hùng, các bậc cứu quốc, kiến quốc thường được tôn sùng như thần minh ngay khi họ còn sinh thời.

Alexandre được thờ sống trong những quốc gia Á Châu mà ông chinh phục được. [\[119\]](#)

Đối với các vua chúa kế vị Alexandre, thời việc được thờ phụng trở nên quá thông thường. Đó có thể là một kiểu đua nịnh Á Đông mà vua Hérode Agrippa đã mua với một giá rất đắt (Actes 12: 20ff), nhưng cũng có thể là một cử chỉ thành thực, như khi vua Antiochus IV Epiphanus, vị vua ác cảm với Do Thái, và Thiên Chúa Do Thái, đã xưng mình là Chúa Thần Zeus, và trên tiền tệ phát hành, ghi tạc, tuyên xưng mình là Chúa (God). Chủ trương này cũng liên quan mật thiết với truyền thống Ai Cập, một quốc gia coi giòng dõi vua chúa là Thần thánh, ngôi vua được truyền tử, lưu tôn, và giống họ Ptolémée đầu chết sống cũng được thờ phụng công khai.

Từ thời Jules Caesar về sau, thì sự thần thánh hóa vua chúa được qui định cẩn thận, và sự thờ phượng vua chúa được thi hành nguyên ở La Mã không thôi... [\[120\]](#)

Jules Cesar được thờ phụng trong những nơi ông chinh phục được. Vua Auguste khuyến cáo tôn thờ

«Thần Jules Caesar» nhưng lại giảm bớt sự tôn thờ đối với mình. Auguste và các vua kế vị đều được thần thánh hóa chính thức lúc băng hà. Các vua như Caligula, Neron, Domitien bắt dân phải thờ phụng mình ngay khi còn sống... [121]

Ông Andrew F. Walls có lẽ muốn giải thích những dữ kiện trên, nên tiếp tục viết đại khái như sau:

Đạo huyền đồng, mật giáo Hi Lạp có mục đích tu luyện cho tâm hồn được hòa đồng với thần minh, và chủ trương tâm hồn cũng cùng một giòng giống với Thần minh. Quan niệm này đã ảnh hưởng tới Philon và cũng đã xâm nhập vào một vài hình thức của Huyền đồng Công giáo. Người ta không còn coi con người là nghĩa tử, dưỡng tử của Thiên Chúa mà chính là thông phần bản thể Thiên Chúa; tu trì là chuyển hóa bản thể chứ không phải là chuyển biến trên bình diện luân lý. [122]

IV. CÁC BIẾN CHUYỂN VỀ QUAN NIỆM THIÊN TỬ THEO GIÒNG THỜI GIAN

Quan niệm Thiên tử có thể coi như là một quan niệm, một khám phá vĩ đại của người xưa. Năm sáu nghìn năm lịch sử còn đó để chứng minh rằng con người đã có những ngưỡng vọng quả là to tát; mà ngưỡng vọng to tát nhất là tin tưởng rằng con người có thể trở nên nhân đức, thông tuệ, vẹn toàn, trở nên Con Thiên Chúa, nên Thiên tử, bước lên ngôi vị Trời, thay Trời trị dân, để cầm cân nảy mực cho muôn dân.

Chức vị ấy mở rộng chờ đón mọi người không dành cho riêng ai. Và trong lịch sử đã có những con người siêu việt đăng ngôi Thiên Tử, lên trị vì để đem hạnh phúc cho nhân loại.

Thay vì giới hạn ở Trung Hoa, quan niệm tuy đã có thời kỳ phổ cập khắp thiên hạ.

Đọc cổ sử ta đã thấy tước hiệu ấy được áp dụng cho những đấng quân vương tài đức, hoặc cho những vị thánh nhân.

Nhưng dần dà, theo đà thời gian, tước hiệu Thiên Tử đã mất ý nghĩa thiêng liêng của nó, đã mất hồn thiêng mà chỉ còn lại cái xác, còn lại mũ miện, áo xống, tước vị đã mất thiên tước để trở thành một huy hiệu chính trị trần tục suông. Lúc hưng thịnh nó rực rỡ như vàng nhật nguyệt, chất chứa bao là hứa hẹn thanh bình hạnh phúc cho nhân loại; thời mệt vận, lảm hời nó lại tầm tối như trời vắng trăng sao, và gieo rắc biết bao hãi hùng, đau thương, tang tóc cho nhân loại.

Nhìn sang phía trời Tây, đã từ ngót hai nghìn năm nay, hai tiếng Thiên Tử đã trở nên một huy hiệu độc đáo, duy nhất, để tặng dữ cho Chúa Ki Tô.

Và từ đấy các vua chúa Âu Châu không còn ai dám xưng mình là Thiên tử nữa. Quan niệm «Vua – Đại diện Trời – Giáo chủ» không còn toàn vẹn nữa, và ta thấy trong vòng hơn một nghìn năm, sau bao thăng trầm, bao tranh chấp hoặc thềm lặng hoặc công khai, quan niệm ấy chuyển hướng dần để đi tới một đối đỉnh là:

«Giáo chủ – đại diện Trời – vua». Chúng ta hãy quay lại cuốn phim lịch sử...

Cách đây ngót hai mươi thế kỷ, Thiên Chúa giáo đã như ngọn nước thủy triều lan tràn khắp Âu Châu, nhất là khi vua Constantin chính thức công nhận đạo Thiên Chúa là quốc giáo (312)...

Khi giáo quyền còn bở ngỡ, sự tổ chức chưa có qui mô, thì các vua thượng vị còn có rất nhiều quyền hạn cả đạo lẫn đời.

Tuy không chính thức tuyên xưng là giáo chủ, các vua lúc ấy hành động y thức như vị giáo chủ ngày nay.

Vua Constantin đã triệu tập cộng đồng chung Nicée (325) đoán định về giáo lý, chủ tọa nhiều phiên

hợp công đồng, truất phế lưu đầy các giám mục có những tư tưởng chống đối với đại đa số. [\[123\]](#) Giám mục Anathase bị cộng đồng Tyr (335) kết án, đã trốn sang Constantinople để minh oan với vua, chứ không sang Rome. [\[124\]](#) Théodore (408-450), và Pulchérie (414-453) cũng có ảnh hưởng sâu rộng đối với các cộng đồng Ephèse (431) và Chalcédoine (453), v.v...

Khảo sát lễ tấn phong các bậc đế vương nước Pháp ta thấy vua cũng được coi là vị đại diện Chúa Ki Tô, là «một Chúa Ki Tô mới», «Chúa Ki Tô thứ hai», làm môi giới giữa Trời và Người. [\[125\]](#)

Charlemagne được thụ phong với tước hiệu là: «đại diện Chúa Giê su» chủ tể nước thượng vị Công giáo». [\[126\]](#) Trong một bức thư gửi Giáo Hoàng, nhà vua xưng mình là «Chúa, là Cha, là Vua, là Thầy cả, là lãnh đạo và hướng đạo cho toàn thể giáo hữu». [\[127\]](#) Ngài chủ trương trị dân là lĩnh trách nhiệm hướng dẫn dân đến sự cứu rỗi hằng cửu. [\[128\]](#) Và khi Giáo Hoàng Léon III lên ngôi, liền gửi cho Ngài bản sao sắc tấn phong, kèm theo chìa khoá mở Thánh Phêrô với cờ hiệu thành La Mã, tỏ lòng thần phục. [\[129\]](#)

Dần dà giáo hội không cho các vị Hoàng đế xen lẫn vào công việc giáo hội nữa. Các nhà thần học chủ trương: Giáo Hoàng và Hoàng đế tượng trưng cho hai nửa mình Thiên Chúa, một bên giữ quyền giáo hóa, giải kết (tha hay buộc tội), một bên giữ quyền cai trị thưởng phạt. Một bên là «Con Người», một bên là «Con Trời». [\[130\]](#)

Càng về sau, khi giáo hội càng lớn mạnh, thì vua chúa càng mất quyền.

Thế kỷ XI, Giáo Hoàng Grégoire VII (1073-1085) tuyên 27 Sắc chỉ (Dictatus Papae), xác định uy quyền tuyệt đối của Giáo Hoàng:

Sắc chỉ 12: «Giáo Hoàng có quyền truất phế Hoàng đế.»

Sắc chỉ 20: «Không ai được bài bác, chỉ trích một quyết định của Giáo tông.» [\[131\]](#)

Đến thế kỷ XIII, dưới triều đại Giáo Hoàng Innocent III (1198-1216), Giáo Hoàng thực sự có quyền tuyệt đối. Ngài tuyên xưng mình là «Đại diện Chúa Ki Tô, đại diện Thiên Chúa, Bá chủ Giáo hội và Thế giới» có quyền truất phế vua chúa và mọi sự trên Trời dưới đất, trong hỏa ngục đều thuộc quyền đấng thay mặt Chúa Ki Tô. [\[132\]](#)

Ngài tuyên bố: «Cũng như mặt trăng nhờ ánh sáng mặt trời... quyền Chúa cũng vay mượn nơi quyền Giáo Hoàng sự huy hoàng của tước vị nó.»

«Các vua chúa chỉ có quyền dưới đất, còn các linh mục có quyền cả dưới đất lẫn trên trời. Quyền vua chỉ chi phối thể xác, quyền các linh mục chi phối cả thể xác lẫn tâm hồn.» [\[133\]](#)

Giáo Hoàng Boniface VIII (1294-1303) trong sắc lệnh «Unam Sanctam» viết: «Ta tuyên bố, phán quyết, xác định và tuyên cáo: sự thần phục Giáo Hoàng La Mã là điều hoàn toàn thiết yếu cho sự cứu rỗi của mọi người.» [\[134\]](#)

Các nhà thần học như Henri de Suse cũng chủ trương: «Giáo dân chỉ có một đầu là Giáo Hoàng.» [\[135\]](#)

Giáo Hoàng Calixte III (1455-1458) truyền ghi trên đồng tiền kỷ niệm triều đại: «Omnes reges servient ei» (mọi vua chúa tuân phục ngài). [\[136\]](#)

Giáo Hoàng Jules III (1550-1555) truyền ghi trên đồng tiền kỷ niệm triều đại: «Gens et regnum quod non servierit tibi peribit» (Dân tộc, quốc gia nào không tuân phục ngài, sẽ tiêu ma). [\[137\]](#)

Và trên thực tế, ta đã thấy Hoàng đế Henri IV, bị Giáo Hoàng Grégoire VII truất phế, đã lặn lội tới Canossa, chịu nhục nhằn, đói rét, đứng chờ ba ngày trước lầu đài để xin Giáo Hoàng thứ tội.» [138]

Thời Giáo Hoàng Innocent III (1198-1216) vua Jean sans Terre nước Anh cũng bị vạ tuyệt thông (1209). [139] Hoàng đế Frédéric II (1194-1250) bị truất phế, v.v...

Giáo Hoàng Innocent III đã chủ trương lập nền thiên trị do đức Giáo Hoàng đứng đầu và làm bá chủ hoàn cầu... [140]

Thực ra, Giáo Hoàng được coi y như là Thiên Chúa, [141] «vì thế ngài đội mũ miện ba tầng khác nào như vua trên trời, dưới đất, và hỏa ngục». [142]

Thế là:

Quan niệm Thiên tử thay Trời trị dân ở Trung Hoa thời cổ lại sống lại phía trời Âu dưới hình thức thần quyền và đạo giáo. [143]

KẾT LUẬN

Trong công cuộc khảo sát quan niệm Thiên tử Trung Hoa, chúng ta đã tìm tòi học hỏi về vấn đề một cách hết sức sâu rộng, chúng ta đã vượt khỏi biên cương Trung Quốc, chúng ta đã rẽ sóng thời gian đảo mắt nhìn ngót năm nghìn năm lịch sử nhân quần. Đối với một vấn đề quan trọng như vậy, công trình của chúng ta thiết tưởng không có viển vông, vô lý. Bởi vì có nhìn xa trông rộng, chúng ta mới hiểu rõ vấn đề, chúng ta mới lĩnh hội thấu đáo được rằng xưa nay Trời chẳng xa người vì từ ngàn xưa nơi trần ai tục lụy đầy gian nan mâu thuẫn này, đã có những vị thánh hiền cố công đem thanh bình an lạc từ thiên quốc xuống cho nhân loại.

Chúng ta ghi nhận những sự kiện và biến chuyển lịch sử sau đây:

1/ Từ ngàn xưa, đã có những vị Thánh vương lĩnh mệnh trời trị dân.

Trong khi ở các dân nước khác, các vua chúa tự xưng là Trời, là Người Trời, là Thần minh, ở Trung Hoa sau trước các vị đế vương chỉ xưng mình là Con Trời, lĩnh mệnh Trời trị dân.

2/ Quan niệm Thiên tử ngày một bị trần tục hóa và có thể nói được từ thời Xuân Thu Chiến Quốc về sau không còn một vị vua chúa nào ở Trung Hoa quan niệm được một cách chính xác thiên chức cao cả và sứ mạng thiêng liêng của mình.

3/ Ở Âu Châu, quan niệm Thiên tử, từ khi có Thiên Chúa giáo, đã được thu hẹp lại, và đã được siêu thăng hóa, để áp dụng cho một mình Chúa Ki Tô.

4/ Tuy nhiên quan niệm Thiên tử như là một thánh nhân hay một hiện thân của Thượng Đế vẫn còn được ít nhiều dân tộc không Công giáo, chủ trương (ví dụ như Ấn Độ). [144]

5/ Đã từ lâu dân chúng hết tin tưởng ở các vị vua chúa hay ít ra chủ nghĩa quân quyền mất hết vẻ quyền rũ đối với dân chúng, vì đã có nhiều vua chúa lạm dụng quyền thế áp bức dân lành. Cho nên tước hiệu thiên tử đã rút lui khỏi trần gian để trở thành một huy hiệu hoàn toàn đạo giáo.

Ngày nay, nếu chúng ta chịu suy nghĩ cho sâu xa về phương diện đạo giáo thì hai chữ thiên tử vẫn còn có thể nên như một chìa khóa nhiệm mầu mở cho chúng ta cánh cửa vĩnh cửu thiêng liêng huyền bí.

Thiên tử hiểu theo nghĩa đạo giáo sẽ trở nên một lý tưởng cao đẹp lôi cuốn chúng ta tiến bước mãi

trên con đường hoàn thiện để tiến tới tinh hoa, tiến tới cùng cực.

Thiên tử sẽ là cùng điểm của nhân loại.

Hồng phạm nói:

«Hội kỳ hữu cực» «Qui kỳ hữu cực». [145] Phải chăng định mệnh cao sang của nhân loại là đều cùng qui hướng về tâm điểm hoàn thiện, đều hội tụ cả về cực điểm tinh hoa mà xưa vị thiên tử đã là một tượng trưng sống động.

Phải chăng vũ trụ tương lai huy hoàng xán lạn cốt là để đón chờ những vị thiên tử [146] mai sau.

CHÚ THÍCH

[1] Cui Dịch Kinh, Càn quái.

[2] Ses étendards où sont reproduits le soleil, la lune et les étoiles montrent la clarté de son intelligence.

Xuân Thu Tả Truyện, Hoàn Công năm 2.

Couvreur, Tch'ouen Ts'iou, Tome I, page 70. Hình mặt trời, mặt trăng, (Âm Dương: kim ô, ngọc thổ) thêu trên phẩm phục nhà vua giống hệt như những hình Âm Dương hay kim ô ngọc thổ vẽ trong các sách đơn thư, đạo thư của Lão giáo, ví dụ nơi hình «Phổ Chiếu đồ» trong quyển Tính Mệnh Khuê Chỉ. Như vậy ngoài ý nghĩa thông thường kể trên, hình mặt trời mặt trăng còn gợi cho hay rằng nhà vua cần biết lễ «phối hợp Âm Dương», lễ «thiên nhân hợp phát» hay lễ «phản bản hoàn nguyên».

[3] Lễ Ký cất nghĩa ý nghĩa áo mào vua như sau: «Ngày lễ vua mặc áo long cổn, tượng trưng cho Trời, đội mũ có 12 gù giải, tức là 12 số Trời, 12 định luật thiên nhiên, ngồi xe không có trang trí, để tỏ lòng ưa chuộng chất phác đơn giản. Cờ có 12 gù giải và có rồng, có mặt trời, có mặt trăng, chỉ thiên tượng. Trời treo thiên tượng, thánh nhân bắt chước. Lễ giáo là cốt làm cho thiên đạo được minh hiển.» (Lễ Ký – Giao Đặc Sinh, tiết 6)

[4] Hình trên phỏng theo hình ở trong luận văn của Trần Thị Nở, trang 91 bis. Hình này nguyên đã được trích trong quyển «The Chinese Court Costume», The Royal Ontario Museum of Archeology, Toronto, 1946.

[5] Xem Thượng Thư, Ích Tắc, tiết 4. Bản dịch Nhưộng Tống trang 40.

Cf. Étude de la catégorie correspondant à la notion de siang (tượng) dans le Hi-ts'eu (Hệ Từ) du livre des Mutations ou Yi King (Dịch Kinh). Luận văn của Trần Thị Nở, Đại Học Văn Khoa, năm 1964-1965, trang 91 bis.

[6] Các chữ trong sơ đồ 1 từ trong ra ngoài: Vương kỳ, Hầu, Điện, Nam, Thái, Vệ, Man, Di, Trấn, Phiên.

Các chữ trong sơ đồ 2, từ trong ra ngoài: Điện phục, Hầu phục, Tuy phục, Yêu phục, Di phục, Thái phục, Man.

[7] Tử viết: Vi chính dĩ đức, thí như bắc Thầncư kỳ sở nhi chúng tinh cùng chi. 子曰:為政以德,譬如北辰居其所而眾星共之 (Luận Ngữ – Vi Chính, 1)

[8] Cf. Mémoires concernant les Chinois par les rmissionnaires de Pékin, 1780: 15 volumes, Tome VI, page 335 — Dr A. Chamfrault, Traité de Médecine chinoise, page 101.

[9] Dr A. Chamfrault, Traité de Médecine chinoise, page 100.

[10] Hoàng: đại dã, Thiên dã. 皇:大也, 天也.

[11] Đế: đức hợp thiên giả xưng Đế. 帝:德合天者稱帝.

[12] Ts'ai Peen (Thái Biện 蔡卞 says: «In the announcement to the myriad regions, and in distinction from the multitudes, the emperor calls himself «The one man». Realizing his relation to God, and feeling as in his presence, he calls himself a little child (Dĩ thiên tử cáo vạn phương cố xưng dư nhất nhân, đối Thượng Đế nhi ngôn cố xưng «Dĩ tiểu tử»). 以天子告萬方故稱予一人對上帝而言故稱台小子 (Thang Thệ tiết 2, chú thích của James Legge) (James Legge, The Shoo King, trang 174)

... Selon d'autres commentateurs, (Dư nhất nhân) signifie: moi le seul hornme qui associé à l'œuvre de l'Auguste Ciel commande à tous les hommes. (Khắc phối Hoàng Thiên, vi hạ dân kỳ chủ giả, duy dư dã 克配皇天為下民其主者惟予也). (Lễ Ký Bị Chi 禮記備旨) Couvreur, Li Ki, Tome I, Kiu Li (Khúc Lễ), page 81, notes.

[13] Cáo táng viết Thiên vương đăng hà 告喪曰天王登假 (Lễ Ký – Khúc Lễ tiết 32). Chú: 尊之不敢言其死但言其升陟於遐遠之處猶言其登天也 (Ngô Trùng 吳澄)

Par respect pour l'empereur on ne se permet pas de dire qu'il est mort. On dit seulement qu'il est monté vers un lieu très éloigné, comme si l'on disait qu'il est allé au ciel.» (Couvreur, Li Ki, Tome I, page 86, notes).

[14] 立之主曰帝 (Lễ Ký – Khúc Lễ, tiết 32) chú: 立之曰帝同之天神 (Trịnh Khang Thành 鄭康成) «Sur la tablette, on donne à l'empereur le titre du ti, on l'assimile à l'esprit du ciel.» (qu'on appelle 上帝) (Couvreur, Li Ki, page 86, notes)

[15] Xem Kinh Thi – Chu Tụng, Thanh Miếu, Thời Mạ.

Thời mại kỳ bang	時邁其邦
Hạo Thiên kỳ tử chi	昊天其子之
Thực hữu tự hữu Chu	實右序有周
Bạc ngôn chấn chi	薄言震之
Mạc bất chấn điệp	莫不震疊
Hoài nhu bách thần	懷柔百神
Cập hà kiều nhạc	及河喬嶽
Doãn vương duy hậu	允王維后

(Xem James Legge, The She King, trang 577)

[16] Mai Lâm – Đoàn Văn Thăng, Thánh Vịnh toàn tập, Thánh Vịnh 2, trang 20-21.

[17] Thánh nhân tại thượng, ký kiến cực nhi dĩ thân giáo vu thiên hạ, phục phu ngôn nhi dĩ ngôn giáo vu thiên hạ, cái thân giáo giả, thị dĩ cung hành tiến lý chi thực; ngôn giáo giả, sử kỳ ca tụng ngâm vịnh nhi đắc, nhị giả bất khả thiên phế dã. Thiên hạ duy Lý vi chí thường, duy Lý chi vi đại. Hoàng cực chi phu

ngôn, thuần hồ nhất lý, cố vị chi thường lý, cố vị chi đại huấn, thị lý dã, bản chi ư thiên, duy Hoàng Thượng Đế giáng trung chi lý dã, ngôn nhi bất dị ư giáng trung chi lý, thị khởi dĩ quân chi huấn thị chi tại, nãi thiên chi huấn dã. Thiên giả kỳ bất ngôn chi thánh nhân, thánh nhân giả kỳ năng ngôn chi thiên, nhất nhi nhị, nhị nhi nhất dã.

聖人在上既建極而以身教于天下,復敷言而以言教于天下,蓋身教者示以躬行踐履之實,言教者使其歌誦吟詠而得二者不可偏廢也.天下惟理為至常,惟理之為大,皇極之敷言,純乎一理.故謂之常理,故謂之大訓,是理也本之於天.惟皇上帝降衷之理也,言而不異於降衷之理,是豈以君之訓視之哉,乃天之訓也.天者其不言之聖人,聖人者其能言之天,一而二,二而一也.

(Lời của Ch'in Ya Yen bình câu «Hoàng cực chi phu ngôn, dĩ thị huấn, vu Đế kỳ huấn» trong thiên Hồng Phạm) (Xem James Legge, The Shoo King, page 332, notes).

[18] ... Chú đỉnh vu Đỉnh Hồ Sơn, đỉnh thành nhi bạch nhật thăng thiên. Quần thần táng y quan vu Kiều Sơn... 鑄鼎于鼎湖山,鼎成而白日升天.群臣葬衣冠于嶠山 (Hoàng Đế Nội Kinh Tổ Vấn, chương Thượng Cổ Thiên Chân Luận, trang 1)

[19] Thang tắc dĩ Thượng Thiên vi tâm 湯則以上天為心 (Léon Wieger, Textes historiques, Tome I, page 51)

[20] Nhất dân cơ tắc viết ngã cơ chi. Nhất dân hàn tắc viết ngã hàn chi. Nhất dân la cô tắc viết ngã hãm chi. 一民饑則曰我饑之.一民寒則曰我寒之.一民羅辜則曰我陷之 (Léon Wieger, Textes historiques, Tome I, page 31).

[21] Cổ dân tải chi như nhật nguyệt, ái chi như phụ mẫu (Léon Wieger, Textes historiques, Tome I, page 32).

... Nhị thập hữu bát tải, đế nãi tồ lạc. Bách tính như táng khảo tử. Tam tải tứ hải át mật bát âm. 二十有八載,帝乃殂落.百姓如喪考妣.三載四海遏密八音 (Kinh Thư – Thuấn Điển, 13)

[22] ... Gia ngôn vãng du phục. Dã vô di hiền. Vạn bang hàm ninh. Kê vu chúng. Xả kỷ tông nhân. Bất ngược vô cáo, bất phế khốn cùng. Duy đế thời khắc. Ích viết: Đê. Đế đức quảng vận, nãi thánh nãi thần, nãi vũ nãi văn. Hoàng thiên quuyến mệnh. Yểm hữu tứ hải, vi thiên hạ quân. 嘉言罔攸伏.野無遺賢.萬邦咸寧.稽于眾.舍己從人.不虐無告,不廢困窮.惟帝時克.益曰:都.帝德廣運,乃聖乃神,乃武乃文.皇天眷命.奄有四海,為天下君 (Kinh Thư – Đại Vũ Mô, 3)

[23] Xem Mạnh Tử, Đoàn Trung Còn dịch, trang 51, chú thích 1.

... Nghi Địch tác tửu. Vương ẩm nhi cam chi viết: «Hậu thế tất hữu dĩ tửu vong kỳ quốc giả.» Toại sơ Nghi Địch nhi tuyệt chỉ tửu. 儀狄作酒王飲而甘之曰:後世必有以酒亡其國者遂疏儀狄而絕旨酒 (Wieger, Textes historiques, Tome I, page 30).

[24] Ngũ tuế tuần thú chu hành thiên hạ. Vương xuất, kiến tội nhân, há xa, vấn nhi khắp chi. Tả hữu viết: Tội nhân bất thuận đạo, quân vương hà vi thống chi? Vương viết: Nghiêu Thuấn chi nhân giai dĩ Nghiêu Thuấn chi tâm vi tâm. Quả nhân vi quân bách tính các tự dĩ kỳ tâm vi tâm. Thị dĩ thống chi. Vạn phương hữu tội tại dư nhất nhân ... Vương tế giang hoàng long phụ chu. Chu nhân khủng. Vương thần sắc bất biến, viết: Ngô thụ mệnh ư thiên kiệt lực dĩ lao vạn dân. Sinh tính dã tử mệnh dã. Long hà vi giả tu du long nghê thủ đề vĩ nhi thệ.

五歲巡狩周行天下.王出,見罪人,下車,問而泣之.左右曰:罪人不順道,君王何為痛之.王曰:堯舜之人皆以堯舜之心為心.寡人為君百姓各自以其心為心.是以痛之.萬方有罪在

予一人...王濟江黃龍負舟.舟人恐.王神色不變,曰:吾受命於天竭力以勞萬民.生性也死命也.龍何為者須臾龍俛首低尾而逝 (Wieger, Textes historiques, Tome I, pages 38-40).

[25] Kinh Thư – Vô Dật, tiết 4, 5, 10, 11.

[26] Tử viết: Nguy nguy hồ! Thuấn Vũ chi hữu thiên hạ dã nhi bất dự yên. 子曰:巍巍乎,舜禹之有天下也而不與焉 (Luận Ngữ – Thái Bá, 18)

[27] Tử viết: Đại tai Nghiêu chi quân dã. Nguy nguy hồ! Duy thiên vi đại, duy Nghiêu tắc chi. Đãng đãng hồ! Dân vô năng danh yên. Nguy nguy hồ, kỳ hữu thành công dã; hoán hồ kỳ hữu văn chương. 子曰:大哉堯之為君也.巍巍乎!唯天為大,唯堯則之.蕩蕩乎!民無能名焉.巍巍乎,其有成功也;煥乎,其有文章. (Luận Ngữ – Thái Bá, tiết 18-19) (Xem thêm Mạnh Tử – Đằng Văn Công chương cú thượng tiết 3.)

[28] Tam phân thiên hạ hữu kỳ nhị, dĩ phục sự Ân. Châu chi đức, kỳ khả vị chí đức dã dĩ hĩ. 三分天下有其二,以服事殷,周之德,其可謂至德也已矣 (Luận Ngữ – Thái Bá đệ bát, tiết 20.)

[29] Tử viết: Vũ ngô gián nhiên hĩ. Phỉ ẩm thực nhi trí hiếu hồ quỷ thần. Ố y phục, nhi trí mỹ hồ phát miện. Ty cung thất nhi tận lực hồ câu hức. Vũ, ngô vô gián nhiên hĩ. 子曰:禹吾無間然矣,菲飲食而致孝乎鬼神,惡衣服,而致美乎黻冕.卑宮室而盡力乎溝洫.禹吾無間然矣 (Luận Ngữ – Thái Bá, 21)

[30] Trí gián cổ, lập bàng mộc. 置諫鼓立謗木 (Wieger, Textes historiques, p. 31)

[31] Dĩ ngũ thanh thính trị, yết chung, cổ, khánh, đặc, đào, ngũ khí ư đình, nhi minh ư tuân cư viết: Đạo quả nhân dĩ đạo giả quá cổ; dụ dĩ nghĩa giả cổ chung; cáo dĩ sự giả chấn đặc; ngũ dĩ ưu giả kích khánh; hữu ngục tụng giả huy đào. Thường viết: «Ngô bất khùng tứ hải chi sĩ lưu ư đạo lộ, khùng kỳ lưu ư ngô môn dã.» Cổ thường nhất mộc, tam ốc phát; nhật trung bất hạ thực, dĩ lễ hữu đạo chi sĩ yên. 以五聲聽治,揭鐘,鼓,磬,鐸,鞀,五器於庭,而銘於簋虞曰:導寡人以道者過鼓;喻以義者鼓鐘;告以事者振鐸;語以憂者擊磬;有獄訟者揮鞀.常曰:吾不恐四海之士留於道路,恐其留吾門也.故常一沐三握髮;日中不暇食以禮有道之士焉 (Wieger, Textes historiques, Tome I, p. 38-39)

[32] Mỗi tuế mạnh xuân, du nhân dĩ mộc đặc tuần ư lộ. Quan sư tương qui, công chấp nghệ sự dĩ gián. Kỳ hoặc bất cung, bang hữu thường hình. 每歲孟春,道人以木鐸徇於路.官師相規,工執藝事以諫.其或不恭,邦有常刑 (Kinh Thư – Dận Chính, 3) Xem thêm Xuân Thu Tả Truyện, Tương Công năm 14. Couvreur, Tch'ouen Ts'ieu, Tome I, p. 901.

[33] Kinh Thư – Đại Vũ Mô, tiết 2-6.

[34] Kinh Thư – Đại Vũ Mô, tiết 6.

[35] Kinh Thư – Đại Vũ Mô, tiết 6.

[36] Kinh Thư – Đại Vũ Mô, tiết 7.

[37] Léon Wieger, Textes historiques, Tome I, page 25.

Ensuite, il divisa les terres arables d'après le système tsing c'est-à-dire qu'il établit huit familles sur un carré de terrain de un li de côté, divisé par deux sentiers Nord-Sud et deux sentiers Est-Ouest, en 9 carrés de cent mou chacun; le carré central contenant le puit était common. Les 8 familles d'un tsing formaient un linn, 24 familles un p'eng, 72 familles formaient un li, 360 familles formaient un i, 3600 familles un tou' et 36000 familles un Tcheou. Il ne faut pas se figurer que cette division se soit faite par arpentage d'un seul

coup et d'après la formule.

Mais retenons que Hoang-Ti inaugura le double système (1) cadastral d'après lequel le Gouvernement leva depuis lors l'impôt foncier, (2) familial d'après lequel, il exigea certaines prestations et corvées. (U' thị hoạch dã phân châu đắc bá lý chi quốc vạn khu. Mệnh tượng doanh quốc ấp, toại kinh thổ thiết tỉnh, sử bát gia vi tỉnh, khai tứ đạo nhi phân bát trạch, tỉnh nhất vi lân; lân tam vi lý, lý ngũ vi ấp, ấp thập vi sử, sử thập vi đô, đô thập vi châu. Vị trước thổ địa nhi hữu thường cư, phi hành quốc tùy súc mục thiên tỉ giả thử dã.)

於是畫野分州得百里之國萬區,命匠營國邑,遂經土設井使八家為井,開四道而分八宅,井一為鄰,鄰三為里,里五為邑,邑十為都,都十為師,師十為州,謂著土地而有常居,非行國隨畜牧遷徙者此也.

[38] Mạnh Tử – Đằng Văn Công thượng. Công Tôn Sửu thượng, 3. Lương Huệ Vương thượng, 7. Vạn chương hạ, 3.

[39] Kinh Thư – Đại Vũ Mô, 7.

[40] Kinh Thư – Đại Vũ Mô, 10. Quân Trần, 4.

[41] Kinh Thư – Đại Vũ Mô, 12.

[42] Kinh Thư – Đại Vũ Mô, 11.

[43] Kinh Thư – Đại Vũ Mô, 7, 11. Trọng Hủy chi cáo, 8. Hồng Phạm, 16.

[44] Trong lịch sử Do Thái ta thấy tội của cha là phạt cho tới đời cháu đời chắt, tới ba bốn đời (Exode 34,7; Exode 20,5-6; Nb 14, 18; Dt 5, 9-10; Jr 32, 18; Na 1, 3.).

[45] Kinh Thư – Đại Vũ Mô, 12.

[46] Mạnh Tử – Lương Huệ Vương hạ, 2. Đoàn Trung Còn dịch, trang 67.

[47] Exode XXXIV, 28: Các bản dịch Kinh Thánh mới đây như của Crampon, Bible de Jérusalem, như của Tin Lành chỉ để 3000 người. Trái lại Vulgate để 23.000, Bible de Jérusalem cũng đề cập tới con số 23.000 của Vulgate nơi chú thích d, trang 96.

[48] Nombres, XXI, 5-9.

[49] Quelle main puissante et quelle grande terreur Moïse avait mises en oeuvre aux yeux de tout Israel. (Deut. XXXIV, 13) (Cf. Bible de Jérusalem, page 211)

[50] ... «Nhưng trong các thành của những dân tộc này mà Giêhôva, đức Chúa Trời người ban cho người làm sản nghiệp, thì chớ để sống một vật nào biết thờ. Khá tận diệt dân Hê-tit, dân A-mô-ri, dân Ca-na-an, dân Phê-rê-sit, dân Hê-vit, dân Gie-bu-sit, y như Giêhôva, đức Chúa Trời người đã phán dạy.» v.v... (Deut. XX, 16-17)

[51] Vậy hãy đi đánh dân Amalec và diệt hết mọi vật thuộc về chúng nó. Người sẽ không thương xót chúng nó. Phải giết người nam và nữ và trẻ còn bú; bò và chiên, lạc đà và lừa (I Sam XV, 3)

[52] I Sam, 9, 29, 32, 33.

[53] I Sam, 27, 2-7.

[54] I Sam, XXVII, 8-11. Trong đoạn này, David báo cáo đã giết cả những người thuộc giòng họ Juda mà ông gặp (I Sam, XXVII, 10)

[55] Xem bản dịch Việt văn của Thánh Thư Công Hội Saigon 1965. Sử Ký I, đoạn XX, 3.

Xem bản dịch của Louis Segond, La Sainte Bible, I Chronique XX, 3.

Xem bản dịch Vulgate (Biblia sacra, I, Par. XX, 3)

Ba bản dịch trên giống nhau.

Trái lại, Bible de Jérusalem và Crampon thì dịch khác hẳn, đại ý nói vua chỉ bắt dân chúng ra cầm cửa, cầm búa chim, cầm rìu để làm việc... Lời dịch sau đây đã hẳn là không đúng, bởi vì thời ấy kẻ chiến thắng đâu có đối với kẻ bại một cách lịch sự nhân từ như vậy bao giờ. Đọc Le Livre de Josué, Les Livres de Samuel, Les Livres des Rois, Les Livres des Chroniques ta sẽ thấy rõ.

[56] I Sam, 8, 2.

[57] 2 Sam XXI, I, 10.

[58] 2 Sam IX, 3-4; 2 Sam XXI, 7.

[59] I Rois, III, 3-25; I Rois, II, 28-34.

[60] I Rois, XII, 2-4. 14.

[61] I Rois, XII, 20. Lorsque les Israélites, apprirent que Jéroboam était revenu, ils l'appelèrent à l'assemblée et ils le firent roi sur tout Israël: il n'y eut pour se rallier à la maison de David que la seule tribu de Juda. (La Bible de Jérusalem, page 355).

[62] Thái Hạo, Phục Hi thị, hữu hiệu Bao Hi thị sinh ư Thành Kỷ, Phong tính, dĩ mộc đức vương. Đô ư Trần. Giáo dân điền ngư, súc mục, chế giá thú, tạo thư khế, tạo cầm sắt. Long mã xuất Hà, toại tắc kỳ văn dĩ hoạch bát quái. Bát quái Dịch thủy. 太昊伏羲氏又號庖犧氏生於成紀, 風姓, 以木德王, 都於陳教人佃漁畜牧, 制嫁娶, 造書契, 造琴瑟, 龍馬出河遂則其文以畫八卦, 八卦易始 (Léon Wieger, Textes historiques, Tome I, page 19-20)

[63] Sơ nghệ ngũ cốc, cổ hiệu Thần Nông thị. Thường bách thảo, thủy chế y dược. Thủy vi nhật trung chi thị, dĩ hỏa kỷ quan. 初藝五穀故號神農氏, 嘗百草始制醫藥, 始為日中之市以火紀官 (Léon Wieger, Textes historiques, Tome I, page 21)

[64] Hoàng Đế Hiên Viên thị dĩ văn kỷ quan mệnh Thương Hiệt vi tả sử, Trử Tụng vi hữu sử chế lục thư... Thiết Linh Đài lập chiêm thiên chi quan, dĩ tự ngũ sự, chương thiên văn, lịch số, phong vân, khí sắc. 禹 thị hồ hữu tinh quan chi thư. Tác giáp tý, tác cái thiên cập điều lịch, định toán số, nhi luật độ lượng hành do thị thành yên. Tạo luật lỗ, tác thập nhị chung, tác Hàm Trì chi nhạc, tác miện lưu, chính y thường, tác khí dụng, tác chu xa, tác hợp cung, tự Thượng Đế, tiếp vạn linh nhi phụ giáo yên. Tác hoá tộ, tác Nội Kinh, mệnh nguyên phi Luy Tổ Tây Lăng thị giáo dân tầm... Đế phương hành thiên hạ, bạt sơn thông đạo, vị thường ninh cư. Thiên tử vãng lai, dĩ sư bình vi doanh vệ, chế trận pháp, thiết kỳ mao... hoạch dã phân châu... Toại kinh thổ, thiết tỉnh, sử bát gia vi tỉnh, tỉnh khai tứ đạo, nhi phân bát trạch. 黃帝軒轅氏以雲紀官命蒼頡為左史, 沮誦為右史, 制六書... 設靈臺立占天之官, 以敘五事, 掌天文, 歷數, 風雲, 氣色. 於是乎有星官之書. 作甲子, 作蓋天及調歷, 定算數, 而律, 度量衡由是成焉. 造律呂, 作十二鐘, 作咸池之樂, 作冕旒, 正衣裳, 作器用, 作舟車, 作合宮, 祀上帝, 接萬靈而敷教焉. 作

貨幣, 作內經, 命元妃縹祖西陵氏教民蠶... 帝方行天下, 拔山通道, 未嘗寧居. 遷徙往來, 以師兵為營衛, 制陣法, 設旗麾... 畫野分州... 遂經土, 設井, 使八家為井, 井開四道, 而分八宅 (Léon Wieger, Textes historiques, Tome I, page 25.)

[65] Đế viết: Tư nhữ Hi ký Hoà, kỳ tam bách hữu lục tuần hữu lục nhật, dĩ nhuận nguyệt định tứ thời 帝曰: 咨汝羲既和, 其三百有六旬有六日, 以閏月定四時 (Kinh Thư – Nghiêu Điển, 8)

... Mệnh Hi Hoà trị lịch tượng, trí nhuận pháp, định tứ thời, trí gián cổ, lập báng mộc 命羲和治歷象, 置閏法, 定四時, 置諫鼓, 立謗木 (Léon Wieger, Textes historiques, Tome I, page 31.)

[66] Xin xem: Kinh Thư – Thuấn Điển, 8.

Thượng Thư, Nhượng Tống dịch, trang 29, chú thích 5.

[67] Xin xem: Kinh Thư tất cả chương Vũ Cống.

Léon Wieger, Textes historiques, Tome I, p. 38.

Mạnh Tử – Đằng Văn Công hạ, 6.

Mạnh Tử – Ly Lâu hạ, 26.

[68] Trong chương Nền Thiên trị Trung Hoa thời cổ, tiếp theo chương này sẽ đề cập rất dài tới Hồng Phạm. Xin đọc Léon Wieger, Textes historiques, Tome I, page 65 et ss; page 71 et ss.

[69] Đế đức quảng vận, nãi thánh, nãi thần 帝德廣運乃聖乃神 (Kinh Thư – Đại Vũ Mô, 4)

[70] Hoàng kiến kỳ hữu cực 皇建其有極 (Kinh Thư – Hồng Phạm, 2)

[71] Tư Ân đa tiên triết vương tại thiên 茲殷多先哲王在天 (Kinh Thư – Thiệu Cáo, 10) (Kinh Thư – Khang Cáo, 5, 20). Tại tích Ân, tiên triết vương dịch úy thiên, hiển tiểu dân, kinh đức bình triết 在昔殷先哲王迪畏天, 顯小民, 經德秉哲 (Kinh Thư – Tể Cáo, 9)

[72] Tri nhân tắc triết 知人則哲 (Kinh Thư – Cao Dao Mô, 2)

[73] Nãi mệnh dĩ vị 乃命以位 (Kinh Thư – Thuấn Điển, 1)

Nãi mệnh vu đế đình 乃命于帝庭 (He was appointed in the hall of God) (Kinh Thư – Kim Đằng, 7)

Hoàng Thiên quuyến mệnh 皇天眷命 (Kinh Thư – Đại Vũ Mô, 4)

[74] Tái Thệ viết: «Thiên thị tự ngã dân thị, Thiên thánh tự ngã dân thánh.» Thử chi vị dã. 泰誓曰: 天視自我民視, 天聽自我民聽. 此之謂也 (Mạnh Tử – Vạn Chương thượng, 6). Xem Mạnh Tử, Đoàn Trung Còn dịch, trang 95.

[75] Hồng Phạm từ tiết 7 đến 16.

[76] Mạnh Tử – Vạn Chương thượng, 6: «Thất phu nhi hữu thiên hạ giả, đức tất nhược Thuấn, Vũ nhi hữu hữu thiên tử tiến chi giả. Cổ Trọng ni bất hữu thiên hạ.» 匹夫而有天下者, 德必若舜禹而又有天子荐之者. 故仲尼不有天下.

[77] Mạnh Tử viết: «Vũ, Tắc, Nhan Hồi đồng đạo.» (mt)

[78] Thượng thiên chi tải, vô thanh vô xú, nghi hình Văn Vương, vạn bang tác phu. 上天之載, 無聲無臭, 儀刑文王, 萬邦作孚 (Kinh Thi, Đại Nhã tam, Văn Vương chi thập tam chi nhất.)

[79] Cao Trung Hiến viết: ... cái thánh nhân giả hữu hình chi thiên đạo, cầu thiên đạo vu thiên tắc vi nhi nan kiến, cầu thiên đạo vu thánh nhân tắc hữu thể nhi khả pháp dã. Cố Dịch viết: Thần nhi minh chi, tồn hồ kỳ nhân, vị năng minh khế dã 高中憲曰: ... 蓋聖人者有形之天道, 求天道于天則微而難見, 求天道于聖人則有體而可法也. 故易曰: 神而明之, 存乎其人, 謂能冥契也 (Tống Nguyên học án, quyển 17, trang 36)

[80] Luận Ngữ – Tử Hãn, 5. Đoàn Trung Còn dịch, trang 134.

[81] Cái thiên dữ thánh nhân nhất dã 蓋天與聖人一也 (Tống Nguyên học án, quyển 17, trang 20)

[82] Moi et le Père, nous sommes un. (Evangile selon Saint Jean 10, 30)

[83] ... C'est à cela que fait allusion le Ye Kolao (Diệp Các Lão 葉閣老

grand ami du père Aleni, mais non chrétien) lorsqu'il a prétendu que le Roi d'en haut, ou le T'ien Chou s'était incarné en notre pays. Ce qu'il prouve ainsi: Le Roi d'en haut s'est incarné plusieurs fois en cet Orient comme dans les personnes de Yao, de Choen, de Confucius, de plusieurs rois et même de plusieurs particuliers. Il a donc pu dans l'Occident s'incarner de même dans la personne de Jésus... La conséquence qu'on doit tirer de ces paroles est que Jésus Christ est dans l'Occident ce que Confucius ou tout autre lettré de distinction est à la Chine. Ce docteur Michel dit encore... que la doctrine de Confucius est parfaite en tout et la même que celle de Dieu. –

Henri Bernard Maître, Sagesse chinoise et philosophie chrétienne, page 114. Lettres de Leibniz par Kortholt (Leibniz epistoloe) Lépse 1734 tome 2, page 250 à 266.

[84] The notion of man-god, or of a human being endowed with divine or supernatural powers, belongs essentially to the earlier period of religious history in which gods and men are still viewed as beings of much the same order, and before they are divided by the impassable gulf which, to later thought, open out between them. Strange therefore as may seem to us the idea of a god incarnate in human form it has nothing very startling for early man, who sees in a man-god or a god-man only a higher degree of the same supernatural powers which he arrogates in perfect good faith to himself.

(James George Frazer, The Golden Bough, p. 106.)

[85] Kinh Thư – Thiệu Cáo, 9.

Kinh Thi – Chu Tụng, Thanh Miếu, Thời Mai.

[86] Kinh Thư – Dân Chính, 6.

[87] Kinh Thư – Đại Cáo, 8.

[88] Sáng Thế Ký VI, 1-4.

[89] Xem Sáng Thế Ký VI, 1-4. và VI, 3. (Xem Bible de Crampon)

Sau này trong thánh thư gửi cho giáo hữu La Mã, thánh Paolo cũng viết: «Thật vậy, tất cả những ai được Tánh Thần Chúa làm cho linh hoạy đều là Con Thiên Chúa. (Rôma 8, 14) (En effet, tous ceux qu'anime l'Esprit de Dieu sont fils de Dieu.» (Bible de Jérusalem, p. 1501)

[90] Xem Deutéronome XXXII 8-10: «Quand le Très Haut donna aux nations leur héritage, quand il répartit les fils d'homme, il fixa leurs limites suivant le nombre des fils de Dieu. Mais le lot de Yahvé, ce fut son peuple, Jacob fut la part d'héritage.»

[91] Mai Lâm Đoàn Văn Thắng, Thánh Vịnh Toàn Tập, trang 284-285.

[92] I Chroniques XVII, 11-14.

Xem thêm II Samuel VII, 12-16. Trong đoạn này cũng vẫn thuật lại lời tiên tri Nathan, nhưng thêm chi tiết này: «Ta sẽ là cha người, và người là con ta, nếu người phạm lỗi ta sẽ sửa trị bằng roi vọt loài người, và bằng thương tích loài người, nhưng ta sẽ không cất sự phù trì ta khỏi người như đã làm đối với Saül là kẻ ta trừ diệt trước mặt người...» (II Samuel VII, 12-16)

[93] Ezechiel 28, 1, 2.

[94] Ezechiel 28, 11, 16. Dịch theo Bible de Jérusalem, từ 11 đến 13. Theo Louis Segond từ 14 đến 16.

[95] Cyrus (560-529 TCN) sáng lập nước thượng vị ba Tư, lật đổ vua dân Mèdes là Astyage, thắng Cressus, vua xứ Lydie, chiếm Babylone và trở nên bá chủ cả miền tây Á Châu.

[96] Hoc dicit Dominus Christo meo Cyro, cujus apprehendi dexteram, ut subiciam ante faciem ejus gentes... Vulgate, Isaïe XLIV, 1.

Ainsi parle Yahvé à son oint, à Cyrus qu'il a pris par la main droite pour abattre devant lui les nations.

Bible de Jérusalem, Isaïe XLIV, 1.

[97] Livre de la Sagesse II, 13, 19.

... Il (le juste) se flatte de posséder la connaissance de Dieu, et se nomme lui-même fils du Seigneur... Si le juste est le fils de Dieu, Dieu l'assistera, il le délivrera des mains de ses adversaires. Eprouvons le par des outrages et des tourments. (Bible de Jérusalem, page 871-872)

[98] - Juges 3, 10

- I Samuel 10, 6

- I Samuel 16, 13

[99] I Samuel 10, 7.

[100] II Samuel 7, 3.

[101] Thương Ân chi lữ, kỳ hội như lâm, thi vu Mục Dã, duy dư hầu hân, Thương đế lâm nhữ, vô nhĩ nhĩ tâm. (J. Legge, The She King, tr. 435) – Kinh Thi, Đại Nhã, Văn Vương, Đại minh, thất chương.

[102] Mat: 3: 17; 4: 3, 6; 8: 29; 14: 33; 16: 16; 17: 5; 26: 63; 27: 54.

Marc: 1: 1; 1: 11; 5: 7; 14: 61, 62.

Luc: 1: 32, 35; 3: 22; 4: 41; 9: 35; 22: 70.

Jean: 1: 34; 1: 49; 3: 16, 18; 5: 25; 9: 35; 10: 36; 19: 7; 20: 31.

Chúa Jésus xưng mình là Con Thiên Chúa:

Jean: 5: 25; 5: 18; Marc: 14: 61, 62.

Jean: 9: 35, 37; 10: 36.

[103] Jean: 1: 1; 10: 33; 20: 28; Rom: 9: 5.

Col. 1: 16; 2: 9; I Tim. 1: 17.

Heb. 1: 8; I Jn 5: 20; Jude 25.

[104] Jn. 4:25, 26; Mat. 16: 16.

[105] I Epitre de St Jean: 14.

[106] Jean 5, 25; 5:18; Marc 14: 61, 62; Jean 9: 35, 37; 10: 36.

[107] Quotquot autem receperunt eum, dedit eis potestatem filios Dei fieri... (Joan. Capt. I, II)

... on les appellera fils du Dieu vivant (Romains 9, 26) (Bible de Jérusalem, 1504)

... Car vous êtes tous fils de Dieu par la foi au Christ Jésus (Galates 3, 26) (Bible de Jérusalem, page 1540)

... Aussi n'es-tu plus esclave mais fils, et donc héritier de par Dieu (Galates 4, 7) (Bible de Jérusalem, page 1540)

... En effet, tous ceux qu'anime l'Esprit de Dieu sont fils de Dieu (Romains 8, 14).

... Car ceux que d'avance, il a discernés, il les a aussi prédestinés à reproduire l'image de son fils, afin qu'il soit l'aîné d'une multitude de frères... (Romains VIII, 29, Bible de Jérusalem, page 1502)

[108] ... Aussi la création attend-elle avec un ardent désir la révélation des fils de Dieu. (Romains 8, 19) – Louis Segond, La Sainte Bible, page 1140.

[109] La société médiévale était conçue en tous ses rouages pour hausser l'homme de l'existence brute à la conscience morale, et de la subsistance naturelle à la vie spirituelle. C'était un appareil institutionnel qui s'insérait parfaitement dans la création conçue comme «machine à faire des dieux». La civilisation du moyen-âge tout entière avait pour but, en dernière analyse, d'aider les hommes à devenir de véritables chrétiens, c'est-à-dire des images du Christ, selon le mot de l'Apôtre: Christianus alter-Christus. (La Vocation de l'Occident, page 156)

[110] In the second century, Montanus the Phrygian claimed to be the incarnate Trinity uniting in his single person God the Father, God the Son and God the Holy Ghost...

Nor is this an isolated case, the exorbitant pretension of a single ill-balanced mind. From the earliest times down to the present day many sects have believed that Christ, nay God himself, is incarnate in every fully initiated Christian, and they have carried this belief to its logical conclusion by adoring each other. Tertullian records that this was done by his fellow-Christians at Carthage in the second century.

The Golden Bough, page 117.

[111] The disciples of St Columba worshipped him as an embodiment of Christ.

[112] And in the eighth century, Elipandus of Toledo spoke of Christ as «a God among Gods», meaning that all believers were Gods just as truly as Jesus himself.

Xem để so sánh: «Car ceux que d'avance il a discernés, il les a aussi prédestinés à reproduire l'image de son Fils, afin qu'il soit l'aîné d'une multitude de frères... (Romains 8, 20)

[113] On thirteenth century, there arose a sect called the Brethen and Sisters of the free Spirit who held that by long and assiduous contemplation any man might be united to the deity in an ineffable manner

and become one with the source and parent of all things, and that he who had thus ascended to God and been absorbed in his beatific essence, actually formed part of the godhead, was the Son of God in the same sense and manner with Christ himself, and enjoyed thereby a glorious immunity from the trammels of all laws human and divine... (The Golden Bough, page 117)

[114] Le monde Celte était considéré comme un petit univers, dont le roi-prêtre devait être le demiurge écoutant en lui-même pour l'orchestrer dans la société humaine l'harmonie céleste chère à Platon.

(Louis Lallement, La Vocation de l'Occident, page 25)

[115] Cf. Initiation biblique (A. Robert et A. Tricot page 855) Les religions de l'Asie antérieure. La religion akkadienne:

Le roi de chaque cité est le prêtre du Dieu de sa ville. L'intermédiaire entre lui et les hommes. Prédestiné, il a été l'objet d'un choix manifesté par un appel mystérieux et formé par le Dieu même dans le sein de sa mère pour faire régner la justice. Du Dieu il reçoit les pouvoirs et les insignes de la royauté; s'il répond à sa vocation, il sera le favori des Dieux, s'il y est infidèle, il pourra être dépossédé de ses fonctions. Le roi devient fils, frère, époux d'une divinité, Dieu lui-même, et messie car son avènement est le début d'une ère nouvelle d'abondance et de prospérité...

[116] The early Babylonian kings from the time of Sargon I, till the fourth dynasty of Ur or later claimed to be gods in their lifetime... (The Golden Bough, p. 120)

[117] The kings of Egypt were deified in their lifetime ... It has never been doubted that the king claimed actual divinity; he was the «great god», the «golden Horus», and son of Ra. He claimed authority not only over Egypt, but over «all lands and nations», the whole world in its length and its breadth, the east and the west, «the entire compass of the great circuit of the sun», etc. (The Golden Bough, page 121)

[118] Saviour: In its origin this was a pagan term applied to various divinities and occasionally to deified man. Certain kings of Syria and Egypt were invested with the title of «Soter» as part of their proper names. It was perhaps because of its pagan association that the term was avoided by Christians. In the N. it occurs rarely and always with a general sense, as a variant of the more usual expression «He who saved us». It was not until well on in the second century that «the saviour» came to be one of the acknowledged names of Christ... (Vergilius Ferm, Encyclopedia of religion, page 690.)

[119] Deification of the king held an acknowledged place in the cultus of the nations surrounding Israel; but the covenant between Jehovah and the head of the Davidic house was a standing protest against assimilation to the common pattern. For Greeks, deification followed easily from both the anthropomorphism of the myths which emptied the concept of godhead of much numinous content and the philosophico-religious belief in immortality and the divine affinities of the soul.

Heroes and benefactors received quasi divine honors and at least from fifth century B.C., divine honors were paid to living men. Alexander received worship in the Oriental lands he conquered.

(Baker's Dictionary of Theology, trang 161, nơi chữ Deification.)

[120] With his successors and kings and kinglys thereafter it became a common place. This might be oriental flattery, like that dearly bought by Herod Agrippa (Acts 12: 20ff), but it might be intensely serious; as when Antiochus IV Epiphanus, opponent of devout Jews and their God, identified himself with Zeus and called «himself» God on coins; and it might have deep associations as in Egypt, where sacred kingship

was traditional and the Ptolemais family living and dead were worshipped officially.

From Julius Caesar onward, deification was a carefully regulated part of Roman policy. Traditional Roman sentiment was inimical and Caesar worship was always restrained in Rome: but in the empire local communities frequently outran official pronouncements... (Baker's Dictionary of Theology, page 161)

[121] Julius received worship in his conquests. Augustus promoted the worship of «Divus Julius», but moderated the worship proffered to himself. He and most of his successors were officially deified at death (hence Vespasian's deathbed joke, «I think I'm becoming a god»). Unbalanced Emperors – Caligula, Nero, Domitian – insisted on divine honors during life.

(Baker's Dictionary of Theology, page 161)

[122] Hellenistic mysticism as expressed most fully in the mystery religion but observably even in the Jewish Philo, tended to seek identification of the soul with the divinity to which it was kin. This passed into some forms of Christian mysticism; the Christian's adoptive status was neglected; «partakers of the divine nature» (II Pet, 1:4) came to express an essential, rather than a moral transformation.

(Baker's Dictionary of Theology page 161)

[123] Cf. J. M, A. Salles Dabadie. Les Conciles Occuméniques de l'Histoire, page 21 et ss (Collection 10-18), page 27.

[124] Ibidem. page 36.

[125] Cf. La vocation de l'Occident, page 156.

«Soyez glorifié avec Jésus Christ dont vous êtes dit porter le nom et tenir la place. Que celui qui est médiateur entre Dieu et les hommes vous établisse médiateur entre le peuple et le Ciel», disait le consécrateur, après les onctions qui faisaient du Roi l'Oint du Seigneur, alter Christus...

[126] Charlemagne, intronisé par l'onction royale comme lieutenant de Jésus Christ et par le couronnement impérial comme maître de l'Empire chrétien, s'attribuait en même temps que le pouvoir temporel une certaine juridiction spirituelle... (Louis Lallement, La vocation de l'Occident, page 109)

[127] «Seigneur et Père, roi et prêtre, chef et guide de tous les chrétiens 'ainsi qu'il s'intitula dans une lettre au Souverain Pontife, il se considérait en ces temps d'apostolat généralisé comme en quelque sorte le prince des apôtres pour son empire et quant au temporel (Ibid, p. 109)

[128] Gouverner, c'était pour lui se charger de guider les hommes vers le salut éternel. (Ibidem, p. 107)

[129] Il (Léon III) adressa aussitôt au roi des Francs copie de l'acte de son élection et y joignit les clefs du tombeau de Saint Pierre ainsi que l'étendard de la ville de Rome. C'était une manière d'hommage.

Miroir de l'Histoire No 157. Les grandes heures des Papes, page 42.

[130] Le pape et l'empereur figurent bien les «deux moitiés de Dieu» comme dit Hugo... Le premier devrait participer effectivement à la plénitude du surnaturel chez le Fils de Dieu et le second à la perfection de la nature humaine chez le Fils de l'homme. (La vocation de l'Occident, page 109-110).

[131] Il lui est permis de déposer les empereurs (12) – Personne ne peut condamner une décision du Siège apostolique.

[132] Innocent III (1198-1216) most powerful of all the Popes, claimed to be «Vicar of Christ», «Vicar of God», «Supreme sovereign over the Church and the world»; the right to depose kings and princes; that «all things on earth, and in heaven and in hell are subject to the Vicar of Christ». (Halley's Bible Handbook, page 686.)

[133] «De même que la lune reçoit la lumière du soleil de même le pouvoir royal emprunte à l'autorité pontificale, la splendeur de sa dignité»... «Aux princes a été donné le pouvoir sur la terre, aux prêtres a été attribué le pouvoir sur la terre et dans le ciel. La puissance des rois atteint seulement les corps, celle des prêtres atteint les corps et les âmes.» (Miroir de l'Histoire No 157, page 54.)

[134] Boniface VIII, (1293-1303), in his famous bull, «Unam Sanctam» said: we declare, affirm, define and pronounce that it is altogether necessary for salvation that every human creature be subject to the Roman Pontiff.» (Halley's Bible Handbook, page 678)

... Leo XII (1820-9) declares that «every one separated from the Roman Catholic Church, however unblamable in other respects his life may be, because of this single offense, has no part in eternal life. (Halley's Bible Handbook, page 690)

[135] Au XIII^e siècle on en était venu à Rome à la conception «guelfe» d'un pape-empereur telle que la résume typiquement la formule d'Henri de Suse» «Unus caput est tantum scilicet papa» (une seule tête suffit à la chrétienté: le pape.) (La Vocation de l'Occident, page 235)

[136] Le Roy Edwin Frown, The prophetic faith of our fathers, Vol II, page 556.

[137] Ibidem, page 556.

[138] Arrivé le 25 Janvier (1077) au terme de son pénible pèlerinage, «le souverain déchu» se tint trois jours devant la porte, sans aucun insigne royal, ne cessant d'implorer la miséricorde apostolique» Grégoire VII ne voulut être «vaincu» que par la persévérance du repentir», au soir du 28 Janvier, comme le pénitent l'implorait de nouveau d'une voix que le froid et le jeûne prolongé rendaient à peine perceptible, il consentit enfin à le laisser au château et peu après, il l'admet au repas du soir.

Miroir de l'Historire No 157.

Les Grandes heures des papes, page 48.

[139] Vạ tuyệt thông là một hình phạt tinh thần rất nặng. Đọc lễ nghi lời nguyện sau đây sẽ rõ:

La cérémonie de l'excommunication.

Dans l'église tendue de noir, au son des cloches, l'évêque entouré de son clergé, torches en mains, lisait devant le peuple assemblé la sentence d'excommunication. Puis il prononçait la formule d'anathème (ce mot a à-peu-près le même sens que: excommunication), dont voici quelques passages: «Qu'ils soient maudits toujours et partout: qu'ils soient maudits la nuit et le jour et à toute heure, qu'ils soient maudits quand ils dorment et quand ils mangent et quand ils boivent: qu'ils soient maudits quand ils se taisent et quand ils parlent, qu'ils soient maudits depuis le sommet de la tête jusqu'à la plante des pieds. Que leurs yeux deviennent aveugles, que leurs oreilles deviennent sourdes, que leur bouche devient muette, que leur langue s'attache à leur palais, que leur mains ne touchent plus, que leurs pieds ne marchent plus. Que tous les membres de leur corps soient maudits; qu'ils soient maudits quand ils se tiennent debout; quand ils sont couchés et quand ils sont assis, qu'ils soient enterrés avec les chiens et les ânes; que les loups rapaces dévorent leurs cadavres... Et de même que s'éteignent aujourd'hui ces torches par nos

main, que la lumière de leur vie soit éteinte pour l'éternité, à moins qu'ils ne se repentent.» L'évêque et les prêtres, qui portaient des torches allumées, les renversaient alors contre terre et les éteignaient sous leurs pieds.

(D'après le Dictionnaire d'Archéologie et de Liturgie, Letouzey édit.)

André Alba, Le Moyen Âge (Classiques Hachette) page 60.

[140]... Cette doctrine est celle de la théocratique pontificale. Elle finirait avec les papes moins respectueux de leur exacte mission que ne l'a été Innocent III, par attribuer au Siège romain la totalité de la puissance spirituelle et temporelle, véritablement le dominium mundi la Seigneurie du monde. Miroir de l'Histoire No 15, page 54.

[141] «... Non simplex homo, sed quasi Deus» – not simply man but as it were God...»

«... Tantoe enim est dignitatis et potestatis, ut faciat unum et idem tribunal cum Christo... et quasi Deus in terra». – «of so great dignity and power that he may constitute one and the same tribunal with Christ., and as if God on earth...»

(H. Grattan Guinness, Key to the Apocalypse, page 71).

[142]... Hinc Papa triplici coronatur tamquam Rex Coeli et Terrore et Infernorum.

– Ibid. page 70.

– Annot 1, ad decis – Biblioth. Canon Ferraris Tome VII

... In his investiture with the papal tiara, the Pope is thus addressed: Receive this triple crown, and know that thou art the Father of Princes and the King and Ruler of the world...

(Key to the Apocalypse, page 86)

[143] The coronation oath enjoined by Popes and agreed to by the Western Emperors was that they would «be faithful and submissive to the Pope and Roman Church». In token of their subjection they prostrated themselves before the Pope, and kissed his feet. They held their kingdoms from him...

(Key to the Apocalypse, page 86)

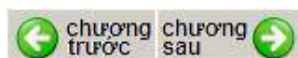
«... Under the sacerdotal monarchy of St Peter» says Gibbon, «the nations began to resume the practice of seeking on the banks of the Tiber their fate...» (Ib. page 86)

[144] Cf. Jean Herbert, L'Enseignement de Ramakrishna.

[145] Hồng Phạm tiết 14. James Legge dịch: «Seeing this perfect excellence, turn to this perfect excellence.»

[146] Cf. Romains 8, 19: Ainsi la Création attend-elle avec un ardent désir la révélation des fils de Dieu. (Louis Segond, La Sainte Bible, p. 1140)

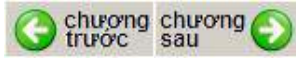
[Mục lục](#) | [Lời nói đầu](#) | [chương 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) | [Tổng luận](#) | [Phụ lục 1](#) [2](#) [3](#) | [Sách tham khảo](#)



KHÔNG HỌC TINH HOA

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

[Mục lục](#) | [Lời nói đầu](#) | **chương 1** [2](#) [3](#) **4** | [Tổng luận](#) | [Phụ lục 1](#) [2](#) [3](#) | [Sách tham khảo](#)



Chương 4

Nền thiên trị Trung Hoa thời cổ

Thiên: **Dẫn đầu** [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#)



[Thiên dẫn đầu](#): Đại cương Hồng Phạm Cửu Trù

[Thiên 1](#): Đấng quân vương phải am tường vật lý

[Thiên 2](#): Đấng quân vương phải biết phương pháp tu thân

[Thiên 3](#): Đấng quân vương phải biết phương pháp trị dân

[Thiên 4](#): Đấng quân vương phải am tường ý nghĩa của tháng năm, hiểu thiên văn, lịch số

[Thiên 5](#): Đấng quân vương sẽ ở ngôi Hoàng Cực, thay Trời trị dân

[Thiên 6](#): Thuật cai trị: chính trực nhưng phải biết cương nhu, quyền biến

[Thiên 7](#): Đấng quân vương phải biết suy nghĩ bàn bạc, hỏi han khi gặp những trường hợp nan giải

[Thiên 8](#): Đấng quân vương phải nhân các điềm trời mà soát xét lại đường lối cai trị

[Thiên 9](#): Đấng quân vương phải nhìn vào tình cảnh dân, để nhận định giá trị của nền cai trị

[Tổng luận](#)

PHI LỘ

Như các chương trên đã chứng minh, dân Trung Hoa thời cổ có những ý niệm về Thượng đế y thức như dân Do Thái và quan niệm về Thượng Đế trong Tứ Thư, Ngũ Kinh, tương tự như quan niệm của Cựu Ước.

Văn liệu sử liệu còn chứng minh trong khoảng gần hai nghìn năm (từ Phục Hi 2852 trước CN tới Chu Võ Vương 1122-1115 trước CN) ngoại trừ vài gián đoạn ngắn, dân Trung Hoa đã có một nền Thiên trị (Théocratie). Gọi là Thiên trị vì dân Trung Hoa đã tin tưởng rằng chính Trời trị dân, còn vua chúa chẳng qua là những phần tử ưu tú được lĩnh mệnh Trời trị dân. Các Ngài được mệnh danh là:

- Thiên tử [\[1\]](#)

- Thiên sứ [\[2\]](#)

Hoặc Thiên dịch [\[3\]](#)

Trong nền Thiên trị, Trời sẽ gián tiếp cai trị chúng dân qua trung gian các vị thánh vương, triết vương

[\[4\]](#) tức các vì Thiên tử.

Cho nên Trời cũng đã soi sáng cho các ngài biết đường lối trị dân theo đúng thiên ý nhân tâm, và vật lý, ngũ hành mang an bình, hòa hợp, thái thịnh lại cho muôn phương.

Kinh Thư chép rằng bí quyết trị dân, toát lược trong Hồng Phạm Cửu Trù, đã được chính Trời ban cho vua Đại Võ khi ngài trị thủy thành công. [\[5\]](#)

Cho nên không phải ngẫu nhiên mà có Hồng Phạm Cửu Trù. Chính Trời cao đã sắp xếp cho dân con được người hướng dẫn.

Kinh Thư đã nhiều lần xác định điểm ấy.

Thiên Trọng hỷ chi cáo viết:

«Than ôi ! Trời sinh ra dân có lòng muốn, không có chủ, thì loạn. Nên Trời sinh ra những bậc thông minh để trị dân. [\[6\]](#)

Võ Vương cũng nói:

«Chỉ có Trời đất là cha mẹ muôn vật. Kẻ thực thông minh làm vua đứng đầu. Vua đứng đầu là cho mẹ dân...» [\[7\]](#)

... «Trời giúp dân dưới, mới dựng nên kẻ làm vua, người làm thầy, để họ giúp Thượng Đế vỗ yên bốn phương.» [\[8\]](#)

Trời lại còn muốn cho dân con được hướng dẫn thực sự, trong tình thương yêu, trong sự quý trọng, cho nên đã đòi hỏi người cầm quyền phải có rất nhiều đức tính.

Trong nền Thiên trị, Thiên tử phải thông minh, đức độ, có như vậy mới xứng đáng mệnh Trời. Thiên tử thay Trời trị dân nên phải uy nghi, trang trọng, thông minh, thánh trí. Mỗi động tác của người nhất nhất đều có giá trị tượng trưng hay ích lợi thực sự.

Lúc ở Trung cung thời như sao Bắc thần làm khu nữu cho muôn tinh tú châu về. [\[9\]](#) Lúc đi tuần thú bốn phương thì như vầng Dương rong ruổi trên hoàn vũ theo đúng nhịp điệu tứ thời mà tới mỗi phương.

[\[10\]](#) Cho nên đặt Thiên tử vào ngôi Hoàng cực [\[11\]](#) vì con Trời sẽ thay Trời cai trị chúng dân.

Như trên thượng giới, Trời ngự ở bắc cực trung tâm hoàn vũ. [\[12\]](#)

Dưới hạ giới, thiên tử cũng trị vì ở đế đô, trung tâm muôn nước.

Hoàng cực chính là tâm điểm vũ trụ muôn phương, nơi Âm Dương giao thái, điểm hội tụ «duy tinh duy nhất» của tinh hoa nhân loại; nơi thực hiện đại đồng phổ quát; «nhất quán» vũ trụ quần sinh, bao trùm mọi biến thiên, chỉ huy mọi hành động, là tiêu chuẩn lý tưởng cho mọi người y thức trên đồ Dịch, Thái Cực ở Trung điểm là nơi phát sinh, vừa là điểm hội tụ của tất cả mọi biến hóa, mọi hào quái. [\[13\]](#)

Kinh Thư vừa mô tả đời sống và công trình các vị chân thiên tử, vừa dùng mọi phương cách để nhắc nhở: «Thiên tử phải thánh thiện, minh triết cho đáng ngôi Hoàng cực.»

Để chứng minh, chúng ta có thể đan cử thiên «Trọng Hỷ chi cáo»:

Trọng Hỷ khuyên vua Thành Thang:

«Hãy nâng đỡ người hiền, phù trợ người đức, thỏa mãn người giỏi, trọng kính người trung... Nếu nhà vua ngày một thêm nhân đức, muôn nước sẽ yêu mến. Nếu nhà vua độc đoán, độc tài sẽ bị chính họ ruồng rẫy ! Nhà vua hãy gắng làm rạng đức lớn, hãy treo gương «trung đạo» cho dân. Xin lấy nghĩa trị

việc, lấy lễ trị lòng, hãy để lại cho hậu thế một tấm gương xán lạn. Tôi nghe nói: «Kẻ biết tìm thầy hay chỉ dẫn, sẽ thống trị; còn kẻ coi mình hơn mọi người sẽ đi đến chỗ suy vong. Thích hỏi han sẽ trở nên cao đại; tự chuyên, tự đắc sẽ trở nên «ti tiểu». Ôi nếu muốn thành công, phải lo từ khởi điểm... Hãy khuyến khích kẻ có lễ nghi, hay lật đổ kẻ hôn bạo! Có trọng đạo Trời, mới giữ được mệnh Trời.» [14]

Tứ Thư, Ngũ Kinh, còn đưa ra những nguyên tắc trị dân rất là đẹp đẽ. Những nguyên tắc ấy đã ghi trong Hồng Phạm Cửu Trù một cuốn sách tương truyền đã được Trời ban cho vua Đại Võ khoảng năm 2278 trước CN để thưởng công trị thủy thành công. [15]

Theo Hồng Phạm, thiên tử trong khi trị dân sẽ tuân theo thiên lý, nương theo vật lý, tâm lý để khai thác vật chất, chuyển hóa nhân tâm, cho vũ trụ nhân quần tiến dần tới chân thiện mỹ. Công cuộc cai trị này sẽ trang trọng như một cuộc hành lễ, và êm đềm như một bài thơ, một khúc nhạc...

Chúng ta sẽ khảo cứu Hồng Phạm một cách tỉ mỉ, một cách cặn kẽ trong những trang sau.

Nhưng nếu chỉ nghiên cứu nguyên Hồng Phạm Cửu Trù, sẽ không làm nổi bật được hết cái hay cái đẹp của nền Thiên trị. Chúng ta phải đặt Hồng Phạm vào khung cảnh Tứ Thư Ngũ Kinh, như đề tài chính ở giữa một họa phẩm mệnh mông, như quân vương ngự giữa triều đình rực rỡ, chúng ta mới lĩnh hội được tinh hoa, mới nhận định được mọi vẻ huy hoàng cao đại của Hồng Phạm.

Chúng ta sẽ dùng Tứ Thư, Ngũ Kinh, điểm tô chải chuốt cho các thiên Hồng Phạm, ta sẽ đem các lời lẽ của Khổng Mạnh làm hoa làm ngọc cài lên các ý tứ của Hồng Phạm; nói cách khác, chúng ta sẽ dùng những lời lẽ của Khổng Mạnh để quảng diễn và bình giải Hồng Phạm.

THIÊN DẪN ĐẦU **ĐẠI CƯƠNG HỒNG PHẠM CỬU TRÙ**

Hồng Phạm Cửu Trù là chương trình đại qui mô gồm chín điểm ghi chú những nguyên tắc chính yếu để trị dân.

Tục truyền Trời đã ban Hồng Phạm Cửu Trù cho vua Đại Võ.

«Thư Kinh Bị Chỉ» chia Hồng Phạm làm 3 phần:

Phần nhất: Gồm ba tiết đầu, đề cập tới xuất xứ của Hồng Phạm: Vua đã được Trời ban cho Hồng Phạm. Cơ Tử truyền lại cho Võ Vương nhà Châu.

Phần hai: Tức tiết 4. Trình bày tổng quát chín thiên Hồng Phạm.

Phần ba: Từ tiết 5 đến tiết 40, mô tả rành rẽ chín thiên Hồng Phạm.

Trong chín thiên Hồng Phạm, thì thiên 5 là quan trọng nhất, và là then chốt vì bàn về đức độ toàn thiện đáng quân vương.

4 thiên trước minh định những phương pháp đạt tới đức độ siêu việt ấy.

Còn 4 thiên sau trình bày những cách thế để giữ gìn đức độ siêu việt ấy. [16]

Xưa nay ít người khảo sát Hồng Phạm theo đường lối này, thành thử Hồng Phạm trở nên mơ hồ huyền ảo, như một động phủ chìm ngập trong mây, xa xăm bí ẩn, phẳng phất mung lung...

Trái lại, nếu ta dùng Thư Kinh Bị Chỉ làm chiếc chìa thần để mở các khóa then Hồng Phạm, ta sẽ phanh phui được nhiều điều huyền diệu của tiền nhân. [17]

Hồng Phạm Cửu Trù là hiến chương căn bản dạy cách thay Trời trị dân, nên toàn ghi chép những lời huấn thị cho các bậc đế vương.

Nó đi sâu vào gốc rễ thần quyền, thế quyền, nó đưa ra một bí quyết trị dân rất là cao siêu huyền diệu, rập đúng theo guồng máy âm dương của vũ trụ và tiết tấu của trang sao, và có mục đích giúp con người khai thác những khả năng vô tận tiềm ẩn trong lòng mình, và trong lòng vũ trụ. [18]

Võ Vương vì muốn rõ cơ vi về phương pháp trị dân, nên đến phỏng vấn Cơ Tử. [19]

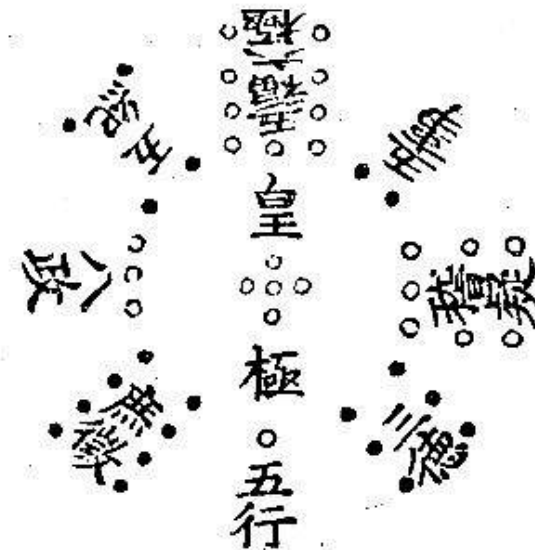
Hồng Phạm viết:

Năm thứ 13, vua tới phỏng vấn Cơ Tử.

Vua nói: «Này, ông Cơ Tử ! Trời luôn ám trợ chúng dân để cho họ được an hòa thái thịnh. Trời còn cộng tác với dân để giúp đỡ phù trì họ trong công cuộc bảo tồn giang sơn. Ta không biết đạo trị dân phải diễn tiến thế nào cho phù hợp với những nguyên lý hằng cửu chi phối nhân loại.» [20]

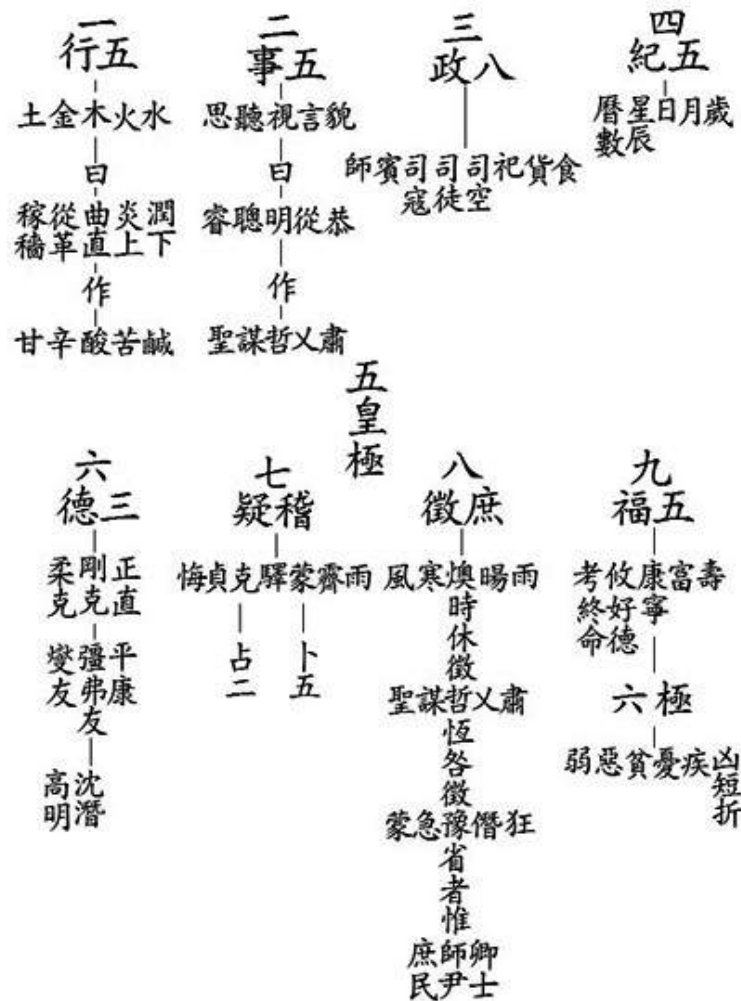
Cơ Tử tâu: «Tôi nghe xưa chúa Cỗn ngăn lấp Hồng Thủy, làm đảo lộn tính chất ngũ hành. Thượng Đế nổi giận, không ban Hồng Phạm Cửu Trù, vì thế các định luật hằng cửu bị hiểu sai trật. Cỗn bị đầy mà chết. Vua Võ nối tiếp công trình trị thủy. Trời ban cho Ngài Hồng Phạm Cửu Trù cho nên các định luật hằng cửu được áp dụng đúng cách, hợp theo thứ tự diễn biến.»

Cơ Tử bèn lần lượt trình bày chín thiên Hồng Phạm cùng vua Võ...



Hồng Phạm Cửu Trù xếp theo Lạc Thư
(trích trong James Legge, The Shoo King, trang 325)

Chín thiên Hồng Phạm ấy từ 4000 năm nay đã khoác một lớp áo cổ kính, có một dáng điệu xa cách, đạo mạo, có một lối văn tình mật cao siêu, nên khó gây cảm hứng. Nay ta sẽ trình bày lại Hồng Phạm, sẽ lấy Tứ Thư Ngũ Kinh trang điểm lại cho Hồng Phạm, để Hồng Phạm trở nên linh động duyên dáng, có một bộ mặt thể kỷ, một tâm tư thời đại ngộ hầu trao lại cho chúng ta những nguyên tắc chính trị cao đại và hằng cửu.



Hồng Phạm Cửu Trù toát lược các thiên

(trích trong James Legge, The Shoo King, trang 344)

CHÚ THÍCH

[1] Hoàng thiên Thượng Đế cải quyết nguyên tử. 皇天上帝改厥元子 (Đấng Hoàng Thiên Thượng Đế thay đổi con đầu lòng của Ngài.) (Kinh Thư – Thiệu Cáo, 9).

[2] Thiên sứ dật đức liệt vu mãnh hỏa. 天吏逸德烈于猛火 (Bậc thiên tử, thiên lại, làm đức dữ hơn lửa mạnh.) (Kinh Thư – Dân Chính, 6)

[3] Dư tạo thiên dịch 予造天役 (Ta là tôi tá của Trời). Lời Võ Vương trong Kinh Thư – Đại Cáo, 8.

[4] Tư Ân đa tiên triết vương tại thiên. 茲殷多先哲王在天 (Bấy giờ triều Ân đã có nhiều vị triết vương ở trên trời) (Kinh Thư – Thiệu Cáo, 10)

[5] Xem Hồng Phạm, lời mở đầu, tiết 3.

[6] Xem Trọng Hủy chi cáo, tiết 2: Ô hô! duy Thiên sinh dân hữu dục, vô chủ nãi loạn. Duy Thiên sinh thông minh thời nghệ... 嗚呼！惟天生民有欲，無主乃亂。惟天生聰明時乂...

[7] Xem Thái Thệ Thượng, tiết 3: Duy thiên địa vạn vật phụ mẫu. Duy nhân vạn vật chi linh. Dẫn thông minh tác nguyên hậu. Nguyên hậu tác dân phụ mẫu. 惟天地萬物父母，惟人萬物之靈。亶聰明，作元

后, 元 后 作 民 父 母 (Kinh Thư – Thái Thệ Thượng, tiết 3)

[8] Thiên hựu hạ dân, tác chi quân, tác chi sư. Duy kỳ khắc tướng Thượng Đế, sùng tuy tứ phương. 天佑下民, 作之君, 作之師. 惟其克相上帝, 寵綏四方 (Kinh Thư – Thái Thệ thượng, 7)

[9] Luận Ngữ – Vi Chính, 1.

[10] Kinh Thư – Thuấn Điển, 8.

[11] Hoàng cực giả, trung ương chính vị dã. 黃極者中央正位也 (Chu Dịch Tham Đồng Khế phát huy. Trung quyển, trang 6.)

[12] Comme un souverain terrestre est toujours accompagné de sa cour qui l'environne, de même les Chinois ont donné aux étoiles qui environnent l'étoile polaire, le Souverain des cieux (皇天大帝) des noms de ministre et de membres de la famille impériale. (Gustave Schlegel, L'Uranographie chinoise, page 524)

Thiên trung cung, thiên cực nhất tinh, kỳ nhất minh giả. Thái nhất thường cư. 天中宮, 天極一星, 其一明者. 太一常居 (Sử Ký 史記, Thiên quan thư 天官書) Ibidem.

Thiên cực nhất tinh, danh Bắc Cực, vị tại trung ương, tứ phương sở thủ chính. Cổ viết trung cung, viết Thiên cực, tức Bắc thần dã 天極一星, 名北極, 位在中央, 四方所取正. 故曰中宮, 曰天極, 即北辰也 (Khảo yếu 考要). Ibidem. 524.

... Ma Yung held that Shang Te was «the Supreme one» Thái Nhất (太一). The whole of this comment is 上帝太一在紫微宮天之最顯者 (Thượng Đế Thái Nhất thần tại Tử Vi cung, thiên chi tối hiển giả): Shang Te is the the great one, his spirit occupies the palace of Tsze Wei (a celestial place about the pole), the most distinguished of the heavenly Powers. (Legge, The Shoo King, page 34 notes)

[13] Đọc thêm: Nguyễn Đăng Thục, Lịch Sử Triết Học Đông phương I, trang 130-131.

[14] Kinh Thư – Trọng Hỷ Chi Cáo, 2.

[15] Xem Kinh Thư – Thuấn Điển, 8. Xem Wieger, Textes historiques. La Grande Règle, page 26.

[16] «The whole, says the writer exhibits the great model for the government of the empire. The fifth or middle division on Royal perfection is, indeed the central one of the whole that about which the book revolves. The four divisions that precede it show how this royal Perfection is to be accomplished and the four that follow show how it is to be maintained.» (James Legge, The Shoo King, page 321).

[17] Cụ Từ Thanh chú thích 9 trừ là: 1- Ngoại giới, 2- Nội giới, 3- Quốc gia, 4- Lịch số, 5- Vũ trụ, 6- Xử thế, 7- Chiêm nghiệm, 8- Thời tiết, 9- Thường phạt. Và cho rằng đó là quan điểm của Khổng An Quốc. (Châu Dịch Đại Toàn, Việt Nam Âm Dương Dịch Lý Hội, quyển thượng, trang 9)

Giáo sư Nguyễn Đăng Thục cũng có ý kiến tương tự. Xem Nguyễn Đăng Thục, Lịch Sử Triết Học Đông Phương, quyển I, trang 137.

[18] L'humanité est le but de la nature humaine et Dieu avec ce but a remis à notre espèce son propre destin entre ses mains. Le but d'une chose qui n'est pas simplement sans vie doit nécessairement se trouver en elle-même. Si nous étions créés pour, de même que la boussole se dirige vers le Nord, tendre avec un effort éternellement vain, vers un point de perfection en dehors de nous, que nous ne pourrions jamais atteindre, nous serions fondés, à titre de machines aveugles, à plaindre non seulement nous, mail

l'êre même qui nous aurait condamnés à un destin de Tantale, en créant notre espèce uniquement pour le plaisir de ses yeux, plein de malignité et indigne d'un Dieu... Mais par bonheur, la nature des choses ne nous enseigne pas cette hypothèse fausse; si nous considérons l'humanité telle que nous la connaissons, d'après les lois qu'elle porte en elle, nous ne connaissons rien de plus haut que l'humanité idéale en l'homme. Car de même, quand nous imaginons des anges et des dieux, nous nous les représentons seulement comme des hommes idéaux, supérieurs.

(Herder, Idées pour la philosophie de l'histoire de l'humanité, pages 270-271)

[19] L'empereur gouverne par le Ciel, doit gouverner selon les intentions du Ciel et bien gérer les intérêts que le Ciel a dans le peuple. Ce sont les règles pratiques pour ce faire que l'empereur demande à Cơ Tử. (Wieger, Textes philosophiques. Chapitre II, La Grande Règle, page 26)

[20] Đoạn này rất quan trọng, nên trích dẫn các bản dịch của mấy học giả danh tiếng Âu Châu:

Wieger dịch: «Le Ciel, dit l'Empereur, gouverne mystérieusement le peuple habitant parmi lui. Je ne suis pas bien au courant de ses lois. Veuillez me les apprendre afin que mon action seconde parfaitement la sienne.» (Wieger Textes philosophiques. La Grande Règle, page 26)

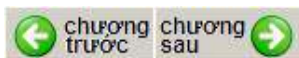
Gaubil dịch: «Le ciel a des voies secrètes par lesquelles, il rend le peuple tranquille et fixe. Il s'unit à lui pour l'aider à garder son état. Je ne connais point cette règle, Quelle est-elle?»

Medhurst dịch: «Heaven has secretly settled lower people aiding and according with that in which they rest, but I do not know the arrangement of these invariable principles.» (Legge, The Shoo King, page 323, notes)



Thiên: [Dẫn đầu](#) [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#)

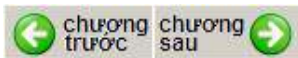
[Mục lục](#) | [Lời nói đầu](#) | **[chương 1](#)** [2](#) [3](#) [4](#) | [Tổng luận](#) | [Phụ lục 1](#) [2](#) [3](#) | [Sách tham khảo](#)



KHÔNG HỌC TINH HOA

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

[Mục lục](#) | [Lời nói đầu](#) | **chương 1** [2](#) [3](#) [4](#) | [Tổng luận](#) | [Phụ lục 1](#) [2](#) [3](#) | [Sách tham khảo](#)



Chương 4

Nền thiên trị Trung Hoa thời cổ

Thiên: [Dẫn đầu](#) [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#)



[Thiên dẫn đầu](#): Đại cương Hồng Phạm Cửu Trù

[Thiên 1](#): Đấng quân vương phải am tường vật lý

[Thiên 2](#): Đấng quân vương phải biết phương pháp tu thân

[Thiên 3](#): Đấng quân vương phải biết phương pháp trị dân

[Thiên 4](#): Đấng quân vương phải am tường ý nghĩa của tháng năm, hiểu thiên văn, lịch số

[Thiên 5](#): Đấng quân vương sẽ ở ngôi Hoàng Cực, thay Trời trị dân

[Thiên 6](#): Thuật cai trị: chính trực nhưng phải biết cương nhu, quyền biến

[Thiên 7](#): Đấng quân vương phải biết suy nghĩ bàn bạc, hỏi han khi gặp những trường hợp nan giải

[Thiên 8](#): Đấng quân vương phải nhân các điềm trời mà soát xét lại đường lối cai trị

[Thiên 9](#): Đấng quân vương phải nhìn vào tình cảnh dân, để nhận định giá trị của nền cai trị

[Tổng luận](#)

THIÊN 1

ĐĂNG QUÂN VƯƠNG PHẢI AM TƯỜNG VẬT LÝ

Trước hết Hồng Phạm đòi hỏi Thiên Tử phải am tường vật lý vì có như vậy mới có thể dạy dân sử dụng chi phối biến hoá được ngũ hành, chế ngự, khai thác được hoàn cảnh vật chất.

Hồng Phạm viết:

MỘT là năm hành: một là nước, hai là lửa, ba là gỗ, bốn là kim, năm là đất. Nước thấm nhuần và chảy xuống, lửa bốc cháy và bay lên; gỗ có thể cong lại; kim có thể tùy nghi biến dạng; đất có thể gieo cấy.

Nước chảy xuống nên sinh vị mặn; lửa bốc lên, nên sinh vị đắng; cây có thể cong ngay nên sinh vị chua; kim có thể tùy nghi biến dạng nên sinh vị cay; đất có thể gieo cấy nên sinh vị ngọt...

Chữ ngũ hành [\[1\]](#) là chữ thông dụng nhất, nhưng cũng là chữ mù mờ nhất; mới nhìn, tưởng giản dị nhất, nhưng thật ra phức tạp cao siêu nhất.

Quan niệm ngũ hành đã được các học giả Đông Tây bàn cãi nhiều. Nếu ta đi vào chi tiết sẽ không bao giờ cùng; đây ta chỉ tháo gỡ cho ra những giường mối chính, ý nghĩa chính.

«Ngũ hành» có quan hệ mật thiết đến siêu hình học và vũ trụ quan Trung Hoa thời cổ; có hiểu vũ trụ quan Trung Hoa, mới hiểu ngũ hành.

Trung Hoa, cũng như các dân tộc xưa, tin rằng vũ trụ vạn vật đều do một nguyên thể, một nguyên động lực phân tán, biến hóa ra. [2]

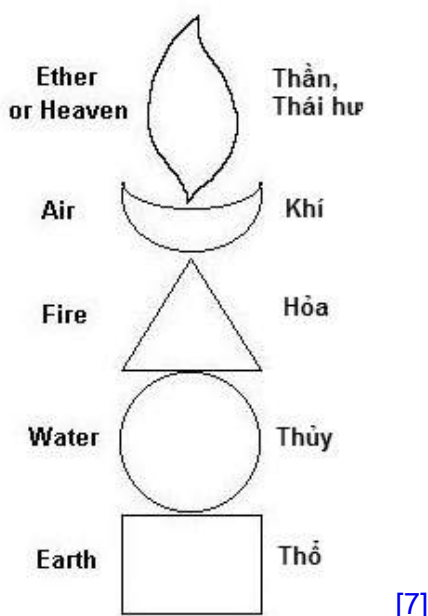
1- Cho nên đứng vào phương diện năng lực, thì nguyên động lực từ một tâm điểm phân tán vận chuyển ra bốn phương theo hai chiều kinh (dọc) vĩ (ngang) thành ra hai cặp ngẫu lực chính. [3] Các ngẫu lực này hoạt động ảnh hưởng lên nhau và dần dà sinh mọi loại năng lực.

2- Đứng về phương diện nguyên liệu, chất liệu, ngũ hành [4] là năm yếu tố cấu tạo vũ trụ. Hành Thổ ở Trung cung là căn cơ và cũng là đích cho muôn vật. Cho nên Dịch thường nói «Nguyên thủy phản chung» là vì vậy. [5]

Quan niệm này tương tự như quan niệm của Âu Châu, vì các vũ trụ luận cổ Âu Châu vẫn chủ trương có 4 nguyên chất tạo thành vũ trụ: «thủy, hỏa, thổ, khí», nhưng ngoài ra còn chủ trương có «tinh hoa», «tinh túy thứ năm» (la quintessence: la quinte essence) mà họ còn gọi là éther, hay matière première. [6]

Ấn Độ, Tây Tạng và nhiều phái huyền học Âu Châu chủ trương con người – tiểu vũ trụ – gồm ngũ hành như đại vũ trụ bên ngoài.

Và họ hình dung con người như sau:



Nhiều đền đài Tây Tạng hiện còn xây theo đồ hình trên, ví dụ như đền Koumboum ở Gyantsé. [8]

3- Xét theo không gian, thì ngũ hành lại chiếm năm vị trí chính yếu là Đông, Tây, Nam, Bắc, Trung.

4- Xét về thời gian, thì ngũ hành chính là năm thời đại khác nhau, năm mùa khác nhau, bốn mùa biến thiên bên ngoài và một mùa hằng cửu bên trong, vừa là mùa hoàng kim khởi thủy vừa là mùa Hạnh phúc lý tưởng lúc chung cuộc. [9]

5- Ngũ hành, mà không kể trung điểm bên trong, thì còn lại tứ tượng bên ngoài.

Cho nên ngũ hành bao gồm tất cả huyền cơ về bản thể và hiện tượng, gồm cả nguyên lý hằng cửu, và dịch lý biến thiên.

Tứ tượng là 4 trạng thái, bốn hiện tượng tối sơ của một bản thể.

Trung Hoa thường lấy tứ linh tượng trưng tứ tượng tức là: Long, Ly, Qui, Phượng.

Trên trời thì ghi tứ tượng vào bốn chòm sao:

Thanh Long 青龍

Chu Tước 朱雀

Bạch Hổ 白虎

Huyền Vũ 玄武

gồm nhị thập bát tú của vòng chu thiên Hoàng đạo, [\[10\]](#) còn Bắc Thần sẽ ở Trung điểm làm khu nữu.

Đọc thánh kinh, hay huyền thoại các nước Âu Châu ta đều thấy có tứ linh tứ tượng, ví dụ tứ tượng trong sách Ezéchiel, mà sau này Thánh Irénée đã dùng làm tiêu biểu cho 4 Thánh Sử. [\[11\]](#)

Trên nhiều bức họa, ta thấy đấng Christ ở tâm điểm thánh giá, còn ở bốn cánh có bốn Thánh Sử, hay tứ tượng.

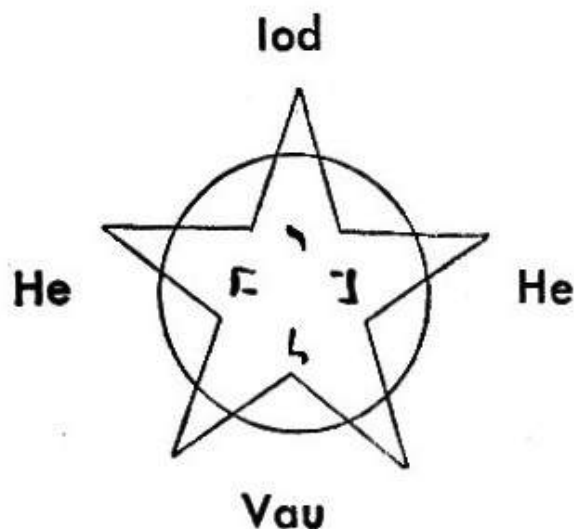
Louis Lallement bình về tứ tượng như sau:

«Tứ tượng có thể là áp dụng của một định luật phổ quát, theo đó, cần phải có bốn trạng thái sinh hoạt, bốn nghi thức phô diễn để mô tả một nguyên lý thuần thuần, tùy theo thời gian và không gian.» [\[12\]](#)

Những biến thái muôn mặt phản chiếu lại các sắc diện biến thiên của một toàn thể vô biên siêu xuất trên thế giới của phân ly chia xẻ, có thể thâm về bốn ý niệm chính, thâm về tứ tượng. Vì thế, tiên tri Ezéchiel đã nhìn thấy bốn con thú; cũng vì thế vườn địa đàng xưa có bốn con sông chảy ra bốn phương do một nguồn nước hằng sống. Đó cũng là huyền nghĩa của thập tự và chân lý mà các môn đệ Pythagore đã kính tôn dưới hình thức «tứ tượng» gồm 4 số sinh ra vũ trụ. [\[13\]](#)

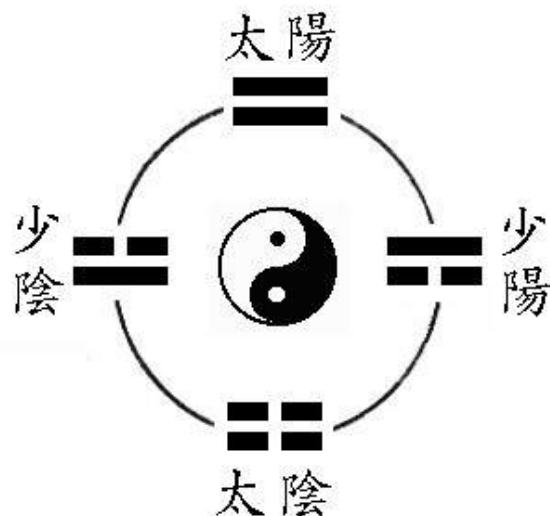
Huyền học Tarot cho rằng tứ tượng chính là 4 biến dạng của Thượng đế. [\[14\]](#)

Xem 2 sơ đồ Đông Tây đối chiếu sau ta sẽ hiểu huyền nghĩa của tứ tượng và ngũ hành.



Tứ tự của Huyền học Do Thái
(Tetragrammaton)

Bốn chữ viết vòng 4 phương trên tức là:
Iod, Hé, Vau, Hé = IVHV = Jéhovah = Thượng Đế



Thái Cực và Tứ Tượng

Cho nên đề cập tới Thái Cực hay tới ngũ hành, ngũ đế chẳng qua cũng như là đề cập tới Tuyệt đối thể với các biến dạng, biến thái mà thôi.

Thiên tử trong tòa Minh đường, hằng năm xưa, đã đóng lại tấn tường vũ trụ ấy.

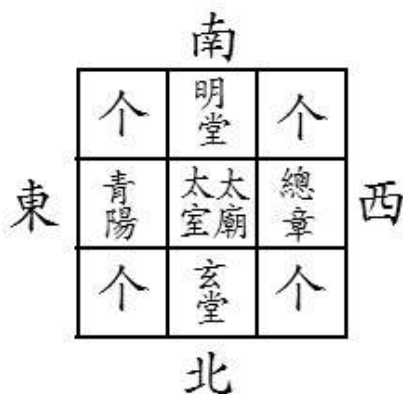
Xuân thì phẩm phục, cờ xí xanh, ngựa cung Thanh dương phía Đông.

Hạ thì phẩm phục, cờ xí đỏ ngựa cung Minh Đường phía Nam.

Sau Hạ Chí, phẩm phục, cờ xí vàng, ngựa trung cung (Thái Miếu, Thái Thất).

Thu phẩm phục, cờ xí trắng, ngựa cung Tổng chương phía Tây.

Đông phẩm phục, cờ xí đen, ngựa cung Huyền đường phía Bắc. [15]



Ý nói rằng chỉ có một vị Thiên tử nhưng hình dáng, động tác, phương vị có thể đổi thay theo thời gian: Thế cũng chủ trương: «Thế duy nhất, dụng vạn thù» của Dịch Kinh.

6- Ngũ hành còn có thể hiểu là năm yếu tố cần thiết cho sự sống. [16]

Ý nghĩa này hợp với Hồng Phạm. Kinh Thư chương Đại Vũ Mô viết: «Nhân đức của nhà vua hiện ra trong một nền chính trị giỏi giang khéo léo. Mà chính trị trước là phải nuôi dân.» [17]

Sáu yếu tố cần cho dân là «Thủy, Hỏa, Kim, Mộc, Thổ, Cốc» (nước, lửa, kim khí, gỗ, đất, lúa); chúng cần được khai thác. Nhà vua chẳng những phải lo giáo hóa, khuyến thiện cho dân, mà còn phải cho họ

biết khai thác lợi dụng vật chất thiên nhiên, cho đời sống họ được dồi dào phong phú. [18]

Những lời Hồng phạm về ngũ hành tuy vẫn vồ vập nhưng chứa chan ý nghĩa. Nguyên tắc chính yếu là: muốn cho dân giàu, nước mạnh phải khai thác thiên nhiên, mà muốn khai thác thiên nhiên, phải biết vật lý, phải tìm hiểu tính cách, khuynh hướng nó. Sau khi am tường vật lý, sẽ thuận thế mà khai thác, lợi dụng, mới đỡ tốn công, mới mong kết quả. [19]

Cách vua Vũ trị thủy xưa là một áp dụng hữu hiệu của thiên Hồng Phạm này.

Mạnh Tử viết:

«Ông Vũ làm cho nước lưu thông thuận theo thế nước, tính nước, cho nên ông làm việc chẳng có khó nhọc.

Cũng một lẽ, nếu kẻ trí y theo đó mà làm, tức là tùy theo thế, tính tự nhiên, ắt họ làm việc chẳng có chi khó nhọc mà được thành công, thì trí thức họ mới đáng kể là rộng lớn đó. [20]

Cũng đời vua Vũ có đức cửu đỉnh, tức là áp dụng, nguyên lý lửa nóng bay lên và kim loại tùy nghi biến dạng, v.v...

Thiên một nói về ngũ hành này là phản ảnh một bốn phận trọng đại hay một mối lo âu muôn thuở của những nhà lãnh đạo, lập quốc, kiến quốc. Chúng ta nhìn ngay vào lịch sử nhân loại gần đây cũng vẫn tìm ra được những thí dụ điển hình.

Brigham Young trong khi dẫn đoàn tín đồ Mormons băng ngàn, vượt núi tiến về miền Tây nước Mỹ (1847), đã cho thăm dò về địa dư, để tìm nơi định cư cho dân.

Câu hỏi đầu tiên đặt ra là nơi nào có đất đai rộng, có nước nhiều và có cây cối nhiều. [21]

Năm 1948 khi dân Do Thái kéo nhau trở về Palestine lập quốc, vấn đề trước tiên họ nghĩ tới là tìm cho ta các mạch nước để dùng vào việc canh nông. Họ giở Thánh Kinh tìm các nơi xưa có giếng nước nhất là ở vùng Négeb, họ dẫn nước sông Yarkon vào các vùng hoang địa để canh tác; họ bắt dân thi đua giồng lại cây cối; họ hết sức khai thác đất đai. Nhờ vậy mà ngày nay, ở Do Thái, sa mạc xưa kia đã trở nên xanh tươi và rực rỡ muôn hoa, những giải đất cằn cỗi khô khan xưa đã trở nên thành đồng ruộng phì nhiêu. [22]

Hồng Phạm đã đặt vấn đề kinh tế, vấn đề khai thác tài nguyên lên hàng đầu trong công cuộc trị dân.

Nhìn vào các cường quốc Âu Mỹ ngày nay: ta thấy họ hết sức khai thác mọi nguồn lợi thiên nhiên và khuếch trương kinh tế.

Đâu đâu họ cũng lợi dụng sông ngòi để thiết lập những hệ thống dẫn thủy nhập điền hết sức hoàn bị, để số đất đai dùng vào việc canh tác được lên tới mức tối đa. Các tài nguyên của nước, như muối, cá, rong hay sức nước v.v... đều được tận dụng.

Họ dùng những sức nóng lớn lao để biến hóa kim loại, mở mang các ngành kỹ nghệ, và đã tiến rất xa về phương diện cơ khí.

Họ triệt để khai thác lâm sản, khoáng sản, làm cho các vùng núi trở thành những khu vực thịnh vượng.

Họ cũng đã khoa học hóa công cuộc trồng tía, cấy gặt.

Nhờ sự am tường về tính chất đất đai, nhờ những tiến bộ vượt mức về canh tác, họ đã thu thập được những thành quả hết sức tốt đẹp.

Mới hay, càng hiểu biết về thiên nhiên, càng biết cách khai thác ngũ hành, kho trời đất lại càng trở nên phong phú.

Nếu một vị lãnh đạo nhân dân tự cho mình có bốn phận làm cho nước giàu dân mạnh, dĩ nhiên là phải để tâm suy cứu về địa dư, triệt để khai thác các đất đai còn hoang vu trong nước, triệt để khai thác các tài nguyên còn súc tích ở khắp nơi, trên núi, trên rừng, dưới nước dưới biển...

Tóm lại xưa cũng như nay, các nhà lãnh đạo nhân dân đều tin tưởng vào kho tàng phong phú kỳ diệu của đất trời. Nhưng muốn cho thiên nhiên chuyển mình để trở thành nô bộc nhân loại, hỗ trợ và dưỡng nuôi nhân loại, nhân loại trước hết, cần phải dùng khối óc mà quan sát tìm hiểu, cần phải có ý chí sắt đá để khắc phục hoàn cảnh, và cần có những bàn tay cần cù để đảo lộn cục diện hoàn vũ. Trần gian tưởng như tiêu sơ, man dại nhưng chính là một thiên đường, nếu mọi người đều tận dụng khả năng để khai thác kho tàng của trời đất.

Thiên Hồng Phạm này làm liên tưởng đến mấy lời tiên tri Isaïe:

Ta, Yahvé, đáng vô cùng cao cả.
Sẽ cho sông tung tỏa giữa sườn đồi
Cho suối tuôn trong thung lũng xa xôi
Cho hồ ao chứa chan trong sa mạc
Nơi hoang địa, nước sẽ chảy vào rào rạt,
Sa mạc xưa sẽ đầy tùng bách, lá hoa...

(Isaïe 51: 28 29)

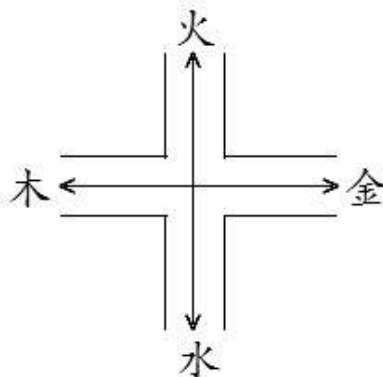
oOo

CHÚ THÍCH

[1] Chữ 行 xưa viết 𠂔. Ta có thể giải: 𠂔 một nguyên động lực phân tán ra bốn phương.

[2] Teilhard de Chardin gọi nguyên thể ấy là Etoffe cosmique. (Cf. Jean Onimus, Teilhard de Chardin, page 81)

[3] Các động lực trong mỗi cặp ngẫu lực tưởng chừng xung khắc nhau, những thực ra vẫn tương thừa nhau để sinh biến hóa.



Trong con người, nguyên động lực ấy cũng di chuyển theo các chiều kinh (dọc), lạc (ngang), và nhất là dọc theo xương sống và đường chạy dọc theo giữa thân người phía trước qua hai mạch Nhâm, Đốc. (Nhâm chạy phía trước, Đốc chạy phía sau).

[4] Chữ ngũ hành chỗ này, Legge dịch là Five Elements (Legge, The Shoo King, The Great Plan, p. 325).

Thực ra chữ ngũ hành có nhiều nghĩa nên có học giả Âu Châu chỉ phiên âm mà không dịch, ví dụ như trường hợp ông Gaubil (Gaubil does not translate but gives always «le cinq hing») (Legge, The Shoo King, The Great Plan, p. 325)

[5] Ngộ Chân Thiên chi thi vân: Tứ tượng ngũ hành toàn tạ thổ. Hựu vân: Chỉ duyên bỉ thử hoài chân thổ, toại sử kim đan hựu phản hoàn. 悟真篇之詩云:四象五行全藉土。又云:只緣彼此懷真土,遂使金丹有返還 (Chu Dịch Tham Đồng Khế phát huy, quyển thượng, trang 4)

... Cổ năng di luân thiên địa chi đạo, ngưỡng dĩ quan ư thiên văn, phủ dĩ sát ư địa lý, thị cổ tri u minh chi cố, nguyên thủy phản chung, cổ tri tử sinh chi thuyết. 故能彌綸天地之道,仰以觀於天文,俯以察於地理,是故知幽明之故,原始反終,故知死生之說 (Hệ Từ Thượng 繫辭上)

[6] «Du même point de vue, on peut observer que toutes les cosmogénies anciennes présentent le monde comme constitué de quatre éléments; le feu, l'air, l'eau, et la terre. La «quintessence» qu'elles considèrent en outre n'est pas un cinquième élément à proprement parler: elle appartient à un ordre de réaltiés subtil, intermédiaire entre l'esprit et la matière, et c'est en quelque sorte, la rmatière immatérielle de la création, contenant unis dans l'indistinction originelle, les principes des quarte éléments.

D'une manière générale, la quintessence symbolise la pure réalité spirituelle par rapport à ses traductions quaternaires, entachées des servitudes d'expression ou d'incarnation. C'est, par exemple, le Christ, Verbe divin, par rapport aux Evangélistes, témoins inspirés participant de sa lumière. La quintessence n'est pas pur symbole, elle a sa réalité propre encore qu'insaisissable aux sens humains...

Quant à la loi du quaternaire dans le temps, il suffit de rappeler ici les quatre âges de l'humanité, les quatre époques de la vie humaine, les quatres saisons de l'année, etc...

Louis Lallement, La vocation de l'Occident, page 24.

[7] Forlong, in his Faiths of man, gives this arrangement:

A – is the earth, or foundation on which all build.

WA – Water as in an egg, or as condensed fire and ether.

RA – fire or the elements in motion.

KA – Air or wind – Juno or Ioni; a condensed element.

CHA – Ether or Heaven, the cosmical Former.

(Cf. Mackey's Freemasonry encyclopedia, Vol. II, page 615)

[8] Xem Fondement de la mystique tibétaine, page 260-261.

[9] Lễ Ký bình về ngũ hành:

Ngũ hành chi động trật tương kiệt dã. Ngũ hành tứ thời, thập nhị nguyệt, hoàn tương vi bản dã. 五行之動迭相竭也。五行四時,十二月,還相為本也。

Les cinq éléments se meuvent sans cesse, prenant alternativement la place et anéantissent le pouvoir l'un de l'autre. Dans leurs révolutions, durant les quatre saisons et les douze mois de l'année, chacun d'eux est à son tour comme la base des quatre autres.

Couvreur, Li Kí, page 519.

[10] Các nước cũng có tứ linh, tứ tượng: Cf. Robert Ambelain, Traité d'astrologie ésotérique, page

155:

Les Quatre branches de la croix symbolisent les quatre angles célestes (Nord, Sud, Est. Ouest), les quatre angles du thème astrologique (AS, DS, FC, MC), les quatre saisons solaires, les quatre étoiles royales qui marquaient dans l'antique Egypte le commencement des saisons; Aldébaran (l'œil du Taureau), Régulus (le cœur du Lion), Antarès (le cœur du Scorpion) et Fomalhaut (La bouche du Poisson austral)

[11] C'est ainsi que le message du Christ a été, transmis en quatre évangiles selon Saint Jean, Saint Mathieu, Saint Marc et Saint Luc dont les différences de nature ont été symbolisées par l'aigle, l'homme, le lion et le bœuf - Saint Irénée auquel remonte cette correspondance établie entre les évangélistes et les animaux d'Ezéchiel, la relie, d'ailleurs expressément aux «quatre régions du monde où nous sommes», et aux «quatre vents principaux».

Irénée (Adversus Hoereses III, II-8)

Louis Lallement, La vocation de l'Occident, page 23.

Khoa chiêm tinh cũng có tứ tượng, tứ thú.

Huyền học Rose Croix cũng có tứ tượng như sách Ezéchiel. (Cf. Traité d'Astrologie ésotérique của Robert Ambelain, page 53)

... The Celestial Vulture or Eagle, rising and setting with the Scorpion, was substituted in its place, in many cases, on account of the malign influence of the latter, and thus the four great periods of the year were marked the Bull, the Lion, the Man (Aquarius), and the Eagle, which were upon the respective standards of Ephraim, Judah, Ruben, and Dan and still appear on the shield of American Royal Arch Masonry (Albert Pike, Moral and Dogmas – Knight of the Brazen Serpent)

[12] Celle formule quaternaire semble avoir été l'application d'une loi universelle d'après laquelle quatre modalités d'existence ou d'expression seraient nécessaires pour traduire selon l'espace et le temps un principe spirituel.

Louis Lallement, La vocation de l'Occident, page 23.

[13] Les aspects multiples en lesquels se réfracte, ici-bas, la plénitude ineffable des réalités qui transcendent ce monde de la division, peuvent en règle générale, être en effet ramenés dans chaque cas, à quatre représentations fondamentales; ainsi les quatre animaux de la vision d'Ezéchiel, ou les quatre fleuves en lesquels il est dit qu'au Paradis terrestre se partage la source des eaux vives. C'est là l'un des sens symboliques de la croix, et la vérité que les pythagoriciens ont révévés dans la «tétractys» sacrée, tenant quatre pour le nombre de la création.

(Louis Lallement, la Vocation de l'Occident, page 23)

[14] Bốn chữ viết vòng bốn phương trên tức là: Iod, Hé, Vau, Hé = IVHV = Jéhovah = Thượng Đế.

[15] Lễ Ký – Nguyệt Lệnh. Couvreur, Li Ki, từ trang 330 đến 410.

[16] Legge dịch là «The five essentials to human life». (James Legge, The Shoo King, p. 326)

[17] Vũ viết: Ư để niệm tai. Đức duy thiện chính, chính tại dưỡng dân. 禹曰: 於帝念哉. 德惟善政, 政在養民. (Kinh Thư – Đại Vũ Mô, 7)

[18] Thủy, hỏa, kim, mộc, thổ, cốc duy tính tu. Chính đức lợi dụng hậu sinh. 水, 火, 金, 木, 土, 穀惟修.

正德利用厚生 (Kinh Thư – Đại Vũ Mô, 7)

Dụng thủy hỏa kim mộc, ẩm thực tất thời. 用水, 火, 金, 木 飲食 必 時. Couvreur bình dịch như sau: La pêche, l'extraction du sel et des métaux, la coup du bois avaient lieu aux époques convenables.

Lễ Ký – Lễ Vận. Couvreur, Tome I, 535.

[19] Thiết tưởng nguyên tắc này cũng cần được áp dụng vào nghệ thuật trị dân.

[20] Mạnh Tử – Ly Lâu hạ, 26. Đoàn Trung Còn dịch, trang 57-59. và Mạnh Tử – Cáo Tử hạ, 11. Đặng Văn Công thượng, 3.

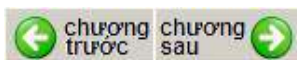
[21] Xem La longue marche des Mormons trong Sélection Octobre và Novembre 1965.

[22] Xem André Lamorte, La Bible et le plan de Dieu. Chapitre VI, pages 92 et ss.



Thiên: [Dẫn đầu](#) [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#)

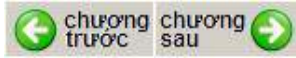
[Mục lục](#) | [Lời nói đầu](#) | [chương 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) | [Tổng luận](#) | [Phụ lục 1](#) [2](#) [3](#) | [Sách tham khảo](#)



KHÔNG HỌC TINH HOA

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

[Mục lục](#) | [Lời nói đầu](#) | **chương 1** [2](#) [3](#) [4](#) | [Tổng luận](#) | [Phụ lục 1](#) [2](#) [3](#) | [Sách tham khảo](#)



Chương 4

Nền thiên trị Trung Hoa thời cổ

Thiên: [Dẫn đầu](#) [1](#) **2** [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#)



[Thiên dẫn đầu](#): Đại cương Hồng Phạm Cửu Trù

[Thiên 1](#): Đấng quân vương phải am tường vật lý

[Thiên 2](#): Đấng quân vương phải biết phương pháp tu thân

[Thiên 3](#): Đấng quân vương phải biết phương pháp trị dân

[Thiên 4](#): Đấng quân vương phải am tường ý nghĩa của tháng năm, hiểu thiên văn, lịch số

[Thiên 5](#): Đấng quân vương sẽ ở ngôi Hoàng Cực, thay Trời trị dân

[Thiên 6](#): Thuật cai trị: chính trực nhưng phải biết cương nhu, quyền biến

[Thiên 7](#): Đấng quân vương phải biết suy nghĩ bàn bạc, hỏi han khi gặp những trường hợp nan giải

[Thiên 8](#): Đấng quân vương phải nhân các điềm trời mà soát xét lại đường lối cai trị

[Thiên 9](#): Đấng quân vương phải nhìn vào tình cảnh dân, để nhận định giá trị của nền cai trị

[Tổng luận](#)

THIÊN 2

ĐẮNG QUÂN VƯƠNG PHẢI BIẾT PHƯƠNG PHÁP TU THÂN

Thiên tử phải biết mình, biết người, biết phương pháp gây uy tín, tăng gia kiến thức, giá trị nội tại. Ngoài phải đoan trang, biết đàng ăn nói, biết nghe, biết nhìn, biết suy xét. [\[1\]](#)

Hồng Phạm viết:

Hai là năm việc: một là đáng điệu, hai là nói năng, ba là trông nhìn, bốn là nghe ngóng, năm là nghĩ ngợi. Đáng điệu phải kính cẩn, nói năng phải hợp lý, trông nhìn phải sáng suốt, nghe ngóng phải tinh tế, nghĩ ngợi phải thấu triệt. Kính cẩn sẽ nghiêm trang; hợp lý sẽ trật tự; sáng suốt sẽ khôn ngoan; tinh tế sẽ mưu lược; thấu triệt sẽ thánh thiện. [\[2\]](#)

Đó chính là đường lối cho nhà vua tiến tới minh triết, hiền thánh.

Phương pháp tiến tới minh triết, hiền thánh thật cũng rất là giản dị; chỉ cần tận dụng khai thác các

quan năng mình; con tim, khối óc mình, cho nó rung động lên, rục rĩ lên, và thành khẩn đón nhận tinh hoa nhân loại.

Nguyên tắc chính vẫn là muốn trị người, trước phải trị mình.

Đức Khổng nói trong Luận Ngữ: «Nhuê người nào đã sửa trị lấy mình, thì đứng ra cai trị thiên hạ có khó gì. Nhược bằng chẳng cai trị được mình, thì làm sao cai trị nhân dân được?» [3]

Ta có thể dùng Luận Ngữ, Mạnh Tử để bình giải thiên này.

Đức Khổng nói: «Người quân tử có chín mối xét nét:

- 1- Khi trông thì cố trông cho minh bạch.
- 2- Khi nghe thì lắng nghe cho tỏ rõ.
- 3- Sắc mặt giữ cho ôn hòa.
- 4- Tướng mạo giữ cho khiêm cung.
- 5- Nói năng thì giữ bề trung thực.
- 6- Làm việc thì trọng sự kính cẩn.
- 7- Có điều nghi hoặc thì liệu thế hỏi han.
- 8- Khi giận thì nghĩ đến hoạn nạn có thể xảy ra.
- 9- Khi thấy mối lợi, liền nhớ đến điều nghĩa.» [4]

Người xưa rất chú trọng đến lời ăn, tiếng nói, vì lời lẽ phản ánh tâm hồn con người.

Mạnh Tử nói: «Nghe ai thốt ra lời nghiêng lệch bất công, ta biết rằng lương tâm kẻ ấy bị mối tư dục che án. Nghe ai thốt ra lời phóng đảng, ta biết rằng tâm ý kẻ ấy bị chìm đắm. Nghe ai thốt ra lời tà ác, ta biết lòng dạ kẻ ấy rời khỏi đường chính nẻo thiện. Nghe ai thốt ra lời dằn độn, ta biết tâm trí kẻ ấy cùng quần chẳng thông. Nhà cầm quyền nếu tâm không minh chính, thiên lệch, u mê, chắc chắn sẽ có ảnh hưởng xấu đến chính sự, sẽ hại cho việc nước. Dẫu thánh nhân trở lại cõi này cũng sẽ công nhận lời ta vậy.» [5]

Tăng Tử cho rằng:

Bậc quân tử ở ngôi trên, quý trọng đạo đức, có ba điều:

- 1- Cử chỉ dung mạo nên tránh lối bạo ngược khinh lờn.
- 2- Dung nhan nên sửa cho thành tín ngay thật.
- 3- Lời nói nên tránh lối thô bỉ, bạo nghịch. [6]

Ông Tử Trương hỏi đức Khổng: «Phải làm gì mới đáng là người gánh việc nước?»

Đức Khổng đáp: «Người gánh vác việc nước phải tôn trọng năm việc tốt, trừ tuyệt bốn việc xấu.»

Tử Trương hỏi: «Sao gọi là năm việc tốt?»

Đức Khổng đáp:

- «1- Người quân tử cầm quyền thi thố ân huệ cho dân mà chẳng hao tổn tiền của.
- 2- Khiến dân làm việc cực nhọc mà họ chẳng oán ghét.
- 3- Có lòng ưa thích mà chẳng mang tiếng tham.
- 4- Tướng mạo thư thái mà chẳng có vẻ kiêu hãnh.

5- Oai nghiêm đầm thắm mà chẳng có vẻ hung dữ.»

Tử Trương hỏi thêm: «Sao gọi là thi thố ân huệ cho dân mà chẳng hao tổn tiền của?»

Đức Khổng giải: «Mình nương theo chỗ lợi của dân mà mở mang nguồn lợi cho họ nhờ, như vậy chẳng phải là thi thố ân huệ cho dân mà chẳng hao tổn tiền của sao? Mình chọn việc nào đáng làm mà phải lúc mới khiến dân ra công nhọc sức; như vậy còn ai oán ghét mình. Mình chuộng điều nhân thì được nhân, như vậy lại mang tiếng tham sao?»

Người quân tử đối với người chẳng luận là nhiều hay ít, lớn hay nhỏ, chẳng hề dám khinh dễ ai; như vậy chẳng phải là thư thái mà chẳng kiêu hãnh sao? Người quân tử mũ miện ngay ngắn, áo xống chỉnh tề, nhìn ngó một cách nghiêm trang, oai nghi nghiêm nhiên, khiến người trông vào mà kính sợ, như vậy chẳng phải là oai nghiêm đầm thắm mà chẳng có vẻ hung dữ sao?

Tử Trương hỏi thêm: «Sao gọi là bốn việc xấu?»

Đức Khổng đáp: «1- Nhà cầm quyền chẳng giáo hóa cho dân biết nghĩa vụ phép tắc, bởi đó dân phản bội, nhà cầm quyền bèn đem giết đi, như vậy gọi là ngược.

2- Trước chẳng dặn bảo người cho rành rẽ, kể buộc người làm xong công việc một cách cấp tốc, như vậy gọi là bạo.

3- Tự mình ra lệnh một cách giải đãi; rồi kỳ hạn cho người làm cho chóng; như vậy gọi là tắc.

4- Khi cho ai vật gì, thì so hơn tính thiệt một cách biến lộn, đó là cử chỉ của một viên chức nhỏ.» [7]

Mạnh Tử chủ trương: nếu có đức độ, trị dân chúng chẳng khó. Ông nói cùng Tề Tuyên Vương:

«Mình kính trọng bậc cha anh mình, rồi do nơi mối tình ấy mình kính trọng bậc cha anh của mọi người; mình thương tưởng hàng con em mình, rồi do nơi mối tình ấy, mình thương tưởng hàng con em của mọi người. Nếu vua làm được như vậy, Ngài sẽ cai trị thiên hạ dễ dàng như trở bàn tay.

Kinh Thi viết: «Văn Vương trước làm gương mẫu cho vợ con mình, kể làm gương mẫu cho anh em mình, nhờ đó mà ngài yên trị từ việc nhà đến việc nước.»

Thế nghĩa là: mình chỉ cần cho tấm lòng nhân đức của mình nó lan tràn ra từ chỗ gần mà lần ra chỗ xa vậy. Cho nên người thi ân bá đức cho rộng ra thì đủ sức bảo hộ bốn biển; mà người chẳng thi ân bá đức thì chẳng thể giữ gìn vợ con mình. Các vua đời xưa sở dĩ hơn người thường, vì các ngài khéo phát triển những hành vi về đạo nghĩa của mình mà thôi.» [8]

Mạnh Tử nói: «Dùng lực mà thu phục người, thì người ta chỉ phục mình bề ngoài nhưng tâm chẳng phục, ấy là tại người ta chẳng đủ sức mà đương cự với mình. Còn như dùng nhân đức mà thu phục người thì người ta vui lòng mà từng phục mình, một cách thành thật như bảy mươi vị đệ tử phục đức Khổng Tử vậy.»

Kinh Thi viết:

«Bất phân Nam, Bắc, Tây, Đông,

Bốn phương đâu đấy phục tòng Văn Vương.»

Mấy lời ấy tỏ ra sự tâm phục. [9]

Tóm lại muốn trị dân, phải đủ trí, nhân, trang, lễ. [10]

oOo

CHÚ THÍCH

[1] Tu thân dạ chẳng suy vi,
Gương lòng vắng vặc quang huy rõ ràng.
Trang nghiêng mũ áo đường hoàng,
Những điều dang dở chẳng làm chẳng nghe.
Muốn khuyến hiền hãy chê nịnh hót,
Hãy tránh xa sắc tốt là lời.
Khinh tài trọng nghĩa không ngơi,
Treo gương hiền đức cho đời soi chung.

[2] Xem bản dịch của Wieger trong Textes philosophiques, chapitre II, la Grande Règle, p. 29.

Có người bình đoạn này như sau: Thứ tự năm công việc này diễn tiến theo đà khai triển của con người (từ thô đến tinh, từ biểu tới lý).

Bé thì múa may, vận động, rồi kêu gào, rồi trông nhìn, nghe ngóng; cuối cùng mới biết suy nghĩ... Sự suy nghĩ cũng lại diễn biến từ thô tới tinh, y như việc làm của người đào giếng: mới đào chỉ có bùn đục, mãi sau, nước mới trong dần.

Xem Wieger, Textes philosophiques, chapitre II, la Grande Règle, p. 28.

Nguyễn Đăng Thực, Lịch Sử Triết Học Đông Phương, quyển I, trang 125.

[3] Luận Ngữ – Tử Lộ, 13. – Quí Thị, 10. – Thái Bá, 5. – Nghiêu Viết, 2.

[4] Luận Ngữ – Quí Thị, 10.

[5] Mạnh Tử – Công Tôn Sửu thượng, 2.

[6] Luận Ngữ – Thái Bá, 5.

[7] Luận Ngữ – Nghiêu Viết, 2.

[8] Mạnh Tử – Lương Huệ Vương thượng, 6.

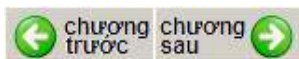
[9] Mạnh Tử – Công Tôn Sửu thượng, 3.

[10] Luận Ngữ – Vệ Linh Công, 33. – Mạnh Tử – Lương Huệ Vương hạ, 33.



Thiên: [Dẫn đầu](#) [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#)

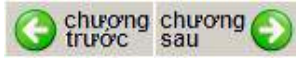
[Mục lục](#) | [Lời nói đầu](#) | **[chương 1](#)** [2](#) [3](#) [4](#) | [Tổng luận](#) | [Phụ lục 1](#) [2](#) [3](#) | [Sách tham khảo](#)



KHÔNG HỌC TINH HOA

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

[Mục lục](#) | [Lời nói đầu](#) | **chương 1** [2](#) [3](#) [4](#) | [Tổng luận](#) | [Phụ lục 1](#) [2](#) [3](#) | [Sách tham khảo](#)



Chương 4

Nền thiên trị Trung Hoa thời cổ

Thiên: [Dẫn đầu](#) [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#)



[Thiên dẫn đầu](#): Đại cương Hồng Phạm Cửu Trù

[Thiên 1](#): Đấng quân vương phải am tường vật lý

[Thiên 2](#): Đấng quân vương phải biết phương pháp tu thân

[Thiên 3](#): Đấng quân vương phải biết phương pháp trị dân

[Thiên 4](#): Đấng quân vương phải am tường ý nghĩa của tháng năm, hiểu thiên văn, lịch số

[Thiên 5](#): Đấng quân vương sẽ ở ngôi Hoàng Cực, thay Trời trị dân

[Thiên 6](#): Thuật cai trị: chính trực nhưng phải biết cương nhu, quyền biến

[Thiên 7](#): Đấng quân vương phải biết suy nghĩ bàn bạc, hỏi han khi gặp những trường hợp nan giải

[Thiên 8](#): Đấng quân vương phải nhân các điềm trời mà soát xét lại đường lối cai trị

[Thiên 9](#): Đấng quân vương phải nhìn vào tình cảnh dân, để nhận định giá trị của nền cai trị

[Tổng luận](#)

THIÊN 3

ĐĂNG QUÂN VƯƠNG PHẢI BIẾT PHƯƠNG PHÁP TRỊ DÂN

Thiên tử biết thiên nhiên, biết mình chưa đủ, còn phải biết cai trị muôn dân. Trị dân thật là nhiều khó phức tạp, nếu xét về chi tiết, nhưng giản dị nếu xét về cương lĩnh. Cương lĩnh trị dân gồm tám mối. Trị dân tức là lo cho dân:

- 1- No ấm
- 2- Sung túc đủ tiện nghi
- 3- Có lễ nghi, tế tự
- 4- Có nhà cửa đất đai
- 5- Có một nền giáo hóa hân hoan
- 6- Khỏi bị gian ác đạo tặc quấy nhiễu

7- Biết đường tiếp nhân, xử thế

8- Được bảo vệ tính mệnh và tài sản trước nạn ngoại xâm, nhờ có binh hùng tướng mạnh.

Đó là đại ý chương 3 Hồng Phạm. [1]

Hồng Phạm viết:

BA là bát chính:

Một là ăn uống,

Hai là cửa cái,

Ba là tế tự

Bốn là Tư Không (coi về đất đai),

Năm là Tư Đồ (coi về giáo dục),

Sáu là Tư Khấu (coi về tư pháp),

Bảy là Tân Khách (tiếp khách),

Tám là Binh Lương (quân sự). [2]

Đó chính là tám điểm trọng yếu trong công cuộc trị dân.

Luận Ngữ và Mạnh Tử có rất nhiều đoạn bình luận về các điểm này.

Tử Cống hỏi về cách cai trị. Đức Khổng đáp: «Đủ lương thực, đủ binh lực, có tín ngưỡng.» [3]

Đức Khổng đến nước Vệ, ông Nhiễm Hữu đánh xe hầu Ngài. Đức Khổng khen: «Dân nước Vệ đông thay!» Ông Nhiễm Hữu hỏi: «Dân đã đông, nhà cầm quyền phải làm gì cho họ nhờ?» Đáp: «Phải giúp cho họ trở nên giàu có.» Hỏi: «Họ đã giàu có rồi, nhà cầm quyền phải làm gì cho họ nhờ?» Đáp: «Phải giáo hóa họ.» [4]

Mạnh Tử cũng viết:

«Làm người ai cũng có đạo lý, chứ như đã được ăn no, mặc ấm, ở yên mà chẳng có giáo dục thì gần với loài thú rồi đó, cho nên bậc thánh nhân (Nghiêu, Thuấn) lấy làm lo lắng về việc ấy. Hai Ngài bèn cử ông Tiết làm quan Tư Đồ, giao phó việc giáo hóa, cho dân biết ăn ở theo nhân luân: giữa cha con có tình thân ái; giữa vua tôi có mối danh nghĩa; giữa chồng vợ có sự phân biệt; giữa anh em có thứ tự; giữa bạn bè có niềm tin thật...

Tóm lại mình nên thi hành mọi phương pháp cho dân trở lại với tính bản thiện của họ, và mình cũng nên ra ân huệ để giúp cho họ phấn chấn trên đường đức hạnh.» [5]

Mạnh Tử còn chủ trương:

«Đem của cải phân phát cho người, đó kêu là huệ; dùng lễ thiện mà dạy người, đó là trung; vì thiên hạ mà quyết kiếm cho được người giúp mình trong cuộc cai trị, đó là nhân. Bởi vậy cho nên truyền ngôi cho người cai trị thiên hạ thì dễ, mà vì thiên hạ quyết kiếm cho được người biết cai trị thì khó.» [6]

Vì thế đạo Nho có câu: «Đấng quân vương phải lo liệu cho dân cũng như giữ gìn con đỏ.» [7]

Đem no ấm, bình an, hạnh phúc lại cho dân, đó là trọng tâm công tác của các vị thánh vương Trung Hoa.

Những phương pháp đã được thực thi, cốt cho dân được ấm no, hạnh phúc đại khái như sau:

A. Quân phân ruộng đất cho dân.

Các vị thánh vương xưa chia ruộng đất cho dân, theo phép tính điền. Chế độ này bắt đầu từ thời Hoàng Đế và được biến chế qua các thời đại Hạ, Thương, Chu. [8]

Đại khái mỗi gia đình, tùy theo triều đại, được cấp phát từ 50 đến 100 mẫu ruộng. Cứ 8 gia đình lại hợp sức nhau làm giúp nhà nước một khoảnh ruộng ở chính giữa, cũng rộng từ 50 đến 100 mẫu.

Thế tức là nhà nước cấp phát điền sản cho dân, nhưng ngược lại, thu một phần mười lợi tức của dân. [9]

Mạnh Tử nói:

«Đấng minh quân chế định điền sản, chia cho dân cày cấy, cốt cho họ trên đủ phụng dưỡng cha mẹ, dưới đủ nuôi nấng vợ con. Nhăm năm được mùa, thì mãi mãi no đủ; phải năm thất bát, thì khỏi chết đói. Được vậy rồi, vua mới khiến dân làm thiện. Tự nhiên họ sẽ làm điều thiện dễ dàng...» [10]

B. Không được bắt dân làm phu phen trái mùa, không được thu thuế quá nặng. [11]

Mạnh Tử nói: «Nếu chính quyền chẳng đoạt mất thời giờ cấy gặt của những gia đình làm ruộng trăm mẫu thì trong nhà tám miệng ăn chẳng đến nỗi đói khổ.» [12]

C. Khuyến khích dân chúng sản xuất thật nhiều và biết dành dụm, không hoang phí.

Đại Học (chương X) viết: «Muốn cho trong nước được nhiều của cải, có phương pháp trọng đại này: Số người làm việc sinh lợi càng ngày càng nhiều, số người ăn xài phung phí càng ngày càng ít; những kẻ làm ra của cải phải cho mau mắn siêng cần; những kẻ tiêu dùng phải cho thư thả từ từ.»

D. Khuyến khích bách công bách nghệ bằng cách tưởng thưởng, thi đua.

Trung Dung (chương XX) viết:

«Muốn cho công nghệ mở mang,
Luôn luôn theo dõi, thời thường thi đua.
Đem lúa gạo thưởng cho xứng đáng.
Là mọi nghề cố gắng ra công.»

Đ. Các gia đình quyền quý nên tránh kinh doanh, để khỏi đi đến chỗ tranh cướp, bóc lột dân đen.

Đại Học (chương X) viết: «Nhà ai đủ sức sắm xe bốn ngựa, chớ để ý đến việc nuôi gà.

Nhà ai có đủ sức chứa nước đá ướp lễ vật, chớ nuôi bò, dê, tranh lợi với dân.

Nhà ai có trăm cỗ xe, chớ nên nuôi dưỡng những bầy tôi thu góp hoa lợi hay thuế má gặt gao.

Thà mình có bầy tôi ăn cấp của mình còn hơn có bầy tôi bóc lột nhân dân.»

E. Nhà vua phải lấy lòng dân, chứ đừng lấy của dân.

Đại Học (chương X) viết: «Nếu bậc cai trị nước mà chỉ lo vơ vét tài sản của dân, ắt sẽ có kẻ tiểu nhân xúi giục. Kẻ ấy khéo bày vẽ, bợ đỡ, làm cho mình tin nó là hiền lành, giỏi giang; bèn giao quyền cao, chức trọng cho nó, mà kẻ tiểu nhân khi nắm được chính sự rồi, tất nhiên các cuộc tai họa khốc hại sẽ xảy ra. Bấy giờ dẫu có các trang hiền đức tài hoa cũng không cứu nổi nữa. Mối hay: Bậc trị quốc chẳng nên lấy lợi làm ra lợi, phải lấy đức làm ra lợi.»

Trong công cuộc trị dân, các vị thánh vương xưa rất quan tâm đến vấn đề tế tự, [13] vì thế ta thấy trong «bát chính» việc tế tự đứng hàng thứ ba, ngay sau vấn đề cơm áo. Ý nói cơm áo chưa đủ, còn cần

có tín ngưỡng.

Các vị đế vương phụ trách việc tế lễ Trời, còn dân chúng lo việc thờ cúng tổ tiên. Cử chỉ ấy nhắc nhở chúng dân đừng quên gốc gác mình, đừng bao giờ quên Trời đã sinh ra mình. [14]

Nó cũng nhắc nhở con người sinh ra không phải để mê mải chuyện trần hoàn, mà thực ra cốt để trở nên hoàn thiện, tìm kiếm lại đức Trung [15] cao quý mà Trời đã phú cho, tìm lại sự hoàn thiện nguyên thủy, để đi đến chỗ «phối thiên», «phối mệnh» mà Trung Dung [16] cũng như Kinh Thi [17] đã nhiều lần đề cập tới. Như vậy đời sống mới có đầu đuôi, nghĩa lý. [18]

Vả, nếu không có Trời, thì lấy gì làm nền tảng cho nền luân lý, chính trị?

Xuân Thu Tả Truyện viện dẫn Kinh Thi để chứng minh điều đó. [19]

Kinh Thi viết: «Tại sao các người không kính sợ nhau. Thế là các người không kính sợ Trời vậy.» [20]

Một người quân tử cầm quyền thì không bạo ngược với kẻ hèn yếu, là vì kính sợ Trời vậy. [21]

Chu Tụng viết: «Ta kính sợ oai Trời, nên ta được Trời bảo hộ.» [22]

Lễ Ký viết: «Vạn vật đều gốc gác ở Trời, con người gốc gác ở tiên tổ, cho nên làm lễ Giao là để phối hợp với Thượng Đế, tỏ lòng tri ân nguồn gốc mình, và quay về với cội rễ đầu tiên vậy.» [23]

Khi đã lo cho dân no ấm, đã dạy dân biết kính sợ Trời, biết hiếu thảo với tổ tiên, các vị thánh vương sẽ giáo hóa cho dân trở nên ngay chính, ngõ hầu mang an bình lại cho xứ sở.

Theo nguyên nghĩa, «chính» [24] tức là làm cho dân trở nên ngay chính và «trị» tức là đem sự bình an thịnh trị lại cho dân.

Các vị thánh vương xưa đã nhận xét thấy một cách rất tinh tế rằng mầm mống loạn lạc ở ngay trong tâm hồn con người, gây nên bởi tình dục con người, mà những duyên cớ loạn lạc là do các tệ đoan trong xã hội. [25]

Cho nên một mặt cố gắng dẹp các tệ đoan trong xã hội, một mặt hô hào dân chúng tu thân.

Mà hô hào suông chưa đủ, chính nhà vua phải ra công tu thân tích đức trước tiên....

Cho nên Đại Học nói: «Tự thiên tử dĩ chí ư thứ dân, giai dĩ tu thân vi bản.»

Nếu mọi người trong nước từ trên chí dưới ai cũng cố gắng ăn ở cho phải đạo làm người, kính trên nhường dưới, thương xót kẻ bần hàn, trong nhà thì hòa mục hiếu đễ, ra đường thì kính tôn, nhân nhượng, đối với bạn bè thì chung thủy, đối với mọi người thì tín nghĩa, không ai vì lợi quên nghĩa, vì lợi quên tình, và nếu ai cũng theo châm ngôn «Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân» (Điều gì mình không muốn, đừng làm cho người), thì làm sao mà bốn phương không an bình được ?

Công cuộc xây dựng bình an trật tự đòi hỏi sự cộng tác chân thành của mọi người, mà càng người trên lại càng phải nêu gương sáng trước.

Luận Ngữ viết: «Nếu bậc lãnh đạo quốc gia mà chính đính, thì còn ai dám ăn ở bất chính.» [26]

Luận Ngữ còn nói: «Người hiếu thảo với cha mẹ, hòa thuận với anh em, tức là thi hành chính trị từ nơi nhà mình. Đó là làm chính trị rồi. Đợi chi tới ra làm quan, mới làm chính trị.» [27]

Trung Dung (chương 33) viết: «Suy rộng ra, nếu ai cũng dốc một lòng chính trực, thì thiên hạ lo chi

chẳng an bình...» [\[28\]](#)

Cho nên một nền giáo hóa phổ cập tới toàn dân sẽ là công cụ đem an bình lại cho đất nước.

Mạnh Tử sau khi đề cập tới một chế độ điền địa khả dĩ có thể đem no ấm lại cho dân, liền đề cập tới việc giáo hóa. Ông minh chứng rằng thời Hạ, Thương, Chu từ các trường làng ra tới trường học ở kinh thành, tất cả đều có mục đích dạy dân biết rõ nhân luân. Vì nếu người trên hiểu rõ nhân luân giữ đúng cương thường, thì người dưới sẽ thân mến hòa mục với nhau. [\[29\]](#)

Dẫu sau này có bậc vương giả nào ra đời, ắt cũng giữ theo hai phép ấy. [\[30\]](#)

Nếu mọi người cố gắng ăn ở cho xứng đạo làm người thì bình an đâu có khó.

Mạnh Tử nói: «Đạo ở gần sao cứ tìm ở xa xôi, việc thiện dễ làm, sao cứ chuốc mua khó khăn rắc rối! Nếu ai cũng thương yêu họ hàng, trọng kính người trên, thì thiên hạ sẽ thái bình.» [\[31\]](#)

Cho nên đấng quân vương nêu gương nhân đức, thánh thiện chưa đủ, còn phải biết kích động lòng dân, giáo hóa dân, khuyến khích dân, để họ hào hứng đua nhau làm điều thiện, như vậy mới là một nhà chính trị giỏi. [\[32\]](#)

Các đấng thánh vương thực ra chỉ áp dụng những sự hiểu biết chính xác về con người, về bản tính con người, chỉ khai thác các khả năng vô tận của con người, chỉ hướng dẫn con người một cách khéo léo mà thôi.

Người xưa quan niệm rằng: con người sinh ra đời đã được Trời phú bẩm cho một thiên tính toàn thiện. Nhưng vì vật dục lôi cuốn, hoàn cảnh đẩy đưa, vì đói khát, vì dốt nát, con người dần dà sa đọa vào vòng lầm lạc tội lỗi. Tuy nhiên «thiên lương» trong con người thực ra chỉ bị lu mờ đi, chứ không bao giờ bị phôi pha hay hủy diệt, vì thế có thể dùng giáo hóa để cải hóa con người, phục hồi thiên lương, thiên tính họ. Việc ấy chắc chắn có thể thực hiện được.

Muốn giáo hóa cải thiện con người, cổ nhân hết sức khai thác những định luật nhân sinh, như định luật cảm ứng (loi du magnétisme et de l'induction), định luật phản ứng dây chuyền (loi des réactions en chaînes). Nói cách khác, chủ trương nếu người trên đức hạnh, người dưới sẽ cảm hóa, sẽ bắt chước, một người làm lành, trăm người dần dần sẽ đua theo, và khi đã gây được một trào lưu rộng rãi, thì ảnh hưởng sẽ trở nên vô cùng mạnh mẽ. [\[33\]](#)

Đại Học (chương 9) viết: «Một nhà nhân đức có thể làm cho cả nước nhân đức; một nhà lễ nhượng, có thể làm cho cả nước lễ nhượng. Một người tham nhũng có thể làm cho cả nước rối loạn. Cái cơ là vậy. Vì thế có câu: Một lời có thể làm hư cả công việc, một lời có thể làm yên cả đất nước.»

Đại Học (chương 10) lại viết: «Nếu bậc quốc trưởng ở trên cung kính cha mẹ, thì dân ở dưới cảm động mà ăn ở hiếu thảo với mẹ cha. Nếu bậc quốc trưởng ở trên trọng kính huynh trưởng, thì dân ở dưới cảm động mà ăn ở lễ nhượng với bậc đàn anh. Nếu bậc quốc trưởng ở trên thương xót kẻ cô cút, thì dân ở dưới cảm động mà cứu giúp kẻ nghèo khổ, chẳng dám trái nghịch. Thế là bậc quân tử có phép thước tắc vậy.»

Phép «thước tắc» (hiệt củ) tức là phép «suy bụng ta ra bụng người», tức là chủ trương «kỷ sở bất dục vật thi ư nhân» của Luận Ngữ. [\[34\]](#) Đại Học (chương 10) coi đó là phương pháp độc đáo khả dĩ tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.

Biết «suy bụng ta ra bụng người», tức là biết cách trị dân, biết thuận «dân tâm». [\[35\]](#)

Cai trị dân, mà biết yêu điều dân yêu, ghét điều dân ghét, mình với dân hòa hài như cá với nước thì

còn gì sung sướng hơn. Vì thế Đại Học viết:

«Sướng thay bậc phụ mẫu dân
Cùng dân yêu ghét, mọi phần chẳng sai.

Đáng làm cha mẹ muôn người.» [36]

Một nền chính trị có chủ trương như vậy dĩ nhiên coi nhẹ hình pháp và tư pháp.

Các thánh vương xưa trị dân bằng đức độ, bằng lễ nghĩa, chứ không muốn đem luật lệ câu thúc dân, hình pháp bức bách dân. [37]

Hình pháp, tụng đình chỉ là những biện pháp tạm thời bất đắc dĩ, có ngày sẽ hủy bỏ. [38]

Cho nên vua Đại Võ và ông Cao Dao đã đặt mấy nguyên tắc cho nền hình pháp như sau:

- 1- Phán quan phải khoan hậu.
- 2- Không được phạt tới con cháu.
- 3- Tha các tội phạm vì vô tình.
- 4- Nhân nhượng đối với nghi tội. Quảng đại đối với nghi công.
- 5- Lỗi án lệ còn hơn giết oan người.
- 6- Phán quan phải tỏ cho dân biết đức hiếu sinh của nhà vua. [39]

Xuân Thu Tả Truyện chép:

Người xưa trị dân, thích thưởng, ngại phạt. [40] Thưởng mùa hạ, phạt mùa đông.

Khi tới kỳ thưởng, bữa ăn bày thêm món, và cho tả hữu ăn uống thỏa thích, để tỏ lòng ham thưởng.

Khi tới kỳ phạt, bữa ăn rút bớt món, bỏ âm nhạc, để tỏ lòng ngại phạt... [41]

Gia hình, phạt tội tuy cần, nhưng tìm hiểu lý do khiến dân phạm tội, còn cần hơn gấp bội. Nếu vì chính quyền thất thổ, thối nát khiến dân đói khát, khổ sở, sa ngã vào vòng tội lệ, mà không thay đổi đường lối cai trị, cứ lo phạt dân, hành dân thì sao phải?

Mạnh Tử viết: «Nếu nền hành chính thối nát, để dân đói khổ, tức là nhà cầm quyền xô dân vào tội ác. Thế mà khi dân phạm tội, lại trừng phạt thẳng tay, thì có khác nào nhà cầm quyền bủa lưới bắt dân đâu! Nếu có một bậc nhân đức lên ngôi vị, người há bủa lưới gài bẫy dân sao?» [42]

Các bậc thánh vương xưa không quên lập ra những lễ tiết, những dịp vui chung, để dân tỏ tình quý mến nhau, thắt chặt lại mối dây thân ái, tạm quên mọi chia phôi ngăn cách trong xã hội, để sống vui tươi cởi mở. Đó là bước đầu dẫn tới một thế giới hòa hợp, thân ái, hoan lạc, hạnh phúc trong tương lai.

Sau hết, «bát chính» đề cập tới vấn đề binh bị, nhưng lại cố ý xếp nó xuống cuối cùng, tỏ ra các bậc thánh vương xưa coi binh đao là chuyện bất đắc dĩ.

Thái độ của Võ Vương, [43] của Khổng Tử [44] cho ta thấy rõ điều ấy.

Xuân Thu Tả Truyện phỏng theo Kinh Thi, xác định mục đích của các cuộc động binh như sau:

- 1- Ngăn chặn bạo quyền, áp bức.
- 2- Đánh dẹp can qua.
- 3- Giữ gìn các giá trị cao đại.

4- Bảo tồn các công trình đã rước hiện được.

5- Đem an ninh hòa hiếu tới cho dân.

6- Gây dựng lại sự trù phú cho dân tộc. [\[45\]](#)

Kinh Thi khen Võ Vương:

«Nhà Châu vinh hiển biết bao!
Định ngôi Vương tướng thấp cao tỏ tường
Thâu hồi gươm giáo đao thương,
Cung tên cũng đã lo lường tra bao.
Rằng ta tu tập đức cao,
Đức ta sẽ rạt, sẽ rào bốn phương.
Ngôi vua ắt sẽ cứu trường.» [\[46\]](#)

oOo

CHÚ THÍCH

[\[1\]](#) Luận Ngữ – Vệ Linh Công, 32.

Mạnh Tử – Lương Huệ Vương hạ, 3.

[\[2\]](#) Medhurst translates «Bát chính», «the eight regulators», and Gaubil les huit règles du gouvernement. It means the eight things to be attended to in government, its objects or departments. They seem to be stated in the order of their importance in the view of the speaker. «Food» belong to the department of agriculture, and commodities or goods to that of trade and commerce. Those two things being secured, the people would have the essentials of life and would be able to attend to their duties to spiritual beings and to the dead.

Then would come in the Ministers of works to secure the comfort of their dwellings, and the minister of instruction to teach them all their moral duties; and the minister of crime to deter them from evil. All festive ceremonies, all the intercourse of society could then be regulated, and finally the efficiency of the army would be maintained to secure the general well- being of the state. (Legge, The Shoo King, p. 327).

[\[3\]](#) Luận Ngữ – Nhan Uyên, 7.

[\[4\]](#) Luận Ngữ – Tử Lộ, 9.

[\[5\]](#) Mạnh Tử – Đằng Văn Công thượng, 4. Đọc thêm: Mạnh Tử – Lương Huệ Vương thượng, 3; Đằng Văn Công thượng, 3.

[\[6\]](#) Mạnh Tử – Đằng Văn Công thượng, 4

[\[7\]](#) Mạnh Tử – Đằng Văn Công thượng, 4. Xem thêm Đại Học chương X.

[\[8\]](#) Mạnh Tử – Lương Huệ Vương thượng, 7. Xem Lễ Ký – Vương Chế, 3.

[\[9\]](#) Nhà Hạ cấp cho mỗi gia đình 50 mẫu; thu hoa lợi trung bình của 5 mẫu (phép Cống).

Nhà Ân cấp cho mỗi gia đình 70 mẫu; nhưng mỗi gia đình lại phải cộng tác với 7 gia đình khác làm 70

mẫu công điền ở giữa (phép Trợ).

Nhà Thương cấp cho mỗi gia đình 100 mẫu; nhưng tám gia đình lại hợp nhau lại làm 100 mẫu công điền ở giữa (phép Triệt).

Cf. Mạnh Tử – Đằng Văn Công thượng, 3. Đọc thêm: Lương Huệ Vương thượng, 7; Vạn Chương hạ, 2.

[10] Mạnh Tử – Lương Huệ Vương thượng, 7.

[11] Trung Dung chương 20.

[12] Mạnh Tử – Lương Huệ Vương thượng, 7.

[13] Cf. Xuân Thu Tả Truyện – Hoàn Công năm thứ VI. «Thị dĩ thánh vương, tiên thành dân, nhi hậu trí lực ư thần.» 是以聖王,先成民,而後致力於神 (Couvreur, Xuân Thu Tả Truyện, quyển 1, trang 88.)

[14] ... Les sacrifices par lesquels, l'homme remontant à l'origine et à la source, remercie des bien reçu. Cf. Wiegier, Textes historiques, chapitre II – la Grande Règle, page 29.

[15] Duy hoàng thượng đế giáng trung vụ hạ dân. Nhược hữu hằng tính, khắc tuy quyết du duy hậu. 惟皇上帝降衷于下民. 若有恆性,克綏厥猷惟后 (Kinh Thư – Khang Cáo)

[16] Cổ viết phối Thiên 故曰配天 (Trung Dung chương 30)

[17] Vĩnh ngôn phối mệnh 永言配命 (Kinh Thi – Đại Nhã, Văn Vương)

[18] Vật hữu bản mạt, sự hữu chung thủy 物有本末,事有終始 (Đại Học chương I)

... Bất thành vô vật. Thị cố quân tử thành chi vi quý. 不誠無物. 是故君子誠之為貴 (Trung Dung chương 25)

[19] Xuân Thu Tả Truyện – Văn Công năm thứ XV. Xem Xuân Thu Tả Truyện Couvreur dịch, quyển I, trang 531.

[20] Xem Kinh Thi – Tiểu Nhã, Kỳ Phụ. Vũ Vô Chính, chương 3: «Hồ bất tương úy. Bất úy vu Thiên.» 胡不相畏,不畏于天.

[21] Xuân Thu Tả Truyện – Văn Công năm XV. Bản dịch của Couvreur, quyển I, trang 531.

[22] Kinh Thi – Chu Tụng Thơ VII: Ngã Tương, chương 3: «Úy thiên chi uy, vu thời bảo chi.» 畏天之威,于時保之.

[23] Vạn vật bản hồ thiên, nhân bản hồ tổ. Thử sở dĩ phối Thượng Đế dã. Giao chi tế dã, đại báo bản phản thủy dã. 萬物本乎天,人本乎祖. 此所以配上帝也. 郊之祭也,大報本反始也 (Lễ Ký – Giao Đặc Sinh, 8)

[24] Chính giả, chính dã. 政者正也 (Luận Ngữ – Nhan Uyên, 16)

[25] Các thánh nhân thánh vương thường không tính đến một điều khác, là sự xâm lăng của ngoại bang, nên ít chú trọng đến binh lực. Dụng binh là điều bất đắc dĩ. Thế giới trong tương lai cũng sẽ dẹp binh bị, vì con người sẽ không còn có ý nghĩ xâm chiếm nhau, mà giúp đỡ nhau.

[26] Luận Ngữ – Nhan Uyên, 16.

[27] Luận Ngữ – Vi Chính, 21.

[28] Dĩ tuần trí hồ đốc cung nhi thiên hạ bình chi thịnh. 以馴致乎篤恭而天下平之盛 (Trung Dung chương 33)

[29] Mạnh Tử – Đằng Văn Công thượng, 3: Hạ viết hiệu, Ân viết tự, Chu viết tường. Học tắc tam đại cộng chi. Giai sở dĩ minh nhân luân dã. Nhân luân minh ư thượng, tiểu dân thân ư hạ. 夏曰校, 殷曰序, 周曰庠. 學則三代共之. 皆所以明人倫也. 人倫明於上, 小民親於下.

[30] Mạnh Tử – Đằng Văn Công thượng, 3: Hữu vương giả khởi, tất lai thủ pháp. 有王者起, 必來取法.

[31] Mạnh Tử – Ly Lô thượng, 11.

[32] Mạnh Tử – Ly Lô hạ, 16.

[33] Xem A- Đại Học chương 1: Chủ trương tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.

B- Kinh Thư – Nghiêu Điển, 2: Khắc minh tuần đức, dĩ thân cứu tộc. cứu tộc ký mục, bình chương bách tính. bách tính chiêu minh, hiệp hoà vạn bang. 克明俊德, 以親九族. 九族既睦, 平章百姓. 百姓昭明, 協和萬邦.

C- Luận Ngữ – Nhan Uyên, 18: Tử vi chính, yên dụng sát ? Tử dục thiện, nhi dân thiện hĩ. Quân tử chi đức phong, tiểu nhân chi đức thảo. Thảo thượng chi phong tất yển. 子為政, 焉用殺? 子欲善, 而民善矣. 君子之德風, 小人之德草. 草上之風必偃.

D- Mạnh Tử – Ly Lô thượng, 6: nhất quốc chi sở mộ, thiên hạ mộ chi. Cổ bái nhiên đức giáo dật hồ tứ hải 一國之所慕, 天下慕之. 故沛然德教溢乎四海. (Một nước mà ái mộ, thiên hạ sẽ ái mộ. Chừng đó đức hạnh và giáo hóa mình sẽ lan tràn trong bốn biển, mau lẹ và mạnh mẽ như thác tuôn.)

[34] Luận Ngữ – Vệ Linh Công, 21. Pháp dịch là La Règle de la Réciprocité, hay là Règle d'Or.

[35] Xem Đại Học chương 10.

[36] Đại Học chương 10: Thi vân: «Lạc chỉ quân tử, dân chi phụ mẫu» Dân chi sở hiếu hiếu chi; dân chi sở ố ố chi, thử chi vị dân chi phụ mẫu 詩云: 樂只君子, 民之父母. 民之所好好之, 民之所惡惡之, 此之謂民之父母.

[37] Minh vu ngũ hình, dĩ bất ngũ giáo, kỳ vu dư trị. Hình kỳ vu vô hình. Dân hiệp vu trung... 明于五刑, 以弼五教, 期于予治. 刑期于無刑. 民協于中 (Kinh Thư – Đại Vũ Mô, 11) (Đại Học chương 4.)

[38] Tử viết: «Đạo chi dĩ chính, tề chi dĩ hình, dân miễn nhi vô sỉ. Đạo chi dĩ đức, tề chi dĩ lễ, hữu sỉ thả cách. 子曰: 道之以政, 齊之以刑, 民免而無恥. 道之以德, 齊之以禮, 有恥且格.

[39] Kinh Thư – Đại Vũ Mô, 12.

[40] Văn Vương sở dĩ tạo Chu dã; minh đức vụ崇之之謂也; thận phạt vụ khử chi chi vị dã. 文王所以造周也; 明德務崇之之謂也; 慎罰務去之之謂也. Xuân Thu Tả Truyện – Thành Công năm 11. Couvreur, tome II, trang 23.

Kinh Thư – Khang Cáo, 3.

[41] Xuân Thu Tả Truyện – Tương Công năm 26. Bản dịch của Couvreur, trang 464.

[42] Mạnh Tử – Đằng Văn Công thượng, 3.

[43] Cf. Kinh Thư – Vũ Thành, 4: Quyết tứ nguyệt tại sinh minh, vương lai tự Thương, chí vu Phong nãi yển vũ tu văn, quy mã vu Hoa Sơn chi dương, phóng ngư vu Đào Lâm chi dã, thị thiên hạ phát phục. 厥四月在生明,王來自商,至于豐乃偃武修文,歸馬于華山之陽,放牛于桃林之野,示天下弗服.

[44] Vệ Linh Công vấn trần ư Khổng Tử. Khổng Tử đối viết: «Trở đậu chi sự, tắc thường văn chi hĩ. Quân lữ chi sự, vị chi học dã.» Minh nhật toại hành.

衛靈公問陳於孔子. 孔子對曰: 俎豆之事, 則嘗聞之矣. 軍旅之事, 未之學也. 明日遂行 (Luận Ngữ – Vệ Linh Công, 1)

[45] Phù vũ cấm bạo, tập binh bảo đại, định công, an dân, hoà chúng, phong tài giả dã. 夫武禁暴, 戢兵保大, 定功, 安民, 和眾, 豐財者也 (Xuân Thu Tả Truyện – Tuyên Công năm 12)

Couvreux dịch, Tome I, page 636.

Kinh Thi – Chu Tụng, Thanh Miếu VIII – Thời Mại.

Kinh Thi – Chu Tụng, Thần Công X: Vũ kỳ định nhĩ công 武其定爾功.

Kinh Thi – Chu Tụng, Mẫn Dư X, Lai.

[46] Kinh Thi – Chu Tụng, Thanh Miếu, Thời mại.

Minh chiêu hữu Chu 明昭有周

Thức tự tại vị 式序在位

Tải tập can qua 載戢干戈

Tải cao cung thỉ 載櫜弓矢

Ngã cầu ý đức 我求懿德

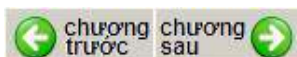
Tứ vu thời hạ 肆于時夏

Doãn Vương bảo chi 允王保之



Thiên: [Dẫn đầu](#) [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#)

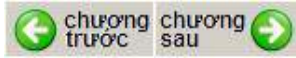
[Mục lục](#) | [Lời nói đầu](#) | [chương 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) | [Tổng luận](#) | [Phụ lục 1](#) [2](#) [3](#) | [Sách tham khảo](#)



KHÔNG HỌC TINH HOA

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

[Mục lục](#) | [Lời nói đầu](#) | **chương 1** [2](#) [3](#) **4** | [Tổng luận](#) | [Phụ lục 1](#) [2](#) [3](#) | [Sách tham khảo](#)



Chương 4

Nền thiên trị Trung Hoa thời cổ

Thiên: [Dẫn đầu](#) [1](#) [2](#) [3](#) **4** [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#)



[Thiên dẫn đầu](#): Đại cương Hồng Phạm Cửu Trù

[Thiên 1](#): Đấng quân vương phải am tường vật lý

[Thiên 2](#): Đấng quân vương phải biết phương pháp tu thân

[Thiên 3](#): Đấng quân vương phải biết phương pháp trị dân

[Thiên 4](#): Đấng quân vương phải am tường ý nghĩa của tháng năm, hiểu thiên văn, lịch số

[Thiên 5](#): Đấng quân vương sẽ ở ngôi Hoàng Cực, thay Trời trị dân

[Thiên 6](#): Thuật cai trị: chính trực nhưng phải biết cương nhu, quyền biến

[Thiên 7](#): Đấng quân vương phải biết suy nghĩ bàn bạc, hỏi han khi gặp những trường hợp nan giải

[Thiên 8](#): Đấng quân vương phải nhân các điềm trời mà soát xét lại đường lối cai trị

[Thiên 9](#): Đấng quân vương phải nhìn vào tình cảnh dân, để nhận định giá trị của nền cai trị

[Tổng luận](#)

THIÊN 4

ĐĂNG QUÂN VƯƠNG PHẢI AM TƯỜNG Ý NGHĨA CỦA THÁNG NĂM, HIỂU THIÊN VĂN, LỊCH SỐ

Đấng quân vương phải hiểu rõ liên lạc giữa sự chuyển vận của tinh cầu trên trời, với công việc làm ăn của dân gian và sự biến chuyển của khí hậu, thời tiết. Như vậy mới hướng dẫn được quốc dân trong việc nông tang, và mới mong được phong đăng, hòa cốc.

Hồng Phạm viết:

BỐN là năm kỷ.

Một là năm.

Hai là tháng,

Ba là ngày,

Bốn là các sao, các độ,

Năm là phép làm ra lịch.

Khoa thiên văn, lịch số không biết khởi thủy tự bao giờ, chỉ biết Hoàng Đế (2402) đã cho lập Linh Đài quan sát tinh tượng và lập can chi để tính năm. [1]

Chuyên Húc (2302-2246) lấy tháng Dần làm tháng Giêng. [2]

Vua Nghiêu rất am hiểu thiên văn, đã biết căn cứ vào các vị trí của mặt trời ở các cung sao mà đoán định nhị phân (Xuân phân, Thu phân) và nhị chí (Đông chí, Hạ chí), [3] định năm là 366 ngày, sai hai họ Hi, Hòa chuyên khảo về thiên tượng. [4]

Vua Thuấn đã cho làm lại tuyền ki một bầu trời giả tạo với các vòng hoàng đạo, xích đạo và các vì tinh tú nam vào bằng châu ngọc. [5]

Trung Dung (chương 30) khen phép trị dân của Nghiêu, Thuấn, Văn, Võ như sau:

«Đức Khổng tiếp nối đạo Thuấn Nghiêu,

Làm sáng tỏ lối đường Văn Võ.

Trên thuận thiên trời, dưới theo thủy thổ,

Như đất trời bát ngát bao la.

Che chở muôn loài khắp gần xa,

Như tứ thời luân lưu chuyển động.

Như nhật nguyệt hai vầng chiếu rạng.»

Lời Trung Dung cho thấy bí quyết trị dân của các vị thánh vương xưa là luôn luôn uyển chuyển, xử sự hợp tình, hợp lý, hợp cảnh, hợp thời, [6] rất chú trọng đến triền năm, ngày, tháng, tinh tượng và lịch số.

Cổ nhân xưa luôn luôn nuôi hoài bão sống hợp ý Trời nên lập lịch số cốt sao cho nhân sự hợp thiên thời. [7] Muốn lập lịch số trước hết phải biết sự chuyển vận của guồng máy Âm Dương và các tinh cầu, sau sẽ quan sát tinh tượng để suy diễn ra các định luật. [8]

Như vậy đời xưa quan sát tinh tượng rồi mới lập luật pháp rồi cố gắng bằng tinh tượng. Người xưa lập pháp độ là để thuận theo Trời, người sau ép Trời theo pháp độ của họ. [9]

Cho nên muốn hiểu bí quyết trị dân của người xưa, chúng ta hãy theo dõi tấn tường âm dương đắp đổi qua bốn bộ mặt: [10] hỉ, lạc, nộ, ai của trời đất và của lòng người và qua bốn mùa đời: xuân sinh, hạ trưởng, thu liễm, đông tàng. [11]

Chúng ta hãy bắt đầu từ ngày Đông Chí. [12]

Nhìn phiến diện bên ngoài thì Đông Chí là ngày thê lương ảm đạm; ngày mà bức màn tóc tang chết chóc của mùa Đông giăng mắc khắp nơi. Nhưng tra cứu đến căn nguyên, thì ngày Đông Chí là ngày «âm dương hợp tinh», «nhật nguyệt hợp bích», [13] cho nên ngày Đông Chí lại là ngày «nhất dương lai phục», là ngày của nguồn sống bắt đầu âm thầm tung tỏa từ lòng sâu vật chất và vạn vật. [14]

Thời gian ấy ứng vào giờ, gọi là Tí hàm ngụ ý nghĩa xuất sinh, [15] ứng vào quẻ, gọi là «Phục» để đánh dấu sự trở lại của sinh khí, cũng như của vùng dương. [16]

Nhưng thực ra Đông Chí chỉ là khởi điểm của đường Trời; tháng giêng mới chính là khởi điểm cho các động tác của nhân loại. [\[17\]](#)

Sinh khí của đất trời vươn mình lên từ thời Đông Chí, ngấm ngầm hoạt động, tới ngày xuân mới thấy phát hiện công trình. Ngày xuân mới công khai mang lại cho con người sự đầm ấm, thức tỉnh muôn loài, làm cho lòng đất thêm ấm áp, để cho muôn mầm sống có thể sinh sôi nảy nở. Xuân là rung động, là sinh nở, là sống động, [\[18\]](#) người xưa đã khoác cho xuân một bộ mặt hơn hờ, vui tươi. [\[19\]](#)

Ngày Xuân Phân, dương quang hoàn toàn thắng âm khí. [\[20\]](#)

Xuân Phân tức là thời giải thoát nên tháng hai còn gọi là tháng Mão, vì Mão có nghĩa là «cửa Trời», một «cửa Trời» đã rộng mở để muôn loài lũ lượt kéo nhau ra, vui hưởng kiếp phù sinh. [\[21\]](#)

Xuân ra rồi Hạ lại, sức sống vạn vật ngày nay không còn êm đềm mơn mẩn như những ngọn cỏ xanh mà rạt rào bùng cháy lên, như những ngọn lửa đỏ.

Để đánh dấu những ngày vui tươi, vạn vật cài muôn hoa thắm lên trên áo lá xanh um.

Sức nóng của mùa hè làm tiêu tan những tuyết băng từ trên những đầu non thẳm làm cho các nguồn suối thêm rạt rào các mạch nước ngấm dưới lòng đất thêm phong phú. [\[22\]](#)

Mới hay:

Thanh minh, hàn thực qua rồi,

Thanh tuyền, du hỏa đồng thời canh tân. [\[23\]](#)

Tới ngày Hạ Chí, dương cực thịnh. Nhưng âm khí đã bắt đầu vẫn lên trong lòng ánh sáng, và nọc độc của sự suy vong tàn tạ đã bắt đầu tiềm nhiễm vào trong tinh tú của muôn loài. [\[24\]](#)

Âm sinh tức là mầm mống chống đối với dương quang bắt đầu hoạt động. Vì thế tháng «Trọng Hạ» còn gọi là tháng Ngọ vì Ngọ có nghĩa là «ngổ nghịch» [\[25\]](#) chống đối, để đưa trần hoàn vào con đường phong trần luân lạc mới. [\[26\]](#)

Chiều trời dần ngả về thu. Một vẻ u buồn phảng phất bàng bạc trên khắp trời mây hoa lá. Người xưa viết chữ 愁 «sầu» bằng hai chữ 秋 «thu» và 心 «tâm», tức là buồn như tắc lòng gặp tiết thu sang. [\[27\]](#)

Mùa thu là thời kết quả, gặt hái. Tạo vật như đã hoàn tất công trình, nên để cho cây cối ra chiều ngất ngây bả lả. Vùng dương bớt nóng, và mấy trận thu phong nổi dậy thê lương, làm đó đây xào xạc lá vàng rơi lả tả. Ngoài đồng, mùa gặt đã xong, chỉ còn trơ những cọng rạ tiêu điều. Mùa thu gợi nên sự thịnh nộ của đất trời, và ở gian trần lười liềm sắc bén đã vung lên để giết lát, để cắt chặt hết cả những bông lúa vàng tươi mơn mẩn. [\[28\]](#)

Trung thu là tiết Thu Phân; chị Hằng ngự trị trên nền trời với tất cả những gì thơ mộng. Trong tháng 8 này, vạn vật như sửa soạn trở vào trong lòng đất nghỉ ngơi. Nên tháng 8 là tháng Dậu, mà Dậu tức là cánh cửa trần gian sẽ sắp khép lại. [\[29\]](#)

Cho nên mùa thu là mùa thê lương, là mùa của sương rơi lá rụng. Mùa thu là mùa gặt hái các thành quả vật chất đem về thu cất vào kho lẫm để dành, trước khi mùa đông lạnh lẽo trở về...

Mùa đông lạnh lẽo sửa soạn trở về với gió sương...

Từ Thu Phân, mặt trời như đi chậm lại dần. Sức nóng của dương quang càng ngày càng yếu ớt. Vạn

vật dĩ nhiên là bị ảnh hưởng trực tiếp: Cây cối bị rụng dần hết lá; các cây nhỏ yếu dần dần còi cọc, vì tuyết sương băng giá. Các sinh vật thi nhau đi lẫn tránh giá rét: người về nhà, vật về hang, chim chóc đua nhau vỗ cánh xuôi Nam, tới những chân trời còn ấm áp hơn. Cho nên mùa Đông là mùa ẩn áo bế tàng. Đường xá nhiều nơi trở nên hoang vắng u buồn, chỉ thấy có gió gào tuyết phủ. [30]

Mùa Đông là mùa tang tóc của muôn phương. [31]

Tóm lại: «Xuân sinh, Hạ trưởng, Thu liễm, Đông tàng.»

Xuân như con rồng xanh (Thanh long 青龍) vẫy vùng biến hóa; Hạ như chim phượng đỏ (Chu Tước 朱雀) tung bay; Thu như con hổ trắng (Bạch Hổ 白虎) rảo tìm mồi; Đông như rùa đen (Huyền Vũ 玄武) lạnh lùng chậm chạp.

Cơ trời biến ảo, nhưng chung qui là như thế. Con người phải biết thuận cơ trời, thi hành các công tác, thuận theo tiết trời.

Mùa xuân vạn vật từ lòng đất muốn nhô lên, thì con người sẽ lấy lưới cày, như gươm thiên mà phá vỡ đất giúp cho muôn loài vươn lên.

Mùa hè, khi lúa má đã nhờ ánh dương quang mọc lên, thời con người sẽ phải săn sóc đồng ruộng, nhổ cỏ, tưới, bón để giúp trời đất làm cho cây cối thêm phần tươi tốt.

Mùa thu, khi vạn vật tang thương, lá rơi quả rụng, thì con người phải lo gặt hái, đem mùa màng về.

Mùa đông, khi đất trời đã hoàn thành công việc muốn nghỉ ngơi, thì con người cũng bắt chước mà về ngơi nghỉ. [32] Đất trời như đóng cửa lại, thì vua chúa cũng ra lệnh đóng các kho lẫm, đóng quan ải, thành thị, làng mạc, sửa sang lại bờ cõi, đề phòng giặc ngoại xâm. [33]

Thế gọi là «pháp tượng», bắt chước về trời, chiều trời. [34]

Muốn «pháp tượng», muốn bắt chước trời, còn phải hiểu rõ cơ trời, hiểu rõ sự vận chuyển của đất trời, biết sự thăng trầm của các vì tinh tú. Vì thế mà khoa Thiên Văn xuất sinh:

Mỗi vì sao đều được đặt tên tuổi, được phân cư thành chòm xóm, các sự thay đổi hình dạng của các vì sao, các giờ giấc mọc lặn, các vị trí thẳng ngay hay thiên lệch của chúng đều được ghi chú.

Và bầu trời được chia thành kinh, vĩ, các vòng hoàng đạo, xích đạo được ấn định; đường lối trời mây dần dà trở nên quen thuộc đối với người và các sao bắt đầu đối thoại, bắt đầu tâm sự được với người nơi trần thế. [35]

Cổ nhân chia các sao quanh vòng hoàng đạo làm 28 chòm sao, gọi là 28 cung sao, để làm quán xá trời mây [36] cho hai vầng nhật nguyệt và năm vì sao Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ.

Thế rồi ngày ngày lại theo rồi bộ mặt biến thiên của vầng trăng, và tùy như trăng tròn, khuyết, tối, sáng, sẽ định các ngày trong tháng; mặt trăng trở thành tấm lịch lớn treo trên trời cho người Đông Á trông trăng biết ngày. [37]

Theo rồi gót lẳng du của mặt trăng, mặt trời, và năm vì sao Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ sẽ định được tháng được mùa.

Ví dụ mùa đông mặt trời mặt trăng sẽ lần lượt ở những cung trong quần tinh Huyền Vũ: gồm các cung sao Đẩu, Ngưu, Nữ, Hư, Ngụy, Thất, Bích. Mùa hạ sẽ ở trong quần tinh Chu Tước: gồm các cung sao Tinh, Quĩ, Liễu, Tinh, Trương Dực, Chẩn, v.v...

Còn năm tháng đầu lịch số, sẽ là năm kỷ niệm khi hai vầng nhật nguyệt và năm vị chính tinh đoàn tụ tại một cung khoảng chòm sao Ngưu Đẩu, đó là năm Giáp Tý nguyên niên. [38]

Thế là cuộc đời luân lạc của hai vầng nhật nguyệt, trên đường mây muôn vạn dặm được liên kết với 28 quán xá trời.

Người xưa thay vì nói ngày ấy tháng ấy có nhật thực hay nguyệt thực, sẽ nói rõ thêm nhật thực hay nguyệt thực xảy ra ở chòm sao nào.

Ví dụ sử chép:

Năm thứ năm, đời vua Trọng Khang (1948 trước CN) mùa thu, tháng 9, mồng một, có nhật thực ở chòm sao Phòng. [39]

Ngày xưa lại còn muốn lồng thời gian vào nhạc điệu cho mỗi mùa ứng với một cung đàn, [40] mỗi tháng trở thành một dấu nhạc. [41]

Khúc nhạc thời gian như bắt đầu bằng những hồi trống rung vang, như sấm động dưới lòng đất sâu, rồi dần dà trở nên vui tươi sống động trong tiếng sáo, tiếng đàn; đầm thắm mạnh mẽ trong tiếng ngữ dồn dập, tiếng đàn sắt tương bừng rộn rã; uy nghi hùng tráng trong tiếng huân nhật khoan, tiếng chuông vang lừng uy dũng, để kết thúc bằng những tiếng khánh tiêu sơ, như muốn hòa hài cùng tiết đông băng giá. [42]

Hiểu được nhạc Trời mới mong hướng dẫn được nhân quần một cách êm đềm, khéo léo.

Các công tác của vị thánh vương sẽ tương ứng với sự biến thiên của nhị khí âm dương trong hoàn vũ, sẽ đúng nhịp điệu với sự xuất hiện của các vì sao trên trời, và sẽ đáp ứng được nhu cầu tinh thần và vật chất của nhân thế.

Các ngài đã ghi tuần tự diễn tiến của những động tác chính yếu của mình cũng như của dân vào «nhị thập bát tú» và các phụ tinh, để hể trông thấy sao là nhớ đến công việc phải làm. [43]

Cho nên ngày nay chúng ta chỉ việc gỡ quyển thiên văn cổ Trung Hoa, xem xét lại ý nghĩa từng vì sao, xem xét lại thời gian nó xuất hiện là biết ngay lúc ấy dưới trần gian phải làm công việc gì.

Trong bộ Tinh Thần Khảo Nguyên (Uranographie chinoise), nhà học giả Hòa Lan Gustave Schlegel đã làm công việc vĩ đại ấy. Ông giải thích ý nghĩa của nhị thập bát tú cùng các phụ tinh để chứng minh sự xuất hiện của nó ăn khớp với các tác động của các vị thánh vương xưa nay trần thế. Có đi sâu vào vấn đề này, ta mới hiểu được ý nghĩa chương trình hoạt động của các vị đế vương trong 12 tháng như đã ghi trong Nguyệt Lệnh, Lễ Ký.

Cái đẹp cái hay trong công việc lồng thiên văn lịch số vào công cuộc trị dân, chính là ở chỗ muốn cho các công việc con người được hòa nhịp với tiết tấu của trăng sao, với vũ khúc của hoàn vũ, để cho con người cũng như các vì sao trên trời vận chuyển tác động theo nhịp điệu chung trời đất, cho thời gian vũ trụ ăn khớp với thời gian hoạt động của con người.

Kinh Thư thiên Nghiêu Điển đã cho ta thấy sự chuyển động của các vì tinh tú có liên quan mật thiết đến tác động và biến động nơi người và vật ở trần gian vì vậy nhà vua phải lo sao cho vạn vật gian trần bước theo đúng nhịp điệu hoàn vũ bằng cách minh định lịch số. Để chứng minh ta có thể sắp xếp những nhận xét của vua Nghiêu thành những vần thơ như sau:

Xuân Phân Tinh Diệu đỉnh đầu

Dân con nay đã rủ nhau ra ngoài

Chim muông để trứng tìm đôi

Ngày xuân ta chớ buông lời việc làm. [44]

oOo

Tới ngày Hạ Chí chói chang

Đêm về sao Hỏa hiện ngang đỉnh đầu

Chúng dân tản mạn dãi dầu

Chim muông thôi cũng thay màu đổi lông. [45]

oOo

Thu Phân, trú dạ tương đồng

Sao Hư chập tối vời trông đỉnh đầu

Dân con mát mẻ bên nhau

Chim muông lông lá ra màu tốt tươi. [46]

oOo

Đông Chí ngày vắng đêm dài

Đêm về sao Mão chơi vời đỉnh đầu

Dân con ít muốn đi đâu

Chim muông lông lá trước sau thêm dài. [47]

Độc thiên Nguyệt Lệnh trong Lễ Ký, thiên mân Phong trong Kinh Thi, đọc các sách thiên văn Trung Quốc, ta lại càng thấy rõ người xưa, từ Thiên tử đến dân gian đều có hoạt động theo đúng tiết tấu của đất trời. [48]

oOo

CHÚ THÍCH

[1] Nãi thiết Linh Đài, lập chiêm thiên chi quan, dĩ tự ngũ sự, chương thiên văn lịch số, phong vân, khí sắc ư thị hồ hữu tinh quan chi thư... Tác giáp tý, tác cái thiên, cập điều lịch. 乃設靈臺,立占天之官,以叙五事,掌天文歷數,風雲,氣色於是乎有星官之書... 作甲子,作蓋天,及調歷 (Wieger, Textes historiques, Tome I, page 24)

[2] Cải tác lịch tượng, dĩ kiến Dần chi nguyệt vi lịch nguyên... 改作歷象,以建寅之月為歷元 (Wieger, Textes historiques, Tome I, page 28)

[3] Kinh Thư – Nghiêu Điển, 3.

[4] Kinh Thư – Nghiêu Điển, từ tiết 4 đến tiết 8.

[5] Kinh Thư – Thuấn Điển, 5.

... «Peu de temps après (l'an 2285 avant notre ère), dans la crainte que les mathématiciens ne vinssent à se négliger dans leur emploi, Chun les fit venir et leur dit de construire une machine qui représentait la rondeur du ciel divisé par ses degrés, ayant la terre au centre, et le soleil, la lune, les planètes et les étoiles aux places qui leur conviennent en leur donnant un mouvement tel qu'on voit dans

le ciel. Chun fit prendre dans le trésor des pierres précieuses de différentes couleurs pour marquer les pôles, le soleil, la lune et les planètes et on se servit de perles pour désigner les étoiles... (Histoire gén. de la Chine traduite par le P. Maila, Vol I, page 78 và Gustave Schlegel, Uranographie chinoise, page 504).

[6] Nhật đoản chí tắc phạt mộc, thủ trúc tiễn. 日短至則伐木取竹箭. Chú thích: Thử thuận thời dĩ thủ tài dã. Âm thịnh tắc tài thành, cổ phạt thủ chi. Mộc đại cổ ngôn phạt, trúc tiểu cổ ngôn thủ. 此順時以取材也. 陰盛則材成, 故伐取之. 木大故言伐, 竹小故言取 (Lễ Ký – Nguyệt Lệnh, Trọng Đông) Gustave Schlegel, Uranographie chinoise, page 272.

[7] Sở hệ thiên thời nhân sự thành bất tiểu (Thiên nguyên lịch số định pháp chi nhất, khảo cổ sách số) 所係天時人事成不小 (天元曆數定法之一, 考古策數) (Gustave Schlegel, Uranographie chinoise, page 35)

[8] 建曆之本, 必先立元, 元正, 然後建日法, 法定然後度周天, 以定分至. 按漢人曆法之疏, 正坐此病, 蓋曆以合天, 必先測天象之分至, 分至定, 然後可以度周天, 周天定然後可建日法, 日法定然後可溯曆元, 斯為合天之道. 漢人先立元, 而後求周天分, 至; 是以天從人也, 烏得不繆. 今人測影既精, 分至已得, 而不推曆元, 則又亡其本矣. (東漢虞恭治曆議... 在天元曆理考古之三) (星辰考原張廿四)

Kiến lịch chi bản, tất tiên lập nguyên. Nguyên chính nhiên hậu kiến nhật pháp; pháp định nhiên hậu độ chu thiên, dĩ định phân chí. Án Hán nhân lịch pháp chi sơ, chính toạ thử bệnh. Cái lịch dĩ hợp thiên, tất tiên trắc thiên tượng chi phân chí. Phân chí định, nhiên hậu khả dĩ độ chu thiên; chu thiên định, nhiên hậu khả kiến nhật pháp; nhật pháp định, nhiên hậu khả tổ lịch nguyên. Tư vi hợp thiên chi đạo. Hán nhân tiên lập nguyên, nhi hậu cầu chu thiên phân, chí; thị dĩ thiên tông nhân dã. Ô đắc bất mậu. Kim nhân trắc ảnh ký tinh, phân chí dĩ đắc, nhi bất suy lịch nguyên, tắc hữu vong kỳ bản hĩ. (Đông Hán, Ngu Cung trị lịch nghị ... tại: Thiên nguyên lịch lý, khảo cổ chi tam.) (Tinh thần khảo nguyên trương 24.)

Gustave Schlegel, Uranographie chinoise, page 24.

[9] 古人觀象以立法, 後人為法以求象, 失其本矣. 古人為法以順天, 後人矯天以從法, 失其法之要也. 黃道盈縮, 月離遲疾, 所以求交會, 而用之為日躔. 古人先氣而後日, 今人先日而後氣, 失其法之用矣... 使天象曆理盡晦, 經史聖言失解. (天元曆理原理之六原法論 - 星辰考原張廿五)

Cổ nhân quan tượng dĩ lập pháp, hậu nhân vi pháp dĩ cầu tượng, thất kỳ bản hĩ. Cổ nhân vi pháp dĩ thuận thiên, hậu nhân kiếu thiên dĩ tông pháp, thất kỳ pháp chi yếu dã. Hoàng Đạo doanh súc, nguyệt ly tri tậ, sở dĩ cầu giao hội, nhi dụng chi vi nhật triền. Cổ nhân tiên khí nhi hậu nhật, kim nhân tiên nhật nhi hậu khí, thất kỳ pháp chi dụng hĩ... Sử thiên tượng lịch lý tận hối, kinh sử thánh ngôn thất giải.

(Thiên nguyên lịch lý nguyên lý chi lục nguyên pháp luận – Tinh thần khảo nguyên trương 25)

... Les anciens firent des lois, afin qu'elles s'accordassent avec le ciel; la postérité a tordu le ciel pour le faire accorder avec ces lois; ainsi ils ont perdu la chose principale de la loi...

(Gustave Schlegel, Uranographie chinoise, page 25)

[10] Clé quaternaire des temps: chìa khóa bốn mùa cũng đã viết ở bốn tuần trăng: Hối, sóc, huyền, vọng.

[11] 春者, 天地開闢之所, 養生之首, 法象所出. (公羊傳隱元年)

Xuân giả, thiên địa khai tịch chi sở, dưỡng sinh chi thủ, pháp tượng sở xuất. (Công Dương Truyện, Ân

nguyên niên). Tinh thần khảo nguyên, Gustave Schlegel, page 82.

春喜氣故生秋怒氣故殺夏樂氣故養冬哀氣故藏 (春秋繁露)

Xuân hỉ khí, cổ sinh. Thu nộ khí, cổ sát. Hạ lạc khí, cổ dưỡng. Đông ai khí, cổ tàng (Xuân Thu Phồn Lộ). Tinh thần khảo nguyên, Gustave Schlegel, page 83.

[12] 通曆數家算法, 推考其紀, 從上古天元以來, 訖十一月, 甲子, 夜半, 朔, 冬, 至 (桓譚新論) 星辰考原.

Thông lịch số gia toán pháp suy khảo kỳ kỷ tông thượng cổ thiên nguyên dĩ lai, cật thập nhất nguyệt giáp tý dạ bán sóc đông chí. (Hoàn đàm tân luận). Tinh thần khảo nguyên.

十一月陰極之至陽氣始生 (致富奇書冬至)

Thập nhất nguyệt, âm cực chi chí, dương khí thủy sinh. (Trí phú kỳ thư; Đông Chí)

Gustave Schlegel, page 252.

[13] 冬至, 日月若合璧, 五星如連珠 (天元曆理考古之四)

Đông Chí, nhật nguyệt nhược hợp bích, ngũ tinh như liên châu (Thiên Nguyên Lịch Lý khảo cổ chi tứ) – Tinh Thần Khảo Nguyên, trang 28.

[14] 十一月, 一陽生 (莊子)

Thập nhất nguyệt, nhất dương sanh (Trang Tử) – Gustave Schlegel, Uranographie chinoise, page 201.

十一月, 陰極之至, 陽氣始生. (致富奇書冬至)

Thập nhất nguyệt, âm cực chi chí, dương khí thủy sanh (Trí Phú Kỳ Thư Đông Chí) – Gustave Schlegel, Uranographie chinoise, page 252.

冬至, 陰陽合精, 天地交讓. (神農書).

Đông Chí, âm dương hợp tinh, thiên địa giao nhược. (Thần Nông Thư) – Gustave Schlegel, Uranographie chinoise, page 200.

[15] Tí (enfant) – Tí thời = Heure des générations. Tí cung = Palais des générations (Gustave Schlegel, Uranographie chinoise, I, page 42)

... 十一月謂子 (禮記月令註)

Thập nhất nguyệt, vị Tí (Lễ Ký Nguyệt Lệnh chú) (Gustave Schlegel, p. 42)

... 十一月夜半陽氣所起 (徐鍇)

Thập nhất nguyệt dạ bán, dương khí sở khởi (Từ Giai)

... 十一月陽氣動萬物滋 (說文)

Thập nhất nguyệt dương khí động vạn vật tư (Thuyết Văn)

– Khang Hi tự điển, nơi chữ 子. (Gustave Schlegel, p. 43)

天正者, 天道所始, 仲冬月也. 人正者, 人事所始, 孟春月也 (天元曆理)

Thiên chính giả, thiên đạo sở thủy, trọng đông nguyệt dã. Nhân chính giả, nhân sự sở thủy, Mạnh Xuân nguyệt dã. (Thiên Nguyên Lịch Lý) (Gustave Schlegel, p. 82)

[16] Le solstice d'hiver était seulement le commencement du règne de lumière et la fin du règne des

ténébres: le commencement de l'année astronomique. (Gustave Schlegel, Uranographie chinoise, page 83)

Fou (retour) c'est le principe de la lumière renaissant en bas. Le onzième mois a pour effet naturel (Koua) le signe Retour (fou) puisque (pendant ce mois) le principe de lumière, après être parti, est revenu.

復, 陽復生於下也, 十有一月, 其卦為復, 以其陽既往而復反. (易上經復卦)

Phục, dương phục sanh ư hạ dã, thập hữu nhất nguyệt, kỳ quải vi phục, dĩ kỳ dương ký vãng nhi Phục phản. (Dịch Thượng Kinh Phục quải) (Gustave Schlegel, page 260)

[17] 天正者, 天道所始, 仲冬月也. 人正者, 人事所始, 孟春月也 (天元曆理)

Thiên chính giả, thiên đạo sở thủy, trọng đông nguyệt dã. Nhân chính giả, nhân sự sở thủy, mạnh xuân nguyệt dã (Thiên Nguyên Lịch Lý) (Gustave Schlegel, page 82)

[18] 春者天地開闢之所, 養生之首, 法象所出 (公陽傳隱元年)

Xuân giả thiên địa khai tịch chi sở, dưỡng sanh chi thủ, pháp tượng sở xuất (Công Dương Truyện Ẩn nguyên niên) (Gustave Schlegel, page 82)

陽氣動物於時為春. 春蠱也, 物蠱生乃動運 (前漢曆志)

Dương khí động vật ư thời vi xuân. Xuân xuân dã, vật xuân sinh nãi động vận. (Tiền Hán Lịch Chí) (Gustave Schlegel, page 83)

[19] 春喜氣故正 (春秋繁露)

Xuân hỉ khí cố chính (Xuân Thu Phồn Lộ) (Gustave Schlegel, page 83)

[20] Ce n'est qu'à l'équinoxe du printemps que le soleil était véritablement vainqueur du principe ténébreux. (Gustave Schlegel, page 130)

[21] Au second mois de l'année chinoise dans lequel tombe l'équinoxe du printemps, toute la création jaillit de la terre, le sein de la terre s'ouvrant à cette époque. Pour rendre cette idée, on traçait l'hiéroglyphe d'une porte ouverte: 𠩺 ou 𠩻 hiéroglyphe écrit maintenant 卯 Mao qui signifiait primitivement jaillir; puisqu'au second mois la nature entière jaillit de la terre, raison pourquoi on l'appelait aussi «la Porte céleste». Ce second mois de l'équinoxe vernal était celui dans lequel, le principe frigorigère ne pouvant plus agir, le principe calorifère jaillit et quand toute la création était pour ainsi dire sortie de la porte céleste.

卯古文 𠩺 𠩻 昌也. 二月, 萬物昌地而出, 象開門之形, 故二月為天門 (說文)

Mão cổ văn XX xương dã. Nhị nguyệt, vạn vật xương địa nhi xuất, tượng khai môn chi hình, cố nhị nguyệt vi thiên môn. (Thuyết Văn)

二月, 陰不能制陽昌而出也, 天門, 萬物畢出也 (星辰考原四十三)

Nhị nguyệt, âm bất năng chế dương xương nhi xuất dã, thiên môn, vạn vật tất xuất dã. (Tinh Thần Khảo Nguyên tứ thập tam)

Xem Khang Hi tự điển. – Gustave Schlegel, page 43.

[22] – Tháng Hạ thường ít mưa.

– Nên tháng 5 vua thường phải đảo vũ.

– Tháng 6 mới mưa.

– Nhưng đầu mùa hè dân quê thường vét giếng và đào sâu thêm giếng để khơi thêm những mạch nước mới.

– Những tháng này cũng phải lo tát nước vào ruộng.

[23] 寒食清明者過了

石泉榆火一時新 (東坡)

Hàn thực thanh minh giả quá liễu

Thạch tuyền du hỏa nhất thời tân (Đông Pha)

Gustave Schlegel, Uranographie chinoise, page 405.

[24] 是月也, 日長至, 陰陽爭, 死生分. (禮記月令)

Thị nguyệt dã, nhật trường chí, âm dương tranh, tử sinh phân. (Lễ Ký - Nguyệt Lệnh)

夏至日長之極, 陽盡午中而微. 陰眇重淵矣. 此陰陽爭辨之際也. 物之感陽氣而方長者生, 感陰氣而已成者死. 此死生之分判之際也 (禮月令仲夏註)

Hạ Chí nhật trường chi cực, dương tận ngọ trung nhi vi. Âm miểu trọng uyên hĩ. Thử âm dương tranh biện chi tế dã. Vật chi cảm dương khí nhi phương trường giả sinh, cảm âm khí nhi dĩ thành giả tử. Thử tử sinh chi phân phán chi tế dã. (Lễ Nguyệt Lệnh trọng hạ chú)

陰氣始起于下, 盛陽強盍于上, 故爭. 此陰方來與陽遇也. 陽主生, 陰主死, 微陰既生, 則萬物向死. 故死生之理于是乎分.

Âm khí thủy khởi vu hạ, thịnh dương cường hạp vu thượng, cố tranh. Thử âm phương lai dĩ dĩ dương ngọ dã. Dương chủ sinh, âm chủ tử, vi âm ký sinh, tắc vạn vật hướng tử. Cố tử sinh chi lý vu thị hồ phân. (Lễ - Nguyệt Lệnh - Trọng Hạ chú)

[25] 午 悟也, 五月陰氣午逆陽, 昌地而出也. (說文)

Ngọ ngộ dã, ngũ nguyệt âm khí ngọ nghịch dương, xương địa nhi xuất dã. (Thuyết Văn)

[26] 垢 糞: 醜 糞 上 是 垢 下 是 糞. (禮記月令)

[27] 愁 (Sầu) composé de 心 (Tâm) Cœur et de 秋 (Thu) automne c'est-à-dire avoir le cœur triste comme on l'a pendant l'automne. (Gustave Schlegel, Uranographie chinoise, page 317)

[28] 秋 怒 氣, 故 殺. Thu nộ khí, cố sát. (Xuân Thu Phồn Lộ) (Gustave Schlegel, page 317)

[29] 酉 時, 酉 月, 八月 謂 酉 (禮 月 令 註)

八月 麥 成, 可 為 酎 酒 (說 文)

卯 為 春 門, 萬 物 已 出.

酉 為 秋 門, 萬 物 已 入.

一 閉 門 象 也

Dậu thời, Dậu nguyệt, bát nguyệt vị Dậu. (Lễ Nguyệt Lệnh chú)

Bát nguyệt mạch thành, khả vi chửu tửu. (Thuyết Văn)

Mão vi xuân môn, vạn vật dĩ xuất.

Dậu vi thu môn, vạn vật dĩ nhập,

Nhất bế môn tượng dã. (Khang Hi tự điển)

酉秀也, 秀者物皆成也. (釋名)

Dậu tú dã, tú giả vật giai thành dã. (Thích Danh)

[30] 冬哀氣故藏 (春秋繁露)

Đông ai khí, cố tàng. (Xuân Thu Phồn Lộ) (Gustave Schlegel, page 215)

喪者人之終. 冬者歲之終. (禮月令朱氏註)

Táng giả nhân chi chung. Đông giả tuế chi chung. (Lễ Nguyệt Lệnh Chu thị chú) (Gustave Schlegel, page 221)

[31] 冬終也. 萬物所以終成也. (釋名)

Đông chung dã. Vạn vật sở dĩ chung thành dã. (Thích Danh)

[32] Or qu'avait fait l'homme pendant l'époque qui précédait la résurrection du soleil ? Il avait imité la Nature comme le fait toujours un peuple, aussi longtemps qu'il n'est pas forcé, par des lois humaines et sociales, à agir contre l'ordre de cette nature, qui seule devait le guider dans ses actions. Donc, puisque la neige couvrait la Terre, que les bêtes restaient cachées dans leurs cavernes, l'homme se cachait également dans des cavernes et se retirait dans ses maisons de terre ou de troncs d'arbres, au lieu de demeurer dans ses nids, construits de branches ou de bambou dans les arbres qui lui servaient d'habitation pendant la belle saison. (Gustave Schlegel, Uranographie chinoise, pages 243-241)

[33] 天子以孟冬命三公謹蓋藏, 閉門閭固封境以佐冬固地藏也 (書大傳)

Thiên tử dĩ mệnh đông mệnh tam công cẩn cái tàng, bế môn lư, cố phong cảnh, dĩ tá đông cố địa Tàng dã. (Thư Đại Truyện)

立冬不周風至, 修宮室, 完邊城 (易通卦驗)

Lập Đông bất chu phong chí, tu cung thất, hoàn biên thành. (Dịch Thông Quái Nghiệm)

立冬, 築城郭, 造宮室 (禮記)

Lập Đông, trúc thành quách, tạo cung thất. (Lễ Ký)

孟冬固疆, 備邊境, 完要塞, 謹關梁, 塞溪徑. (註) 溪徑, 野獸往來之路也 (禮月令)

Mệnh Đông cố cương, bị biên cảnh, hoàn yếu tắc, cẩn quan lương, tắc khê kính. (chú) Khê kính, dã thú vãng lai chi lộ dã. (Lễ - Nguyệt Lệnh)

[34] 王者觀象于天, 然後稽器于人. 上承天之所為, 下以正其所為, 同度量權衡, 自舜以來有是法也. (禮記月令仲春注)

Vương giả quan tượng vu thiên, nhiên hậu kê khí vu nhân. Thượng thừa thiên chi sở vi, hạ dĩ chính kỳ sở vi, đồng độ lượng quyền hành, tự Thuấn dĩ lai hữu thị pháp dã. (Lễ Ký - Nguyệt Lệnh trọng xuân chú)

Les rois observent les corps célestes dans les cieux et examinent ensuite les ustensiles de leurs sujets. Ils reçoivent d'en haut les actions du ciel afin de corriger par eux leurs actions ici-bas. La loi d'égaliser les mesures de longueur et de capacité, les pesons et les balances, existe depuis l'empereur Chouen (2585 avant notre ère) Gustave Schlegel, page 135.

[35] Les astronomes de la dynastie des Han disent qu'on observait le matin et le soir la disparition et apparition des étoiles, leur position inclinée ou recte, le lever ou coucher, leur obscurité et clarté, leur

étendue ou rétrécissement. (Gustave Schlegel, Uranographie chinoise, page 20-21)

[36] On fit un cercle de tous les petits groupes (d'étoiles) qui se trouvaient sur la route du soleil. Ce cercle se compose de 28 groupes, 7 pour chaque division, dans lesquels on domicilia les 7 planètes, et on appela chacun de ces groupes, Domiciles (宿 Tú) Caractères composés de cent (百) hommes (亼) sous un toit (宀) on dans sa forme antique: (夙), une nuit (夕) sous an abri (几) ce qui est expliqué par halte de nuit (夜所止也 vide 王篇).

... Les 28 Siou sont les maisons du soleil et de la lune, ressemblant aux relais de poste et hôtelleries ou aux salles d'attente pour les officiers inférieurs sur la terre. (Gustave Schlegel, page 76)

二十八宿為日月舍,猶地有郵亭,為長史廨矣(王充論衡)

Nhị thập bát tú vì nhật nguyệt xá, do địa hữu bưu đình, vì trường sử giải hĩ. (Vương Sung Luận Hành)

[37] Các tuần trăng:

a- Vọng: trăng tròn mọc phía đông buổi tối, ngược lại với mặt trời lặn lúc buổi tối (en opposition). Vọng là ngày 15 hay 16 tùy theo tháng 29 hay 30 ngày.

b- Hạ Huyền: trăng nửa vành (hình chữ C) vào ngày 22, 23.

c- Hối: mặt trăng tối (mọc lặn cùng với mặt trời = lune en conjonction). Hối là ngày 29 hay ngày 30 tùy tháng thiếu đủ.

d- Sóc: mặt trăng sống lại (Sóc 朔 = résurrection) mọc buổi sáng ở phía đông.

e- Thượng Huyền: trăng nửa vành (hình chữ D) vào ngày 7, 8 mỗi tháng.

Gustave Schlegel, Uranographie chinoise, page 605.

[38] 斗建之間,陰陽終始之間,律歷之原本也。(考要)

Đẩu kiến chi gian, âm dương chung thủy chi gian, luật lịch chi nguyên bản dã. (Khảo Yếu)

Gustave Schlegel, Uranographie chinoise, page 548.

若元年甲子,朔旦冬至,日月,五星俱赴於牽牛之初,是歲星與日月同次之月,十一月斗建子。

Nhược nguyên niên giáp tí, sóc đán đông chí, nhật nguyệt, ngũ tinh câu phó ư Khiên Ngưu chi sơ, thị tuế tinh dữ nhật nguyệt đồng thứ chi nguyệt, thập nhất nguyệt Đẩu kiến Tí.

Khiên Ngưu = Capricorne (Gustave Schlegel, page 617)

Đẩu = μ , λ , Φ , σ , τ , ξ du Sagittaire

Kiến tinh = các sao 2υ , σ , π , d 171 de Bode et ξ du Sagittaire.

[39] Trọng Khang... ngũ tuế, thu, cữu nguyệt, sóc, thần phát tập ư phòng... 仲康五歲,秋,九月,朔,辰弗集於房. Wieger, Textes historiques, page 44.

Bị chú: cũng có chỗ nói năm Giáp Tí nguyên niên, các vị chính tinh ở chòm sao Hư, vì Hư nhật thử 虛日鼠 tức là Hư ở cung Tí (Cf. Gustave Schlegel, Uranographie chinoise, page 584)

[40] Xuân ứng với cung Giốc.

Hạ ứng với cung Chủy.

Trung điểm ứng với cung Trung Cung.

Thu ứng với cung Thương.

Đông ứng với cung Vũ.

Có tác giả cho rằng Cung, Thương, Giốc, Chủy, Vũ là năm dấu nhạc, nhưng thiết tưởng nên coi là cung điệu có lẽ hợp lý hơn.

Nguyễn Du cũng viết:

So dần dây Vũ, dây Văn,

Bốn dây to nhỏ theo vần cung Thương. (Kiều)

Nhiệm Ứng Thu viết: «Cung ti tối đa, tha đích âm tiện tối trường, tối hạ, tối trọc. Vũ ti tối thiểu, tha đích âm tiện tối đoản, tối cao, tối thanh. Thương ti thứ đa, tha đích âm tiện thứ trường, thứ hạ, thứ trọc. Chủy ti thứ thiểu, tha đích âm tiện thứ đoản, thứ cao, thứ thanh. Giốc ti đa quả thích trung, tha đích âm tiện giới vu trường đoản, thanh trọc chi gian. »

宮絲最多, 它的音便最長, 最下, 最濁. 羽絲最少, 它的音便最短, 最高, 最清. 商絲次多, 它的音便次長, 次下, 次濁. 徵絲次少, 它的音便次短, 次高, 次清. 角絲多寡適中, 它的音便介于長短, 清濁之間.

[41] Tháng 11 (Đông Chí) = Hoàng Chung 黃鐘 (Do).

Tháng 12 = Đại Lữ 大呂 (Do#).

Tháng 1 = Thái Thốc 太簇 (Re).

Tháng 2 = Giáp Chung 夾鐘 (Re#)

Tháng 3 = Cô Tẩy 姑洗 (Mi)

Tháng 4 = Trọng Lữ 仲呂 (Fa).

Tháng 5 = Nhuy Tân 蕤賓 (Fa#)

Tháng 6 = Lâm Chung 林鐘 (Sol).

Tháng 7 = Di Tắc 夷則 (Sol#).

Tháng 8 = Nam Lữ 南呂 (La).

Tháng 9 = Vô Dịch 無射 (La#).

Tháng 10 = Ứng Chung 應鐘 (Si).

Chamfrault cho rằng Hoàng Chung là Fa, Đại Lữ là Fa#, v.v... chẳng qua đó là một sự chuyển âm giai.

Xem:

a/ Lễ Ký – Nguyệt lệnh.

b/ Đẩu Thủ Hà Lạc, Lý Khí Ngao Đầu, I, trang 12 hình: Ngũ thanh, Bát âm thất thập nhị hầu tổng đồ.

c/ Nguyễn Đình Lai, Etude sur la musique vietnamienne, Bulletin de la Société des E.I. 1er trimestre 1926, page 12.

[42] Cổ 鼓 = trống (cách âm 革 音 = tiếng da) ứng vào tháng 11 và đầu tháng 12.

Sinh 笙 = (bào âm 匏 音 = tiếng bầu) ứng vào cuối tháng 12, đầu tháng giêng.

Quản 管 = (trúc âm 竹 音 = tiếng trúc) ứng vào đầu tháng giêng và tháng hai.

Chúc ngữ 祝 敵 = (mộc âm 木 音 = tiếng gỗ) ứng vào tháng 3 và đầu tháng 4.

Sất 瑟 = (ti âm 絲 音 = tiếng tơ) ứng vào cuối tháng 4, đầu tháng 5.

Huân 墳 = (thổ âm 土 音 = tiếng đất) ứng vào giữa tháng 5 và tháng 6.

Chung 鐘 = (kim âm 金 音 = tiếng đồng) ứng vào tháng 7, tháng 8.

Khánh 磬 = (thạch âm 石 音 = tiếng đá) ứng vào tháng 9, tháng 10.

Xem: Ngao Đầu Thông Thư Đại Toàn, quyển I, trang 12.

[43] Ce ne sont pas seulement les Chinois qui ont agi ainsi, tous les anciens peuples ont fait de même. «Les Anciens, dit Maïmonides, portant toute leur attention sur l'agriculture, donnèrent aux étoiles des noms tirés de leurs occupations pendant l'année.»

Volney exprime exactement la pensée de l'auteur chinois susdit quand il dit: «Les étoiles, individuellement, on en groupe avaient reçu des noms tirés des opérations de l'homme ou de la nature pendant la révolution solaire; et le ciel astronomique était devenu comme un miroir de réflexion de ce qui se passait sur la terre.»

(Gustave Schlegel, Uranographie chinoise, I, page 74)

[44] Sao Tinh là một ngôi sao trong Nhị thập bát tú. Điều là chòm sao gồm: Tinh, Quỷ, Liễu, Tinh, Trương, Dực, Chấn.

Xem: Kinh Thư – Nghiêu Điển, 4.

Xem: James Legge, The Shoo King, page 19.

[45] Sao Hỏa là ngôi sao Tâm trong chòm sao Thanh Long gồm: Giác, Cang, Đê, Phòng, Tâm, Vĩ, Cơ.

Xem: Kinh Thư – Nghiêu Điển, 5.

Xem: James Legge, The Shoo King, page 20 và prolegomena, p. 90: Appendix on the astronomy of the Ancient Chinese.

Xem Xuân Thu Tả Truyện – Trương Công năm 9. – Couvreur, Tch'ouen Ts'iou, I, page 235.

[46] Sao Hư là sao giữa trong chòm sao Huyền Vũ gồm: Đẩu, Ngưu, Nữ, Hư, Ngụy, Thất, Bích.

Xem: James Legge, The Shoo King, page 21.

[47] Sao Mão là sao giữa trong chòm sao Bạch Hổ gồm: Khuê, Lâu, Vị, Mão, Tất, Chủy, Sâm.

Xem: James Legge, The Shoo King, page 21.

Xem: Gustave Schlegel, Uranographie chinoise, page 5.

Bị chú: Các nhà thiên văn học bất đồng ý kiến về vị trí các sao Tinh, Hỏa, Mão, Hư trong những ngày nói trên.

Các nhà thiên văn học thời Hán và Gaubil cho rằng trong các ngày nói trên, lúc 6 giờ chiều, các sao nói trên qua kinh tuyến. (Xem: Gustave Schlegel, Uranographie chinoise, page 5; Lý Khí Ngao Đầu, quyển 10, trang 32.)

– M. Chalmers cho rằng không đúng thế.

– M. J. B. Biot cho rằng thời Nghiêu (năm 2357):

Xuân Phân tại Mão + 1°29'44".

Hạ Chí tại Tinh + 2°23'20".

Thu Phân tại Phòng – 0°22'14".

Đông Chí tại Hư + 6°45'34".

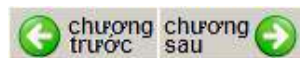
Gustave Schlegel, Uranographie chinoise, page 7.

[48] Xem: a/ Nguyệt Lệnh (Lễ Ký); b/ Mân Phong (thơ Thất Nguyệt) (Kinh Thi); c/ Tinh Thần Khảo Nguyên (Gustave Schlegel, Uranographie chinoise).



Thiên: [Dẫn đầu](#) [1](#) [2](#) [3](#) **[4](#)** [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#)

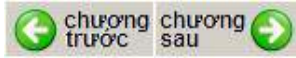
[Mục lục](#) | [Lời nói đầu](#) | **[chương 1](#)** [2](#) [3](#) **[4](#)** | [Tổng luận](#) | [Phụ lục 1](#) [2](#) [3](#) | [Sách tham khảo](#)



KHÔNG HỌC TINH HOA

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

[Mục lục](#) | [Lời nói đầu](#) | **chương 1** [2](#) [3](#) **4** | [Tổng luận](#) | [Phụ lục 1](#) [2](#) [3](#) | [Sách tham khảo](#)



Chương 4

Nền thiên trị Trung Hoa thời cổ

Thiên: [Dẫn đầu](#) [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) **5** [6](#) [7](#) [8](#) [9](#)



[Thiên dẫn đầu](#): Đại cương Hồng Phạm Cửu Trù

[Thiên 1](#): Đấng quân vương phải am tường vật lý

[Thiên 2](#): Đấng quân vương phải biết phương pháp tu thân

[Thiên 3](#): Đấng quân vương phải biết phương pháp trị dân

[Thiên 4](#): Đấng quân vương phải am tường ý nghĩa của tháng năm, hiểu thiên văn, lịch số

[Thiên 5](#): Đấng quân vương sẽ ở ngôi Hoàng Cực, thay Trời trị dân

[Thiên 6](#): Thuật cai trị: chính trực nhưng phải biết cương nhu, quyền biến

[Thiên 7](#): Đấng quân vương phải biết suy nghĩ bàn bạc, hỏi han khi gặp những trường hợp nan giải

[Thiên 8](#): Đấng quân vương phải nhân các điềm trời mà soát xét lại đường lối cai trị

[Thiên 9](#): Đấng quân vương phải nhìn vào tình cảnh dân, để nhận định giá trị của nền cai trị

[Tổng luận](#)

THIÊN 5

ĐĂNG QUÂN VƯƠNG SẼ Ở NGÔI HOÀNG CỰC THAY TRỜI TRỊ DÂN

王中心無為也,以守至正.

Vương trung tâm vô vi dã, dĩ thủ chí chính.

(Lễ Ký – Lễ Vận, tiết 2)

oOo

Có thông minh tài trí đức hạnh tuyệt vời con người mới đáng lên ngôi Hoàng Cực.

Hoàng Cực tượng trưng cho cực điểm tinh hoa nhân loại. Hoàng Cực là nơi Trời người gặp gỡ. Hoàng Cực là ngôi Thiên tử.

Cho nên Thiên tử sẽ thay Trời trị dân, lấy đời sống mình làm gương mẫu cho dân soi, dùng lời lẽ giáo huấn dân, để họ sống một cuộc đời an bình, đức hạnh. ^[1] Phúc lành của Trời sẽ qua trung gian vì Thiên tử tuôn xuống cho dân.

Ở ngôi Hoàng Cực [2] nhà vua sẽ khuyến khích những người trung lương tiến bước trên đường nhân nẻo đức, trọng dụng kẻ hiền tài, bao dung che chở người hèn yếu, cải thiện đời sống vật chất của nhân dân.

Như vậy vua và dân sẽ cùng nhau tiến bước trên con đường trời mệnh mông, vút một lèo tới cao minh chính đại.

Đó Tóm lại,

Ý nghĩa sâu xa của Vương Đạo. Sách Tham Đồng Kế cho rằng Vương Đạo, Thiên Đạo, Thánh Đạo cũng là một. [3]

Huỳnh Đình Kinh cũng dùng nguyên văn Hoàng Phạm để mô tả «Chí Đạo», «Đạo cao siêu nhất» của con người như sau:

«Chí Đạo xưa nay không có hai lẽ lối, nó hết sức giản dị, như một con đường thẳng tắp, phẳng phiu, trơn tru, không xiên, không vẹo.» [4]

Hồng Phạm viết:

NĂM là Hoàng Cực:

Đấng quân vương tiến tới cùng cực nhân đức, sẽ là nguồn mạch ngũ phúc, để ban phát cho dân, còn dân cũng nương vào đức độ siêu việt của người và sẽ giúp người giữ gìn đức độ siêu việt ấy.

Thứ dân sẽ không bè đảng gian tà, quan chức không có mưu tính riêng tư, đó là nhờ đức độ cao vọi của nhà vua. Phàm thứ dân có mưu lược, tháo vát, đức hạnh, thời vua phải để ý tới. Những người nhân đức tuy chưa tới tuyệt đỉnh tuyệt đích, nhưng biết tránh xa tội lệ lỗi lầm, thời nhà vua phải biết tiếp đãi họ. Nếu thấy sắc diện họ bình thản, vui tươi và nói được rằng: «Lòng tôi yêu nhân đức.» thời nhà vua hãy ban thưởng cho họ. Như vậy họ sẽ tiến bước lên tới đỉnh nhân đức như nhà vua. Nhà vua đừng áp bức kẻ côi cút cô đơn, đừng sợ hãi người cao sang quyền quý. Ai có khả năng tài cán, hãy giúp cho họ tiến thêm. Như vậy nước vua sẽ thịnh. Những người lương thiện đã giàu, sẽ thêm tốt thêm hay. Nếu nhà vua không liệu cho dân được yên vui sung túc trong nhà họ, họ sẽ sa vào vòng tội lệ; mà khi họ đã xa rời đường nhân nẻo đức, dẫu nhà vua ban thưởng cho họ. thì cũng chỉ như là giúp họ thêm tội ác.

Đường Trời nọ bao la thẳng đặng

Không quanh co, không vượn, không xiên.

Đường Trời phẳng lặng êm đềm

Không hề tráo trở đảo điên vạy vò.

Đường Trời nọ thẳng vo, thẳng tắp.

Vút một lèo tới cực cao minh.

Những lời lẽ trong Hoàng Cực ấy chính là chân lý, là lời giáo huấn chân thường. Đó chính là lời giáo huấn của Thượng Đế.

Nếu chúng dân được dạy dỗ về lẽ Hoàng Cực và biết đem thi hành, sẽ tiến gần tới vinh quang Thiên tử. Thiên tử là cha mẹ dân và sẽ trị vì thiên hạ.

Hoàng Cực thực là một quan niệm siêu hình tuyệt diệu đã được đem áp dụng làm căn cốt cho một nền chính trị lý tưởng.

Như ở trên trời cao thăm, Thượng Đế ngự tòa Bắc Thần, cho chúng thần hướng về. [5]

Vì Thiên tử ở trần gian cũng thể hiện được tuyệt đỉnh tinh hoa nhân loại, sẽ như sao Bắc Thần đứng tại vị, cho quần chúng hưởng triều về. [6]

Hoàng Cực là nguyên lý hằng cửu, bài học hằng cửu. Thượng Đế đã dùng đấng quân vương làm trung gian để dạy nguyên lý ấy, và truyền lời giáo huấn ấy cho nhân loại. [7]

Lời giáo huấn ấy chúng ta có thể trình bày lại dưới một hình thức như sau:

«Khái niệm cơ bản của nền thiên trị là mỗi người đều mang trong mình «thiên lý», «thiên chân» bất diệt và có sứ mạng, định mạng phát huy cho tới cùng cực, thực hiện cho tới thành toàn «thiên lý», «thiên chân» ấy.

Khái niệm cơ bản này sẽ dẫn đến hai quan niệm phụ thuộc.

Một là: chính trị phải tổ chức thế nào để bảo đảm được tự do, công bình, no ấm cho nhân dân, để mỗi người đều sống trong một bầu không khí đầy thi vị, hào hứng, thuận tiện, giúp họ phát triển đời sống nội tâm và đạo đức của họ.

Hai là: mọi người khắp bốn phương trời đều được ràng buộc với nhau bằng một liên hệ tinh thần; liên hệ tinh thần này sau trước sẽ thắng lướt được mọi biên cương bờ cõi, hay những ý thức nông cạn hẹp hòi, nặng nề tính chất địa phương và bè phái. [8]

Hoàng Cực nói tóm lại, chỉ vẽ cho nhân loại cực điểm tiến hóa của mình, cực điểm tinh hoa của mình, và Hồng Phạm Cửu Trù chỉ có một mục đích là tổ chức đời sống xã hội thế nào để bảo đảm cho con người mọi giá trị tinh thần và vật chất, cũng như giúp cho con người tiến tới tinh hoa, thực hiện được tinh hoa nhân loại ấy.

Nó nói lên một cách rất hùng hồn rằng không phải chỉ có một vài vị thánh vương, thánh đế là Thiên tử, là con Trời, nhưng mọi người đều có thể trở nên con Trời, nhân loại trong tương lai sẽ trở thành con Trời tất cả.

Quan niệm này, niềm tin tưởng này, sẽ làm cho con người luôn hiên ngang tiến bước, quên mọi gian lao, và luôn luôn xây dựng tương lai với một nguồn sống dạt dào, một niềm tin mạnh mẽ.

Ở ngôi Hoàng Cực, Thiên tử phải là vị thánh nhân và mọi sự thuộc về ngài đều được thánh hóa. Trong từ ngữ Trung Hoa ta còn thấy những tiếng:

Thánh thể 聖體

Thánh chỉ 聖旨

Thánh giá 聖駕

Dùng để chỉ mình vua, lệnh vua, xe vua, v.v...

Trong bộ Kinh Thư Đại Toàn có viết: «Vua ở chỗ Trung Ương trong thiên hạ, tất phải có nhân đức tuyệt vời, mới lập ra tiêu chuẩn tối cao cho mọi người được.» [9]

Lễ Ký cũng viết: «Nhà vua cần có tâm hồn thanh nhã, không chao động mới có thể giữ gìn được sự công chính tuyệt hảo.» [10]

Như vậy Thiên tử tất nhiên phải siêu phàm, thoát tục, phải là người Trời...

Có như vậy mới xứng đáng thay Trời trị dân.

oOo

CHÚ THÍCH

[1] 聖人在上既建極而以身教于天下,復敷言教于天下,蓋身教者,示以躬行踐履之實.言教者,使其歌誦,吟詠而得,二者不可偏廢也.天下惟理為至常,惟理為至大,皇極敷言純乎一理,故謂之常理,故為之大訓.是理也,本之於天,惟皇上帝,降衷之理也,言而不異於降衷之理.是豈可以君之訓視之哉,乃天之訓也.天者其不言之聖人,聖人者其能言之天,一而二,二而一者也.

Thánh nhân tại thượng ký kiến cực nhi dĩ thân giáo vu thiên hạ, phục phu ngôn giáo vu thiên hạ, cái thân giáo giả, thị dĩ cung hành tiến lý chí thật. Ngôn giáo giả, sử kỳ ca tụng, ngâm vịnh nhi đắc, nhị giả bất khả thiên phế dã. Thiên hạ duy lý vi chí thường, duy lý vi chí đại. Hoàng Cực phu ngôn thuần hồ nhất lý, cố vị chí thường lý, cố vị chí đại huấn. Thị lý dã, bản chi ư thiên, duy Hoàng Thượng Đế, giáng trung chí lý dã, ngôn nhi bất dị ư giáng trung chí lý. Thị khởi khả dĩ quân chi huấn thị chi tại, nãi thiên chi huấn dã. Thiên giả kỳ bất ngôn chi thánh nhân, thánh nhân giả kỳ năng ngôn chi thiên, nhất nhi nhị, nhị nhi nhất giả dã.

[2] Medhurst translates 皇極 (Hoàng Cực) by «The princely perfection» and Gaubil by «le terme du Souverain, ou le milieu du Souverain». Gan Kwo had defined the term by 大中 (Đại Trung) and his explanation seems to have been unquestioned till the time of the Sung Dynasty. Tan Choo He insisted that 皇 (Hoàng) must be taken here in the sense of «君» (Quân) «prince, sovereign», referring to the way in which it is interchanged with 王 (Vương). Choo's criticism is correct. He is correct also in rejecting the definition of 極 (Cực) by 中 (Trung). 極 (Cực) «the utmost point, the extreme of excellence», realized in the person of the sovereign, and serving as an example, and attractive influence to all below, both minister and people. It is supposed to be in the center, the exact middle, but it should not be called the Center or mean.

James Legge, The Shoo King, page 328 notes.

Wieger chú: Hoàng Cực = Pôle impérial.

L'empereur est le pivot autour duquel tout tourne sur la terre 極猶北極之極 (Cực do Bắc Cực chi cực) comme au ciel tout gravite autour du pôle 紫微帝座 (Tử vi đế tọa) siège du sublime souverain.

Wieger, Textes philosophiques, page 29.

[3] Dĩ thượng tá Dịch lý: hoặc ngôn thiên đạo hoặc ngôn vương đạo, hoặc ngôn thánh đạo.

以上借易理: 或言天道或言王道, 或言聖道. Tham Đồng Trực Chỉ, trang 24.

[4] Chí đạo giả cẳng cổ chí kim, vô nhị thuật dã. Bất phiên giả, chí giản chí dị, nhất điều đại đạo dã, thần thần, dị, dị, bất thiên bất đẳng, hà nan chi hữu. 至道者亙古至今, 無二術也, 不煩者, 至簡至易, 一條大道也, 坦坦, 易, 易, 不徧不黨, 何難之有. (Huỳnh Đình Kinh chú, trang 10).

[5] 天中宮天極一星, 其一明者, 太一常居 (史記天官書)

Thiên trung cung Thiên Cực nhất tinh, kỳ nhất minh giả, Thái Nhất thường cư. (Sử Ký – Thiên Quan Thư)

On nommait encore cette étoile polaire T'ien Tchoung Koung, le palais central du ciel et T'ien Ki Sing l'Etoile Extrême du ciel, et on disait toujours que le Grand Premier, le «Summum unum» y résidait toujours. (Gustave Schlegel, Uranographie chinoise, page 524).

[6] 建極者, 如北辰之居所, 而會其極, 歸其極者, 則如眾星之拱北辰也.

Kiến cực giả, như Bắc Thần chi cư sở, nhi hội kỳ cực, quy kỳ cực giả, tắc như chúng tinh chi cùng bắc thần dã.

«The perfect, set up, is like the north pole star occupying its place. Meeting with the perfection and turning to it, is like all the stars moving towards – doing homage to – the pole star.» Lin Che K'e. James Legge, The Shoo King, page 332, notes.

[7] 皇極是彝. (彝 = 常). Hoàng cực thị di. (Di = thường).

«It is constant, invariable.» 是訓 (Thị huấn) «it is the lesson» for all 于帝其訓 (vu Đế kỳ huấn) «from God is its lesson». James Legge, The Shoo King, page 332.

[8] The basic concept is that each human being embodies a divine principle which is indestructible and whose destiny it is to grow ultimately into the fullness of spiritual realization. Two logical corollaries flow there from. First, it is essential that conditions of political freedom, social justice and economic emancipation are created so that every individual can live in an atmosphere conducive to his inner growth and development. Secondly, our concept of the spiritual human being implies that all men living on this planet are bound to each other by a spiritual bond which must ultimately transcend every lesser barrier.

Maharajah Karan Singh, Successors to the heroes, The Asia magazine. January 16-1966, page 14.

[9] 人君居天下之至中, 則必有天下之絕德, 而後可以立至極之標準.

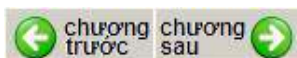
Nhân quân cư thiên hạ chí chí trung, tắc tất hữu thiên hạ chí tuyệt đức, nhi hậu khả dĩ lập chí cực chí tiêu chuẩn. Kinh Thư Đại Toàn, quyển III, trang 27.

[10] 王中心無為也以守至正. Vương trung tâm vô vi dã dĩ thủ chí chính. (Lễ Ký – Lễ vận, 2)



Thiên: [Dẫn đầu](#) [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) **5** [6](#) [7](#) [8](#) [9](#)

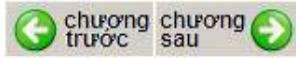
[Mục lục](#) | [Lời nói đầu](#) | **[chương 1](#)** [2](#) [3](#) **4** | [Tổng luận](#) | [Phụ lục 1](#) [2](#) [3](#) | [Sách tham khảo](#)



KHÔNG HỌC TINH HOA

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

[Mục lục](#) | [Lời nói đầu](#) | **chương 1** [2](#) [3](#) **4** | [Tổng luận](#) | [Phụ lục 1](#) [2](#) [3](#) | [Sách tham khảo](#)



Chương 4

Nền thiên trị Trung Hoa thời cổ

Thiên: [Dẫn đầu](#) [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) **6** [7](#) [8](#) [9](#)



[Thiên dẫn đầu](#): Đại cương Hồng Phạm Cửu Trù

[Thiên 1](#): Đấng quân vương phải am tường vật lý

[Thiên 2](#): Đấng quân vương phải biết phương pháp tu thân

[Thiên 3](#): Đấng quân vương phải biết phương pháp trị dân

[Thiên 4](#): Đấng quân vương phải am tường ý nghĩa của tháng năm, hiểu thiên văn, lịch số

[Thiên 5](#): Đấng quân vương sẽ ở ngôi Hoàng Cực, thay Trời trị dân

[Thiên 6](#): Thuật cai trị: chính trực nhưng phải biết cương nhu, quyền biến

[Thiên 7](#): Đấng quân vương phải biết suy nghĩ bàn bạc, hỏi han khi gặp những trường hợp nan giải

[Thiên 8](#): Đấng quân vương phải nhân các điềm trời mà soát xét lại đường lối cai trị

[Thiên 9](#): Đấng quân vương phải nhìn vào tình cảnh dân, để nhận định giá trị của nền cai trị

[Tổng luận](#)

THIÊN 6

THUẬT CAI TRỊ: CHÍNH TRỰC NHƯNG PHẢI BIẾT CƯƠNG, NHU, QUYỀN BIẾN

Cố dụng nhân chi tri khứ kỳ trá.

Dụng nhân chi dũng khứ kỳ nộ.

Dụng nhân chi nhân khứ kỳ tham.

故用人之知去其詐.

用人之勇去其怒.

用人之仁去其貪.

Lễ Ký – Lễ Vận, tiết 16.

oOo

Sau khi đã học hỏi, đã tu thân đến mức độ cao siêu, minh triết, sau khi đã lên ngôi Hoàng Cực thay

Trời trị dân, nhà vua sẽ cai trị một cách linh động tùy thời, lúc cương lúc nhu, quyền biến để ứng phó với hoàn cảnh, nhưng đường lối chung vẫn là chính trực.

Hồng Phạm viết:

SÁU là ba đức:

Một là chính trực.

Hai là cương.

Ba là nhu.

Nước an bình, cai trị cho chính trực.

Nước loạn lạc, cai trị cho cương quyết.

Nước thái hòa, cai trị cho ôn nhu.

Đối với kẻ phạm phu, hạ cấp phải cho cứng rắn. Đối với các bậc cao minh, thanh lịch, phải ôn thuận.

Chỉ có nhà vua được tác phúc, tác oai, chi phối công quỹ.

Bề tôi không được làm như vậy, nếu để bề tôi tác oai, tác phúc, chi phối công quỹ, sẽ hại cho nhà, cho nước.

Quần thần sẽ thiên vị, hư hốt; dân chúng sẽ lấn áp, làm lỗi.

Đường lối xưa cai trị thật khác xa nay.

Ngày nay trong chính trường người ta không ngại dùng thủ đoạn xảo trá để loại trừ địch thủ, để xách động quần chúng, để bảo vệ quyền lợi. Machiavel cho rằng làm chính trị khỏi cần bận tâm đến luân lý và lương tâm.

Ngày xưa trái hẳn, nghệ thuật trị dân lại đề cao hai chữ «chính trực».

Thực vậy, thánh nhân xưa nếu làm một việc bất nghĩa, giết một kẻ vô tội để được thiên hạ, cũng chẳng hề làm. [1]

Vì muốn theo đường lối chính trực trị dân, nên các thánh vương mới tha thiết xin các hiền thần hết sức phụ bật, chỉ giáo, phê bình mình, [2] nên mới đặt trống trước triều ca, để mong được nghe những lời cao kiến của nhân dân, [3] nên mỗi đầu năm, mới cho đánh mõ yêu cầu dân chúng chỉ về những lỗi lầm của triều đình. [4]

Cũng vì muốn cai trị công minh chính trực nên người xưa đã lập ra những định tắc lý tưởng để làm tiêu chuẩn trong mọi trường hợp.

Ví dụ trước khi trao nhiệm vụ gì cho ai, thì vua và quần thần bàn bạc về tài đức của người đó. Khi đã công nhận là người tài đức, sẽ trao cho công việc để thử thách. Giao cho công tác sẽ được phong tước; (khi thấy có thực tài) sẽ định phẩm trật và ban bổng lộc. [5]

Vua Nghiêu mỗi khi muốn cất nhắc ai vào nhiệm vụ gì, thường công khai nghị luận cùng đình thần. [6] Cho nên vua đã không trọng dụng con mình vì thấy kém tài đức. [7]

Vua Nghiêu cũng đã thử thách ông Thuấn. Sau, vua Thuấn cũng thử thách ông Vũ trong nhiều năm mới truyền ngôi Thiên tử cho. [8]

Đọc Hồng Phạm [9] hay các thiên Nguyệt Lệnh và Lễ Vận trong Lễ Ký ta thấy các vua xưa trong khi

lập ra các qui chế và định tắc chính trị đã theo những tiêu chuẩn bất biến và h8a2ng cửu chứ không dám tự ý lập luật pháp. Thế là chính trực tự căn bản, tự thâm tâm.

Những tiêu chuẩn ấy là:

- 1- Thiên ý.
- 2- Nhân tâm.
- 3- Vật lý, địa lý.

Khi cần xử sự, điều hành các công việc thì:

- 1- Bắt chước nhật nguyệt tinh thần (pháp tượng).
- 2- Thuận theo khí vận và bốn mùa trời (thuận thiên thời).
- 3- Thuận nhân tình (thuận nhân tâm).
- 4- Tùy địa thế, địa lợi.

Chúng ta sẽ dùng ít nhiều đoạn Lễ Ký để chứng minh các điểm trên.

Lễ Ký viết: «Một nền chính trị hay phải che giấu cá nhân vua và lập căn bản nơi Trời.» [\[10\]](#)

Lễ Ký viết:

Thánh nhân xưa lập ra phép tắc, tất nhiên lấy trời đất làm căn bản, lấy âm dương làm mối manh, lấy bốn mùa làm lẽo lái; lấy mặt trời và tinh tú làm kỷ độ, lấy mặt trăng làm trắc lượng, lấy quỷ thần làm phụ bật, lấy ngũ hành làm chất liệu, lấy lễ nghĩa làm khí cụ, lấy nhân tình làm môi trường hoạt động... [\[11\]](#)

Lấy trời đất làm căn bản mới cất nghĩa được sự vật; lấy âm dương làm mối manh mới cất nghĩa được tâm tình; lấy bốn mùa làm lẽo lái mới thúc đẩy được công việc; lấy mặt trời và các vì sao làm kỷ độ mới định được lịch trình công tác; lấy mặt trăng làm trắc lượng công việc mới tiến hành mỹ mãn; lấy quỷ thần làm phụ bật mới bền gan và tiếp tục công trình; lấy ngũ hành làm chất liệu công việc mới có thể thay đổi, trở đi, trở lại được; lấy lễ nghĩa làm khí cụ công việc mới thành tựu mỹ mãn được... [\[12\]](#)

Lấy nhân tình làm môi trường hoạt động vì nơi con người nhân tình mới là then chốt, là tâm điểm cho nền cai trị. [\[13\]](#)

Nói cách khác, các phép tắc để trị nước xưa đều bắt nguồn từ Trời, [\[14\]](#) từ Thái Cực, âm dương và thuận theo chiều sinh hóa của trời đất. [\[15\]](#)

Như vậy có nghĩa là các luật pháp đều là thiên tạo [\[16\]](#) khuôn theo cơ cấu của trời đất và của con người và rập theo tiết tấu của sự chuyển vận vũ trụ nhân sinh, chứ không phải là nhân tạo.

Các thánh vương xưa trong mọi động tác đều muốn bắt chước đất trời, thuận theo thời thế nhân vật. Lễ Ký viết: «Trong những công việc trọng đại (như tế lễ hay chinh phạt) đều thuận theo mùa. Bắt chước mặt trời mặt trăng mọc lặn mà bày ra hai buổi thiết triều sáng tối. Muốn làm gì cao, sẽ nhân theo đồi núi; muốn làm gì thấp sẽ nương theo sông hồ; thấy trời mưa móc thấm nhuần vạn vật, nhà vua cũng muốn cho đức độ ân huệ mình thấm nhuần muôn phương.» [\[17\]](#)

Các thánh vương xưa cai trị là mong muốn thi hành, mong muốn thực hiện thiên ý.

Muốn hiểu thiên ý, cần biết trọng tâm của trời đất.

Mà trọng tâm của trời đất tức là con người.

Lễ Ký viết: «Con người là tâm của trời đất.» [\[18\]](#)

Hạng thị An Thế bình rằng: Trọng tâm của đất trời là sự toàn thiện, là đức Nhân – mà sự toàn thiện, đức Nhân tuyệt hảo ấy đã ngụ trong con người, nên vừa có hình người, liền có tâm người. Nên nói: Người là hoàn thiện, mà hoàn thiện chính là tâm con người vậy. [\[19\]](#)

Nên khi sinh ra người, Trời đã ban cho lương tâm, cho mẫu mực hằng cửu hoàn thiện lồng ngay trong con người [\[20\]](#) để làm di luân, làm qui tắc bất biến. [\[21\]](#) Qui tắc, di luân hằng cửu ấy tức là tuyệt điểm của tinh hoa, [\[22\]](#) là Hoàng Cực, mà Thiên tử là hiện thân, là tiêu biểu. [\[23\]](#)

Ý Trời là muốn cho mọi người thấu hiểu chân lý ấy, sống đúng theo qui tắc hoàn thiện đã ghi tạc trong thâm tâm mình để trở về, cùng nhau hội ngộ ở tâm điểm chí cực ấy. [\[24\]](#)

Mọi tổ chức trên đời đều phải qui hướng về viễn đích ấy.

Cho nên trong phạm vi chính trị thánh vương đặt trọng tâm cải hóa con người, [\[25\]](#) cải hóa tâm tình con người, lấy lòng con người làm môi trường hoạt động. [\[26\]](#)

Các vị thánh vương đã nhận ra rằng con người trong thiên hạ bản tâm bản tính đều giống nhau và đều tốt như nhau, nhưng sở dĩ chưa đi đến hòa hợp tương thân, tương ái được, là do thất tình quấy phá, do tư dục buộc ràng. Nếu biết đem nhân nghĩa cải hóa thất tình, biết đem điều lợi hại thực mà chỉ vẽ cho dân, thì mọi người sẽ hòa hợp, muôn nước sẽ là một nhà, Trung Quốc chẳng qua như là một người.

Lễ Ký viết: «Khi nói rằng thánh nhân có thể làm cho thiên hạ hợp thành một nhà, Trung Quốc trở thành như một người, không phải nói là thánh nhân có thể thực hiện được nguyên bằng ý chí. Muốn đạt được mục phiêu ấy, cần biết rõ nhân tình.»

Giảng dạy cho họ biết bốn phận, giải thích cho họ biết thế nào là lợi hại.

Nhân tình là gì? Nhân tình là hỉ, nộ, ái, ố, dục (vui, giận, buồn, sợ, yêu, ghét, muốn). Bảy tình đó chẳng cần học, vẫn có! [\[27\]](#) Thế nào là bốn phận làm người? Bốn phận làm người có mười điều:

Cha phải hiền.

Con phải thảo.

Anh phải tốt.

Em phải ngoan.

Chồng phải biết điều.

Vợ phải biết nghe.

Người trên phải rộng rãi.

Người dưới phải kính thuận.

Vua phải nhân.

Tôi phải trung. [\[28\]](#)

Cố gắng tu nhân tích đức, gây niềm hòa hiếu, đó là cái lợi cho con người; tranh đoạt tàn sát lẫn nhau, đó là cái hại cho con người.

Phương pháp bình trị tình dục của con người của thánh nhân, tức là dạy dỗ họ mười bốn phận làm người, dạy họ tu đức lập thân, gây niềm hòa hiếu, tránh mọi sự tranh đoạt.

Nếu không có những qui tắc ấy, làm sao trị nổi dân? [29]

Nếu từ vua chí dân ai cũng một lòng chính trực thì chúng dân sẽ đi đến chỗ đại thuận, đến chỗ an bình thực sự.

Lễ Ký viết:

«Khi mà chân tay lạnh mạnh, da dẻ tốt tươi, thì con người cường tráng. Cùng một lễ, khi cha con thực tình yêu mến nhau, anh em hòa hợp, vợ chồng đầm ấm, thì gia đình sẽ an lạc.

«Nếu các quan đại thần giữ luật pháp, các hạ quan thanh liêm, các quan chức có tôn ti, trật tự hệ thống, vua tôi đều giữ đúng cương thường, thì nước sẽ thịnh trị.» [30]

Khi Thiên tử lấy nhân đức làm xe, lấy âm nhạc làm người đánh xe; khi chư hầu lấy lễ đối với nhau, khi các quan đại phu giữ trật tự hệ thống như luật định, khi sĩ tử trọng tín nghĩa, làm tròn phận sự, khi chúng dân đối với nhau đâu đấy đều với một niềm hòa mục, thì thiên hạ sẽ bình trị. Thế gọi là «đại thuận», thế gọi là «đại hiệp hòa». [31]

Khi đã bàn giải kỹ lưỡng về hai chữ chính trực như là một phương pháp chính yếu và hữu hiệu để trị dân, thì những biến thái cương nhu không thành vấn đề nữa.

Lúc loạn lạc thì cương, lúc thái hòa thì nhu, chẳng qua là quyền biến theo thời mà thôi.

Người trên phải biết linh động, lúc đáng cương thì như chặt sắt chém đá; lúc cần nhu thì nhẹ nhàng như gió mát trăng trong.

Đối với những người quân tử biết liêm sỉ thì không cần nặng tay, họ đã cải hóa; còn đối với tiểu nhân thì nói nhẹ làm sao mà họ sợ oai?

Như vậy tức là phải biết người biết thời để đẩy đưa con thuyền quốc gia cho khéo léo nghệ thuật.

Thế mới hay:

Mối lo âu Thang, Võ nơi Mục Dã, Minh Điều [32]

Sự ung dung nơi Bình Dương, Bồ Bản của Thuấn, Nghiêu [33]

Hai nỗi lòng ấy suy ra nào có khác

Đó là hai phương diện quyền hành thường phạt.

oOo

CHÚ THÍCH

[1] 行 — 不義, 殺 — 不辜, 而得天下, 皆不為也.

Hành nhất bất nghĩa, sát nhất bất cô, nhi đắc thiên hạ, giai bất vi dã. (Mạnh Tử – Công Tôn Sửu thượng)

[2] Xem Kinh Thư – Duyệt mệnh thượng, từ tiết 5 đến tiết 10.

[3] Xem Wieger, Textes historiques, Tome I, page 38.

導寡人以道者: 過鼓喻以義者, 鼓鐘.

Đạo quả nhân dĩ đạo giả: quá cổ dụ dĩ nghĩa giả, cổ chung.

[4] 每歲孟春適人以木鐸徇于路, 官師相規, 工執藝事以諫其或不恭, 邦有常刑.

Mỗi tuổi mệnh xuân du nhân dĩ mộc đặc tuần vu lộ, quan sử tương qui, công chấp nghệ sự dĩ gián kỳ hoặc bất cung, bang hữu thường hình. (Kinh Thư – Dân Chính, 3)

Xem thêm Xuân Thu Tả Truyện Tương Công năm 14. – Couvreur, Tch'ouen Ts'iou, I, page 901.

[5] 凡官民材必先論之, 論辨然後使之; 任事然後爵之; 位定然後祿之.

Phàm quan dân tài tất tiên luận chi, luận biện nhiên hậu sử chi; nhậm sự nhiên hậu tước chi; vị định nhiên hậu lộc chi. (Lễ Ký – Vương Chế)

Couvreur dịch: «Avant de confier une charge à quelqu'un, le prince et ses ministres commençaient toujours pour faire une enquête et délibérer sur ses qualités. Quand ils avaient reconnu ses qualités, ils lui donnaient un emploi (pour l'essayer). Après lui avoir donné un emploi (s'ils constataient son savoir-faire) ils fixaient son grade. Après lui avoir assigné son rang, ils lui allouaient un traitement.» (Couvreur, Li Ki, page 271)

[6] Kinh Thư – Nghiêu Điển, 9, 10, 11.

[7] Kinh Thư – Nghiêu Điển, 9.

[8] Kinh Thư – Nghiêu Điển và Thuấn Điển.

[9] 武王意人君代天理物, 必仰承天意以治民而使其居之順其常, 得其正以無負上天陰鷺相協之心者, 其道在於敘其秉彝人倫也. (陳雅言).

Vũ Vương ý nhân quân đại thiên lý vật, tất ngưỡng thừa thiên ý dĩ trị dân nhi sử kỳ cư chi thuận kỳ thường, đắc kỳ chính dĩ vô phụ thượng thiên âm âm chất tương hiệp chi tâm giả, kỳ đạo tại ư tự kỳ bình dĩ nhân luân dã. (Trần Nhã Ngôn).

James Legge, The Shoo King, page 323, notes.

[10] 故政者君之所以藏身也. 是故夫政必本於天.

Cổ chính giả quân chi sở dĩ tàng thân dã. Thị cố phu chính tất bản ư thiên. (Lễ Ký – Lễ Vận)

Couvreur dịch:

Un bon gouvernement met à couvert la personne du prince... Il s'appuie sur le Ciel...

Couvreur, Li Ki, Tome I, page 512-513.

Vua chúa sẽ không tự ý đặt ra luật pháp, đọc đoạn bình giải Hồng Phạm sau sẽ rõ:

聖人能使天下順治, 非能為物作則也, 惟止之各於其所順乎陰陽相協之妙而已.

Thánh nhân năng sử thiên hạ thuận trị, phi năng vi vật tác tắc dã, duy chỉ chi các ư kỳ sở thuận hồ Âm dương tương hiệp chi diệu nhi dĩ.

C'est le ciel qui les (lois) a faites. Le sage ne peut pas imposer des lois, mais il doit veiller à ce que chacun se tient à sa place, et seconde les communications et l'union mystérieuse du ciel avec le peuple.

Wieger, Textes philosophiques, page 26.

[11] 故聖人作則必以天地為本, 以陰陽為端, 以四時為柄, 以日星為祀, 月以為量, 鬼神以為徒, 五行以為質, 禮義以為器, 人情以為田.

Cổ thánh nhân tác tắc tất dĩ thiên địa vi bản, dĩ âm dương vi đoan, dĩ tứ thời vi bính, dĩ nhật tinh vi tự, nguyệt dĩ vi lượng, quỷ thần dĩ vi đồ, ngũ hành dĩ vi chất, lễ nghĩa dĩ vi khí, nhân tình dĩ vi điền. (Lễ Ký – Lễ

Vận)

Couvreur dịch:

Aussi lorsque les grands sages ont établi les règles, ils ont cru devoir prendre pour base le ciel la terre; pour agents principaux, les deux principes constitutifs des corps; pour gouvernail les quatre saisons; pour indicateurs du temps le soleil et les étoiles; pour matière les cinq éléments; pour instruments les devoirs qu'il convient de remplir; pour champ à cultiver, les passions du cœur humain...

Couvreur, Li Ki, page 522.

[12] 以天地為本, 故物可舉也。以陰陽為端, 故情可睹也。以四時為柄, 故事可勸也。以日星為祀, 故事可列也。月以為量, 故功有藝也。鬼神以為徒, 故事可守也。五行以為質, 故事可復也。禮義以為器, 故事行有考也。

Dĩ thiên địa vi bản, cố vật khả cử dã. Dĩ âm dương vi đoan, cố tình khả睹 dã. Dĩ tứ thời vi bính, cố sự khả khuyến dã. Dĩ nhật tinh vi tự, cố sự khả liệt dã. Nguyệt dĩ vi lượng, cố công hữu nghệ dã. Quỷ thần dĩ vi đồ, cố sự khả thủ dã. Ngũ hành dĩ vi chất, cố sự khả phục dã. Lễ nghĩa dĩ vi khí, cố sự hành hữu khảo dã.

Couvreur, Lễ Ký – Lễ Vận, page 523.

[13] 人情以為田, 故人以為奧也。

Nhân tình dĩ vi điền, cố nhân dĩ vi áo dã.

Couvreur dịch khác: «Si l'on prend pour champ les passions du cœur humain, les hommes prennent pour maître (les sages et suivent leurs préceptes).» Couvreur, Li Ki, Tome I, chapitre VII, Liu I, page 534.

[14] 夫禮必本於天, 動而之地, 列而之事, 變而從時, 協於分藝, 其居人也曰義, 其行之以貨力, 辭讓飲食, 冠昏喪祭, 射御朝聘。

Phù lễ tất bản ư thiên, động nhi chi địa, liệt nhi chi sự, biến nhi tòng thời, hiệp ư phân nghệ, kỳ cư nhân dã viết nghĩa, kỳ hành chi dĩ hóa lực, từ nhượng ẩm thực, quan hôn tang tế, xạ ngự triều sính. (Lễ Ký – Lễ Vận, Couvreur)

[15] 是故, 夫禮必本於大, 一, 分而為天地, 轉而為陰陽, 變而為四時。

Thị cố, phu lễ tất bản ư đại nhất, phân nhi vi thiên địa, chuyển nhi vi âm dương, biến nhi vi tứ thời. (Lễ Ký – Lễ Vận, Couvreur)

[16] 凡此皆天造之禮而主之於天. (陳祥道)

Phàm thử giai thiên tạo chi lễ nhi chủ chi ư thiên. (Trần Tường Đạo)

Toutes ces règles sont l'œuvre du ciel et il en est l'arbitre. (Couvreur, Li Ki, Tome I, page 528)

[17] 是故昔先王之制禮也, 因其財物而致其義焉爾。故作大事, 必順天時, 為朝夕必放於日月, 為高必因丘陵, 為下必因川澤, 是故天時爾澤君子達亹亹焉。

Thị cố tích tiên vương chi chế lễ dã, nhân kỳ tài vật nhi trí kỳ nghĩa yên nhĩ. Cố tác đại sự, tất thuận thiên thời, vi triều tịch tất phỏng ư nhật nguyệt, vi cao tất nhân khâu lãng, vi hạ tất nhân xuyên trạch, thị cố thiên thời nhĩ trạch, quân tử đạt vĩ vĩ yên.

Lễ Ký – Lễ Khí. Couvreur, Tome I, page 562.

[18] 故人者天地之心也。Cố nhân giả thiên địa chi tâm dã. (Lễ Ký – Lễ Vận, 7)

[19] 項氏安世曰:天地之心,仁而已矣.天地之至仁寓之於人,纔有人形,即有人心.故曰人者仁也,仁人心也.(欽定禮記)

Hạng Thị An Thế viết: Thiên địa chi tâm, nhân nhi dĩ hĩ. Thiên địa chi chí nhân ngụ chi ư nhân, tài hữu nhân hình, tức hữu nhân tâm. Cố viết nhân giả nhân dã, nhân nhân tâm dã. (Khâm định Lễ Ký)

[20] 惟皇上帝降衷于下民.

Duy Hoàng Thượng Đế giáng trung vũ hạ dân. (Kinh Thư – Thang Cáo, 2)

[21] 天生烝民,有物有則,民之秉彝,好是懿德.

Thiên sinh chưng dân, hữu vật hữu tắc, dân chi bình di, hảo thị ý đức.

Kinh Thi – Đại Nhã Đẳng – Chưng Dân VI.

[22] 中即至理,何嘗不兼至義.大學文言皆言知至.所謂至者,即此理也.語讀易者曰能知太極即是知至.語讀洪範者曰能知黃極即是知至,夫豈不可,蓋同此理曰極,曰中,曰至,其實一也.

Trung tức chí lý, hà thường bất kiêm chí nghĩa. Đại học văn ngôn giai ngôn tri chí. Sở vị chí giả, tức thử lý dã. Ngữ độc Dịch giả viết năng tri Thái Cực tức thị tri chí. Ngữ độc Hồng Phạm giả viết năng tri Hoàng Cực tức thị tri chí, phù khởi bất khả, cái đồng thử lý viết Cực, viết Trung, viết Chí, kỳ thật nhất dã.

[23] 惟皇作極. Duy hoàng tác cực. (Hồng Phạm)

[24] 會有其極歸其有極. Hội hữu kỳ cực quy kỳ hữu cực. (Hồng Phạm)

[25] 政者正也. Chính giả chính dã. (Luận Ngữ – Nhan Uyên, 16)

[26] 人情以為田. Nhân tình dĩ vi điền. (Lễ Ký – Lễ Vận)

[27] 故聖人耐以天下為一家,以中國為一人者,非意之也,必知其情,辟於其義,明於其利,達於其患,然後能為之.何謂人情?喜,怒,哀,懼,愛,惡,欲.七者弗學而能.

Cố thánh nhân nại dĩ thiên hạ vi nhất gia, dĩ Trung Quốc vi nhất nhân giả, phi ý chi dã, tất tri kỳ tình, tích ư kỳ nghĩa, minh ư kỳ lợi, đạt ư kỳ hoạn, nhiên hậu năng vi chi. Hà vị nhân tình? hỉ, nộ, ai, cụ, ái, ác, dục. Thất giả phát học nhi năng.

[28] 何謂人義?父慈,子孝,兄良,弟弟,夫義,婦聽,長惠,幼順,君仁,臣忠.十者謂之人義.(禮記,禮運,節十八,十九)

Hà vị nhân nghĩa? Phụ tử, tử hiếu, huynh lương, đệ đệ, phu nghĩa, phụ thính, trưởng huệ, ấu thuận, quân nhân, thần trung. Thập giả vị chi nhân nghĩa. (Lễ Ký, Lễ Vận, tiết thập bát, thập cửu)

[29] 講信,脩睦,謂之人利.爭奪相殺,謂之人患.故聖人之所以治人七情,脩十義講信脩睦,尚辭讓,去爭奪,舍禮何以治之.

Giảng tín, tu mục, vị chi nhân lợi. Tranh đoạt tương sát, vị chi nhân hoạn. Cố thánh nhân chi sở dĩ trị nhân thất tình, tu thập nghĩa giảng tín tu mục, thượng từ nhượng, khư tranh đoạt, xá lễ hà dĩ trị chi. (Lễ Ký – Lễ Vận, tiết 18-19; Couvreur, Li Ki, page 516).

[30] 四體既正,膚革充盈,人之肥也.父子篤,兄弟睦,夫婦和,家之肥也.大臣法,小臣廉,官職相序,君臣相正,國之肥也.

Tứ thể ký chính, phu cách sung doanh, nhân chi phì dã. Phụ tử đốc, huynh đệ mục, phu phụ hòa, gia

chi phì dã. Đại thần pháp, tiểu thần liêm, quan chức tương tự, quân thần tương chính, quốc chi phì dã.

[31] 天子以德為車, 以樂為御. 諸侯以禮相與, 大夫以法相序, 士以信相考, 百姓以睦相守, 天下之肥也, 是謂大順.

Thiên tử dĩ đức vi xa, dĩ nhạc vi ngự. Chư hầu dĩ lễ tương dữ, đại phu dĩ pháp tương tự, sĩ dĩ tín tương khảo, bách tính dĩ mục tương thủ, thiên hạ chi phì dã, thị vị đại thuận.

(Lễ Ký – Lễ Vận; Couvreur, Li Ki, I, page 533-534)

[32] Thành Thang đánh vua Kiệt tại Minh Điền.

[33] Nghiêu truyền ngôi cho Thuấn ở Bình Dương (Bình Dương là kinh đô thời vua Nghiêu).

Cf. Wieger, Textes historiques, I, page 31.

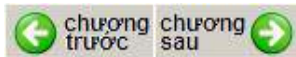
Thuấn truyền ngôi cho Đại Võ ở Bồ Bản. Bồ Bản 蒲坂 là kinh đô thời vua Thuấn.

Cf. Wieger, Textes historiques, I, page 35.



Thiên: [Dẫn đầu](#) [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) **[6](#)** [7](#) [8](#) [9](#)

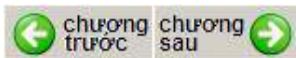
[Mục lục](#) | [Lời nói đầu](#) | **[chương 1](#)** [2](#) [3](#) **[4](#)** | [Tổng luận](#) | [Phụ lục 1](#) [2](#) [3](#) | [Sách tham khảo](#)



KHÔNG HỌC TINH HOA

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

[Mục lục](#) | [Lời nói đầu](#) | **chương 1** [2](#) [3](#) **4** | [Tổng luận](#) | [Phụ lục 1](#) [2](#) [3](#) | [Sách tham khảo](#)



Chương 4

Nền thiên trị Trung Hoa thời cổ

Thiên: [Dẫn đầu](#) [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) **7** [8](#) [9](#)



[Thiên dẫn đầu](#): Đại cương Hồng Phạm Cửu Trù

[Thiên 1](#): Đấng quân vương phải am tường vật lý

[Thiên 2](#): Đấng quân vương phải biết phương pháp tu thân

[Thiên 3](#): Đấng quân vương phải biết phương pháp trị dân

[Thiên 4](#): Đấng quân vương phải am tường ý nghĩa của tháng năm, hiểu thiên văn, lịch số

[Thiên 5](#): Đấng quân vương sẽ ở ngôi Hoàng Cực, thay Trời trị dân

[Thiên 6](#): Thuật cai trị: chính trực nhưng phải biết cương nhu, quyền biến

[Thiên 7](#): Đấng quân vương phải biết suy nghĩ bàn bạc, hỏi han khi gặp những trường hợp nan giải

[Thiên 8](#): Đấng quân vương phải nhân các điềm trời mà soát xét lại đường lối cai trị

[Thiên 9](#): Đấng quân vương phải nhìn vào tình cảnh dân, để nhận định giá trị của nền cai trị

[Tổng luận](#)

THIÊN 7

ĐĂNG QUÂN VƯƠNG PHẢI BIẾT SUY NGHĨ BÀN BẠC HỎI HAN KHI GẶP NHỮNG TRƯỜNG HỢP NAN GIẢI

Khi gặp công việc hệ trọng, hay hoàn cảnh bất thường, nhà vua phải hết sức thận trọng.

Trước hết phải dẫn đo suy nghĩ rồi bàn với khanh sĩ, với thứ dân. Sau cùng nếu cần sẽ thỉnh ý Trời (bằng cách bói rùa, bói cỏ thi). ^[1]

Hồng Phạm viết:

BẢY là nghiên cứu các điều ngờ vực, thắc mắc: cử người chuyên lo bốc phệ, ^[2] thi qui, rồi sai bói toán.

Xem những đường nứt của mực bôi lên mu rùa hơi lửa, sẽ thấy những hiện tượng như trời mưa, trời tạnh, trời âm u, trời mây lẻ tẻ, trời mây chẳng chịt.

Xem cở thi biết trình hồi (tốt, xấu).

Cộng là bảy việc: «qui» năm, «thi» hai, để tìm biết các chỗ sai lầm mà tránh.

Ba người đồng bói, hãy theo lời đoán của hai người giống nhau.

Nếu vua nghi hoặc về vấn đề trọng đại nào, hãy tự vấn lòng mình, hãy bàn bạc với khanh sĩ, hãy hỏi ý dân, hãy bàn bạc với hàng bốc phê.

a/ Việc nào mình thuận, thi, qui, khanh sĩ đều thuận, thế gọi là đại đồng, mình sẽ an khang, con cháu sẽ cát tường.

b/ Việc nào mình ứng, thi, qui thuận; khanh sĩ, thứ dân nghịch; cũng vẫn tốt.

c/ Việc nào thi, qui, khanh sĩ nghịch, mình và thứ dân ứng cũng tốt.

d/ Việc nào dân và thi, qui thuận; mình và khanh sĩ nghịch cũng tốt.

e/ Việc gì mình và qui thuận, nhưng thi, khanh sĩ, thứ dân nghịch thì cát nếu là việc bên trong, hung nếu là việc bên ngoài.

f/ Nếu thi, qui nghịch với ý mình thì nên tránh đừng làm. [3]

Xưa các vị đế vương không ngại hỏi ý kiến khanh sĩ và thứ dân. Gặp việc trọng đại lắm mới bốc phê để thỉnh ý Trời.

Trúc Thư Kỷ Niên có ghi: «Năm thứ 50 (đời Hoàng Đế)... từ ngày Canh Thân, trời sa mù ba ngày ba đêm; ban ngày cũng hôn ám. Hoàng Đế hỏi Thiên Lão, Lục Mục, Dung Thành xem sự thể thế nào?» [4]

Như vậy Hoàng Đế đã chẳng ngại vấn ý quần thần trong những trường hợp đặc biệt.

Đọc Kinh Thư ta thấy vua Nghiêu khi muốn chọn người để giao trọng trách, đã bình luận với quần thần. [5]

Vua Khải (2197 trước CN) trước khi đánh Hồ thị, [6] vua Thành Thang trước khi đánh vua Kiệt, [7] Vũ Vương trước khi đánh vua Trụ đều họp chúng dân và tướng sĩ để giải thích dẫn dụ, [8] như vậy cốt được sự đồng ý của mọi người.

Vua Bàn Canh (1401-1373), trước khi thiên đô và di dân từ Bạc [9] về Ân [10] để tránh nạn lụt lội, đã họp dân để bàn cãi, giải thích. [11]

Những sự kiện lịch sử ấy chứng tỏ các vị vua chúa xưa không dám tự quyết, mà bao giờ cũng cố gắng bàn bạc để được sự tán đồng của mọi người.

Đó là một cử chỉ khéo léo nhất.

Các vị thánh vương xưa trọng phép bói qui, thi, vì đó là thỉnh ý Trời, chứ không phải mê tín quàng xiên.

Dùng thi, qui để bói, vì rùa và cở thi đều là linh vật.

Những rùa dùng để bói thường có đường kính một thước 2 ta. Những rùa ấy phải sống khoảng một ngàn năm. [12]

Nhưng không phải nguyên vì rùa sống lâu mà cổ nhân dùng để bói, rùa còn có ý nghĩa tượng trưng: mai cao tượng trời, bụng phẳng tượng đất. [13]

Thi là một loại cở sống trăm năm; một gốc có trăm cọng, cho nên cũng được xem là linh thảo. Bốc phê

mục đích thỉnh ý quỷ thần, nên dùng thi, qui là những linh vật, linh thảo, để nhờ đó mà biết cát hung. [14]

Các vị đế vương xưa coi việc bốc phệ là một hành vi đạo đức, một sự thỉnh ý Thượng Đế...

Khoảng năm 1400, khi vua Bàn Canh muốn di dân và thiên đô từ Bạc về Ân, đã bói rùa trước khi quyết định. [15]

Khi Tây Bá hầu (Văn Vương) dẹp xong xứ Lê; Tổ Y sợ hãi vội vàng tâu với Trụ Vương: «Thưa bệ hạ, Trời đã định ruồng bỏ nhà Ân, cho nên những người khôn ngoan, cũng như rùa thiêng không còn báo cho ta điềm cát nữa.» [16]

Năm 1050, Vũ Vương thiên đô từ Phong về Hạo. Trong trường hợp hệ trọng ấy, vua đã bói rùa để thỉnh ý Thượng Đế:

Kinh Thi viết:

Vua suy rồi lại bói rùa
Cảo kinh những muốn thiên đô phen này
Bói rùa, quẻ dạy rằng hay
Vũ Vương lập tức ra tay xây thành
Vũ Vương quả thật anh minh. [17]

Năm 1049 (hay 1121 theo Thông Giám Cương Mục) Vũ Vương ngộ bệnh. Chu Công bói thi, qui để xem bệnh tình biến chuyển ra sao. Thấy các điềm đều tốt, Chu Công kết luận: nhà vua sẽ vô sự. Quả nhiên ngày hôm sau, bệnh Vũ Vương thuyên giảm. [18]

Năm 1042, ba người chú [19] vua Thành Vương xúi dục Vũ Canh cùng rợ Di, Nhung mưu đồ phản loạn. Thành Vương định cất quân đánh. Các phụ lão can ngăn. Vua bèn bói rùa [20] để thỉnh ý Thượng Đế.

Khi bói được điềm tốt, vua phán: «Ninh Vương (vua Vũ) đã để lại cho quả nhân “đại bảo qui” này, để thỉnh ý Trời; biết cát, hung. Thế mà các phụ lão lại can quả nhân đừng chinh phạt, đừng nghe theo bói rùa... Nhưng bói thấy chinh phạt Vũ Canh là việc tốt, thế tức là Thượng Đế truyền ta phải chinh phạt Vũ Canh. Mệnh lệnh Thượng Đế, lẽ nào ta chẳng theo. Xưa tiên vương và chúng dân đã từng bói rùa, lẽ nào ta tự tiện dám bỏ?» [21]

Năm 1038, khi muốn lập thêm Lạc Ấp, Chu Công bói rùa để quyết định địa điểm. [22]

Xong xuôi, ông gửi dự án xây cất và kết quả bói rùa về cho Thành Vương.

Thành Vương trước còn do dự, nhưng sau khi xem kết quả bói do Chu Công gửi về, vua nhất quyết cho lập đô ở Lạc. Nhà vua chấp tay cúi đầu trả lời Chu Công như sau: «Ngài đã hoạt động theo ý Trời. Ngài lại còn gửi cho tôi mai rùa báo trước một hạnh phúc lâu dài. Ngài đã cho tôi hay phải làm sao để đẹp lòng Trời trong vạn ức năm...» [23]

Lễ Ký giải thích về bốc phệ như sau:

Bốc là bói rùa, sách là bói cỏ thi. Các bậc thánh vương xưa dùng bốc phệ để khiến dân tin tưởng vào ngày giờ thời tiết đã chọn, tôn trọng quỷ thần, kính sợ vương lệnh. Bốc phệ cũng làm cho dân hết hiểm nghi do dự. Cho nên nói rằng: Hễ nghi thì bói; bói xong sẽ làm theo như quẻ dạy. Nếu quẻ định ngày nào

làm việc gì, sẽ chọn ngày ấy. [\[24\]](#)

Phép bói toán, theo đà thời gian bị dân gian lạm dụng, nên đã trở thành mê tín dị đoan.

Vì vậy, nhiều học giả, khi khảo về thiên này, thường đã kích phép bói toán đời xưa.

Wieger cho rằng: Ý muốn thì rất hay, nhưng phương tiện thì quá dở. [\[25\]](#)

Bình giải Kinh Thư, Ngô Trùng 吳澄 cũng chê phép bói toán, và cho rằng không nên làm một việc gì mà khanh sĩ và chúng dân không thuận. [\[26\]](#)

Ông nói: «Nếu thuyết Cơ Tử thi hành, thì đời sau vua chúa sẽ bỏ hết ý kiến khanh sĩ và thứ dân mà chỉ theo thi qui; dị đoan, tà thuyết sẽ thừa cơ xâm nhập; thiên hạ sẽ nhiễu nhương đa sự.»

Ngô Trùng còn cho rằng: Cơ Tử khi viết thiên Hồng Phạm này đã không thoát khỏi lưu tục của dân chúng đời Thương. [\[27\]](#)

Nhưng đó không phải là lập trường của mọi học giả.

Hồ Vị 胡謂 đã viện dẫn Khổng Tử để phi bác ý kiến Ngô Trùng như sau:

«Thảo luận (tức Ngô Trùng) thường cho rằng hiền trí xưa cũng có điều nhầm lẫn; nhưng trong trường hợp này ông đã sai lầm lớn.

Bình giải Dịch Kinh đức Khổng viết:

«Tìm tòi những điều thâm u, nghiên cứu những điều ẩn áo, thâm thái những điều sâu xa, đạt đáo những điều viễn cách, để định hay dở cho thiên hạ, để thúc đẩy mọi người cố gắng không gì bằng thi qui.» (Xem Hệ Từ Thượng Truyện) [\[28\]](#)

Đức Khổng lại nói:

«Hỏi ý kiến người, hỏi ý kiến thần minh, cho dân chúng được góp phần vào công việc (Hệ Từ Hạ Truyện) như vậy thì dầu việc gì nghi ngờ rắc rối đến đâu cũng trở nên minh xác...» Khi vua Vũ viết thiên «Kê Nghi» và Cơ Tử khi đề cập tới bói toán, hẳn cũng không ngoài ý ấy. Còn như bảo Cơ Tử sa vào vòng lưu tục, thì còn gì là Cơ Tử nữa ! [\[29\]](#)

Ngày nay nói đến bói toán ta khinh, nhưng người xưa coi bói toán là trọng, vì cốt để thỉnh ý Trời. Không phải chỉ có dân Trung Hoa thỉnh ý Trời. Đọc Thánh Kinh ta thấy vua Saül, vua David cũng đã nhiều lần xin thẻ để thỉnh ý Trời. [\[30\]](#) Lối bói cỏ thi với hai phương diện tốt xấu (trinh, hối) làm cho ta nhớ lại lối bói bằng ephod với hai thẻ urim và tummim của Do Thái. [\[31\]](#)

Quan niệm về bói toán cũng như công dụng của bói toán xưa hoàn toàn khác nay.

Người xưa bói toán cốt để cầu mong thỉnh ý Trời, nghe lời Trời. [\[32\]](#)

Vì thế, không nghi ngờ, không dám bói. [\[33\]](#)

Lại nữa, chỉ bói toán khi gặp trường hợp trọng đại, khó quyết đoán, hay khi vua tôi bất đồng ý kiến nhau. Khi ấy sẽ thỉnh mệnh Trời, để cùng nhau tuân phục cho hết chia rẽ bàn tán.

Mỗi khi bói toán, đều ghi kết quả vào lịch sử. [\[34\]](#)

Công dụng của bói toán, là cốt làm cho ai nấy vững lòng tư tưởng vào công trình sắp sửa thi hành, là cốt thu phục lòng người, làm cho mọi người thông cảm với nhau, có một ý hướng như nhau, đánh tan hết mọi nghi ngờ, do dự, và như vậy sẽ giúp mọi người làm nên công nghiệp. [\[35\]](#)

oOo

Suy cho cùng, nếu biết áp dụng đúng đắn thiên «Kê Nghi» này sẽ gây được một ảnh hưởng chính trị và tâm lý rất lớn.

Khi cần giải quyết một vấn đề trọng đại, nhà vua suy đi nghĩ lại cho chín chắn rồi, sẽ bàn bạc cùng khanh sĩ, cùng dân chúng; nếu trên dưới bất đồng ý kiến sẽ bốc phệ để thỉnh ý Thượng Đế.

Nhờ vậy mọi người sẽ hết nghi ngờ, sẽ đồng tâm nhất trí, sẽ giữ được hòa khí, sẽ thỏa mãn được lòng tự ái, và công trình sẽ dễ thành tựu.

Thực vậy nếu gặp việc khó khăn mà trên dưới không cảm thông, không đồng ý, năng suất sẽ giảm bớt và sự thành tựu sẽ trở nên khó khăn.

Nhà vua cư xử như vậy, dân chúng và đình thần sẽ đặt hết tư tưởng vào nơi vua, vì nhận thấy:

1- Vua không cầu thả, hấp tấp, không độc tài.

2- Vua trọng ý quần thần, ý dân.

3- Vua kính sợ Trời, luôn vâng mệnh Trời.

Kinh Thư thiên Quân Thích khen các vị thánh vương nhà Thương như sau:

«Nhờ đức độ cao minh, cách cai trị của các Ngài hoàn hảo. Nên mỗi khi nhà vua có việc gì bất kỳ ở phương nào, ý chí của vua cũng như ý chí của Trời (phát biểu bằng thi qui) luôn được mọi người hoàn toàn tin kính.» [\[36\]](#)

Thiên Kê Nghi có mục đích rõ rệt là muốn nhà vua trong mọi công việc đều vừa ý dân, thuận ý Trời, như vậy mới mong kết quả mỹ mãn.

Lúc suy sụp thì mọi sự sẽ đảo lộn hết. Kinh Thi đã cho chúng ta bức tranh thế sự đảo điên ấy.

Kinh Thi viết:

Trời xa thăm ra uy mấy độ
Gieo tang thương dang dở khắp nơi
Mưu toan xuôi ngược rối bời
Bao giờ vua mới chịu thôi, chịu ngừng
Lời khuyên hay, vua không dùng tới
Lời dở dang vua dối vua lý thuyết
Nhìn xem cơ sự đến điều
Lòng ta luống những trăm chiều ngổn ngang.

oOo

Đồng ý đấy rồi gài quai đấy
Nghĩ nguồn cơn biết mấy bi ai
Lời bàn êm ấm trong ngoài
Hòa nhau họ cố liệu bài dèm pha
Những ý kiến chẳng ra đầu cuối
Trở trêu thay, họ lại đồng tình

Toàn là tính quần bản quanh
Nhẽ nào công việc hoàn thành được sao.

oOo

Rùa bói mãi, cơ màu hóa nhảm
Chẳng tiên tri, tiên đoán được chi
Quân sư vô số làm gì
Bàn xuôi, tán ngược ra gì nữa đâu
Người múa mép sân châu chật cứng
Người đảm đang chịu đựng là ai?
Y như bàn chuyện đường dài
Thế mà chẳng một có ai khởi hành!

oOo

Buồn cho kẻ mang danh mưu sĩ
Chẳng theo đòi cương kỷ người xưa
Chẳng còn tôn chỉ sâu xa
Chỉ toàn lời lẽ nông sò, buồn tênh
Toàn tính chuyện loanh quanh lẫn quẩn
Như cất nhà chẳng gấm chẳng suy
Ra đường han hỏi vân vi
Mưu đồ thế ấy mong gì thành công ! [\[37\]](#)

oOo

CHÚ THÍCH

[\[1\]](#) On obtenait, dit le commentaire,

國有大事, 必先詳慮於己, 而後謀之於人, 人不能決, 則又諏之卜筮以決之於天. l'avis du ciel, 以人謀未勉于有心, 未勉于有私, 此所以聽天命, une décision impartiale.

Quốc hữu đại sự, tất tiên tường lự ư kỷ, nhi hậu mưu chi ư nhân, nhân bất năng quyết, tắc hựu tu chi bốc phê dĩ quyết chi ư thiên. Dĩ nhân mưu vị miễn vu hữu tâm, vị miễn vu hữu tư, thử sở dĩ thính thiên mệnh. (Wieger, Textes philosophiques, page 30. La Grande Règle)

[\[2\]](#) Bốc 卜 = bói rùa. Phê 筮 = bói cỏ thi. Dùng 49 cọng cỏ thi, thiết 18 bận để lấy 1 quẻ (Le devin prenait 49 brins d'achillée, les manipulait 18 fois et obtenait un symbole 卦). (Couvreur, Chouking, page 204, notes)

[\[3\]](#) Tóm lại đứng trước một việc trọng đại, sẽ tham khảo ý kiến:

- của mình
- của người (khanh sĩ: ks; thứ dân: td)
- của Trời (thi, qui).

Tổng kết lại sẽ biết tốt xấu:

	a	b	c	d	e	f
Trời	+	+	−	+	±	−
Mình	+	+	+	−	+	+
Người	+	−	± _{TD KS}	± _{TD KS}	−	
	Rất tốt	Tốt	Tốt	Tốt	việc trong tốt	Xấu

[4] Trúc Thư Kỷ Niên quyển chi nhất, chương Hoàng Đế Hiên Viên thị.

James Legge, The Chinese Classics, Vol III – The Annals of the Bamboo Books, page 108.

[5] Kinh Thư – Nghiêu Điển.

[6] Kinh Thư – Cam Thệ.

[7] Kinh Thư – Thang Thệ.

[8] Kinh Thư – Thái Thệ.

[9] Vua Thành (1766-1753) đóng đô ở Bạc ở phía nam phủ Qui Đức, tỉnh Hồ Nam.

[10] Bàn Canh dời đô về Ân hay Tây Bạc thuộc huyện Yến Sư tỉnh Hồ Nam; từ đây nhà Thương đổi thành Ân. Cf. Couvreur, Chou King, page 132, notes.

[11] Xem Kinh Thư – Bàn Canh.

[12] Kinh Thư thiên Vũ Cống ghi:

Dân Cửu Giang tiến cống những rùa lớn (2278). Cửu giang nạp tích đại quy. 九江納錫大龜 (Kinh Thư – Vũ Cống)

Quy thiên tuế mãn xích nhị thốn. 龜千歲滿尺二寸 (Wieger, Textes philosophiques, page 23)

[13] Thượng long tượng thiên, hạ bình tượng địa. 上隆象天, 下平象地. (Wieger, Textes philosophiques, page 23)

[14] 龜歲久則靈, 著生百歲, 一本百莖, 亦物之神靈者. 卜筮實問鬼神以蓍龜神靈之物故假之以其卦兆. 卜法以明火熟柴, 灼龜為兆, 筮法以四十九蓍分卦, 揲扚. 凡十有八變而成卦. (龜策列傳策六十八)

Qui tuế cửu tắc linh, trứ sinh bách tuế, nhất bản bách kinh, diệc vật chi thần linh giả. Bốc thệ thật vấn qui thần dĩ thi qui thần linh chi vật cố giả chi dĩ kỳ quái triệu. Bốc pháp dĩ minh hỏa nhiệt sài, chúc qui vi triệu, phê pháp dĩ tứ thập cửu thi phân quái, thiết lặc. Phàm thập hữu bát biến nhi thành quái. (Qui Sách Liệt Truyền sách lục thập bát)

Xem James Legge, The Shoo King, page 335, notes. Gaubil cho rằng Thi là thuộc *Achillea millefolium* – Williams cho rằng thuộc loại *Verbena officinalis*. Không biết ai là đúng. Trong Bản Thảo Cương Mục có hình cỏ thi.

本草綱目 - 草部 隰草類 上 Bản Thảo Cương Mục - thảo bộ thấp thảo loại thượng.

James Legge, The Shoo King, page 335, notes.

[15] 卜稽曰其如台各非敢違卜(書盤庚)

Bốc kê viết: kỳ như di các phi cảm vi bốc. (Kinh Thư – Bàn Canh)

[16] 曰天子天既訖我殷命,格人元龜,罔敢知吉(書西伯戡黎)

Viết: Thiên tử, thiên ký cật ngã Ân mệnh, cách nhân nguyên qui, vớng cảm tri cát (Kinh Thư - Tây Bá Kham Lê)

[17] Xem Wieger, Textes philosophiques, page 59 (ở đây ghi là năm 1122).

Xem Wieger, Textes historiques, page 71 (ở đây ghi là năm 1050). Sự sai biệt nhau sở dĩ có là vì Textes historiques ghi theo Trúc Thư Kỷ Niên, còn Textes philosophiques lại ghi niên kỷ theo Thông Giám Cương Mục.

Xem Kinh Thư – Đại Nhã, Văn Vương Hữu thanh, 7.

Khảo bốc duy vương, rạch thị Cảo kinh.

Duy qui chính chi, Vũ Vương thành chi.

Vũ Vương chưng tai.

[18] Xem Wieger, Textes historiques, page 73.

Wieger, Textes philosophiques, page 59-60.

Xem Kinh Thư – Kim Đằng.

三王前各一龜卜之,三龜之兆皆吉,以古書而考之,亦吉也.周公曰視其卜兆之吉,王疾其無所害.

Tam vương tiền các nhất qui bốc chi, tam qui chi triệu giai cát. Dĩ cổ thư nhi khảo chi, diệc cát dã. Chu Công viết: Thị kỳ bốc triệu chi cát, vương tậ kỳ vô sở hại. (Wieger, Textes philosophiques, page 60).

[19] Ba người chú Thành Vương là Quản Thúc 管叔, Thái Thúc 蔡叔, Hoắc Thúc 霍叔.

Wieger, Textes historiques, page 88.

[20] Phép bói rùa xưa, theo tài liệu của học giả Wieger được thực hiện theo một trong ba cách:

a/ Nếu muốn mai rùa khỏi hồng, người ta phết mực lên mai rùa rồi hơ lửa, như vậy chỉ có lớp mực bên ngoài nứt, còn mai rùa vẫn nguyên.

b/ Nếu không, người ta sẽ vẽ trên mai rùa một lần mực thẳng, và đem mai rùa hơ lửa; nếu những vết rạn của mai rùa cắt qua những vết lần mực, sẽ là điềm hung; nếu chạy song song với lần mực là điềm cát.

先用墨畫龜而後灼之而其兆之文循墨而行則謂之吉也. Tiên dụng mặc họa qui nhi hậu chước chi nhi kỳ triệu chi văn tuần mặc nhi hành tắc vị chi cát dã.

c/ Đem mai rùa hơ lửa rồi mới phết mực. Đem chùi sạch. Những chỗ mai rùa nứt sẽ uống mực; chỗ mai rùa nguyên sẽ không thấm mực. Nếu được những hình vẽ thật đen thật rõ, sẽ là điềm cát; nếu mờ sẽ là điềm hung.

Wieger, Textes historiques, page 62.

[21] 寧王遺我大寶龜者,以其可以紹介天命,以定吉凶.父老皆謂不可征.王曷不達卜而勿征乎.卜伐武庚而吉.是上帝命伐之也.上帝之命其敢廢乎.上而先王,下而小民莫不用卜,而我獨可廢卜乎.此篇專主卜言,然其上原天命,下述得人,反復終始平卜之一說以通天

下之志,以斷天下之疑,以定天下之業.

Ninh Vương di ngã đại bảo qui giả, dĩ kỳ khả dĩ thiệu giới thiên mệnh, dĩ định cát hung. Phụ lão giai vị bất khả chinh; vương hạt bất đạt bốc nhi vật chinh hồ. Bốc phạt Vũ Canh nhi cát. Thị Thượng Đế mệnh phạt chi dã. Thượng Đế chi mệnh kỳ cảm phế hồ. Thượng nhi tiên vương, hạ nhi tiểu dân mạc bất dụng bốc, nhi ngã độc khả phế bốc hồ. Thử thiên chuyên chủ bốc ngôn, nhiên kỳ thượng nguyên thiên mệnh, hạ thuật đắc nhân, phản phục chung thủy bình bốc chi nhất thuyết dĩ thông thiên hạ chi chí, dĩ đoan thiên hạ chi nghi, dĩ định thiên hạ chi nghiệp. (Wieger, Textes philosophiques, page 61).

[22] Xem Wieger, Textes philosophiques, page 62. Người xưa gọi thế là «bốc trạch». Bói để tìm địa điểm. 卜宅者用龜卜宅都之. Bốc trạch giả dụng qui bốc trạch đô chi.

[23] Xem Wieger, Textes philosophiques, page 61-62.

Wieger, Textes historiques, page 89.

Kinh Thư – Thiệu Cáo, tiết 2.

Kinh Thư – Lạc Cáo, tiết 3, 4.

惟洛食. 俘來; 以圖及獻卜, 王拜手稽首曰. 公不敢不敬天之休. [...] 俘來. 來視予卜休恆吉. [...] 公其以予萬億年敬天之休.

Duy lạc thực. Bình lai; dĩ đồ cập hiến bốc, vương bái thủ kê thủ viết: Công bất cảm bất kính thiên chi hựu. [...] Bình lai. Lai thị dữ bốc hựu hằng cát. [...] Công kỳ dĩ dữ vạn ức niên kính thiên chi hựu.

[24] 龜為卜, 筮為筮. 卜筮者先聖王之所以使民信時日, 敬鬼神, 畏法令也, 所以使民決嫌疑, 定猶與也. 故曰: 疑而筮之則弗非也, 日而行事, 則必踐之. Qui vì bốc, sách vì phệ. Bốc phệ giả tiên thánh vương chi sở dĩ sử dân tín thời nhật, kính quỷ thần, úy pháp lệnh dã, sở dĩ sử dân quyết hiềm nghi, định do dự dã. Cố viết: nghi nhi phệ chi tắc phát phi dã, nhật nhi hành sự, tắc tất tiến chi.

[25] Wieger, Textes philosophiques, page 23: «Intention excellente, moyen inepte.»

[26] 天下之事, 卿士庶民皆不可, 而猶有吉者. 蓋自古未之有也 [...] 使箕子之說行, 後世人君將有棄卿士, 忽庶民而惟龜筮之從. 邪說異議得以乘間而入. 天下自此多事矣.

Thiên hạ chi sự, khanh sĩ thứ dân giai bất khả, nhi do hữu cát giả. Cái tự cổ vị chi hữu dã [...] Sử Cơ Tử chi thuyết hành, hậu thế nhân quân tương hữu khí khanh sĩ, hốt thứ dân nhi duy qui phệ chi tông. Tà thuyết dị nghị đắc dĩ thừa gian nhi nhập. Thiên hạ tự thử đa sự hĩ. (James Legge, The Shoo King, page 338.)

[27] 此蓋商俗尚鬼, 習聞其說遂信不移. 雖箕子之賢不能拔於流俗也. Thử cái Thương tục thượng quỷ, tập văn kỳ thuyết toại tín bất di. Tuy Cơ Tử chi hiền bất năng bạt ư lưu tục dã. (James Legge, The Shoo King, page 338.)

[28] 草廬說經往往有賢智之過而此說尤為紕繆. 夫子之贊易也曰: 探賾索隱, 鉤深致遠, 以定天下之吉凶, 成天下之亹亹者莫大乎蓍龜. Thảo Lư thuyết kinh vãng vãng hữu hiền trí chi quá nhi thử thuyết vuu vi phi mậu. Phu tử chi tán dịch dã viết: Tham trách sách ẩn, câu thâm trí viễn, dĩ định thiên hạ chi cát hung, thành thiên hạ chi vĩ vĩ giả mạc đại hồ thi qui...

[29] 又曰人謀鬼謀, 百姓與能, 謂其可以斷天下之疑也. 大禹之稽疑, 豈別有所指而箕子以卜筮附會之邪. 使箕子而溺於流俗, 何以為箕子.

Hựu viết nhân mưu quỷ mưu, bách tính dữ năng, vị kỳ khả dĩ đoan thiên hạ chi nghi dã. Đại Vũ chi kê

nghi, khởi biệt hữu sở chỉ nhi Cơ Tử dĩ bốc phệ phụ hội chi tà. Sử Cơ Tử nhi nịch ư lưu tục, hà dĩ vi Cơ Tử?

James Legge, The Shoo King, page 338-339, notes.

[30] I Samuel 14, 41-42.

I Samuel 30, 7, 8.

II Samuel 2, 1.

Trong khi thỉnh ý Thiên Chúa vua Saül và vua David đều dùng ephod, tức là hai thẻ urim và tummim, tương tự như lối xin âm dương của Á Đông.

[31] Ce verset montre comment on consultait par l'épod: il contenait deux sorts (bâtonnets ou dés) qu'on appelait urim et tummim et auxquels on donnait la signification conventionnelle. Celui qui était tiré apportait la réponse divine, c'était donc une réponse par oui ou par non. La maniement des sorts était réversé aux prêtres lévites. (Cf. Nb 27, 21 Dt 33, 8) Trích Bible de Jérusalem, trang 293.

[32] 周公之心以聽於天而已。Chu Công chi tâm dĩ thính ư thiên nhi dĩ. (Wieger, Textes philosophiques, page 62.)

筮卜之道必先斷於心，故曰考卜維王，以吉凶取正於龜。Phệ bốc chi đạo tất tiên đoán ư tâm, cố viết khảo bốc duy vương, dĩ cát hung thủ chính ư qui. = Phàm khi bói toán, mình phải định trong lòng trước, rồi mới bói rùa xem ý định ấy đúng hay sai. (Wieger, Textes philosophiques, page 59.)

[33] 非義不占，非疑不占，非疑而占謂之侮。非義而占謂之欺。Phi nghĩa bất chiêm, phi nghi bất chiêm, phi nghi nhi chiêm vị chi vũ. Phi nghĩa nhi chiêm vị chi khi. (Ts'ae Ch'in) (James Legge, The Shoo King, page 338, notes)

[34] Kinh Thư ghi chép phần nhiều các cuộc bói rùa.

Kinh Xuân Thu ghi chép phần nhiều là các cuộc bói cỏ thi.

Các cuộc bói rùa quan trọng trong Kinh Thư đã thuật lại trong chương này.

Các cuộc bói cỏ thi, và bình giải, xin xem kinh Xuân Thu:

Hi Công năm XXV (Couvreur, Tome I, p. 369)

Tuyên Công năm VI (Couvreur, Tome I, p. 591)

Tuyên Công năm VII (Couvreur, Tome I, p. 591)

Thành Công năm XVI (Couvreur, Tome II, p. 33)

Tương Công năm IX (Couvreur, Tome II, p. 237)

Tương Công năm XXV (Couvreur, Tome II, p. 420-421)

Tương Công năm XXVIII (Couvreur, Tome II, p. 593)

Chiêu Công năm XVII (Couvreur, Tome III, p. 151)

Chiêu Công năm XII (Couvreur, Tome III, p. 201)

Ai Công năm X (Couvreur, Tome III, p. 658), v.v...

[35] 此篇專卜言，然其上原天命，下述得人，反復終始平卜之一說，以通天下之志，以斷天下之疑，以定天下之業。Thử thiên chuyên bốc ngôn, nhiên kỳ thượng nguyên thiên mệnh, hạ thuật đắc nhân, phản phục chung thủy bình bốc chi nhất thuyết, dĩ thông thiên hạ chí chí, dĩ đoán thiên hạ chi nghi,

dĩ định thiên hạ chi nghiệp. (Cf. Wieger, Textes philosophiques, page 61.)

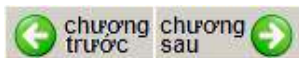
[36] 惟茲惟德, 稱用乂厥辟. 故一人有事于四方, 若卜筮罔不是孚. Duy tư duy đức, xưng dụng nghệ quyết tích. Cố nhất nhân hữu sự vu tứ phương, nhược bốc phê võng bất thị phu. (Kinh Thư – Quân Thích)

[37] Kinh Thi – Mân Thiên – Vật Uy.



Thiên: [Dẫn đầu](#) [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) **[7](#)** [8](#) [9](#)

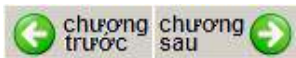
[Mục lục](#) | [Lời nói đầu](#) | **[chương 1](#)** [2](#) [3](#) **[4](#)** | [Tổng luận](#) | [Phụ lục 1](#) [2](#) [3](#) | [Sách tham khảo](#)



KHÔNG HỌC TINH HOA

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

[Mục lục](#) | [Lời nói đầu](#) | **chương 1** [2](#) [3](#) **4** | [Tổng luận](#) | [Phụ lục 1](#) [2](#) [3](#) | [Sách tham khảo](#)



Chương 4

Nền thiên trị Trung Hoa thời cổ

Thiên: [Dẫn đầu](#) [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) **8** [9](#)



[Thiên dẫn đầu](#): Đại cương Hồng Phạm Cửu Trù

[Thiên 1](#): Đấng quân vương phải am tường vật lý

[Thiên 2](#): Đấng quân vương phải biết phương pháp tu thân

[Thiên 3](#): Đấng quân vương phải biết phương pháp trị dân

[Thiên 4](#): Đấng quân vương phải am tường ý nghĩa của tháng năm, hiểu thiên văn, lịch số

[Thiên 5](#): Đấng quân vương sẽ ở ngôi Hoàng Cực, thay Trời trị dân

[Thiên 6](#): Thuật cai trị: chính trực nhưng phải biết cương nhu, quyền biến

[Thiên 7](#): Đấng quân vương phải biết suy nghĩ bàn bạc, hỏi han khi gặp những trường hợp nan giải

[Thiên 8](#): Đấng quân vương phải nhân các điềm trời mà soát xét lại đường lối cai trị

[Thiên 9](#): Đấng quân vương phải nhìn vào tình cảnh dân, để nhận định giá trị của nền cai trị

[Tổng luận](#)

THIÊN 8

ĐĂNG QUÂN VƯƠNG PHẢI NHÂN CÁC ĐIỀM TRỜI MÀ SOÁT XÉT LẠI ĐƯỜNG LỐI CAI TRỊ

Theo Hồng Phạm thì đấng quân vương cai trị hay, dở, sẽ cảm ứng đến trời đất.

Nên mỗi khi có điềm trời khác lạ, lập tức phải tự vấn lương tâm, kiểm điểm lại đường lối cai trị.

Hồng Phạm viết:

TÁM là các điềm: mưa, ẩm, rét, gió và thời gian xuất hiện của chúng.

Nếu năm việc này mà xảy đến vừa đúng lúc cho mình dùng, hợp theo thời tiết của nó, thời cỏ cây sẽ được tươi tốt rườm rà.

Quá nhiều không hay, quá ít cũng chẳng tốt.

Đây là các điềm lạnh: Nhà vua đoan trang, mưa sẽ thuận. Nhà vua khôn ngoan, ẩm sẽ thuận. Nhà

vua mưa trí, có phương lược, lạnh sẽ thuận. Nhà vua thánh thiện, gió sẽ thuận.

Đây là điềm dữ: Nhà vua cuồng bạo, mưa sẽ tầm tã. Nhà vua hống hách, nắng sẽ lâu lai. Nhà vua biếng lười, nóng sẽ liên tiếp. Nhà vua hấp tấp, gió sẽ kéo dài. Nhà vua hôn ám, gió sẽ dồn dập.

Vua phải xét tình hình tổng quát cả năm, khanh sĩ xét tình hình mỗi tháng, sự doãn lo tình hình hằng ngày.

Nếu quanh năm mưa thuận gió hòa thì lúa thóc phong đăng, cai trị khôn khéo, dân thịnh nước yên. Nếu quanh năm thời tiết gào quải, lúa má sẽ hư hao, việc trị dân đã tối tăm, kém cỏi, dân suy, nước khổ.

Thứ dân là các chòm sao, còn vua quan như vầng nhật nguyệt. Có nhóm sao ưa gió, có nhóm sao ưa mưa. Mặt trời, mặt trăng vận hành qua các chòm sao mới có gió, có mưa. [1]

Như vậy, theo Hồng Phạm, thời tiết cũng như tấm gương lớn, Trời treo trước mặt đấng quân vương, để soi vào, sẽ thấy thực trạng mình, tình thế đất nước; suy ra được sở trường sở đoản của mình để tùy nghi quyền biến.

Xưa, mỗi khi có cuồng phong, bạo vũ, hạn hán hay điềm bất thường gì nhà vua lại tự vấn lương tâm, tìm tòi xem mình đã ăn ở thất thổ gì. Sử sách có ghi ít nhiều trường hợp.

Kinh Thư thiên Kim Đằng viết: [2]

Sang Thu, được mùa lớn; chưa gặt thì trời nổi giông gió sấm chớp. Lúa má đổ hết, các cây cũng bật rễ. Dân chúng cả sợ. Nhà vua cùng các quan đại phu, đội mũ da, để mở hòm gấm vàng.

Bấy giờ mới hay Chu Công đã tình nguyện chết thay cho Vũ Vương.

Nhà vua cùng hai ông (Thái Công, Thiệu Công) bèn hỏi sử quan cùng các quan coi trăm việc.

Họ đều thưa:

– Thực có thể! Nhưng chao ôi ! Chu Công ngài đã dặn chúng tôi không được nói.

Nhà vua cầm lấy thư mà khóc...

– Thôi đừng nói nữa! [3]

«Xưa kia Ông (Chu Công) khó nhọc với nhà vua; chỉ tại ta trẻ dại, không kịp biết tới. Nay Trời động dụng đến oai, để tỏ ra đức của Ông Chu. Vậy ta, kẻ nhỏ mọn, phải thân sang đón Ông về nước nhà ta. Lễ cũng nên thế.»

Nhà vua ra khỏi thành. Trời liền mưa, trở gió. Lúa đứng lại hết. Hai ông (Thái Công, Thiệu Công) sai người trong nước dựng lại các cây bị nghiêng ngã và đắp đất vào. Năm ấy được mùa lớn. [4]

Khoảng Chu Tuyên Vương năm thứ 6 (821 trước CN) có hạn hán khủng khiếp. [5]

Vua Tuyên Vương lo lắng không cùng, hết thở than rồi lại soát xét vì đâu mà Trời lại ra tai.

Kinh Thi viết:

Long lanh kia giải Ngân Hà
Long lanh chuyển vận, lại, qua, trên trời
Vua rằng thương hối, thương ôi
Ai làm nên tội, để Trời ra tai
Mà cho tang tóc rồi bởi

Mà cho đói khát, mấy hồi lao lung.
 Riêng ta há dám lưng chừng
 Tam sinh nào dám tiếc cùng thần minh
 Ngọc khuê, ngọc bích sạch sanh
 Mà sao Trời vẫn ra tình mần ngơ.
 oOo

Trời làm hạn hán cháy khô
 Càng ngày cái nóng cơ hồ càng thiêu
 Tế Giao rồi lại tế triều
 Cúng rồi chôn cất, đủ điều thiếu chi
 Vái van thần thánh mọi vì
 Mà sao Hậu Tắc chẳng chi hộ phù
 Trời cao thôi cũng làm lơ
 Khắp nơi khô héo, phạc phờ vì ai
 Điều tàn, hoang hủy khắp nơi
 Ước gì ta được vì người chịu thay... [6]

Ngày nay, ta không thể nào tìm hiểu được lý do tại sao Hồng Phạm lại cho điềm tốt, điềm xấu nọ kia, ứng đối với tính tốt, tính xấu này khác của đấng quân vương.

Nhưng có một điều mà ngày nay ta có thể nói chắc là thời tiết, mưa gió có ảnh hưởng rất nhiều đến nền cai trị. Điều đó rất dễ hiểu, ví như hạn hán quá lâu, dân sẽ đói khổ, đói khổ sẽ làm than, sẽ loạn lạc, cho nên nếu đấng quân vương không quan phòng, không ngăn chặn tai ương từ khi nó chớm nở, không có những biện pháp hữu hiệu để cứu trợ dân chúng trong những kỳ hạn hán, hay bão táp, chắc là sẽ để cho dân lâm vào cảnh khốn cùng, và làm cho ngôi vị nhà cầm quyền cũng bị lung lay, điêu đảo. Đọc lịch sử ta thấy dân đói khát sẽ sinh ra loạn lạc, mà dân đói khát phần nhiều vì Trời giáng tai ương và nhà cầm quyền không biết phòng chống đỡ, ngăn chặn kịp thời.

Xuân Thu viết: «Khi trời làm đảo điên thời tiết, sẽ có tai ương. Khi đất làm đảo điên các phẩm vật, sẽ sinh ra yêu quái. Khi dân chúng làm đảo điên luân thường sẽ sinh ra loạn lạc...» [7]

Ta có thể nhân đó mà lập luận thêm: nếu thời tiết đảo điên, loạn lạc sẽ sinh ra dễ dàng.

Cũng vì thế mà các bậc đế vương để ý đến điềm trời, đến thời tiết.

Cho nên các ngày nhị phân, nhị chí, người xưa thường quan sát sắc mây, để đoán trước điềm trời tốt xấu cho một năm, để đề phòng. [8]

Vả lại trên phương diện thực tế, còn gì hữu ích hơn cho dân nước là nhà cầm quyền luôn luôn kiểm điểm lại đường lối cai trị của mình để xem có được thập phần hoàn hảo, có trong sạch không, xem có phục vụ nhân dân cho đúng mức không.

Cho nên mỗi khi có gió mưa bão táp hay hạn hán bất thường mà nhà cầm quyền biết xét mình, biết lo tu sửa những lỗi lầm của mình thì dân con được nhờ biết bao.

Mỗi khi dân chúng gặp tai ương gì, dĩ nhiên họ chờ mong sự cứu trợ của nhà cầm quyền, sự cảm

thông, và sự «vì dân lo lắng» của nhà cầm quyền.

Xuân Thu chép:

Năm 21 đời Lỗ Hi Công có hạn hán.

Lỗ Hâu muốn thiêu sống một mục đồng cốt (để cầu đảo). Tàng Văn Trọng tâu:

«Giết người đâu phải là phương sách làm cho hết hạn hán. Bây giờ phải sửa sang thành quách (phòng giặc cướp), giảm bớt khẩu phần, giảm bớt tiêu pha, hết sức cần kiệm, khuyến khích dân chúng chia sẻ vật thực cùng nhau, đó mới là công việc phải làm...»

Lỗ Hi Công nghe theo và năm ấy dân chúng không đến nỗi đói khổ quá. [\[9\]](#)

Dân chúng mắc tai ương, dĩ nhiên nhà cầm quyền phải nghĩ đến việc cứu trợ, giảm thuế má, và cũng phải thực hiện một đời sống khắc khổ ngay với bản thân để cảm thông cùng dân chúng.

Cho nên những công cuộc cầu phong đảo vũ các vua thời trước, những nỗi lòng trắc ẩn xót xa vì dân vì nước, trước những thiên tai, dẫu không đưa tới một hậu quả gì trực tiếp để phò nguy cứu khổ, nhưng ít ra cũng có một ảnh hưởng tâm lý rất lớn.

Nếu khi dân chúng hoạn nạn gặp thiên tai đại họa mà vua quan thờ ơ, đến khi vua quan mắc họa, binh đao, chắc chắn sẽ không được dân chúng cứu giúp.

... Nước Trâu và nước Lỗ đánh nhau. Vua Mục Công nước Trâu (thua) hỏi ông Mạnh Tử rằng: «Trong cuộc chiến tranh vừa qua, có ba mươi ba vị quan võ của ta phải chết, nhưng chẳng có một tên lính nào liều thác để cứu kẻ bề trên. Nếu ta đem họ ra mà giết thì họ đồng lắm, giết chẳng xiết. Còn như chẳng giết họ, thì họ vẫn ghét bực trưởng thượng của mình, họ cứ nhìn bực trên trước của mình chết mà chẳng chịu tiếp cứu. Theo ý Ngài, nên làm thế nào?»

Mạnh Tử đáp rằng: «Trong những năm tai biến, ruộng đất bỏ hoang, mùa màng thiệt hại, dân chúng của vua người già cả, yếu đuối chết đói nằm ngang dọc theo đường mương lỗ cống, kẻ trai tráng tản lạc khắp bốn phương; số nạn nhân già trẻ ấy đến mấy ngàn người rồi. Trong lúc ấy lắm vua thì đầy tràn lúa gạo; kho tàng của vua thì dư dật của tiền. Thế mà các quan của vua không hề báo cáo với vua. Đó là kẻ bề trên coi rẻ mạng dân và tàn hại lê dân vậy.

«Ông Tăng Tử có nói rằng: «Phải coi chừng! Phải coi chừng! Người làm cho ai việc gì thì việc ấy sẽ trả lại cho người.» Nay dân chúng chẳng tiếp cứu quan chức, đó là họ trả lại cách quan chức bỏ bê họ vậy. Cho nên vua chớ buông lời phiến trách họ.» [\[10\]](#)

Vả lại chúng ta đừng tưởng quan niệm về một nền cai trị hay dở có thể ảnh hưởng đến thời tiết là một chuyện «phong thần». Không! Đó chính là thực tại, thế mới lạ!

Mới đây trong quyển La Bible et le Plan de Dieu, ông André Lamorte nhân kể lại công trình của dân Do Thái trong việc phục hưng xứ sở, cũng công nhận ảnh hưởng ấy. Ông viết:

«Khi người Do Thái trở về chiếm lại quê hương xứ sở, họ đứng trước một vùng đất đai cằn cỗi hoàn toàn.

Lý do: Thổ Nhĩ Kỳ đã lập ở Palestine một loại thuế đánh lên các cây. Người Á Rập để trốn thuế đó, đã để cho cây cối chết.

Chúng ta biết ảnh hưởng của cây cối đến khí hậu. Thiếu các cây rừng thuở xưa, xứ Palestine không còn được mưa thuận gió hòa nữa. Và đất đai để hoang phế vì sự lười biếng của người Á Rập hầu như không còn sinh sôi nảy nở được gì... [\[11\]](#)

Trong thiên này chúng ta có thể rút ra được những bài học cụ thể.

Nếu chúng ta không chứng minh một cách khoa học được rằng hành động hay dở của con người có ảnh hưởng đến trời đất khí hậu, thì trái lại, ta có thể hiểu dễ dàng các biến cố về thời tiết có ảnh hưởng lớn lao đến con người, đến chính trị.

Cho nên các bậc lãnh đạo dân cần phải lưu tâm chú ý đến các biến chuyển khác thường về khí tiết phong vũ, để biết cách phòng nguy lự hiểm cho dân chúng, hoặc là để tránh bớt bệnh tật, hoặc là tránh bớt lầm than cho dân chúng.

Và mỗi khi gặp những điềm bất tường, cần phải kiểm điểm lại lẽ lỗi cai trị. Cử chỉ ấy, thái độ ấy chỉ có lợi, chứ không có hại.

Mạnh Tử viết: «Bực quốc trưởng mà chia vui sẻ buồn với thiên hạ thì thế nào nền cai trị của mình cũng có bề hưng vượng đó.» [\[12\]](#)

oOo

CHÚ THÍCH

[\[1\]](#) Ý nói vua quan phải phục vụ dân, xuống tới dân để thỏa mãn những nguyện vọng chân chính của dân.

[\[2\]](#) Muốn hiểu đoạn này chúng ta nên nhớ lại 2 năm sau khi thắng nhà Thương, vua Vũ ngộ bệnh. Chu Công liền xin các tiên đế cho mình được chết thay Vũ Vương, và lời cầu xin thế mệnh ấy được để trong một hộp gấm vàng (kim đằng).

Sau này, khi Vũ Vương thắng hà, và con là Thành Vương lên trị vì, các ông Quản Thúc, Thái Thúc, và Hoắc Thúc phao tin Chu Công muốn tạo phản, thành thử Thành Vương đem lòng ngờ Chu Công, nên Chu Công phải cáo quan về Đông Lỗ ẩn dật hai năm để tị nạn. Chu Công cũng làm bài thơ Chi Hào (hay Suy Hào) (鴟鵂 = con cú) để minh oan cùng vua. Và mùa Thu, Trời làm giông tố sấm chớp để cho vua có dịp nhận ra sự hôn ám của mình...

[\[3\]](#) 其勿穆卜 = 今觀公書可知天變之所由, 我君臣不必更穆卜矣.

Kỳ vật mục bốc = kim quan công thư khả tri thiên biến chi sở do, ngã quân thần bất tất canh mục bốc hĩ. (Nhật giảng) (James Legge, The Shoo King, page 360)

[\[4\]](#) Kinh Thư – Kim Đằng, tiết 16, 17, 18, 19.

[\[5\]](#) James Legge, The Shoo King, page 528.

[\[6\]](#) Kinh Thi – Đại Nhã Đãng Vân Hán, 1, 2.

[\[7\]](#) 天反時為災, 地反物為妖, 民反德為亂, 亂則妖災生.

Thiên phản thời vi tai, địa phản vật vi yêu, dân phản đức vi loạn, loạn tắc yêu tai sinh.

Xuân Thu – Tuyên Công năm thứ XV.

Couvreur, Tch'ouen Ts'iou, page 655.

[\[8\]](#) 凡分至啟閉, 必書雲物, 為備故也. Phàm phân chí khai bế, tất thư vân vật, vi bị cố dã.

Xuân Thu – Hi Công năm thứ V. – Couvreur, Tch'ouen Ts'iou, page 248.

[9] 夏大旱, 公欲焚巫尪. 臧文仲曰: 非旱備也. 修城郭貶食, 省用, 務穡, 勸分, 此其務也. 巫尪何為. Hạ đại hạn, Công dục phần vu uông. Tàng Văn Trọng viết: Phi hạn bị dã. Tu thành quách, biếm thực, tỉnh dụng, vụ sắc, khuyến phân, thử kỳ vụ dã. Vu uông hà vi.

Xem Xuân Thu – Hi Công năm 21. – Couvreur, page 327.

[10] Mạnh Tử – Lương Huệ Vương hạ, 12.

[11] Lorsque les Juifs sont entrés en possession de leur territoire, ils se sont trouvés en face d'un sol littéralement stérilisé.

L'occupant turc avait établi en Palestine un impôt sur les arbres. Pour éviter cette redevance, les Arabes avaient laissé périr leurs arbres.

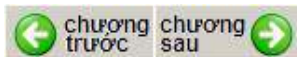
Nous savons l'action des arbres sur le climat. Privée de ses forêts de jadis, la Palestine ne connaissait plus le régime régulier de ses pluies et de ses saisons. La terre délaissée par l'Arabe indolent ne produisait à peu près rien... (André Lamorte, La Bible et le Plan de Dieu, page 95).

[12] 樂以天下, 憂以天下然而不王者, 未之有也. Lạc dĩ thiên hạ, ưu dĩ thiên hạ; nhiên nhi bất vương giả, vị chi hữu dã. (Mạnh Tử – Lương Huệ Vương hạ, 4)



Thiên: [Dẫn đầu](#) [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) **[8](#)** [9](#)

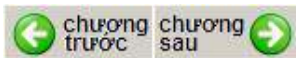
[Mục lục](#) | [Lời nói đầu](#) | **[chương 1](#)** [2](#) [3](#) **[4](#)** | [Tổng luận](#) | Phụ lục [1](#) [2](#) [3](#) | [Sách tham khảo](#)



KHÔNG HỌC TINH HOA

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

[Mục lục](#) | [Lời nói đầu](#) | **chương 1** [2](#) [3](#) **4** | [Tổng luận](#) | [Phụ lục 1](#) [2](#) [3](#) | [Sách tham khảo](#)



Chương 4

Nền thiên trị Trung Hoa thời cổ

Thiên: [Dẫn đầu](#) [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) **9**



[Thiên dẫn đầu](#): Đại cương Hồng Phạm Cửu Trù

[Thiên 1](#): Đấng quân vương phải am tường vật lý

[Thiên 2](#): Đấng quân vương phải biết phương pháp tu thân

[Thiên 3](#): Đấng quân vương phải biết phương pháp trị dân

[Thiên 4](#): Đấng quân vương phải am tường ý nghĩa của tháng năm, hiểu thiên văn, lịch số

[Thiên 5](#): Đấng quân vương sẽ ở ngôi Hoàng Cực, thay Trời trị dân

[Thiên 6](#): Thuật cai trị: chính trực nhưng phải biết cương nhu, quyền biến

[Thiên 7](#): Đấng quân vương phải biết suy nghĩ bàn bạc, hỏi han khi gặp những trường hợp nan giải

[Thiên 8](#): Đấng quân vương phải nhân các điềm trời mà soát xét lại đường lối cai trị

[Thiên 9](#): Đấng quân vương phải nhìn vào tình cảnh dân, để nhận định giá trị của nền cai trị

[Tổng luận](#)

THIÊN 9

ĐẮNG QUÂN VƯƠNG PHẢI NHÌN VÀO TÌNH CẢNH DÂN ĐỂ NHẬN ĐỊNH GIÁ TRỊ CỦA NỀN CAI TRỊ

Sau hết nhà vua muốn biết mình cai trị dở hay thế nào, cứ nhìn vào tình cảnh dân chúng sẽ thấy.

Nếu cai trị hay, dân sẽ sung sướng, hạnh phúc, sống lâu, giàu bền, yên ổn, ưa chuộng nhân đức và được chết già!

Nếu cai trị dở, dân sẽ khổ sở, lao lung, bệnh tật, tảo vong, yếu tử, nghèo khổ, bất lương, tật bệnh, v.v...

Hồng Phạm viết:

CHÍNH là năm phúc:

Một là thọ,

Hai là giàu,
Ba là yên vui,
Bốn là ham về đức,
Năm là chết già yên ổn.
Sáu cực:
Một là chết non,
Hai là bệnh tật,
Ba là lo buồn,
Bốn là nghèo khổ,
Năm là tội ác,
Sáu là yếu ớt.

Thế tức là nhìn xem đời sống, nhìn xem tình cảnh dân chúng có thể biết ngay một nền hành chánh hay dở thế nào.

Kinh Thư viết:

Người xưa có lời rằng:

«Con người chẳng những soi bóng nước

Còn phải ngắm mình với gương dân.» [1]

Tăng Cố bình rằng: «Hạnh phúc hay khổ cực của dân là những yếu tố để nhà vua xem xét mình đã thành công hay thất bại trong công cuộc trị dân. Trị dân là mang hạnh phúc no ấm lại cho dân, và tránh cho dân mọi tai ương khổ ải.» [2]

Một nền hành chánh dở hay có ảnh hưởng rất nhiều đến tình cảnh của dân. Một vị quốc quân luôn thương dân, diu dắt dân, đỡ đần dân, tổ chức đời sống xã hội cho dân được no ấm, không quấy nhiễu dân bằng sưu cao thuế nặng, không đàn áp dân bằng những luật lệ vô tình, giúp đỡ những người quan quả, ấu thơ, cô cút, tránh cho dân khỏi mắc vòng binh đao, đạn lửa, dạy cho dân sùng thượng những thuần phong mỹ tục, giáo hóa cho dân biết hòa mục lễ nghĩa, thời chắc chắn sẽ đi đến kết quả là toàn dân sẽ hạnh phúc.

Còn như coi dân chúng như cỏ rác; hành hạ dân, di chuyển dân mà không để ý đến tập quán, những nghề nghiệp của họ, [3] sử dụng dân không đúng với khả năng của họ, không hợp với thời tiết, làm cho đời sống họ bị xáo trộn, công việc bị gián đoạn, chồng vợ bị chia phôi, bắt họ phải phục dịch nhà nước tối ngày, gôm cùm họ bằng những luật lệ, những chỉ thị quái ác, xô đẩy họ vào vòng lửa đạn, để cho họ đêm mất ngủ, ngày mất ăn, lao lung cùng khổ, để cho họ thân tàn ma dại. Những tai họa, những lầm than ấy chẳng phải là tiền oan nghiệp chướng của dân, mà chính là lỗi tại chính quyền thiếu sáng suốt, thiếu khôn ngoan, thiếu tổ chức.

Ngày xưa các vị thánh vương cai trị hoàn toàn vì dân vì nước, nên coi dân như mình, thương xót dân chứ không quấy phá, thành thực giúp đỡ dân, thành thực muốn cho dân hạnh phúc. Và dĩ nhiên các Ngài tin tưởng rằng hạnh phúc của dân chúng là mục phiêu có thể đạt được nơi trần gian này.

Độc Lễ Ký, ta thấy rõ đường lối ngày xưa:

Thiên Lễ Vận viết: «Cho nên thánh nhân, trong cuộc cai trị, bắt chước trời đất, qui thần. Ngài xây nền

tăng chính trị trên những nguyên lý, những định tắc bất biến của trời đất, và do đó, lập ra lễ nghi, qui tắc để giữ gìn trật tự. Ngài yêu thích những điều dân ưa thích, vì thế dân bình trị.» [4]

Mỗi khi đem dân cư đến lập nghiệp nơi nào, đều xem xét kỹ lưỡng địa thế, khí hậu trước. Bắt dân làm việc thì bắt làm nhẹ nhàng vừa sức, mà cho ăn thì tử tế no nê: «Làm việc của ông lão, ăn khẩu phần của người trai!» [5]

Xưa, nhà nông góp phần canh tác công điền, nhưng không phải nộp thuế. Nơi chợ búa, cửa hàng phải thuê, nhưng hàng hóa không mất lệ phí. Ở quan ải, khám thương lữ, mà không đánh thuế quan.

Mỗi năm, có kỳ dân được tự do lên rừng, lên núi chặt cây, ra sông, ra hồ câu cá.

Các khuê điền không mất thuế. Bắt dân làm dâu không quá ba ngày.

Đất thổ cư mỗi gia đình không được bán. [6]

Nhà cầm quyền xưa nhận thấy rằng phong tục, đồ ăn thức dùng, áo xống có thể tùy thổ ngơi, tùy khí hậu đổi thay, nên đến xứ nào cũng lo giáo hóa dân, lo cai trị dân, nhưng không thay đổi tập tục, hay kiểu cách của dân. [7]

Cũng vì nghĩ đến hạnh phúc của dân, và muốn xoa dịu những nỗi niềm đau khổ của dân, nên các vị thánh vương xưa đặc biệt lưu ý và trợ cấp cho những người cô đơn, quan quả.

Hơn nữa tất cả những người tật nguyền, câm điếc, què quặt hay bất thành nhân đều được chính quyền thu dụng giao cho công việc làm ăn tùy theo khả năng, được chính quyền nuôi dưỡng. [8]

Văn Vương đã cai trị theo đúng những nguyên tắc ấy.

Tề Tuyên Vương hỏi Mạnh Tử: «Nền chính trị của các vị Thiên tử, ngài có thể giải cho ta nghe chăng?» Mạnh Tử đáp rằng : «Thuở xưa Văn Vương cai trị đất Kỳ, ngài thi hành phép chính trị như sau:

«Ruộng đất thì phân ra chín khu (một tỉnh), tám khu ngoài thì chia cho tám gia đình dân chúng làm mà hưởng trọn huê lợi; còn khu thứ chín ở giữa thì tám gia đình ấy phải chung sức mà làm cho nhà vua. Những vị quan chức ăn lộc vua, khi qua đời, thì con cháu được truyền nối nhau mà hưởng lộc. Ở những chợ búa, nơi miền quan ải, người ta khám xét kẻ bộ hành qua lại, nhưng chẳng đánh thuế vào hàng hóa họ mang theo. Ở những ao hồ, ngòi lạch, để cho dân tự do đánh cá mà kiếm ăn. Đối với kẻ phạm tội, chỉ phạt một mình họ mà thôi, chẳng bắt lây tới vợ con họ.

«Lại nữa, quan là những ông lão không vợ, quả là những bà lão không chồng, độc là những ông lão hay bà lão chẳng có ai phụng dưỡng, cô là những trẻ mồ côi cha. Đó là bốn hạng người cùng khổ nhất trong thiên hạ, chẳng biết nhờ cậy vào ai. Văn Vương khi mới bắt đầu hành chính và thi nhân, ngài lưu tâm cứu giúp bốn hạng người ấy trước nhất.» [9]

Xét như vậy thì một nền hành chánh đúng mức, nhất định phải đem hạnh phúc sung sướng lại cho nhân dân. Cho nên những kết quả cụ thể mà dân chúng thu lượm được sẽ trở nên những bản tuyên dương, hay ngược lại, trở thành những bản cáo trạng đối với chính quyền.

Cho nên, thăm dân tình sẽ biết chính sự.

Vua Nghiêu đã áp dụng những nguyên tắc này để thưởng, phạt, thăng, giáng các chư hầu, trong khi ngài đi tuần thú bốn phương.

Mạnh Tử viết: «Thiên tử đến viếng các vua chư hầu gọi là tuần thú. Mùa Xuân, Thiên tử và chư hầu đi xem xét ruộng nương của bá tánh, thấy những ai thiếu thốn thì giúp lúa giống cho. Mùa Thu các ngài đi

xem xét việc gặt thâu: biết những ai hạt, các ngài tư trợ cho. Khi Thiên tử bước vào ranh giới một vua chư hầu, ngài nhận thấy đất đai mở mang, ruộng vườn trồng trọt, người già cả được phụng dưỡng, bậc hiền đức được tôn trọng, và tranh anh tuấn có chức vị, thấy vậy ngài vui mừng mà ban thưởng. Ban thưởng tức là phong đất thêm cho. Khi Thiên tử bước vào ranh giới một vua chư hầu, ngài nhận thấy đất đai hoang phế, cỏ mọc um tùm, người già cả bị bỏ rơi, bậc hiền đức không được trọng dụng, những kẻ bóc lột và hà khắc với dân lại chiếm đoạt chức vị cao, thấy vậy, ắt Ngài quở trách vị vua chư hầu...» [10]

Thiên IX Hồng Phạm này đem lại cho chúng ta một niềm tin tưởng lớn lao, và xác định một lần nữa nhiệm vụ của nhà cầm quyền.

Con người được hạnh phúc hay không là do con người được cai trị hay hay dở. Tai họa và khổ cực không phải là gia tài của con người, mà chỉ là những bước đường gian lao, những hoàn cảnh éo le gây nên do sự dốt nát, sự thiếu tổ chức, thiếu đoàn kết, thiếu thương yêu mà thôi.

Và một nền hành chánh lý tưởng, với sự đoàn kết nhất trí của các tầng lớp xã hội nhất định sẽ khắc phục được mọi gian khổ, sẽ đem lại cho con người sự hòa bình thái thịnh thực sự và bền vững.

oOo

CHÚ THÍCH

[1] Cổ nhân hữu ngôn viết: Nhân vô ư thủy giám, đương ư dân giám.

人無於水監，當於民監。Kinh Thư – Tể Cáo, 12.

[2] Tsang Kung 曾鞏 (Tăng Cống) says: «The nine divisions all describe the course of the sovereign. The happinesses and extremities are conditions by which the sovereign examines his own attainments and defects in reference to the people. That these happinesses should be among the people, is what the sovereign should aim after, and the extremities being among them is what he should be standing in awe of. (James Legge, The Shoo King – The Great Plan, page 343, notes)

[3] Đời xưa các vị thánh vương không bắt dân miền núi xuống ở ven sông, hay bắt dân ngoài hải đảo vào ở trong đồng, như vậy dân sẽ không nghèo khổ.

故聖王所以順。山者不使居川，不使渚者居中原，而弗敝也。 Cổ thánh vương sở dĩ thuận. Sơn giả bất sử cư xuyên, bất sử chử giả cư trung nguyên, nhi phát tệt dã. (Lễ Ký – Lễ Vận, 16. – Couvreur, Li Ki, Tome I, page 535)

[4] 故聖人參於天地，並於鬼神，以治政也。處其所存，禮之治也。玩其所樂，民之治也。 Cổ thánh nhân tham ư thiên địa, tịnh ư quỷ thần, dĩ trị chính dã. Xử kỳ sở tồn, lễ chi trị dã. Ngoạn kỳ sở lạc; dân chi trị dã. (Lễ Ký – Lễ Vận, 13. – Couvreur, Li Ki, Tome I, page 514)

[5] 司空執度地。居民山川沮澤。時四時。量地遠近。興事任力。凡使

民。任老者之事。食壯者之食。 Tư không chấp độ độ địa. Cư dân sơn xuyên tự trách. Thời tứ thời. Lượng địa viễn cận. Hưng sự nhậm lực. Phàm sử dân, nhậm lão giả chi sự, thực tráng giả chi thực. (Lễ Ký – Vương Chế, 12. – Couvreur, Li Ki, Tome I, page 294)

[6] 古者公田藉而不稅，市廛而不稅。關譏而不征。林麓川澤，以時入而不

禁。夫圭田無征，用民之力，歲不過三日。田里不粥，墓地不請。 Cổ giả công điền tạ nhi bất thuế, thị điền nhi bất thuế. Quan ky nhi bất chinh. Lâm lộc xuyên trách, dĩ thời nhập nhi bất cấm. Phù khuê điền vô chinh, dụng dân chi lực, tuế bất quá tam nhật. Điền lý bất chúc, mộ địa bất thỉnh. (Lễ Ký – Vương

Chế, 11. – Couvreur, Li Ki, Tome I, page 293-294)

[7] 凡居民材, 必因天地, 寒煖燥濕, 廣谷大川, 異制民生其間者異俗. 剛

柔輕重, 遲速異齊, 五味異和, 器械異制, 衣服異宜, 脩其教不易其

俗, 齊其政不易其宜. Phàm cư dân tài, tất nhân thiên địa, hàn noãn táo thấp, quảng cốc đại xuyên, dị chế dân sinh kỳ gian giả dị tục. Cương nhu khinh trọng, trì tốc dị tề, ngũ vị dị hòa, khí giới dị chế, y phục dị nghi, tu kỳ giáo bất dịch kỳ tục, tề kỳ chính bất dịch kỳ nghi. (Lễ Ký – Vương Chế, 13. – Couvreur, Li Ki, Tome I, page 294-295)

[8] 此四者(孤, 獨, 矜, 寡)天民之窮而無告者也, 皆有常餼. 瘠, 聾, 跛, 瘓, 斷者, 侏儒, 百工, 各以其器食之. Thử tứ giả (cô, độc, cằng, quả) thiên dân chi cùng nhi vô cáo giả dã, giai hữu thường hí. Âm, lung, bả, tích, đoạn giả, chu nhu, bách công, các dĩ kỳ khí thực chi. (Lễ Ký – Vương Chế, 13, 14. – Couvreur, Li Ki, Tome I, page 318-319)

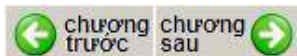
[9] Mạnh Tử – Lương Huệ Vương hạ, 5. Đoàn Trung Còn dịch, trang 55-57.

[10] Mạnh Tử – Cáo Tử hạ, 7.



Thiên: [Dẫn đầu](#) [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#)

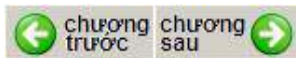
[Mục lục](#) | [Lời nói đầu](#) | **[chương 1](#)** [2](#) [3](#) [4](#) | [Tổng luận](#) | [Phụ lục 1](#) [2](#) [3](#) | [Sách tham khảo](#)



KHÔNG HỌC TINH HOA

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

[Mục lục](#) | [Lời nói đầu](#) | [chương 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) | **Tổng luận** | [Phụ lục 1](#) [2](#) [3](#) | [Sách tham khảo](#)



Tổng luận



Hồng Phạm Cửu Trù có thể nói được là một luận thuyết chính trị cổ nhất vì có từ đời vua Đại Võ (2205-1197 trước Công Nguyên).

Nó vừa là hiến chương vừa là tiêu biểu cho một nền thiên trị đã được thực thi ở Trung Quốc qua trung gian các vị thánh vương như Phục Hi, Thần Nông, Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ, v.v... và có thể nói được đã kéo dài (trừ ít nhiều gián đoạn) trong một khoảng thời gian ngót hai ngàn năm, từ năm 2852 trước CN (Phục Hi) cho tới khoảng năm 1000 trước CN (thời Võ Vương). [\[1\]](#)

Hồng Phạm Cửu Trù là một học thuyết có đầu đuôi gốc ngọn chứ không phải là một vài lời khuyến cáo suông, hơn nữa là một học thuyết đã được thực thi một cách sống động và hữu hiệu, do các vị thánh vương như Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, v.v...

Nếu đem so sánh Hồng Phạm Cửu Trù với những đoạn thánh kinh, trong đó Moïse hay Samuel khuyến cáo hoặc phê bình vua chúa trong tương lai, ta mới thấy tất cả vẻ đẹp để cao siêu của nó.

Trong Deutéronome, Moïse chỉ khuyên các vị đế vương sau này đừng lấy nhiều phi hậu, đừng có tham cầu súc tích vàng bạc. Nhưng những lời khuyến cáo ấy chẳng được vị đế vương nào nghe theo. [\[2\]](#)

Samuel rất ghét chế độ quân chủ, vì cho rằng vua chỉ bóc lột, áp bức dân mà thôi (I Sam 8, 10-18).

Hồng Phạm Cửu Trù cho ta thấy một nguyên tắc rất lạ lùng siêu việt này là phạm bậc thiên tử, bậc vương giả thay Trời trị dân, không được lập luật, mà trái lại, phải tìm ra những định luật hằng cửu Trời đã ghi tạc trong vật chất, trong hoàn vũ, và trong con người, phải tìm ra những liên lạc thiên nhiên nối kết tam

tài và khiến cho thiên hạ thuận theo những định tắc thiên nhiên hằng cửu ấy mà thôi. Thực là một bài học vĩ đại cho nhân loại và là đá thử vàng để biết đâu là chân giả trong các chính thể, các phương thức trị dân nơi hoàn vũ phàm tục này.

Gaubil bình về Hồng Phạm như sau: Cơ Tử mượn cơ nói về Lạc Thư và cắt nghĩa Lạc Thư nhưng thực ra đã khuyến cáo một cách khéo léo vua cũng như tôi về các bốn phận phải theo, phải giữ.

James Legge không đồng ý và cho rằng Hồng Phạm Cửu Trù rất tối nghĩa. Đã đành cũng có vài nguyên tắc luân lý và chính trị hay, nhưng vua vũ nghe xong chắc lại mờ mịt hơn trước khi phỏng vấn Cơ Tử. [3]

James Legge phê bình như vậy có lẽ vì đã không hiểu thâm ý người xưa.

Chúng ta, sau khi đã khảo sát tỉ mỉ Hồng Phạm Cửu Trù, chắc phải công nhận nó là một hiến chương hoàn bị cho nền Thiên trị

Hồng Phạm xây nền tảng chính trị trên căn bản vĩnh cửu tuyệt đối, vì đã biết lấy Trời làm căn cốt cho con người. Trời từ đáy thăm lòng sâu của vũ trụ, đáy thăm lòng sâu con người đã tung tỏa muôn ánh hào quang để hướng dẫn nhân loại. Thiên tử là những người đã hấp thụ được hào quang ấy nhiều nhất nên vừa thông minh, vừa đạo đức vượt quá chúng nhân; vừa thay Trời trị dân, vừa là gương mẫu sống động cho một đời sống lý tưởng cao đẹp nhất, lúc nào cũng treo cao cho muôn dân soi chung, và là trung gian giữa Trời người, qui tụ lại mọi điều hạnh phúc của Trời, để rồi lại tung tỏa cho toàn dân thiên hạ. Nó cũng dựa theo sơ đồ trung điểm và vòng Dịch để tổ chức quốc gia.

Lập đế đô ở giữa muôn dân và càng xa đế đô là càng xuống tới man di, mọi rợ; xuống tới các tầng cấp giá trị thấp kém. [4]

Đó cũng là phỏng theo cơ cấu hoàn vũ, quan niệm rằng Trời ở Trung cung, Trung điểm, và càng ở xa Trời càng đi ra các cảnh giới hình hài vật chất bên ngoài, là càng đi xuống các tầng cấp giá trị thấp kém.

Cũng vì thế mà muôn dân đều có nguyện vọng về sống ở đế đô, gần thiên tử.

Đại Học nói: «Bang kỳ thiên lý, duy dân sở chỉ.» cũng không ngoài ý đó.

Ở nơi con người cũng theo một tổ chức như vậy. Tầng ngoài cùng là dáng điệu, tầng trong cùng duệ trí, có đạt tới duệ trí, mới đạt tới mức thánh thiện được. [5]

Bậc thánh vương hiểu được gốc ngọn đầu đuôi, nên bao giờ cũng lấy Trời làm gốc, lấy tâm hồn con người làm trọng, của cải vật chất bên ngoài làm tùy. (Đại Học, chương 10).

Tuy nhiên, bậc thánh vương không có bỏ sót một tầng lớp giá trị nào mà không khai thác; từ vật chất đến tinh thần, từ miếng cơm manh áo đến đạo đức tế tự, nhất nhất đều được đề cập tới.

Ý niệm Thiên tử trong Hồng Phạm bắt nguồn từ Trời, có một ý nghĩa thần thánh, và phổ quát, một giá trị «vũ trụ».

Các nhà học giả Âu Châu như Wieger, như Marcel Granet đã nhìn thấy những ý nghĩa sâu xa của chức vị Thiên tử trong dân Trung Hoa thời cổ. [6]

Nền thiên trị nhật Trời làm khởi điểm, cùng điểm nhân loại, lấy sự hoàn thiện làm khởi điểm và cùng điểm nhân loại, nên bậc thánh vương tế tự Trời tức nhận Trời làm khởi điểm, sống thánh thiện phối hợp với Trời, tức lấy Trời làm cùng điểm, làm cứu cánh cho mình và cho muôn dân; cố đem những khuôn phép hằng cửu áp dụng vào công cuộc trị dân, tức là dùng những khuôn phép hoàn thiện để uốn nắn cho dân trở nên hoàn thiện.

Những luật pháp cũng cố theo đúng thiên nhiên, nên luật pháp của dân xưa chính là tam cương ngũ thường, chính là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Các luật lệ nhân tạo, các hình pháp nhân tạo, đều cố hết sức tránh; nếu bất đắc dĩ phải lập ra thì chỉ dùng tạm thời. Thế tức là ý nghĩa: dùng hình pháp là cốt mong sao bỏ được hình pháp; [7] xử kiện là cốt mong sao bỏ được kiện tụng. [8]

Thiên tử hay thánh vương là một người siêu việt «quán tam tài», nối kết «Trời, đất, người».

Tinh thần người phối hợp với Trời, vì thế gọi là Thiên tử.

Tim óc người nhân hậu, thông minh, cốt là để thương xót, hướng dẫn dân chúng.

Thề xác và áo mào người tượng trưng cho vẻ đẹp của vật chất.

Ảnh hưởng, ân trạch ngài thụ lãnh được từ Trời, sẽ qua trung gian các hiền thần, thâm nhập vào bách tính. Bách tính hấp thụ được ảnh hưởng ấy sẽ được giáo hóa, sẽ được hoán cải.

Chúng dân lại đem tài sức ra cải tạo vật chất, cải tạo hoàn cảnh trong những điều kiện thuận tiện.

Vật chất được hoán cải, canh tác, trở ngược lại, sẽ đem no ấm sung túc đến cho chúng dân.

Con người được no ấm, an bình, có cơ hội được học hỏi suy nghĩ sẽ tiến dần trên các nấc thang giá trị, để tiến tới hoàn thiện. hơn nữa, mọi người sẽ trông vào gương sáng của thiên tử sẽ cố gắng hướng thượng, cải thiện mình mãi mãi để tiến tới chí thiện tuyệt đối.

Nói cách khác:

Các bậc thánh vương lên trị nước không phải là để hưởng thụ, để buông thả cho dục tình tha hồ mà phóng túng, nhưng chính là để tuân theo ý Trời, tuân theo định luật thiên nhiên của trời đất và nhân loại. Vì thế, các ngài yêu cầu đình thần và dân chúng thời thường phải đàn hạch, kiểm thảo hành vi hoạt động của mình. [9]

Các ngài hứa đem an bình lại cho dân, nhưng không có hứa suông, mà lại dạy mọi người phải thực hiện an bình bằng cách tu thân; bằng cách tôn trọng tam cương ngũ thường, giữ vẹn tín nghĩa; trọng đức khinh tài, v.v... [10] Thế tức là dạy dân biết tự trọng, biết tự tạo cho mình một nền hòa bình an lạc do tài đức của mọi người chứ không phải là ngồi không ăn sẵn, ỷ lại, chờ Trời đổ an bình xuống cho mình, như đổ mưa móc xuống cho cây cỏ.

Vẻ đẹp bề khác của nền Thiên trị là sự cố gắng hòa hợp động tác con người với sự vận chuyển của các tinh cầu, sự vận chuyển của vũ trụ, sự biến hóa của bốn mùa.

Cho nên Hồng Phạm rất chú trọng đến lịch số và chủ trương một cuộc cai trị vô ý thức chẳng những sẽ gây đảo lộn trong xã hội, mà còn gây đảo lộn trong nhịp điệu của vũ trụ, làm cho trăng sao lỗi nhịp, mưa nắng thất thường... Thực là một lối nhìn sâu sắc và đẹp đẽ, và có lẽ cũng sẽ nêu cho hậu thế một đề tài khảo cứu mới mẻ là «ảnh hưởng hỗ tương giữa nhân loại và hoàn vũ».

Tuy Hồng Phạm Cừu Trù toát lược lại tất cả nghệ thuật trị dân, nhưng Khổng Tử không muốn tách rời chương này khỏi Kinh Thư; hơn nữa Tứ Thư, Ngũ Kinh, còn bàn giải rất nhiều về cách trị dân. Như vậy cốt là để cho ta rõ rằng muốn tìm ra sự phong phú của Nho giáo về chính trị chúng ta cần phải khảo sát các kinh, thư, cần phải nghiên cứu các gương tích sống động của các vị vua chúa đã ghi trong sử sách. Tóm lại chúng ta phải có cái nhìn bao quát, khối óc vừa suy cứu, vừa tổng hợp.

Cho nên chúng ta phải dùng kinh, thư để quảng diễn Hồng Phạm Cừu Trù.

Các học thuyết Âu Châu khi bàn về nguồn gốc quyền bính thường chỉ chú trọng về một khía cạnh nào đó, và chủ trương quyền bính:

1/ Hoặc do Trời ban.

2/ Hoặc do dân ban.

Trái lại Hồng Phạm Cửu Trù và thánh hiền Nho giáo muốn vị đế vương chân chính phải có đủ ba yếu tố:

1/ Giá trị nội tại: Thiên tử phải thông minh, đức độ xuất chúng. [\[11\]](#)

2/ Thiên chức ấy phải được Trời ban. [\[12\]](#)

3/ Người bước lên thiên vị phải được dân thuận. [\[13\]](#)

Vì vậy, nếu vua không xứng đáng sẽ mất ngôi, rồi sẽ bị Trời truất phế, [\[14\]](#) dân truất phế. [\[15\]](#)

Kinh Thi viết: sự ủy thác của Trời không bền vững. «Thiên mệnh mỹ thường». [\[16\]](#) Trời chỉ ủy thác, chỉ trao thiên mệnh cho người xứng đáng, còn nếu vua phạm tội lỗi thì Trời lại dùng người khác để chỉnh thảo, truất phế đi. [\[17\]](#) Mạnh Tử đã khuyến cáo đừng nhàm ngôi vị với giá trị nội tại, với bộ mặt thật của đẳng quân vương:

Tuyên Vương hỏi: «Vua Thành Thang đuổi vua Kiệt; vua Võ đánh vua Trụ, có thật như vậy chăng?» Mạnh Tử đáp rằng: «Trong sử sách có chép như vậy.» Tuyên Vương hỏi tiếp: «Bề tôi mà giết vua có nên chăng?» Mạnh Tử đáp: «Kẻ làm hại đức nhân gọi là tặc; kẻ làm hại đức nghĩa gọi là tàn. Kẻ tàn, kẻ tặc chẳng qua là một người thường mà thôi. Tôi từng nghe vua Võ chỉ giết một người thường là Trụ mà thôi, chứ chưa hề nghe vua.» [\[18\]](#)

Mạnh Tử nói với Tề Tuyên Vương: «Vua mà coi tôi như tay chân, ắt tôi sẽ coi vua như bụng dạ. Vua mà coi tôi như chó ngựa, ắt tôi sẽ coi vua như như kẻ qua đường. Vua mà coi tôi như bùn rác, ắt tôi sẽ coi vua như kẻ cướp, người thù.»

Cho nên bậc quân vương chân chính bao giờ cũng nhất nhiệm đối với mình; khoan dung, trọng kính đối với người. Tuy có uy quyền nhưng không độc tài, độc đoán, vắn thân dân, trọng dân. Bài «Ngũ tử chi ca» trong Kinh Thư chứng minh điều đó:

Kinh Thư chép: Thái Khang ngồi không ở ngôi vua, nhàn rồi, vui sướng bỏ mất đức. Dân đen đều không hài lòng. Vua rong chơi không chừng mực, săn ở ngoài sông Lạc mười tuần chẳng trở về. Chúa Hữu Cung là Nghê, nhân lòng dân không nhin nổi, đón bắt nhà vua ở sông Hà. Em vua năm người theo hầu mẹ, chờ đợi ở sông Lạc. Năm anh em đều oán hận Thái Khang, kể lại lời răn dạy của vua Đại Võ để làm thành ca:

Người em thứ nhất:

Kìa Hoàng Tổ xưa kia đã dạy

Phải chặt chiu thương lấy dân con

Chớ dùng chà đạp khinh nhờn

Chúng dân, gốc gác nước non bấy chày

Gốc có chắc, nước nay mới vững...

(Nên ta đừng hờ hững với dân)

Vời trông non nước xa gần

Ngu phu, ngu phụ cũng phần hơn ta

Ta chớ có những sa cùng sẩy
Để cho dân hồn lẩy, oán than...
Đừng chờ oán lộ rõ ràng
Oán hồn chưa lộ phải toan lo lường
Cầm giềng mối dân con bao triệu
Phải trăm lo nghìn liệu mới hay
Dân như sáu ngựa tung bay
Mà ta rong ruổi với dây cương tàng.

oOo

Em thứ hai:

Kìa tiên tổ xưa ban giáo huấn
Nếu mà trong mê mẩn sắc hương
Ngoài mà mê mẩn chim muông
Rượu đào ngắt ngưỡng, ca xoang vui vầy,
Nhà cao cuốn, ham xây, ham ở.
Vách tường ưa chạm trổ huy hoàng
Chẳng cần nhiều nét đa mang
Chỉ cần một nét, đủ làm suy vong.

oOo

Em thứ ba:

Thủ Đào Đường oai phong trị nước
Đất Ký này cũng thuộc giang san
Đạo Nghiêu nay đã lở làng
Kỷ cương nay đã điêu tàn còn chi
Diệt vong nào có lạ gì.

oOo

Em thứ tư:

Nhớ tổ ta uy nghi, rạng rỡ
Trị muôn dân một thuở huy hoàng
Lập ra khuôn phép điển chương
Những mong truyền tử lưu tôn lâu dài
Lập đấu học, lưu lai vương phủ
Sao nay ta nở bỏ mối giềng
Làm cho dòng họ tan hoang
Rồi ra cúng lẽ nhờ nhàng vì ai?

oOo

Em thứ năm:

Ôi thảm thiết trông vời non nước

Biết về đâu cất bước về đâu?

Lòng ta xiết nỗi thảm sầu

Oán ta, trăm họ oán sâu lắm rồi!

Ta biết tính cùng ai nương tựa?

Lòng ta nay chan chứa ưu tư!

Mặt dày đến nỗi thế ư?

Đức kia chẳng giữ, hối chừ kịp sao?

Trong nền vương đạo, nhà vua thông minh đức hạnh chưa đủ, còn cần có hiền tài phụ bật.

Hồng Phạm đã đề cập tới vấn đề khanh sĩ, và vấn đề dùng người tài đức trị dân, nhưng không quảng diễn. [\[19\]](#) Trái lại, thuyết «tuyển hiền dữ năng» ta thấy được quảng diễn cặn kẽ trên lý thuyết lẫn thực hành trong Tứ Thư, Ngũ Kinh.

Đọc lịch sử Trung Hoa thời cổ ta thấy phàm thánh vương là có hiền thần phụ bật.

- Hoàng Đế có Kỳ Bá. [\[20\]](#)

- Vua Nghiêu có Thuấn. [\[21\]](#)

- Vua Thuấn có Vũ, Tắc, Tiết, Cao Dao, Ích. [\[22\]](#)

- Thành Thang có Y Doãn, Lai Châu. [\[23\]](#)

- Cao Tông có Phó Duyệt. [\[24\]](#)

- Võ Vương có Châu Công, Triệu Công, Khương Tử Nha, Tất Công, Vinh Công, Thái Diên, Hoành Diên, tán Nghi Sinh, Nam Cung Quát, và bà Ấp Khương (vợ Võ Vương). [\[25\]](#)

Nhưng cảm động nhất có lẽ là chuyện Cao Tông dùng Phó Duyệt.

Cao Tông chiêm bao thấy Thượng Đế cho hiền thần là Phó Duyệt.

Bèn vẽ hình tượng, sai đem tranh tìm khắp thiên hạ. Khi gặp được Duyệt ở Phó Nham, hết với tranh, bèn phong làm tướng quốc. [\[26\]](#)

Cao Tông nói cùng Phó Duyệt: «Than ôi! Duyệt! Bốn biển đều ngửa trông đức ta, ấy là nhờ người dạy bảo. Đủ chân tay mới là người. Có bày tôi giỏi mới là vua thánh. Y Doãn xưa có nói: «Không làm được cho nhà vua trở nên Nghiêu Thuấn thì lòng này xấu hổ, như bị đòn ở giữa chợ.» Một người dân không yên thì nói: «Ấy là tội của tôi!» Y Doãn đã giúp cho liệt tổ ta trở nên đức độ như Trời. Người hãy sáng suốt chỉ bảo ta, đừng để Y Doãn một mình được tiếng khen ở triều nhà Thương! Vua không có người hiền, không trị được nước. Người hiền không gặp được vua, không ăn được lộc. Người hãy làm cho vua người nổi dổi được các đời vua trước, yên mãi được dân.» Duyệt lay dập đầu mà rằng: «Dám xin báo đáp, tuyên dương lời phán bảo tốt đẹp của thiên tử...» [\[27\]](#)

Vua, tôi đối với nhau như là ruột thịt. Đọc Kinh Thư thiên Ích Tắc, ta thấy cảnh hiệp hòa đầm ấm ấy.

Quì nói: «Ồ! tôi đánh khánh đá, vỗ khánh đá, trăm loài muông đua nhau múa! Các quan thật vui!»

Nhà vua liền làm lời ca rằng:

«Gắng theo mệnh Trời

Phải xét cơ, phải theo thời!»

Bèn hát:

«Đầu sở vui vẻ

Chân tay mạnh khỏe!

Trăm quan đều được việc vì thế!»

Cao Dao chấp tay, dập đầu, nổi lời: «Xin nhà vua hãy suy nghĩ! Xin hãy chỉ huy, xin cho sáng kiến và luôn luôn xin lưu ý đến luật pháp đã ban ra. Xin cẩn trọng và thời thường xin xét xem đã thực hiện được những gì! Xin hãy cẩn trọng.»

Bèn nổi lời mà hát:

«Đầu sở công minh!

Chân tay mạnh lành,

Mọi việc đều thành!»

Lại hát:

«Đầu sở chảnh chọe!

Chân tay biếng trễ,

Muôn việc thôi bỏ bê!»

Nhà vua lạy mà rằng:

«Hay, thôi đi, hãy thận trọng trong công việc.» [\[28\]](#)

Về sau Khổng Tử, Mạnh Tử cũng hết sức nhắc nhở các vua chúa chọn hiền tài để trị dân.

Mấy câu «tuyển hiền dữ năng» «cử trực thối uổng» của Khổng Tử đã nên câu cửa miệng của Nho gia.

[\[29\]](#)

Mạnh Tử hết sức khuyến khích dùng hiền tài trị dân. Ông nói:

«Nay như vua có hạt ngọc thủy xoàn còn nguyên chất, dầu ngọc ấy đáng giá muôn dật, vua cũng giao cho thợ ngọc cắt mài. Thế mà, đến việc cai trị, thì nhà vua lại nói với các trang hiền tài rằng: «Khoan, hãy để qua một bên sở học các người, hãy làm theo ý chí của ta đã.» Thế thì có khác chi dạy thợ ngọc cắt mài ngọc đâu?» [\[30\]](#)

Mạnh Tử còn chủ trương một hiền tài không đủ làm cho vua trở nên tốt. Nhưng nếu quanh vua có nhiều hiền tài tạo nên một bầu không khí đạo đức, thì nhà vua làm sao mà làm chuyện bất thiện được ?

[\[31\]](#)

Trong Trung Dung chương 21, đức Khổng toát lược chính sách trị nước như sau:

Phép trị nước từ xưa có chín,

I, II Phải tu thân, phải kiếm hiền tài.

III Thương yêu thân tộc trong ngoài,

IV, V Đại thần thời nể, quan thời xót thương.

VI Lê dân chăm bẵm như con,

VII Nhân tài khuyến khích, mở mang trăm nghề.

VIII Người viễn xứ quay về ta rước,

IX Những chư hầu bạc nhược ta nâng.

I Tu thân đạo sẽ thịnh dần,

II Tôn hiền, hiền giúp, đỡ lầm đỡ sai.

III Yêu thân thuộc, trong ngoài hết oán,

IV Kính đại thần, hết nạn dèm pha.

Bao nhiêu công bực quốc gia,

Một lòng ưu ái như là chân tay.

Tình ưu ái sẽ gây cảm xúc,

Hàng sĩ phu nỗ lực đền ơn.

VI Thương dân một dạ như con,

Toàn dân thiên hạ ai còn kêu ca ?

VII Chiêu bách nghệ tăng gia sản xuất,

Thời quốc gia sung túc hóa tài.

VIII Trọng người xứ lạ nước ngoài,

Bốn phương hâm mộ, nơi nơi hướng về.

IX Các chư hầu chớ che một dạ,

Sẽ khiến cho thiên hạ sợ uy.

I Tu thân dạ chẳng suy vi,

Gương lòng vằng vặc quang huy rõ ràng.

Trang nghiêng mũ áo đường hoàng,

Những điều dang dở chẳng làm chẳng nghe.

II Muốn khuyến hiền hãy chê nịnh hót,

Hãy tránh xa sắc tốt là lời.

Khinh tài trọng nghĩa không ngại,

Treo gương hiền đức cho đời soi chung.

III Khiến dân chúng thêm lòng hiếu thảo,

Ta tỏ tình thảo lão kính nhường,

Lợi danh chẳng tiếc họ hàng,

Những bề yêu ghét, ta thường chiều theo.

IV Để đại thần dễ điều hành sự,

Ta bổ sung tá sứ dưới trên.

- V Trước sau trung tín một niềm,
Tăng lương để khiến nhân viên tận tình.
- VI Muốn bách tính kính tin một dạ,
Xấu phải thời, thuế má phải chăng.
- VII Muốn cho công nghệ mở mang,
Luôn luôn theo dõi, thời thường thi đua.
Đem lúa gạo thường cho xứng đáng.
Là mọi nghề cố gắng ra công.
- VIII Tiễn đưa người muốn ruổi rong,
Sẵn sàng đón rước kẻ mong về mình.
Người có đức, tâm thành khen ngợi,
Người vô năng cảm nỗi xót thương.
Dĩ nhiên hiền đức tứ phương,
Mến ta họ sẽ tìm đường về ta.
- IX Những nước nhỏ, vận nhà nghiêng ngửa,
Ta tìm người tu sửa mỗi giường.
Chấn hưng những nước tan hoang,
Dẹp yên loạn lạc, dập đường hiểm nguy.
Lễ triều sính có kỳ có hạn,
Ít của dâng, đầy đặn của cho.
Bao dung không bến không bờ,
Một lòng lân mẫn giúp cho chư hầu.
Trị thiên hạ trước sau chín mối,
Nhưng tóm thâu vào mỗi chữ thành.

Xuân Thu Tả Truyện bàn về đấng quân vương như sau:

«Một mình quân thường lành, phạt ác trông nom dân chúng như con cái người, che chở dân như trời, cứu mang dân như đất. Dân chúng đối với vị minh quân ấy sẽ thương yêu như con thương yêu cha, ngưỡng vọng tin tưởng người như hai vầng nhật nguyệt, kính tôn người như thần minh, sợ hãi người như sấm sét. Một vị minh quân như thế ai dám truất phế, dám đánh đuổi. Có đấng minh quân thông sáng như thần ấy là nguyện vọng của dân.

«Nhược bằng làm vua mà để dân chúng cùng khổ, để thần minh thiếu khói hương tế tự, thì dân sẽ tuyệt vọng, xã tắc sẽ ngã nghiêng vô chủ. Một nhà vua vô dụng như vậy lẽ nào không truất phế, không đánh đuổi đi.

«Trời sinh ra người, cũng cho họ vua chúa để hướng dẫn để họ khỏi làm hư mất tính Trời. Khi đã có vua chúa, Ngài lại cho người phụ bật chỉ vẽ, để bảo vệ và ngăn ngừa các ngài không được đi ra ngoài phạm vi bốn phận. Vì thế, Thiên tử thì có các công; chư hầu có các khanh; khanh có các trất thất (anh em); đại phu có nhị tông (họ hàng); sĩ có anh em; thứ dân như hàng thợ thuyền buôn bán, dịch lệ, mục tử,

tất cả cũng đều có thân quyền để giúp đỡ họ. Khi làm hay, thì khen thưởng; khi làm dở thì sửa phạt; hoạn nạn thì đỡ đỡ; làm lạc thì dắt dìu về đường ngay nẻo chính. Từ Thiên tử đến thứ dân ai cũng có cha, anh, con, em để sửa chữa những lỗi lầm, để xem xét công việc hành chính. Sử gia chép sách, nhạc quan làm thơ, nhạc công hát những bài châm, bài gián để can ngăn. Các quan đại phu chỉ vẽ cho vua qui tắc đường lối, sĩ tử trần tấu lên những cảm nghĩ của dân về chính sách, chính thể, dân chúng phê bình; các nhà buôn trình bày hàng hóa nơi chợ búa; bách công hiến dâng những công trình sáng tác để nhà vua có ý niệm chính xác về nền hành chính của mình.» [\[32\]](#)

Tàng Ai khuyên vua nước Lỗ (Hoàn Công 110-693): «Một bậc quân vương xứng đáng với tước hiệu mình sẽ làm cho nhân đức được chấn hưng phát động, làm cho tội ác bị mai một đào thải, lấy mình làm gương cho bá quan. Mặc dầu vậy, ngài vẫn lo không đạt mục đích

«Các ngài cố ăn ở đức hạnh để dạy dỗ con cháu sau này. Cho nên, thanh miếu nhà vua xưa lợp bằng tranh rạ, xe cộ của nhà vua chỉ trải bằng chiếu thường, đồ ăn không cầu cao lương mỹ vị, kẻ dùng nấu ăn cũng chẳng phải hạt kê kén chọn – Nhà vua như vậy, tỏ ra cần kiệm, y thường của nhà vua, phục sức của nhà vua nhất nhất đều tỏ ra đúng mức.» [\[33\]](#)

Tử Sản chủ trương: «Cai trị nước cũng như công việc trồng trọt khai thác đất đai, cần phải mài miệt ngày đêm, nghĩ đến mọi sự mọi việc từ lúc khởi điểm và theo dõi cho đến khi thành tựu. Từ sáng chí tối, phải làm lụng, lo lắng làm sao để việc gì cũng đã được đắn đo, suy nghĩ trước. Phải bắt chước người cày ruộng đi từ khoảnh ruộng này sang khoảnh ruộng khác, nghĩa là phải tuần tự nhi tiến. Có như vậy mới mong tránh được lỗi lầm.» [\[34\]](#)

Tóm lại, một vị thiên tử chân chính phải có một niềm tin bao la về thiên chức mình, có một đời sống nội tâm vừa rạt rào vừa cao thượng, có một khối óc thông minh linh động để chỉ huy dân chúng trong ngoài, phải có nhiều sáng kiến, phải biết hướng dẫn, biết kiểm soát, biết thưởng phạt cho công minh, biết dùng nhiều trang hiền tài phụ bật như rồng thêm vây, như phượng thêm cánh; như vậy mới xứng đáng trị vì thiên hạ.

Còn như ở ngôi vị cao mà lòng không được nấu nung vì thiên chức của mình, không dám hi sinh vì dân vì nước, không biết đường lối lèo lái quốc gia thì chắc chắn sẽ đi tới bại vong.

Lẽ Trời xưa nay chỉ có một.

Tóm lại, nền Thiên trị trong Nho giáo có thể coi như là một học thuyết hoàn bị:

Nó xây dựng nền tảng trên vĩnh cửu, trên tuyệt đối; nói cách khác, nó đã lấy Trời làm căn bản, đã coi nền chính trị là công cụ để cải hóa con người, [\[35\]](#) lập ra những nguyên tắc căn bản cho các đấng quân vương dựa vào mà trị dân cho tuyệt hảo, thúc đẩy dân chúng làm lụng, tiết kiệm để trở nên giàu có, sung túc, [\[36\]](#) tu nhân tích đức [\[37\]](#) để trở nên quân tử, nên hiền thánh với nguyện vọng thiết tha là đem lại cho nhân dân an bình, thái thịnh, hạnh phúc cả về tinh thần lẫn vật chất, [\[38\]](#) mục đích là làm cho mọi người trở nên hoàn thiện, [\[39\]](#) như vậy mục đích của nó cũng tuyệt đối.

Tiếc thay nền thiên trị thời cổ với ý nghĩa cao đẹp của nó đã bị dục vọng con người và bụi bặm lịch sử che lấp hết mọi vẻ đẹp; vương đạo biến chuyển dần sang bá đạo ; nhân trị chuyển hóa dần sang pháp trị, nhân đạo nhường bước cho bạo tàn.

Các vị đế vương thời sau, như Tần Thủy Hoàng, như Hán Cao Tổ đâu còn hiểu biết gì về những tế nhị, những tinh hoa của nền thiên trị. Tuy cũng mang danh thiên tử, nhưng nào có hiểu thiên tử nghĩa là

làm sao. Cho nên chế độ vua chúa dần dà trở nên một mâu thuẫn trên lý thuyết, một gánh nặng trên thực tế đối với dân.

Đến nỗi, nhiều triết gia không còn hiểu nổi được lý do sự tồn tại của một nền quân chủ hôn ám, thối nát.

Herder viết:

Đến ngày nay, người ta cũng không hiểu tại sao một người sinh ra lại có quyền trên ngàn vạn kẻ khác, lại có toàn quyền sai khiến họ, giết lát họ một cách vô trách nhiệm, tiêu xài công quỹ không phải giải thích, thanh toán với ai, và có quyền đem sưu cao thuế nặng đè lên trên đầu trên cổ dân nghèo... [40]

Vả lại không có gì trong bản tính con người giải thích được tại sao hàng ngàn vạn người quý phái lại có thể hôn chân một kẻ còn thơ dại, và có thể thờ phượng phủ việt của một kẻ điên cuồng dùng để đánh đập họ đến máu tuôn... không biết quỷ thần nào đã xui khiến dân chúng phó thác lý trí, phó thác thể xác tính mệnh và mọi quyền làm người vào tay một người, cho họ mặc tình thao túng, và lấy làm sung sướng khi thấy bạo chúa mình đã sinh hạ được một bạo chúa tương lai. [41]

Thực quả những điều ấy là những thai đồ khó giải cho nhân loại, và thực là không may mà cũng là may mắn cho nhiều quốc gia đã không phải sống trong những chính thể đó. Như vậy ta không thể kể nghĩa vua tôi như là một trong những định tắc tự nhiên cần yếu và phổ quát của nhân loại. Vợ-chồng, cha-con, bạn-thù, là những tương quan và những từ ngữ chính xác, nhưng còn vua chúa quan quyền, một bá chủ chuyên chế trị dân, để thủ lợi cho mình và cho con cháu mình sau này, thì thực là khó hiểu và cần được bàn cãi dài dòng, nếu có thể. [42]

Ông Herder có lý mà cũng không có lý.

Có lý là vì ông đã nhận định đúng về những giả tạo, những mâu thuẫn gây nên do một chính thể đã tới lúc mặt vận, lúc tàn cuộc, lúc chỉ còn cái vỏ, cái xác bên ngoài ; lúc người ta chỉ còn biết dùng chức vị làm bình phong che đậy cho mọi sự cướp bóc phá phách, lúc những tinh hoa cao đẹp đã tan nát mất cả rồi.

Ông không có lý, nếu ta đem ra áp dụng những lời phê bình của ông cho một nền thiên trị chân chính khi nó đang thời kỳ triển dương phát động, thực thi áp dụng. Cũng vì không tìm ra được ý nghĩa và chân giá trị của nền thiên trị, nên ông không tìm được lời giải cho một câu thai đồ tự ngàn xưa.

Gần đây, chính trị gia Liang Ch'i Ch'ao đã toát lược về các yếu tố gây loạn trong lịch sử Trung Hoa như sau:

- Đại thần chuyên quyền.
- Hoàng hậu tiếm quyền.
- Các hoàng tử dòng chính, dòng thứ tranh giành ngôi vua.
- Những người thuộc cựu hoàng tộc nổi loạn.
- Các người trong hoàng tộc giành ngôi.
- Tể tướng tiếm ngôi.
- Võ tướng nổi loạn.
- Ngoại thích tiếm ngôi.
- Quan lại tham nhũng.

- Hoạn quan lộng quyền.

Và kết luận chính trị độc tài gây loạn trong lịch sử Trung Hoa trên mấy ngàn năm. [\[43\]](#)

Các điều nhận xét của ông Liang Ch'í Ch'ao chỉ đúng cho những nền quân chủ từ thời Xuân Thu trở về sau.

Kinh Thư đã cho ta thấy những tệ đoan ấy hầu như không có trong những đời Nghiêu, Thuấn hay Hạ, Thương, Chu lúc toàn thịnh. Và chúng ta cũng nên phân biệt nền thiên trị và nền quân chủ, vì tuy nền quân chủ đã giữ nguyên những nghi lễ, những tổ chức bên ngoài của nền thiên trị, nhưng đã bỏ mất hẳn những điều cao đẹp, những lý tưởng và tinh thần thuần túy bên trong.

Ngày nay, cơ trời biến chuyển, sự thế thăng trầm, nền thiên trị cao đẹp kia như một tòa lâu đài cổ kính đã bị chôn vùi dưới tầng sâu của thời gian và lịch sử.

Từ lâu, nó đã bị pha phôi, hoen ố vì sự lãng mạ của dốt nát và ngạo nghễ, nó đã rút lui vào quá vắng xa vời nhường sân khấu đời cho các học thuyết khác múa may.

Nhưng biết đâu năm bảy ngàn năm sau chủ trương của Hồng Phạm lại chẳng được đem thực thi áp dụng một cách hết sức đứng đắn, đẹp đẽ?

Tuy nhiên, Hồng Phạm Cửu Trù với những nguyên tắc chính yếu của nó cũng có thể đem áp dụng được, chẳng ít thì nhiều, dưới bất kỳ chế độ nào, trong bất kỳ thời đại nào. Thực vậy, bất kỳ dưới chính thể nào, người dân cũng muốn có những người lãnh đạo tài ba đức độ; nhà lãnh đạo nào cũng mong muốn cho nước mạnh dân giàu, phong hóa trong nước được thuần mỹ, và sự hòa bình thái thịnh luôn được thập phần toàn hảo.

Bao lâu con người còn có những ước vọng ấy thì bấy lâu những nguyên tắc trong Hồng Phạm Cửu Trù còn có thể đem ra thi hành được. Cho nên, gỡ lại những trang sử cũ để lược lật thấu thái lấy tinh hoa nhân loại, ông ước có thể dùng những bài học lịch sử xa xưa để mà đắp xây cho một tương lai huy hoàng xán lạn cho đất nước, tưởng không phải là chuyện vô ích vậy.

Các hiền thánh xưa làm ra Hồng Phạm Cửu Trù hay ghi lại cho chúng ta những nguyên tắc trị dân đẹp đẽ, tức là muốn đóng góp cho tới muôn ngàn đời vào công trình xây dựng bình an và thái thịnh cho xã hội.

Mạnh Tử nói: «Các vị thánh nhân đã dùng hết tâm trí mình mà suy xét, lại còn đem lòng thương xót mà thi hành trong chính trị, nhờ vậy, đức nhân ái của các ngài phổ cập khắp thiên hạ.» [\[44\]](#)

Chúng ta ngày nay là những con người diễm phúc có sau lưng cả một dĩ vãng phong phú, có trước mặt cả một tương lai huy hoàng, tưởng cũng nên biết «ôn cố nhi tri tân», biết học cái hay của tiền nhân để giúp tương lai mình thêm xán lạn.



Mạnh Tử

CHÚ THÍCH

[1] Ở Âu Châu về thời cổ sử cũng có nền Thiên trị như ở dân Celtes. Về sau thời trung cổ, Giáo Hoàng Innocent III cũng định lập lại một nền Thiên trị do chính đức Giáo Hoàng cầm đầu.

Độc cổ sử, ta thấy các nước Cận Đông và Ai Cập cũng đã có những nền Thiên trị tương tự.

[2] Theo Thánh Kinh, vua David có nhiều vợ, và những hậu phi chính có tên như sau: Abiroam, Abigayil (I, Sam 27, 3), Maaka, Haggit, Abital, Eglá (II Sam 3, 2-5), Mikal (II Sam 6, 16-23). Lúc về Giêrusalem lại lấy thêm nhiều phi tần khác (2 Sam 5, 13). Sau lấy thêm Bethsabée, vợ Urie (2 Sam 11, 27), về già có cô hầu non là Abishag (I Rois 1, 2, 3). Salomon có tới 700 hậu, 300 phi (I Rois 11, 1-4) và giàu có vô hạn (I Rois 10, 14-24).

[3] Doc Marcel Grandt; La Pensee chinoise - Churo•ng IV, Le Tao pages 330 339 ;

a... Le roi, dit-il (le P. Wiegner), clans son interpretation du Hong-Pharr, est le pivot autour duquel tout tourne sur la terre, c'est-à-dire an ciel tout gravite autour du pôle, siege du Souverain d'En-haut n. (Ibid 323, notes)... Soen-ma-Ts'ien écrit (SMT, III, p, 342): Le Boisseau (La Grande Ourse) dont les 7 étoiles correspondent aux 7 Recteurs est le char du souverain. it se melt an centre, it gouverne les 4 orient, it separe le Yin et le Yang ; it determine les 4 saisons; it equilibre les 5 elements ; it fait evoluer les divisions du Temps et les degres (du Ciel et de l'espace) ; it fixe les divers comptes.. (ib. 323 notes)

[4] Tổ chức quốc gia thời Chu như sau: Ở giữa là Vương kỳ, rồi lần lượt từ trong ra ngoài là: Hầu, Điện, Nam, Thái, Vệ, Man, Di, Trấn, Phiên. Xem James Legge The Shoo King, p. 149. Xưa muốn đày ai thì đày ra biên ải.

[5] Xem Hồng Phạm tiết 6: «Nhị ngũ sự: nhất viết mạo... ngũ viết tư; mạo viết cung... tư viết duệ; cung tác túc ... duệ tác thánh...» 二五事: 一曰貌... 五曰思; 貌曰恭... 思曰睿; 恭作肅... 睿作聖.

[6] Độc Marcel Granet, La Pensée chinoise, chương IV, Le Tao, pages 330-339:

«... Le roi, dit-il (le P. Wiegner), dans son interpretation du Hồng Phạm, est le pivot autour duquel tout tourne sur la terre, comme au ciel tout gravite autour du pôle, siège du Souverain d'En-haut». (Ibid 323,

notes)... Soen-ma-Ts'ien écrit (SMT, III, p, 342): Le Boisseau (La Grande Ourse) dont les 7 étoiles correspondent aux 7 Recteurs est le char du souverain, il se meut au centre, il gouverne les 4 orient, il sépare le Yin et le Yang; il détermine les 4 saisons; il équilibre les 5 éléments; il fait évoluer les divisions du Temps et les degrés (du Ciel et de l'espace); il fixe les divers comptes... (ib. 323 notes)

[7] Hình kỳ vu vô hình (Kinh Thư – Đại Vũ Mô, tiết 11)

[8] Luận Ngữ – Nhân Uyên XII, 13. – Đại Học chương 4.

[9] Xem Kinh Thư Duyệt Mệnh thượng tiết 5, 6. Duyệt Mệnh hạ.

[10] Kinh Thư – Dân Chnh 3. – Xuân Thu Tả Truyện, Tương Công năm XIV. Couvreur, Tch'ouen Ts'iou, I, p. 901.

[11] Xem Hồng Phạm tiết 9.

[12] Thiên chi lịch số tại nhữ cung. Nhữ chung thiệp nguyên hậu. 天之歷數在汝躬. 汝終陟元后 (Kinh Thư – Đại Vũ Mô tiết 14) (The determinate appointment of Heaven)

Độc Mạnh Tử Vạn Chương, chương cú thượng tiết 5, 6.

[13] Thiên thị tự ngã dân thị, Thiên thính tự ngã dân thính 天視自我民視, 天聽自我民聽 (Kinh Thư – Thái Thệ trung 7.) – Mạnh Tử Vạn Chương, chương cú thượng tiết 5, 6.

[14] Kinh Thư, Thái Thệ trung 4, 5. – Kinh Thư, Thái Thệ thượng 5: Hoàng thiên chấn nộ, mệnh ngã văn khảo, túc tương thiên uy. 皇天震怒, 命我文考, 肅將天威. Thương tội quán doanh, Thiên mệnh tru chi 商罪貫盈, 天命誅之 (Kinh Thư – Thái Thệ 9.)

[15] Dân chi sở dục, Thiên tất tòng chi, nhĩ thượng bất dư nhất nhân, vĩnh thanh tứ hải 民之所欲, 天必從之, 爾尚弼予一人, 永清四海 (Kinh Thư – Thái Thệ 1.)

[16] Kinh Thi – Đại Nhã Văn Vương, chương 5.

[17] Hữu Hạ Kiệt phát khắc nhược Thiên, lưu độc hạ quốc, Thiên nãi hữu mệnh Thành Thang, giáng truất Hạ mệnh. 有夏桀弗克若天, 流毒下國, 天乃佑命成湯, 降黜夏命 (Kinh Thư – Thái Thệ trung 4.)

Nhĩ thượng phụ dư nhất nhân, trí Thiên chi phạt 爾尚輔予一人, 致天之罰 (Kinh Thư – Thang Thệ 4.)

... Cổ chi vương giả tri mệnh chi bất trường (Les anciens souverains savaient que le mandat du Ciel n'est pas irrévocable) Xuân Thu Tả Truyện, quyển VI, Văn Công lục niên. Couvreur, Tch'ouen Ts'iou et Tso Tchouan I, p. 471.

[18] Mạnh Tử (Lương Huệ Vương chương cú hạ, 8. – Ly Lâu chương cú hạ 3.)

[19] Độc Hồng Phạm các thiên Bát Chính, Hoàng Cực, Kê Nghi, Bát Trưng.

[20] Độc Hoàng Đế Nội Kinh.

[21] Kinh Thư – Nghiêu điển.

[22] Kinh Thư – Thuấn điển. – Luận Ngữ (Thái Bá VIII, 20)

[23] Kinh Thư – Y Huấn. – Mạnh Tử (tận Tâm chương cú hạ, 38)

[24] Kinh Thư – Duyệt Mệnh (thượng, trung, hạ)

[25] Kinh Thư – Thái Thệ trung 6. – Luận Ngữ (Thái Bá VIII, 20)

[26] Kinh Thư – Duyệt Mệnh thượng tiết 2-4.

[27] Kinh Thư – Duyệt Mệnh hạ tiết 8-11.

[28] Kinh Thư – thiên Ích Tắc, tiết 10-11. (Phỏng theo Kinh Thư, Nhưộng Tổng dịch, trang 43-44.)

[29] Đại đạo chi hành dã, thiên hạ vi công, tuyển hiền dữ năng, giảng tín tu mục. 大道之行也, 天下為公, 選賢與能, 講信脩睦 (Lễ Ký, Lễ Vận, trang 497. Couvreur Li Ki)

- Cử trực, thố chư uổng, năng sử uổng giả trực. 舉直錯諸枉, 能使枉者直 (Luận Ngữ, Nhan Uyên 21)

- Xem thêm Luận Ngữ Tử Lộ XII-2. Vi Chính XI-19.

[30] Mạnh Tử (Lương Huệ Vương chương cú hạ, 9)

[31] Mạnh Tử (Đằng Văn Công chương cú hạ, 6)

[32] Xuân Thu Tả Truyện. Couvreur dịch, quyển 1. Tương Công năm 14, trang 309-310.

[33] Xuân Thu Tả Truyện. Couvreur dịch, quyển 1. Hoàn Công năm II, trang 70.

[34] Xuân Thu Tả Truyện. Couvreur dịch, quyển 1. Tương Công năm 25, trang 441.

[35] Chính giả chính dã. 政者正也.

[36] Đại Học chương X.

[37] Đại Học chương I.

[38] Hoàn thành không những riêng mình,

Rời ra hoàn thiện quần sinh muôn loài.

Hoàn thành mình là người nhân đức,

Tác thành vật là bậc thông minh.

Thiên nhiên tự tính uy linh,

Trong ngoài hai mặt một mình quán thấu.

(Trung Dung chương 25.)

[39] Đại học chi đạo tại minh mình đức, tại tân dân, tại chỉ ư chí thiện. (Đại Học chương 1)

[40] Cf. Herder - Idées pour la philosophie de l'histoire de l'humanité, page 185 ;

... Car, puisqu'à l'aide des raisons indiquées jusqu'ici, on n'explique pas encore pourquoi un seul homme règne par droit de naissance sur des milliers de ses frères, pourquoi il a le droit de les commander selon son bon plaisir sans contrat, ni limitation, d'en livrer à la mort des milliers sans en porter la responsabilité, de dépenser les trésors de l'Etat sans en rendre compte et d'imposer précisément au pauvre les taxes les plus accablantes.

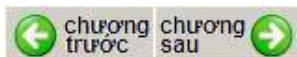
[41] Puisqu'il résulte encore moins des dispositions premières de la nature qu'un peuple courageux et hardi, c'est-à-dire mille hommes et femmes nobles baisent souvent les pieds d'un être faible et adorent le sceptre avec lequel un insensé les frappe jusqu'au sang, quel dieu ou quel démon leur a inspiré de remettre leur propre raison et leurs propres forces, et souvent même leur vie et tous les droits de l'humanité à l'arbitraire d'un seul et de considérer comme leur plus grande joie et prospérité le fait, que leur despote ait engendré un futur despote...

[42] Puisque, dis-je, toutes ces choses semblent au premier aspect les énigmes les plus embrouillées de l'humanité et que heureusement ou malheureusement, la plus grande partie de la terre ignore ces formes de gouvernement ; dès lors, nous ne pouvons les compter au nombre des premières lois naturelles, nécessaires et universelles de l'humanité. Mari et femme, père et fils, ami et ennemi, ce sont là des rapports et des noms précis ; mais chef et roi, législateur et juge héréditaire, souverain arbitraire et administrateur de l'Etat à son profit et à celui de tous ses enfants encore à naître – ces notions exigent un développement autre que celui qu'il nous est possible de donner ici...

[43] Tổ chức văn hóa quốc tế, chính trị học hiện đại. Bản dịch của Tôn Thất Trạch, trang 257.

[44] Mạnh Tử (Ly Lâu chương cú thượng, 1)

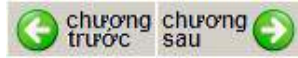
[Mục lục](#) | [Lời nói đầu](#) | [chương 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) | **Tổng luận** | [Phụ lục 1](#) [2](#) [3](#) | [Sách tham khảo](#)



KHÔNG HỌC TINH HOA

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

[Mục lục](#) | [Lời nói đầu](#) | [chương 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) | [Tổng luận](#) | **Phụ lục 1** [2](#) [3](#) | [Sách tham khảo](#)



Phụ lục 1 NGUYỆT LỆNH 月令 TIẾT I

A. Hán văn

1. 孟春之月. 日在營室. 昏參中. 旦尾中.
2. 其日甲乙.
3. 其帝太皞. 其神句芒.
4. 其蟲鱗.

B. Phiên âm

1. Mạnh Xuân chi nguyệt, nhật tại Doanh Thất: Hôn Sâm trung. đán Vĩ trung.
2. Kỳ nhật giáp ất.
3. Kỳ đế Thái Hạo, kỳ thần Cú Mang.
4. Kỳ trùng lân.

C. Dịch

1. Tháng đầu Xuân, mặt trời ở chòm sao Doanh Thất (Pégase). Sao Sâm (Orion) qua kinh tuyến buổi chiều. Sao Vĩ (la queue du Scorpion) qua kinh tuyến buổi sáng.
2. Tháng này, ngày thuộc Giáp Ất.
3. Ứng với vua Thái Hạo, với thần Cú Mang.
4. Ứng với các vật có vẩy.

oOo

A. Hán văn

5. 其音角. 律中太簇.
6. 其數八. 其味酸. 其臭羶.
7. 其祀戶. 祭先脾.
8. 東風解凍. 蟄蟲始振. 魚上冰. 獺祭魚. 鴻鴈來.

B. Phiên âm

5. Kỳ âm giốc; luật trung Thái Thốc.
6. Kỳ số bát, kỳ vị toan, kỳ xú thiên.

7. Kỳ tự hộ, tế tiên ti.

8. Đông phong giải đông. Chập trùng thủy chấn. Ngự thưởng băng. Thát tế ngư. Hồng nhận lai.

C. Dịch

5. Âm ứng cung Giốc, luật ứng Thái Thốc.

6. Ứng số 8, vị chua, mùi tanh.

7. Tháng này tế thần chữa, cúng ti (rate-pancréas) trước.

8. Gió đông thổi, làm tan băng giá. Các loài sâu bọ sống trong đất đai bắt đầu giao động. Cá ngoi lên trên lớp băng. Dải cá tế cá (bắt cá tế thần); chim hồng chim nhận (các loại ngỗng) bay về.

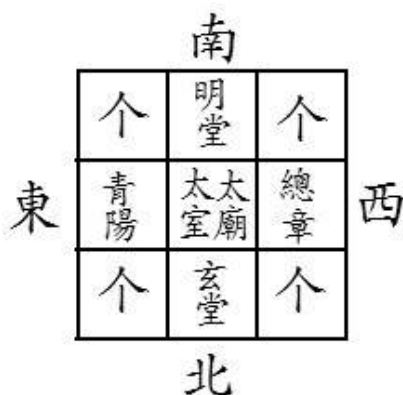
oOo

A. Hán văn

9. 天子居青陽左個.乘鸞路.駕倉龍.載青旂.衣青衣.服倉玉.食麥與羊.其器疏以達.

B. Phiên âm

9. Thiên tử cư Thanh Dương tả cá, thừa loan lộ, giá thương long, tải thanh kỳ. Ý thanh y, phục thương ngọc, thực mạch dữ dương, kỳ khí sơ dĩ đạt.



C. Dịch

9. Thiên tử ngự phía góc tả cung Thanh Dương. Xa giá lồng nhạc, thắng ngựa thương long, có trượng cờ xanh. Ngải mang phẩm phục xanh, đeo ngọc bích. Dùng lúa mạch thịt cừu. Các dụng cụ có trạm nổi (trạm hình các mầm non nhô khỏi mặt đất).

oOo

A. Hán văn

10. 是月也.以立春.先立春三日.太史謁之天子.曰.某日立春.盛德在木.天子乃齋.立春之日.天子親帥三公.九卿.諸侯.大夫.以迎春於東郊.還反.賞公卿諸侯大夫於朝.

B. Phiên âm

10. Thị nguyệt dã, dĩ Lập Xuân. Tiên Lập Xuân tam nhật, thái sử yết chi Thiên tử viết: mỗ nhật Lập Xuân, thịnh đức tại mộc. Thiên tử nãi trai. Lập Xuân chi nhật, Thiên tử thân soái tam công, cửu khanh, chư hầu, đại phu, dĩ nghinh xuân ư đông giao. Hoàn phản, thường công khanh, chư hầu, đại phu ư triều.

C. Dịch

10. Tháng này, Xuân sang. Ba ngày trước Lập Xuân, quan thái sử tâu vua: ngày mỗ lập Xuân. Ảnh

hưởng trời mạnh nhất nơi cây cối. Vua liền trai giới. Ngày Lập Xuân vua thân chinh thống suất tam công, cửu khanh, chư hầu, đại phu ra đông giao (cánh đồng phía đông) đón xuân về. Khi hồi trào, vua ban thưởng cho công khanh, chư hầu đại phu...

oOo

A. Hán Văn

11. 命相布德和令. 行慶施惠. 下及兆民. 慶賜遂行 毋有不當.
12. 乃命太史守典. 奉法司天日月星辰之行. 宿離不貸. 毋失經紀. 以初為常.

B. Phiên âm

11. Mệnh tướng bố đức hoà lệnh, hành khánh thi huệ, hạ cấp triệu dân. Khánh tứ toại hành vô hữu bất đáng.
12. Nãi mệnh thái sử thủ điển, phụng pháp tư thiên nhật nguyệt tinh thần chi hành, túc lý bất thải, vô thất kinh kỷ, dĩ sơ vi thường.

C. Dịch

11. Truyền quan tướng ban bố giáo huấn, luật lệnh, tướng thưởng, ban ân trách cho tới chúng dân. Khen lao tướng thưởng phải cho thấu đáo, xứng đáng.
12. Lại truyền quan thái sử giữ gìn luật lệ, tuyên bố pháp lệnh, theo dõi sự vận chuyển của mặt trời, mặt trăng và các vì tinh tú, quan sát độ tiệm ly giữa mặt trăng và mặt trời. Lại khuyến cáo họ tránh mọi lỗi lầm, theo đúng các định luật thiên văn, và theo gương các nhà thiên văn thừa trước.

oOo

A. Hán Văn

13. 是月也. 天子乃以元日祈穀于上帝. 乃擇元辰. 天子親載耒耜. 措之于參保. 介之御閒. 帥三公九卿諸侯. 大夫. 躬耕帝藉. 天子三推. 三公五推. 卿諸侯九推. 反執爵于大寢. 三公. 九卿. 諸侯. 大夫. 皆御. 命曰勞酒.

B. Phiên âm

13. Thị nguyệt dã, Thiên tử nãi dĩ nguyên nhật kỳ cốc vu Thượng Đế, nãi trạch nguyên thần, Thiên tử thân tải lỗi tử. thổ chi vu tham bảo, giới chi ngự nhàn. Soái tam công cửu khanh, chư hầu, đại phu, cung canh đế tịch. Thiên tử tam thôi, tam công ngũ thôi, khanh chư hầu cửu thôi. Phản, chấp tước vu đại tẩm. Tam công, cửu khanh, chư hầu, đại phu giai ngự. Mệnh viết lao tửu.

C. Dịch

13. Tháng này, vua chọn ngày (tức ngày có chữ Tân 辛) cầu xin Thượng Đế cho được mùa. Rồi chọn ngày (tức ngày có chữ Hợi 亥), vua đem cày lên xa giá đặt giữa quan đánh xe và quan võ mặc giáp, dẫn công khanh, đại phu, chư hầu, thân chinh ra cày tại tịch điền. Vua cày ba luống, tam công cày năm luống, cửu khanh và chư hầu chín luống. Lúc về vua hợp các công khanh chư hầu nơi đại tẩm và ban rượu thưởng công khó nhọc.

oOo

A. Hán Văn

14. 是月也. 天氣下降. 地氣上騰. 天地和同. 草木萌動.
15. 王命布農事. 命田舍東郊. 皆脩封疆. 審端經術. 善相丘陵. 阪險原隰. 土地所宜. 五穀

所殖。以教道民必躬親之。田事既飭。先定準直。農乃不惑。

B. Phiên âm

14. Thị nguyệt dã, thiên khí hạ giáng, địa khí thượng đằng, thiên địa hoà đồng, thảo mộc mạnh động.

15. Vương mệnh bố nông sự, mệnh điền xá đồng giao, giai tu phong cương, thẩm đoan kinh thuật, thiện tương khâu lãng, phản hiềm nguyên thấp, thổ địa sở nghi, ngũ cốc sở thực, dĩ giáo đạo dân tất cung thân chi. Điền sự ký sức, tiên định chuẩn trực, nông nãi bất hoặc.

C. Dịch

14. Tháng này khí trời vận xuống, khí đất bốc lên; Trời đất hòa hợp, cây cối đâm chồi nảy lộc.

15. Vua truyền khởi sự canh tác. Ngài sai các điền quan ra ở ngoài cánh đồng phía đông, sửa sang lại bờ mố, sửa sang lại đường lối, kênh, lạch; nhận xét địa thế núi non, sườn núi, chân núi, đồng khô, đồng lầy, xem đất nào ưa thứ gì, xem phải trồng ngũ cốc ở đâu, để dạy dỗ hướng dẫn dân. Các điền quan phải đích thân làm việc, đi lại xem xét. Khi nông sự đã được trù liệu, khi ruộng đất có bờ cõi, hẳn hoi, nhà nông sẽ không lầm lỗi.

oOo

A. Hán Văn

16. 是月也。命樂正入學習舞。

17. 乃脩祭典。命祀山林川澤。犧牲毋用牝。

18. 禁止伐木。

19. 毋覆巢。毋殺孩蟲胎。天飛鳥。毋麇。毋卵。

B. Phiên âm

16. Thị nguyệt dã mệnh nhạc chính nhập học tập vũ.

17. Nãi tu tế điển. Mệnh tự sơn lâm xuyên trạch, hi sinh vô dụng tẫn.

18. Cấm chỉ phạt mộc.

19. Vô phúc sào, vô sát hài trùng thai, yểu phi điểu, vô mê, vô noãn.

C. Dịch

16. Tháng này sai nhạc quan tới các trường dạy ca vũ.

17. Các lễ nghi tế tự đều được xem xét lại. Truyền tế thần núi, rừng, sông, hồ. Không được dâng tế các loài vật giống cái.

18. Không được chặt cây.

19. Không được phá tổ chim, giết hại sâu nhỏ, chim non, thú non, hay phá trứng.

oOo

A. Hán Văn

20. 毋聚大眾。毋置城郭。

21. 掩骼埋胔。

22. 是月也。不可以稱兵。稱兵必天殃。兵戎不起。不可從我始。

B. Phiên âm

20. Vô tỵ đại chúng, vô trí thành quách.

21. Yểm cách, mai tí.

22. Thị nguyệt dã, bất khả dĩ xưng binh. Xưng binh tất thiên ương. Binh nhưng bất khởi, bất khả tòng ngã thủy.

C. Dịch

20. Không được tập hợp quần chúng, không được xây thành quách.

21. Phải chôn cất các xương khô, thịt thối.

22. Tháng này không được hưng binh. Hưng binh ắt Trời phạt. Không được hưng binh, nghĩa là tự mình không được gây chuyện binh đao (tức là vẫn có quyền tự vệ).

oOo

A. Hán Văn

23. 毋變天之道. 毋絕地之理. 毋亂人之紀.

24. 孟春. 行夏令則雨水不時. 草木蚤落. 國時有恐. 行秋令. 則其民大疫. 霖風暴雨總至. 藜蓬蒿並興. 行冬令. 則水潦為敗. 雪霜大摯. 首種不入.

B. Phiên âm

23. Vô biến thiên chi đạo, vô tuyệt địa chi lý, vô loạn nhân chi kỷ.

24. Mạnh Xuân, hành Hạ lệnh tắc vũ thủy bất thời, thảo mộc tảo lạc, quốc thời hữu khủng. Hành thu lệnh tắc kỳ dân đại dịch, tiêu phong bạo vũ tổng chí, lê dửu bông hao tịnh hưng. Hành Đông lệnh, tắc thủy lạo vi bại, tuyết sương đại chí, thủ chủng bất nhập.

C. Dịch

23. Đừng đổi thiên đạo, đừng ngăn địa lý, đừng làm rối luật lệ người.

24. Nếu tháng đầu Xuân, vua hành động theo mùa Hạ, mưa sẽ thất thường, thảo mộc sẽ héo hon, trong nước sẽ không yên. Nếu hành động theo mùa Thu, dân sẽ bị dịch tễ; hay có cuồng phong bạo vũ; các thứ cỏ dại sẽ thi nhau mọc. Nếu hành động theo mùa Đông, sẽ có thủy tai hay tuyết sương, mùa màng sẽ thất bát.

oOo

TIẾT II

A. Hán Văn

1. 仲春之月. 日在奎. 昏弧中. 旦建星中.

2. 其日甲乙. 其帝太皞. 其神句芒. 其蟲鱗. 其音角. 律中夾鍾.

B. Phiên âm

1. Trọng Xuân chi nguyệt, nhật tại Khuê, hôn Hồ trung, đán Kiến tinh trung.

2. Kỳ nhật Giáp Ất. Kỳ đế Thái Hạo. Kỳ thần Cú Mang. Kỳ trùng lân, kỳ âm giốc. Luật trung Giáp Chung.

C. Dịch

1. Tháng hai mùa Xuân, mặt trời ở chòm sao Khuê (Andromède et les Poissons). Chòm sao Hồ (le

Grand Chien et le Navire Argo) qua kinh tuyến vào buổi chiều, và chòm sao Kiến (la Tête du Sagittaire) qua kinh tuyến buổi sáng.

2. Ngày tháng này gọi là Giáp Ất. Ứng vào vua Thái Hạo, ứng vào thần Cú Mang, ứng vào các vật có vẩy. Âm ứng cung Giốc, luật ứng Giáp Chung.

oOo

A. Hán Văn

3. 其數八. 其味酸. 其臭羶. 其祀戶. 祭先脾.
4. 始雨水. 桃始華. 倉庚鳴. 鷹化為鳩.
5. 天子居青陽太廟. 乘鸞路. 駕倉龍. 載青旂. 衣青衣. 服倉玉. 食麥與羊. 其器疏以達.

B. Phiên âm

3. Kỳ số bát, kỳ vị toan, kỳ xú thiên, kỳ tự hộ. Tế tiên tì.
4. Thuỷ vũ thủy. Đào thủy hoa. Thương canh minh. Ứng hoá vi cưu.
5. Thiên tử cư Thanh Dương thái miếu. Thừa loan lộ. giá thương long, tải thanh kỳ, ý thanh y, phục thương ngọc, thực mạch dữ dương, kỳ khí sơ dĩ đạt.

C. Dịch

3. Ứng với số tám, vị chua, mùi tanh. Tế thần cửa. Cúng tì (pancréas, rate) trước.
4. Mưa bắt đầu rơi, đào bắt đầu nở hoa, oanh líu lo, ứng hóa thành chim gáy.
5. Thiên tử ở cung Thanh Dương. Xa giá lồng nhạc, thắng ngựa thương long, có trượng cờ xanh. Ngài mang phẩm phục xanh, đeo ngọc bích; dùng lúa mạch và thịt cừu. Các dụng cụ đều trạm nổi (trạm hình mầm non vừa nhô khỏi đất).

oOo

A. Hán Văn

6. 是月也. 安萌芽. 養幼少. 存諸孤.
7. 擇元日. 命民社.
8. 命有司. 省囷圉. 去桎梏. 毋肆掠. 止獄訟.

B. Phiên âm

6. Thị nguyệt dã, an manh nha, dưỡng ấu thiếu, tồn chư cô.
- 7 Trạch nguyên nhật, mệnh dân xã.
8. Mệnh hữu tư tỉnh linh ngữ. Khử chất cốc. Vô tứ lược, chỉ ngục tụng.

C. Dịch

6. Tháng này phải giữ gìn các mầm, các lộc, nuôi các loài còn yếu măng sữa, săn sóc kẻ mồ côi.
7. Vua chọn ngày tốt, truyền cho dân tế thần xã tắc.
8. Truyền các quan hữu tư xem xét lại tù ngục, bỏ gông cùm, và không đánh đập vô lý, ngăn ngừa các vụ kiện cáo về hình sự.

oOo

A. Hán Văn

9. 是月也. 玄鳥至. 至之日. 以大牢祠于高禩. 天子親往. 后妃帥九嬪御. 乃禮天子所御. 帶以弓韠. 授以弓矢. 于高禩之前.

10. 是月也. 日夜分. 雷乃發聲. 始電. 蟄蟲感動. 啟戶始出.

B. Phiên âm

9. Thị nguyệt dã, huyền điểu chí. Chí chi nhật, dĩ đại lao từ vu cao mô. Thiên tử thân vãng. Hậu phi soái cửu tần ngự, nãi lễ Thiên tử sở ngự. Đái dĩ cung độc, thụ dĩ cung thi, vu cao mô chi tiền.

10. Thị nguyệt dã, nhật dạ phân, lôi nãi phát thanh, thủy điện, chấp trùng cảm động, khai hộ thủy xuất.

C. Dịch

9. Tháng này, nhận đen trở về. Ngày nhận về, làm lễ thái lao (giết bò, cừu, lợn) tế thần phụ trách hôn nhân và sinh sản. Thiên tử đích thân đến dự. Hoàng hậu dẫn 9 phi tần và các cung phi đến dự. Có lễ riêng (ban ngự tửu) cho những phi tần đã có mang với vua. Cho đeo bao cung và cung, ban cho cung tên, trước mặt thần coi sinh sản.

10. Tháng này Xuân phân. Bắt đầu có sấm chớp. Các loài đông miên bắt đầu sống động lại, và khoét tổ tò ra ngoài.

oOo

A. Hán Văn

11. 先雷三日. 奮木鐸以令兆民曰. 雷將發聲. 有不戒其容止者. 生子不備. 必有凶災.

12. 日夜分. 則同度量. 鈞衡石. 角斗甬. 正權概.

B. Phiên âm

11. Tiên lôi tam nhật, phấn mộc đặc dĩ lệnh triệu dân viết: lôi tương phát thanh; hữu bất giới kỳ dụng chỉ giả, sinh tử bất bị, tất hữu hung tai.

12. Nhật dạ phân, tắc đồng độ lượng, quân hành thạch, giác đấu dũng, chính quyền khái. (*)

C. Dịch

11. Ba ngày trước khi sấm động (tức là 3 ngày sau Xuân Phân, vì sấm động 6 ngày sau Xuân Phân) sai quan gõ mõ báo cho dân rằng: «Trời sắp sấm có sấm, phải tránh phòng sự kéo sinh con không toàn vẹn và gặp những điều chẳng lành.»

12. Ngày Xuân Phân, kiểm soát lại các loại cân, lượng, đấu, hộc, dũng, các quả cân và các gạt lúa.

(*) Chú: Độ = thước dài; lượng = đồ đồng; quân = 30 cân; hành = cân cân; thạch = 120 cân; đấu = đấu; dũng = 10 đấu; quyền = quả cân; khái = cái gạt.

oOo

A. Hán Văn

13. 是月也. 耕者少舍. 乃脩闔扇. 寢廟畢備. 毋作大事. 以妨農之事.

14. 是月也. 毋竭川澤. 毋漉陂池. 毋焚山林.

15. 天子乃鮮羔. 開冰. 先薦寢廟.

B. Phiên âm

13. Thị nguyệt dã, canh giả thiếu xả, nãi tu hạp phiến, tẩm miếu tất bị. Vô tác đại sự, dĩ phương nông chi sự.

14. Thị nguyệt dã, vô kiệt xuyên trạch, vô lộc bi trì, vô phần sơn lâm.

15. Thiên tử nãi tiên cao, khai băng, tiên tiến tẩm miếu.

C. Dịch

13. Tháng này nhà nông ít được nghỉ ngơi. Họ sửa sang lại cửa ngõ, buông thờ cho hẳn hoi. Không được làm gì cho lớn lao, có hại đến công việc đồng áng.

14. Tháng này không được tát cạn hồ ao; không được tháo nước đầm vũng; không được đốt phá rừng rú.

15. Thiên tử lễ chiêm (dâng cho thần lạnh), mở nhà chứa nước đá. Dâng đá cúng thần trong tẩm miếu.

oOo

A. Hán Văn

16. 上丁. 命樂正習舞. 釋菜. 天子乃帥三公. 九卿. 諸侯. 大夫. 親往視之. 仲丁又命樂正入學習舞.

17. 是月也. 祀不用犧牲. 用圭璧. 更皮幣.

B. Phiên âm

16. Thượng Đinh, mệnh nhạc chính tập vũ thích thái; Thiên tử nãi soái tam công, cửu khanh, chư hầu, đại phu. thân vãng thị chi. Trọng Đinh hữu mệnh nhạc chính nhập học tập vũ.

17. Thị nguyệt dã, tự bất dụng hi sinh, dụng khuê bích, cánh bì tệ.

C. Dịch

16. Ngày Đinh đầu tiên trong tháng, nhạc quan sau khi đã dâng rau cúng thần (nhạc), dạy học trò ca vũ. Thiên tử hướng dẫn công khanh tới nơi ngự lãm. Ngày Đinh thứ hai trong tháng, nhạc quan lại được lệnh vào các trường học dạy nhạc.

17. Tháng này không được giết sinh vật tế lễ, mà dùng ngọc khuê, ngọc bích, da thú hay lụa.

oOo

A. Hán Văn

18. 仲春行秋令. 則其國大水. 寒氣總至. 寇戎來征. 行冬令則陽氣不勝. 麥乃不熟. 民多相掠. 行夏令. 則國乃大旱. 煖氣早來. 蟲螟為害.

B. Phiên âm

18. Trọng Xuân hành Thu lệnh, tắc kỳ quốc đại thủy, hàn khí tổng chí, khấu nhung lai chinh. Hành Đông lệnh tắc dương khí bất thắng, mạch nãi bất thực, dân đa tương lược. Hành Hạ lệnh, tắc quốc nãi đại hạn, hoãn khí tảo lai, trùng minh vi hại.

C. Dịch

18. Tháng giữa mùa Xuân mà xử sự như mùa Thu, sẽ có thủy tai, sẽ bị giá lạnh nhiều, sẽ bị giặc giã. Xử sự theo mùa Đông, dương khí sẽ không thắng được hàn khí, lúa mạch sẽ không chín, trộm đạo sẽ sinh. Xử sự theo mùa Hạ, nước sẽ đại hạn, nóng sẽ đến sớm, lúa mạ sẽ bị sâu phá.

oOo

A. Hán Văn

19. 季春之月. 日在胃. 昏七星中. 旦牽牛中.

20. 其日甲乙. 其帝太皞. 其神句芒. 其蟲鱗. 其音角. 律中姑洗.

21. 其數八. 其味酸. 其臭羶. 其祀戶. 祭先脾.

22. 桐始華. 田鼠化為鴽. 虹始見. 萍始生.

B. Phiên âm

19. Quý Xuân chi nguyệt, nhật tại Vị. Hôn Thất tinh trung. Đán Khiên Ngưu trung.

20. Kỳ nhật Giáp Ất, kỳ đế Thái Hạo, kỳ thần Cú Mang, kỳ trùng lân, kỳ âm Giốc, luật trung Cô Tẩy.

21. Kỳ số bát, kỳ vị toan, kỳ xú thiên, kỳ tự hộ, tế tiên tì.

22. Đồng thủy hoa, điền thử hoá vi như, hồng thủy kiến, bình thủy sinh.

C. Dịch

19. Tháng cuối Xuân, mặt trời ở chòm sao Vị (la Mouche Boréale), sao Thất Tinh (le Cœur de l'Hydre) qua kinh tuyến buổi chiều, sao Khiên Ngưu (le Cou de l'Aigle) qua kinh tuyến buổi sáng.

20. Ngày tháng này gọi Giáp Ất, ứng với vua Thái Hạo, với thần Cú Mang, với loài có vẩy, với âm Giốc, với dấu Cô Tẩy.

21. Ứng số 8, vị chua, mùi tanh. Tế thần cửa, cúng tì trước.

22. Ngô đồng bắt đầu nở hoa, chuột đồng hóa thành chim cú, cầu vòng bắt đầu mọc, bèo bắt đầu sinh.



A. Hán Văn

23. 天子居青陽右个. 乘鸞路. 駕倉龍. 載青旂. 衣青衣. 服倉玉. 食麥與羊. 其器疏以達.

24. 是月也. 天子乃薦鞠衣于先帝.

25. 命舟牧覆舟. 五覆五反. 乃告舟備具于天子焉. 天子始乘舟. 薦鮪于寢廟. 乃為麥祈實.

B. Phiên âm

23. Thiên tử cư Thanh Dương hữu cá, thừa loan lộ, giá thương long, tải thanh kỳ, ý thanh y, phục thương ngọc, thực mạch dữ dương. Kỳ khí sơ dĩ đạt.

24. Thị nguyệt dã, Thiên tử nãi tiến cúc y vu tiên đế.

25. Mệnh chu mục phúc chu, ngũ phúc ngũ phản, nãi cáo chu bị cụ vu Thiên tử yên. Thiên tử thủy thừa chu, tiến vị vu tẩm miếu, nãi vi mạch kỳ thực.

C. Dịch

23. Thiên tử ngự phía hữu cung Thanh Dương. Xa giá lồng nhạc, thắng ngựa thương long, có trường cờ xanh. Ngài mang phẩm phục xanh, đeo ngọc bích. Dùng lúa mạch và thịt cừu. Các dụng cụ đều trạm nổi (trạm hình các mầm non nhô khỏi mặt đất).

24. Tháng này, Thiên tử dâng áo vàng lên các vị tiên đế.

25. Quan giữ thuyền rồng được lệnh lật thuyền để xem xét. Lật đi lật lại năm lần, thuyền quan thượng tấu rằng thuyền tốt. Vua lên thuyền. Dâng cá vị nơi tẩm miếu, cầu cho mùa lúa mạch được phong đăng.



A. Hán Văn

26. 是月也. 生氣方盛. 陽氣發泄. 句者畢出. 萌者盡達. 不可以內.

27. 天子乃布德行惠。命有司。發倉廩。賜貧窮。振乏絕。開府庫。出幣帛。周天下。勉諸侯。聘名士。禮賢者。

B. Phiên âm

26. Thị nguyệt dã, sinh khí phương thịnh, dương khí phát tiết, cú giả tất xuất, manh giả tận đạt, bất khả dĩ nội.

27. Thiên tử nãi bố đức hành huệ. Mệnh hữu tư phát thương lẫm, tứ bản cùng, chấn pháp tuyệt, khai phủ khố, xuất tệ bạch, chu thiên hạ, miễn chư hầu, sính danh sĩ, lễ hiền giả.

C. Dịch

26. Tháng này, sinh khí đã thịnh, Dương khí tràn lan. Các mầm mống nhất tề mọc lên. Thời kỳ này là thời kỳ ban phát, chưa phải thời kỳ thu liễm.

27. Thiên tử sẽ thi ân bá đức. Truyền quan hữu tư mở kho lẫm để phát chẩn cho người nghèo, trợ cấp người cùng khổ. Mở kho tàng lấy lụa là gửi tặng khắp nước, cốt thúc đẩy chư hầu chiêu hiền đãi sĩ.

oOo

A. Hán Văn

28. 是月也。命司空曰。時雨將降。下水上騰。循行國邑。周視原野。修利隄防。道達溝瀆。開通道路。毋有障塞。

29. 田獵置罟。羅罔。畢翳。餒獸之藥。毋出九門。

B. Phiên âm

28. Thị nguyệt dã, mệnh tư không viết: Thời vũ tương giáng, hạ thủy thượng đằng, tuần hành quốc ấp, chu thị nguyên dã, tu lợi đề phòng, đạo đạt câu độc, khai thông đạo lộ, vô hữu chương tắc.

29. Điền, lạp, ta, phù, la, võng, tất, ế, uỷ thú chi dược, vô xuất cửu môn.

C. Dịch

28. Tháng này vua phán cùng quan coi về tạo tác rằng: mùa mưa sắp tới nước sẽ dâng cao. Hãy đi khắp kinh đô và thành thị, hãy sửa sang đê điều, hãy khai thông các ngòi lạch, khai quang đạo lộ, tránh mọi ứ đọng, bế tắc.

29. Các loại lưới, vợt, mồi bả, các dụng cụ để thợ săn ẩn nấp, đều không được ra khỏi chín cửa thành.

oOo

A. Hán Văn

30. 是月也。命野虞無伐桑柘。鳴鳩拂其羽。戴勝降于桑。具曲植蘧筐。后妃齋戒。親東鄉躬桑。禁婦女毋觀。省婦使。以勸蠶事。蠶事既登。分繭稱絲效功。以其郊廟之服。無有敢惰。

B. Phiên âm

30. Thị nguyệt dã, mệnh dã ngu vô phạt tang chá, minh cữu phát kỳ vũ đại thắng giáng vu tang. Cụ khúc thực cửu khuông. Hậu phi trai giới, thân đông hương cung tang. Cấm phụ nữ vô quan, tỉnh phụ sử, dĩ khuyến tầm sự. Tầm sự ký đăng, phân kiển, xứng ti hiệu công, dĩ kỳ giao miếu chi phục, vô hữu cảm noạ.

C. Dịch

30. Tháng này quan coi về nông lâm được lệnh không cho chặt các loại dâu. Chim cữu (tu hú) vỗ cánh rửa lông trên các ngàn dâu. Người ta sửa soạn nông, né, thúng, mủng. Hoàng hậu trai giới và đi hái dâu ngoài đồng phía Đông. Phi thần không được trang sức, bớt tạp dịch, để xúc tiến việc tầm tang. Khi

nuôi tằm đã xong, hoàng hậu phát kén, rồi cân tơ để so sánh công việc các cung phi, và cũng là để cung cấp lụa may phẩm phục cho các cuộc tế lễ. Không ai dám lười...

oOo

A. Hán Văn

31. 是月也。命工師令百工。審五庫之量。金。鐵。皮。革。筋。角。齒。羽。箭。幹。脂。膠。丹。漆。毋或不良。百工咸理。監工日號。毋悖于時。毋或作為淫巧。以蕩上心。

B. Phiên âm

31. Thị nguyệt dã, mệnh công sư lệnh bách công, thẩm ngũ khố chi lượng, kim, thiết, bì, cách, cân, giác, xĩ, vũ, tiển, cán, chỉ, giao, đan, tất, vô hoặc bất lương. Bách công hàm lý, giám công nhật hiệu vô bội vu thời, vô hoặc tác vi dâm xảo, dĩ đặng thượng tâm.

C. Dịch

31. Tháng này các quan thanh tra được lệnh phải sai chuyên viên đi kiểm tra năm kho: để soát xem các loại kim khí, da, gân, gỗ, nhựa, sơn, và sơn có được giữ gìn hẳn hoi không. Sau đó thợ bắt đầu làm việc; hằng ngày họ được khuyến cáo không được làm gì lỗi thời hay đẹp quá, khéo quá, có thể kích thích lòng ham muốn xa hoa.

oOo

A. Hán Văn

32. 是月之末。擇吉日大合樂。天子乃率三公。九卿。諸侯。大夫。親往視之。

33. 是月也。乃合累牛騰馬。遊牝于牧。犧牲駒犢。舉書其數。

34. 命國難。九門磔攘以畢春氣。

B. Phiên âm

32. Thị nguyệt chi mạt, trạch cát nhật, đại hợp nhạc, Thiên tử nãi suất tam công, cửu khanh, chư hầu, đại phu thân vãng thị chi.

33. Thị nguyệt dã, nãi hợp luy ngưư đẳng mã, du tẫn vu mục, hi sinh câu độc, cử thư kỳ số.

34. Mệnh quốc nạn, cửu môn trạch nhượng dĩ tất xuân khí.

C. Dịch

32. Cuối tháng này, chọn ngày tốt, mở đại nhạc hội. Thiên tử dẫn tam công, cửu khanh, chư hầu, đại phu tới dự.

33. Tháng này tập hợp các trâu ngựa giống lại cho đi cái... Ghi sổ các vật hi sinh và tổng số trâu con, ngựa con.

34. Vua truyền cầu cho quốc thái dân an. Tại 9 cửa thành, mổ xẻ các vật hi sinh để vút (cho ôn thần) để xua tà khí cuối Xuân.

oOo

A. Hán Văn

35. 季春行冬令。則寒氣時發。草木皆肅。國有大恐。行夏令。則民多疾疫。時雨不降。山林不收。行秋令。則天多沈陰。淫雨蚤降。兵革並起。

B. Phiên âm

35. Quý Xuân hành Đông lệnh, tặc hàn khí thời phát, thảo mộc giai túc, quốc hữu đại khủng. Hành Hạ lệnh, tặc dân đa tật dịch, thời vũ bất giáng, sơn lâm bất thu. Hành Thu lệnh, tặc thiên đa trầm âm, dân vũ tảo giáng, binh cách tịnh khởi.

C. Dịch

35. Nếu tháng Xuân mà cư xử theo như mùa Đông, sẽ bị thời tiết lạnh, cỏ cây héo hon, chúng dân lo sợ. Nếu cư xử theo mùa Hạ sẽ có ôn dịch, hạn hán, núi đồi không sinh sôi nảy nở được gì. Nếu cư xử theo như mùa Thu, trời sẽ có sương mù, mưa dầm sẽ tới sớm, và loạn lạc binh cách sẽ sinh.

oOo

TIẾT III

A. Hán Văn

1. 孟夏之月. 日在畢. 昏翼中. 旦婺女中.
2. 其日丙丁.
3. 其帝炎帝. 其神祝融.

B. Phiên âm

1. Mạnh Hạ chi nguyệt, nhật tại Tất. Hôn Dực trung, đán Vụ nữ trung.
2. Kỳ nhật Bính Đinh.
3. Kỳ đế Viêm Đế, kỳ thần Chúc Dung.

C. Dịch

1. Tháng đầu Hạ, mặt trời ở chòm sao Tất (les Hyades). Chòm sao Dực (la Coupe) qua kinh tuyến buổi chiều, chòm sao Vụ Nữ (quatre étoiles du Verseau) qua kinh tuyến buổi sáng.
2. Ngày là Bính Đinh.
3. Ứng với vua Viêm Đế, với thần Chúc Dung.

oOo

A. Hán Văn

4. 其蟲羽.
5. 其音徵. 律中中呂.
6. 其數七. 其味苦. 其臭焦.
7. 其祀灶. 祭先肺.

B. Phiên âm

4. Kỳ trùng vũ.
5. Kỳ âm Chuỷ. Luật trung Trung Lữ.
6. Kỳ số thất, kỳ vị khổ, kỳ xú tiêu.
7. Kỳ tự táo, tế tiên phế.

C. Dịch

4. Ứng với loài chim.
5. Âm ứng cung Chuỷ, luật ứng dấu Trung Lữ.

6. Ứng số 7, vị đắng, mùi khét.

7. Cúng ông Táo, cúng phôi trước.

oOo

A. Hán Văn

8. 螻蛄鳴。蚯蚓出。王瓜生。苦菜秀。

9. 天子居明堂左個。乘朱路。駕赤(馬卯)。載赤旂。衣朱衣。服赤玉。食菽與雞。其器高以粗。

B. Phiên âm

8. Lâu quắc minh, khâu dẫn xuất, vương qua sinh, khổ thái tú.

9. Thiên tử cư Minh Đường tả cá, thừa chu lộ, giá xích lựu. tải xích kỳ, ý chu y, phục xích ngọc, thực thục dữ kê, kỳ khí cao dĩ thô.

C. Dịch

8.Ếch nhái kêu, giun bò ra ngoài, dưa gang (?) sinh, rau diếp (?) nở hoa.

9. Thiên tử ở cung phía tả cung Minh Đường. Xa giá màu đỏ, thắt ngựa hồng đuôi đen, mang cờ đỏ. Vua mặc phẩm phục đỏ, đeo ngọc đỏ, ăn đậu và gà; dùng dụng cụ cao và rộng (tượng trưng thảo mộc lớn mạnh).

oOo

A. Hán Văn

10. 是月也。以立夏。先立夏三日。太史謁之天子曰。某日立夏。盛德在火。天子乃齋。立夏之日。天子親帥三公。九卿。大夫。以迎夏於南郊。還反。行賞。封諸侯。慶賜遂行。無不欣說。

B. Phiên âm

10. Thị nguyệt dã, dĩ Lập Hạ. Tiên Lập Hạ tam nhật, thái sử yết chi Thiên tử viết: mỗ nhật Lập Hạ, thịnh đức tại hỏa, Thiên tử nãi trai. Lập Hạ chi nhật, Thiên tử thân soái tam công, cửu khanh, đại phu, dĩ nghinh Hạ ư Nam Giao. Hoàn phản, hành thưởng, phong chư hầu, khánh tử toại hành, vô bất hân duyệt.

C. Dịch

10. Tháng này, Lập Hạ. Trước Lập Hạ ba ngày, quan thái sử tâu lên Thiên tử: «Ngày mỗ Lập Hạ, oai Trời sẽ phát hiện bằng lửa.» Thiên tử liền trai giới. Ngày Lập Hạ dẫn tam công, cửu khanh, đại phu ra Nam Giao đón Hè về. Lúc về triều, ban thưởng và phong hầu một cách hết sức công minh, làm cho mọi người vui dạ.

oOo

A. Hán Văn

11. 乃命樂師習合禮樂。

12. 命大尉。贊桀俊。遂賢良。舉長大。行爵出祿。必當其位。

13. 是月也。繼長增高。毋有壞墮。毋起土功。毋發大眾。毋伐大樹。

B. Phiên âm

11. Nãi mệnh nhạc sư tập hợp lễ nhạc.

12. Mệnh đại uý tán kiệt tuấn, toại hiền lương, cử trưởng đại, hành tước, xuất lộc, tất đáng kỳ vị.

13. Thị nguyệt dã, kế trường tăng cao, vô hữu hoại đoạ, vô khởi thổ công, vô phát đại chúng, vô phạt

đại thụ.

C. Dịch

11. Bền truyền nhạc quan dạy lễ và nhạc.

12. Truyền quan tổng binh giúp đỡ người tuần kiệt, làm toại nguyện kẻ hiền lương, cất nhắc những người khỏe mạnh, cao lớn, ban tước lộc cho xứng với khả năng.

13. Tháng này giúp cho mọi vật tăng trưởng, nên không phá phách, không đắp đất, bắt phu, không chặt cây lớn.

oOo

A. Hán Văn

14. 是月也。天子始饔飩。

15. 命野虞。出行田原。為天子勸民。毋或失時。命司徒巡行縣鄙。命農勉作。毋休于都。

16. 是月也。驅獸毋害五穀。毋大田獵。

B. Phiên âm

14. Thị nguyệt dã, Thiên tử thủy hi.

15. Mệnh dã ngu xuất hành điền nguyên, vị Thiên tử khuyến dân, vô hoặc thất thời. Mệnh tư đồ tuần hành huyện鄙, mệnh nông miễn tác, vô hưu vu đô.

16. Thị nguyệt dã, khu thú vô hại ngũ cốc, vô đại điền lập.

C. Dịch

14. Tháng này Thiên tử bắt đầu mặc áo vải mỏng.

15. các quan nông lâm được lệnh đi thăm đồng áng, thay mặt vua tưởng thưởng nông phu, khuyến khích dân chúng, để ai nấy không bỏ phí thời giờ quý báu. Các học quan sẽ hoạt động tại các quận huyện, thôi thúc dân chúng chăm lo việc đồng áng, và không cho ai được ăn không ngồi rồi nơi thành thị.

16. Tháng này săn đuổi thú không cho chúng phá mùa màng nhưng không săn bắn lớn.

oOo

A. Hán Văn

17. 農乃登麥。天子乃以彘嘗麥。先薦寢廟。

18. 是月也。聚畜百藥。靡草死。麥秋至。斷薄刑。決小罪。出輕繫。

B. Phiên âm

17. Nông nãi đăng mạch, Thiên tử nãi dĩ trệ thường mạch; tiên tiến tẩm miếu.

18. Thị nguyệt dã, tụ súc bách dược. Mỹ thảo tử; mạch thu chí. Đoán bạc hình, ương tiểu tội, xuất khinh hệ.

C. Dịch

17. Nhà nông gặt lúa mạch về. Thiên tử ăn thứ lúa mạch với thịt lợn, sau khi đã cúng dâng trong tẩm miếu.

18. Tháng này, súc tích các loại dược thảo. Những cây nhỏ yếu chết, tháng này là mùa lúa mạch. Chỉ xử tội nhẹ, lỗi nhẹ, tha cho những kẻ phạm lỗi nhẹ. (*)

(*) Quand tout croît dans la nature, il ne convient pas de mutiler ou de mettre à mort les coupables.
(K'oung Ing Ta) (Couvreur, Li Ki, page 357).

oOo

A. Hán Văn

19. 蠶事畢. 后妃獻繭. 乃收繭稅. 以桑為均. 貴賤長幼如一. 以給郊廟之服.
20. 是月也. 天子飲酎. 用禮樂.

B. Phiên âm

19. Tằm sự tất, hậu phi hiến kiến, nãi thu kiến thuế, dĩ tang vi quân, quý tiện trường ấu như nhất, dĩ cấp giao miếu chi phục.
20. Thị nguyệt dã, Thiên tử ẩm chửu, dụng lễ nhạc.

C. Dịch

19. Công việc tằm tang xong, hoàng hậu dâng kén lên vua. Truyền thu thuế kén theo xỉ số cây dâu và không phân giàu nghèo lớn bé, để cung ứng cho nhu cầu lễ phục nơi Giao, Miếu
20. Tháng này, vua uống rượu mạnh, có nghi thức lễ nhạc phụ diễn.

oOo

A. Hán Văn

21. 孟夏行秋令則苦雨數來. 五穀不滋. 四鄙入保. 行冬令則草木蚤枯. 後乃大水. 敗其城郭. 行春令則蝗蟲為災. 暴風來格. 秀草不實.

B. Phiên âm

21. Mạnh Hạ hành Thu lệnh tắc khổ vũ số lai, ngũ cốc bất tư. Tứ鄙 nhập bảo. Hành Đông lệnh tắc thảo mộc tảo khô, hậu nãi đại thủy, bại kỳ thành quách. Hành Xuân lệnh tắc hoàng trùng vi tai, bạo phong lai cách, tú thảo bất thực.

C. Dịch

21. Thành đầu Hạ mà xử sự theo như mùa Thu, sẽ có nhiều trận mưa xấu làm cây cối không lớn được; các miền gần biên ải sẽ có loạn lạc, mọi người phải rút vào trong thành lũy. Cư xử theo như mùa Đông, cây cỏ sẽ khô héo, quốc gia sẽ có thủy tai, thành quách sẽ bị hư hại. Cư xử theo như mùa Xuân, sẽ có châu chấu phá hoại, sẽ có gió lớn, và lúa má có hoa mà chẳng có hạt.

oOo

A. Hán Văn

22. 仲夏之月. 日在東井. 昏亢中. 旦危中.
23. 其日丙丁. 其帝炎帝. 其神祝融. 其蟲羽. 其音徵. 律中蕤賓.
24. 其數七. 其味苦. 其臭焦. 其祀灶. 祭先肺.

B. Phiên âm

22. Trọng Hạ chi nguyệt. nhật tại đông Tỉnh. Hôn Cang trung. đán Nguy trung.
23. Kỳ nhật Bính Đinh, kỳ đế Viêm Đế, kỳ thần Chúc Dung, kỳ trùng vũ, kỳ âm Chuỷ, luật trung Nhụy Tân.
24. Kỳ số thất, kỳ vị khổ, kỳ xú tiêu, kỳ tự táo, tế tiên phế.

C. Dịch

22. Tháng giữa Hạ, mặt trời ở chòm sao Tinh (Gémeaux); Sao Cang (La Vierge) qua kinh tuyến buổi chiều, chòm sao Ngưu (a du Verseau, ε θ de Pégase) qua kinh tuyến buổi sáng.

23. Ngày là Bính Đinh, ứng vào vua Viêm Đế, vào thần Chúc Dung, vào loài chim, vào âm Chuỷ, vào dấu Nhụy Tân.

24. Ứng số 7, ứng vị đẳng, mùi khét, cúng táo quân, cúng phổi trước.

oOo

A. Hán Văn

25. 小暑至。螳螂生。鵙始鳴。反舌無聲。

26. 天子居明堂太廟。乘朱路。駕赤馬。載赤旂。衣朱衣。服赤玉。食菽與雞。其器高以粗。

27. 養壯佼。

B. Phiên âm

25. Tiểu thử chí, đường lang sinh, quyet thủy minh, phản thiết vô thanh.

26. Thiên tử cư Minh Đường thái miếu, thừa chu lộ, giá xích mã, tải xích kỳ, ý chu y. phục xích ngọc, thực thức dữ kê, kỳ khí cao dĩ thô.

27. Dưỡng tráng giảo.

C. Dịch

25. Tiết trời nóng vừa, bọ ngựa sinh, chim quyet kêu, chim bách thiết thôi hát.

26. Thiên tử ngự cung Minh Đường, ngự trên xe đỏ, thắt ngựa lông đỏ đuôi đen, mang cờ đỏ, mặc phẩm phục đỏ, đeo ngọc đỏ, dùng đậu và thịt gà, dùng những đồ cao và rộng (tượng trưng thảo mộc lớn mạnh).

27. Khuyến khích những người cường tráng.

oOo

A. Hán Văn

28. 是月也。命樂師脩鞀鞀鼓。均琴瑟管簫。執干戚戈羽。調竽笙箎簧。飭鍾磬祝敔。

29. 命有司為民祈祀山川百源。大雩帝。用盛樂。乃命百縣雩祀百辟卿士有益於民者。以祈穀實。

B. Phiên âm

28. Thị nguyệt dã, mệnh nhạc sư tu đào, bì, cổ; quân cầm, sắt, quản, tiêu; chấp can, thích, qua, vũ; điều vu, sanh, trì, hoàng; sức chung, khánh, chúc, ngữ.

29. Mệnh hữu tư vi dân kỳ tự sơn xuyên bách nguyên, đại vu Đế, dụng thịnh nhạc, nãi mệnh bách huyện vu tự bách tích khanh sĩ hữu ích ư dân giả, dĩ kỳ cốc thực.

C. Dịch

28. Tháng này vua truyền nhạc quan sửa sang lại trống khẩu và các loại trống; so lại các cầm, sắt, quản, tiêu; tập sử dụng các loại khiên, búa, giáo, lông (dùng để ca vũ); sửa sang lại các loại sênh, sáo; sắp xếp lại chuông, khánh, chúc, ngữ.

29. Truyền quan hữu tư tế các thần sông núi. Vua làm lễ đảo vũ cùng Thượng Đế, trong buổi lễ có đại

hòa tấu âm nhạc. Truyền các quận huyện dâng lễ cúng vong linh các vị công khánh, các vị anh hùng liệt sĩ để cầu phong đăng hòa cốc.

oOo

A. Hán Văn

30. 農乃登黍. 是月也. 天子乃以雛嘗黍. 羞以含桃. 先薦寢廟.

31. 令民毋艾藍以染. 毋燒灰. 毋暴布.

32. 門閭毋閉. 關市毋索.

B. Phiên âm

30. Nông nãi đăng mạch. Thị nguyệt dã, Thiên tử nãi dĩ sồ thường mạch, tu dĩ hàm đào, tiên tiến tẩm miếu.

31. Lệnh dân vô nghệ lam dĩ nhiễm.

32. Vô thiêu hôi, vô bạo bố.

33. Môn lư vô bế, quan thị vô sách.

C. Dịch

30. Nhà nông gặt lúa mạch về. Tháng này Thiên tử sau khi tiến dâng trong tẩm miếu, thường lúa mạch với thị gà non, tráng miệng bằng đào.

31. Cấm dân không được cắt chàm để nhuộm.

32. Không được đốt than, không được phơi vải.

33. Cổng tỉnh, cổng làng bỏ ngõ; nơi quan ải chợ búa không thu thuế.

oOo

A. Hán Văn

34. 挺重囚. 益其食.

35. 游牝別群. 則繫騰駒. 班馬政.

36. 是月也. 日長至. 陰陽爭. 死生分. 君子齋戒. 處必掩身. 毋躁. 止聲色. 毋或進. 薄滋味. 毋致和. 節奢欲. 定心氣. 百官靜事. 毋刑. 以定晏陰之所成.

B. Phiên âm

34. Đĩnh trọng tù, ích kỳ thực.

35. Du tẩn biệt quần, tặc trập đằng câu, ban mã chính.

36. Thị nguyệt dã, nhật trường chí, âm dương tranh, tử sinh phân, quân tử trai giới, xử tất yếm thân, vô táo, chỉ thanh sắc, vô hoặc tiến, bạc tư vị, vô chí hoà, tiết thị dục, định tâm khí. Bách quan tĩnh sự, vô hình, dĩ định yển âm chi sở thành.

C. Dịch

34. Giảm hình phạt cho những trọng tù, cho họ ăn thêm.

35. Thả những ngựa cái vào một nơi, và buộc các ngựa đực lại. Ban hành cách thức nuôi ngựa.

36. Tháng này, ngày dài nhất, âm dương tương tranh, tử sinh chia rẽ; người quân tử trai giới, ở nơi thanh tĩnh, không hấp tấp, tránh né nữ sắc âm nhạc, ăn uống đạm bạc; tiết chế lòng ham muốn, định tâm thần. Các quan ngừng công việc, không gia hình phạt tội, thế là giúp cho khí âm thi triển ảnh hưởng.

oOo

A. Hán Văn

37. 鹿角解. 蟬始鳴. 半夏生. 木堇榮.
 38. 是月也. 毋用火南方.
 39. 可以居高明. 可以遠眺望. 可以升山陵. 可以處臺榭.

B. Phiên âm

37. Lộc giác giải, thiên thuỷ minh, bán hạ sinh, mộc cậ vinh.
 38. Thị nguyệt dã, vô dụng hoả Nam phương.
 39. Khả dĩ cư cao minh, khả dĩ viễn thiểu vọng, khả dĩ thăng sơn lăng, khả dĩ xứ đài tạ.

C. Dịch

37. Tháng này hươu thay sừng; ve kêu; bán hạ mọc; cần cụt đâm bông.
 38. Tháng này không được nổi lửa về phía nam.
 39. Nên ở nhà cửa cao ráo, sáng sủa; nên ngắm những thắng cảnh bao la, khoáng đãng; nên dạo chơi đồi núi, ở lầu cao, chỗ cao.

oOo

A. Hán Văn

40. 仲夏行冬令. 則雹凍傷穀. 道路不通. 暴兵來至. 行春令. 則五穀晚熟. 百膳時起. 其國乃饑. 行秋令. 則草木零落. 果實早成. 民殃於疫.

B. Phiên âm

40. Trọng Hạ hành Đông lệnh tắc bạc đông thương cốc, đạo lộ bất thông, bạo binh lai chí. Hành Xuân lệnh tắc ngũ cốc văn thực, bách đẳng thời khởi, kỳ quốc nãi cơ. Hành Thu lệnh tắc thảo mộc linh lạc, quả thật tảo thành, dân ương ư dịch.

C. Dịch

40. Tháng giữa mùa Hè, mà cư xử theo như mùa Đông sẽ có mưa đá phá hại mùa màng, đường xá sẽ hư hại, sẽ có giặc cướp. Nếu cư xử theo như mùa Xuân, các hạt sẽ chín muộn, các loại châu chấu sẽ phát sinh, và trong nước sẽ đói kém. Nếu cư xử theo như mùa Thu, cây cối sẽ rụng lá, quả sẽ non, dân có thể bị dịch tễ.

oOo

TIẾT II**A. Hán Văn**

1. 季夏之月. 日在柳. 昏火中. 旦奎中.
 2. 其日丙丁. 其帝炎帝. 其神祝融. 其蟲羽. 其音徵. 律中林鍾.
 3. 其數七. 其味苦. 其臭焦. 其祀灶. 祭先肺.

B. Phiên âm

1. Quý Hạ chi nguyệt, nhật tại Liễu; hôn Hoả trung, đán khuê trung.
 2. Kỳ nhật Bính Đinh, kỳ đế Viêm Đế, kỳ thần Chúc Dung, kỳ trùng vũ, kỳ âm Chuỷ, luật trung Lâm

Chung.

3. Kỳ số thất, kỳ vị khổ, kỳ xú tiêu, kỳ tự táo, tế tiên phế.

C. Dịch

1. Tháng cuối Hạ, mặt trời ở chòm sao Liễu (Hydre); sao Hỏa (Antarès du Scorpion) qua kinh tuyến buổi chiều, chòm sao Khuê (Andromède et Poissons) qua kinh tuyến buổi sáng.

2. Ngày là Bính Đinh, ứng với vua Viêm Đế, với thần Chúc Dung, với loài chim, với cung Chuỷ, với dấu Lâm Chung.

3. Ứng với số 7, vị đẳng, mùi khét; cúng táo quân, cúng phối trước.

oOo

A. Hán Văn

4. 溫風始至. 蟋蟀居壁. 鷹乃學習. 腐草為螢.

5. 天子居明堂右個. 乘朱路. 駕赤(馬). 載赤旂. 衣朱衣. 服赤玉. 食菽與雞. 其器高以粗.

6. 命漁師伐蛟. 取鼃. 登龜. 取鼃.

B. Phiên âm

4. Ôn phong thủy chí, tất suất cư bích, ưng nãi học tập, hủ thảo vi huỳnh.

5. Thiên tử cư Minh Đường hữu cá. Thừa chu lộ, giá xích lữ, tải xích kỳ, ý chu y, phục xích ngọc, thực thức dữ kê, kỳ khí cao dĩ thô.

6. Mệnh ngư sư phạt giao, thủ đà, đẳng qui, thủ ngoan.

C. Dịch

4. Gió nóng bắt đầu thổi, dế rúc chân tường, chim ưng tập vỗ mồi; cỏ mục sinh đom đóm.

5. Thiên tử ngự cung phía hữu cung Minh Đường, ngự xe đỏ, thắt ngựa màu đỏ đuôi lông đen, mặc phẩm phục đỏ: đeo ngọc đỏ, ăn đậu và gà; dùng đồ đặc cao và rộng (tượng trưng cây cỏ đang lớn mạnh).

6. Vua truyền quan coi về chài lưới săn bắt sấu, rùa, giải.

oOo

A. Hán Văn

7. 命澤人. 納材葦.

8. 是月也. 命四監. 大合百縣之秩芻. 以養犧牲. 令民無不咸出其力. 以共皇天上帝. 名山大川. 四方之神. 以祠宗廟社稷之靈. 以為民祈福.

B. Phiên âm

7. Mệnh trạch nhân. nạp tài vĩ.

8. Thị nguyệt dã, mệnh tứ giám, đại hợp bách huyện chi trật xô, dĩ dưỡng hi sinh, lệnh dân vô bất hàm xuất kỳ lực, dĩ cộng Hoàng Thiên Thượng Đế, danh sơn đại xuyên, tứ phương chi thần, dĩ từ tông miếu xã tắc chi linh, dĩ vi dân kỳ phúc.

C. Dịch

7. Truyền quan coi hồ đầm thu thập lau lách.

8. Tháng này các quan coi về lâm sản phải thu tích trong các quận huyện cho đủ số cỏ khô đã được ấn định để nuôi các vật sẽ cúng tế. Bắt dân tích cực đóng góp vào công cuộc kính thờ Thượng Đế và các

thần sơn hà xã tắc, để cầu cho dân được hạnh phúc.

oOo

A. Hán Văn

9. 是月也. 命婦官染采. 黼黻文章. 必以法故. 無或差貸. 黑黃倉赤. 莫不質良. 毋敢詐偽. 以給郊廟祭祀之服. 以為旗章. 以別貴賤等給之度.

B. Phiên âm

9. Thị nguyệt dã, mệnh phụ quan nhiễm thái, phủ, phát, văn, chương, tất dĩ pháp cố, vô hoặc sai thái.
(*) Hắc hoàng, thương, xích, mạc bất chất lương, vô cảm trá nguy, dĩ cấp giao miếu tế tự chi phục, dĩ vi kỳ chương, dĩ biệt quý tiện đẳng cấp chi độ.

C. Dịch

9. Tháng này truyền phụ quan (quan trông nom về công việc đàn bà) nhuộm các màu. Các loại phủ, phát, văn, chương phải cho hợp lệ. Các màu đen, vàng, xanh, đỏ phải tốt không được gian trá, để dùng vào việc may phẩm phục tế lễ, và may cờ xí, áo xống cả các quan chức.

(*) Phủ 黼 = vải hay đồ thêu, dệt bằng chỉ đen, trắng, vải hay đồ thêu có hình rìu, lưỡi trắng, cán đen. Phát 黻 = vải hay đồ thêu dệt bằng sợi đen, sợi xanh; vải hay đồ thêu có hình chữ 亞, tức là hai chữ 己 quay lưng vào nhau, một chữ đen, một chữ xanh. Văn 文 = đồ trang sức đỏ và xanh thẫm hay xanh nhạt. Chương 章 = đồ trang sức đỏ và trắng.

oOo

A. Hán Văn

10. 是月也. 樹木方盛. 乃命虞人入山行木. 毋有斬伐.

11. 不可以興土功. 不可以合諸侯. 不可以起兵動眾. 毋舉大事. 以搖養氣. 毋發令而待. 以妨神農之事也. 水潦盛昌. 神農將持. 功舉大事. 則有天殃.

B. Phiên âm

10. Thị nguyệt dã, thụ mộc phương thịnh, nãi mệnh ngư nhân nhập sơn, hành mộc, vô hữu trảm phạt.

11. Bất khả dĩ hưng thổ công, bất khả dĩ hợp chư hầu, bất khả dĩ khởi binh, động chúng; vô cử đại sự, dĩ dao dưỡng khí, vô phát lệnh nhi đãi, dĩ phương thần nông chi sự dã. Thủy潦 thịnh xương, thần nông tương trì; công cử đại sự, tắc hữu thiên ương.

C. Dịch

10. Tháng này cây cối đang mạnh. Các quan coi về nông lâm phải xem xét các cây, không ai được chặt cây. (凡木春夏斬者多蠹) (欽定禮記案)

11. Không được xây đắp, không được hội chư hầu, không được khởi binh mã, không được làm những công chuyện lớn lao, vì làm hại sinh khí, không được ra lệnh trước về công chuyện gì kéo hại nông sự. Nước ruộng đầy tràn, nông gia sẽ rất bận rộn. Nếu làm những chuyện lớn lao, Trời sẽ ra tai.

oOo

A. Hán Văn

12. 是月也. 土潤溽暑. 大雨時行. 燒薙行水. 利以殺草. 如以熱湯. 可以糞田疇. 可以美土疆.

13. 季夏行春令. 則穀實鮮落. 國多風欬. 民乃遷徙行秋令. 則丘隰水潦. 禾稼不熟. 乃多女災. 行冬令. 則風寒不時. 鷹隼蚤鷺. 四鄙入保.

B. Phiên âm

12. Thị nguyệt đã, thổ nhuận nhục thử. Đại vũ thời hành. Thiêu thể hành thủy, lợi dĩ sát thảo, như dĩ nhiệt thang, khả dĩ phần điền trù, khả dĩ mỹ thổ cương.

13. Quý Hạ hành Xuân lệnh, tắc cốc thực tiên lạc, quốc đa phong khải; dân nãi thiên tử. Hành Thu lệnh, tắc khâu thấp thủy lạo, hoà giá bất thực, nãi đa nữ tai. Hành Đông lệnh, tắc phong hàn bất thời, ưng chuẩn tảo chí, tứ bỉ nhập bảo.

C. Dịch

12. Tháng này đất ẩm và khí nóng. Trời thường mưa to. Nước nóng như sôi làm chết cỏ đã bị cắt, và chết cả rễ cỏ. Cỏ chết lại thành như phân bón ruộng, làm cho đất xốp hơn.

13. Tháng cuối Hạ, mà cư xử theo như mùa Xuân, các hạt sẽ rụng non. Trong nước nhiều người bị cảm ho; dân sẽ di cư. Nếu cư xử theo như mùa Đông, sẽ có gió lạnh không đúng thời tiết; chim ưng, chim cắt sẽ bắt mồi sớm; dân chúng gần biên cảnh sẽ phải rút vào trong thành chống giặc.

oOo

A. Hán Văn

14. 中央土.
15. 其日戊己.
16. 其帝黃帝. 其神后土.
17. 其蟲倮.
18. 其音宮. 律中黃鍾之宮.

B. Phiên âm

14. Trung ương Thổ.
15. Kỳ nhật Mậu Kỷ.
16. Kỳ đế Hoàng Đế. kỳ thần Hậu Thổ.
17. Kỳ trùng khỏa.
18. Kỳ âm Cung, luật trung Hoàng Chung chi cung.

C. Dịch

14. Trung ương là Thổ.
15. Ứng với ngày Mậu Kỷ.
16. Ứng với Hoàng Đế, thần Hậu Thổ.
17. Ứng với các loài có da trơn.
18. Ứng với cung Cung, ứng với Hoàng Chung, cho dấu Cung.

oOo

A. Hán Văn

19. 其數五. 其味甘. 其臭香.

20. 其祀中霗. 祭先心.

21. 天子居太廟大室. 乘大路. 駕黃(馬明). 載黃旂. 衣黃衣. 服黃玉. 食稷與牛. 其器圖以閼.

B. Phiên âm

19. Kỳ số ngũ, kỳ vị cam, kỳ xú hương.

20. Kỳ tự Trung Lưu, tế tiên tâm.

21. Thiên tử cư Thái miếu, Thái thất, thừa đại lộ, giá hoàng lựu. tải hoàng kỳ, ý hoàng y. phục hoàng ngọc, thực tắc dữ ngưu, kỳ khí viên dĩ hoành.

C. Dịch

19. Ứng số 5, vị ngọt, mùi thơm.

20. Cúng thần hậu Tắc nơi giữa nhà; cúng tim trước.

21. Thiên tử ngự nơi Thái Miếu, Thái Thất, ngựa xe lớn, có thừng ngựa lông vàng đuôi đen, trượng cờ vàng, mặc phẩm phục vàng, đeo ngọc vàng, ăn kê và bò. Đồ đạc dùng có hình tròn và lớn (tượng trưng đất).

oOo

A. Hán Văn

22. 孟秋之月. 日在翼. 昏建星中. 旦畢中.

23. 其日庚辛.

24. 其帝少皞. 其神蓐收.

25. 其蟲毛.

26. 其音商. 律中夷則.

B. Phiên âm

22. Mạnh Thu chi nguyệt, nhật tại Dực, hôn Kiến Tinh trung, đán Tất trung.

23. Kỳ nhật Canh Tân.

24. Kỳ đế Thiếu Hạo, kỳ thần Nhục Thu.

25. Kỳ trùng mao.

26. Kỳ âm Thương, luật trung Di Tắc.

C. Dịch

22. Tháng đầu Thu, mặt trời ở chòm sao Dực (la Coupe); Sao Kiến Tinh (la Tête du Sagittaire) qua kinh tuyến buổi chiều; Sao Tất (les Hyades) qua kinh tuyến buổi sáng.

23. Ngày là Canh Tân.

24. Ứng vào vua Thiếu Hạo, vào thần Nhục Thu.

25. Ứng vào loài có lông.

26. Ứng cung Thương, dấu Di Tắc.

oOo

A. Hán Văn

27. 其數九. 其味辛. 其臭腥.

28. 其祀門. 祭先肝.

29. 涼風至. 白露降. 寒蟬鳴. 鷹乃祭鳥. 用始行戮.

30. 天子居總章左個. 乘戎路. 駕白駱. 載白旂. 衣白衣. 服白玉. 食麻與犬. 其器廉以深.

B. Phiên âm

27. Kỳ số cửu, kỳ vị tân, kỳ xú tinh.

28. Kỳ tự Môn, tế tiên can.

29. Lương phong chí, bạch lộ giáng, hàn thiên minh, ưng nãi tế điều, dụng thủy hành chạc.

30. Thiên tử cư Tổng Chương tả cá, thừa nhung lộ, giá bạch lạc, tải bạch kỳ, ý bạch y. phục bạch ngọc, thực ma dữ khuyến, kỳ khí liêm dĩ thâm.

C. Dịch

27. Ứng số 9, vị cay, mùi tanh.

28. Ứng thần cửa, cúng gan trước.

29. Gió mát thổi, sương trắng rơi, ve sầu kêu. Chim ưng bắt chim con như để tế thần và bắt đầu thi hành công việc giết lát.

30. Thiên tử ở góc tả cung Tổng Chương, ngự xe trận, thắng ngựa trắng bờm đen, trường cò trắng, mặc phẩm phục áo trắng, đeo ngọc trắng, ăn vừng và thịt chó; đồ dùng có góc và sâu (tượng trưng mùa thu sẽ làm chết cây cỏ.)



A. Hán Văn

31. 是月也. 以立秋. 先立秋三日. 太史謁之天子曰. 某日立秋. 盛德在金. 天子乃齋. 立秋之日. 天子親帥三公. 九卿. 諸侯. 大夫. 以迎秋於西郊. 還反. 賞軍帥武人於朝.

B. Phiên âm

31. Thị nguyệt dã, dĩ Lập Thu, tiên Lập Thu tam nhật, thái sử yết chi Thiên tử viết: «Mỗ nhật Lập Thu, thịnh đức tại kim.» Thiên tử nãi trai. Lập Thu chi nhật, Thiên tử thân soái tam công, cửu khanh, chư hầu, đại phu, dĩ nghinh Thu ư Tây Giao. Hoàn phản, thưởng quân soái vũ nhân ư triều.

C. Dịch

31. Tháng này Lập Thu. Trước Lập Thu ba ngày, quan thái sử tâu cùng Thiên tử: «Ngày mỗ Lập Thu, oai Trời sẽ phát hiện trong kim khí.» Vua liền trai giới. Tới ngày Lập Thu vua thân dẫn tam công, cửu khanh, chư hầu, đại phu ra cánh đồng phía Tây đón Thu về. Khi về triều, vua ban thưởng cho nguyên soái và các quan võ.



A. Hán Văn

32. 天子乃命將帥. 選士厲兵. 簡練桀俊. 專任有功. 以征不義. 詰誅暴慢. 以明好惡. 順彼遠方.

B. Phiên âm

32. Thiên tử nãi mệnh tướng soái, tuyển sĩ lệ binh, giản luyện kiệt tuấn, chuyên nhiệm hữu công, dĩ chinh bất nghĩa, cật tru bạo mạn, dĩ minh hiếu ố, thuận bỉ viễn phương.

C. Dịch

32. Thiên tử truyền các tướng soái chọn những binh sĩ và khí giới tốt, tuyển luyện những người có khả năng; bổ dụng vào các cấp chỉ huy những người có công trạng, để chinh thảo kẻ bất nghĩa; đàn hạch, trừng phạt kẻ ngạo mạn, để tỏ cho mọi người biết nhà vua thích gì, ghét gì, và cũng là để thuận theo ý dân dù là ở nơi xa xôi.

oOo

A. Hán Văn

33. 是月也。命有司。脩法制。繕囹圄。具桎梏。禁止姦。慎罪邪。務搏執。命理瞻傷。察創。視折。審斷。決獄訟必端平。戮有罪。嚴斷刑。天地始肅。不可以贏。

B. Phiên âm

33. Thị nguyệt dã, mệnh hữu tư, tu pháp chế; thiện linh ngũ; cụ trất cốc; cấm chỉ gian, thận tội tà; vụ bác chấp; mệnh lý chiêm thương sát sang; thị triết, thẩm đoan; quyết ngục tụng, tất đoan bình, chạc hữu tội, nghiêm đoán hình. Thiên địa thủy túc, bất khả dĩ doanh.

C. Dịch

33. Tháng này truyền quan hữu tư kiểm điểm lại pháp chế, sửa sang lại ngục tù, sắm sẵn gông cùm; ngăn chặn các sự gian trá; lưu ý đến các tội tình, bắt giữ tội nhân, từ vết xẻ thịt đến chỗ gãy xương, phân xử hình án cho công minh; trừng phạt tội nhân cho xứng đáng. Trời đất bắt đầu tỏ ra nghiêm khắc; nhưng phải cẩn thận, đừng làm gì quá mức.

oOo

A. Hán Văn

34. 是月也。農乃登穀。天子嘗新。先薦寢廟。

35. 命百官始收斂。完隄防。謹壅塞。以備水潦。脩宮室。坏垣牆。補城郭。

36. 是月也。毋以封諸侯。立大官。毋以割地。行大使。出大幣。

B. Phiên âm

34. Thị nguyệt dã, nông nãi đăng cốc, Thiên tử thường tân, tiên tiến tẩm miếu.

35. Mệnh bách quan thủy thu liễm, hoàn đề phòng, cẩn ứng tắc, dĩ bị thủy潦, tu cung thất, phối viên tường, bổ thành quách.

36. Thị nguyệt dã, vô dĩ phong chư hầu, lập đại quan, vô dĩ cát địa, hành đại sứ, xuất đại tệ.

C. Dịch

34. Tháng này là mùa gặt hái. Vua ăn các loại lúa, hạt mới, sau khi tiến dâng nơi tẩm miếu.

35. Các quan được lệnh thu các loại thuế, làm cho hoàn tất đề điều, hàn trám các chỗ rạn nứt, đề phòng thủy tai, sửa lại nhà cửa, tường vách, thành lũy.

36. Tháng này không nên phong chức cho chư hầu mới, hay lập quan chức lớn; không nên chia cắt đất đai, sai đại sứ hay cho tặng phẩm lớn.

oOo

A. Hán Văn

37. 孟秋行冬令。則陰氣大勝。介蟲敗穀。戎兵乃來。行春令。則其國乃旱。陽氣復還。五穀無實。行夏令。則國多火災。寒熱不節。民多瘧疾。

B. Phiên âm

37. Mạnh Thu hành Đông lệnh, tắc âm khí đại thắng, giới trùng bại cốc, nhung binh nãi lai. Hành Xuân lệnh, tắc kỳ quốc nãi hạn, dương khí phục hoàn, ngũ cốc vô thật. Hành Hạ lệnh, tắc quốc đa hoả tai, hàn nhiệt bất tiết, dân đa ngược tật.

C. Dịch

37. Tháng đầu Thu mà cư xử theo như mùa Đông, âm khí sẽ thắng, sâu bọ sẽ phá hoại mùa màng, sẽ có giặc giã. Cư xử theo như mùa Xuân, nước sẽ có hạn hán, dương khí sẽ trở lại, và lúa má sẽ không có hạt. Cư xử theo như mùa Hạ, nước sẽ có hỏa tai, nóng lạnh thất thường, dân bị sốt rét nhiều.

oOo

TIẾT V

A. Hán Văn

1. 仲秋之月. 日在角. 昏牽牛中. 旦觜觿中.
2. 其日庚辛. 其帝少皞. 其神蓐收. 其蟲毛. 其音商. 律中南呂.
3. 其數九. 其味辛. 其臭腥. 其祀門. 祭先肝.

B. Phiên âm

1. Trọng Thu chi nguyệt, nhật tại Giác, hôn Khiên Ngưu trung, đán Chuỷ Huê trung.
2. Kỳ nhật Canh Tân, kỳ đế Thiếu Hạo, kỳ thần Nhục Thu, kỳ trùng mao, kỳ âm Thương, luật trung Nam Lữ.
3. Kỳ số cửu, kỳ vị tân, kỳ xú tinh, kỳ tự môn, tế tiên can.

C. Dịch

1. Tháng giữa Thu, mặt trời ở chòm sao Giác (l'Epi de la Vierge). Sao Khiên Ngưu (le Cou de l'Aigle) qua kinh tuyến vào buổi chiều, sao Chuỷ Huê (la Tête d'Orion) qua kinh tuyến buổi sáng.
2. Ngày là Canh Tân, ứng vào vua Thiếu Hạo, thần Nhục Thu, vào loại có lông, vào cung Thương, vào dẫu Nam Lữ.
3. Ứng vào số 9, vị cay, mùi tanh. Cúng thần cửa, cúng gan trước.

oOo

A. Hán Văn

4. 盲風至. 鴻鴈來. 玄鳥歸. 群鳥養羞.
5. 天子居總章太廟. 乘戎路. 駕白駱. 載白旂. 衣白衣. 服白玉. 食麻與犬. 其器廉以深.
6. 是月也. 養衰老. 授几杖. 行糜粥飲食.

B. Phiên âm

4. Mạnh phong chí, hồng nhạn lai, huyền điểu quy, quần điểu dưỡng tu.
5. Thiên tử cư Tổng Chương Thái Miếu, thừa nhung lộ, giá bạch lạc, tải bạch kỳ, ý bạch y, phục bạch ngọc, thực ma dữ khuyến, kỳ khí liên dĩ thâm.
6. Thị nguyệt dã, dưỡng suy lão, thụ kỷ trượng, hành mê chúc ẩm thực.

C. Dịch

4. Gió thổi mạnh, chim hồng, chim nhạn bay về. Én về Nam. Chim chóc tích lương thực.

5. Thiên tử ngự cung Tổng Chương, ngự xe trận, thẳng ngựa bạch có bờm đen, trường cờ trắng, mặc phẩm phục trắng, đeo ngọc trắng, ăn vừng và thịt chó. Dùng đồ có góc và sâu.

6. Tháng này nuôi kẻ già yếu, cho họ ghế ngồi, gậy chống, cho cháo và đồ ăn, đồ uống.

oOo

A. Hán Văn

7. 乃命司服. 具飭衣裳. 文繡有恆. 制有小大度. 有長短. 衣服有量. 必循其故. 冠帶有常.

8. 乃命有司. 申嚴百刑. 斬殺必當. 毋或枉撓. 枉撓不當. 反受其殃.

B. Phiên âm

7. Nãi mệnh tư phục, cụ sức y thường; văn tú hữu hằng, chế hữu tiểu đại độ, hữu trường đoản, y phục hữu lượng, tất tuần kỳ cố, quan đai hữu thường.

8. Nãi mệnh hữu tư, thân nghiêm bách hình, trảm sát tất đáng, vô hoặc uổng nạo, uổng nạo bất đáng, phản thụ kỳ ương.

C. Dịch

7. Truyền quan coi về áo mao phải may sắm y thường phẩm phục. Các kiểu trang sức thêu trên y thường phải đúng phép. Kích thước vắn dài cũng phải theo đúng lệ. Cân đai mũ mãng cũng hợp phép tắc.

8. Truyền quan hữu tư xét lại các hình án, chém giết phải cho đúng, không được chém giết oan; nếu có oan uổng sẽ bị Trời phạt.

oOo

A. Hán Văn

9. 是月也. 乃命宰祝. 循行犧牲. 視全具. 案芻豢. 瞻肥瘠. 察物色. 必比類. 量小大. 視長短. 皆中度. 五者備當. 上帝其饗.

10. 天子乃難. 以達秋氣.

B. Phiên âm

9. Thị nguyệt dã, nãi mệnh tể chúc tuần hành hi sinh; thị toàn cụ, án xô hoạn, chiêm phì tích, sát vật sắc, tất tỉ loại. Lượng tiểu đại, thị trường đoản, giai trúng độ, ngũ giả bị đáng, Thượng Đế kỳ hưởng.

10. Thiên tử nãi nạn, dĩ đạt thu khí.

C. Dịch

9. Tháng này quan coi việc tế lễ phải đi thị sát các vật hi sinh, xem chúng có được hoàn toàn không, xem xét cả hai loại ăn cỏ và ăn thóc; xem béo gầy, màu mỡ ra sao. Ước lượng lớn bé, trông xem dài vắn cho hợp phép tắc, nếu các vật có đủ 5 điều kiện (nguyên vẹn, nuôi tử tế, béo mập, có màu sắc và kích thước hợp lệ) sẽ được Thượng Đế chuẩn nhận.

10. Vua làm lễ cầu an, để cho khí thu thông đạt.

oOo

A. Hán Văn

11. 以犬嘗麻. 先薦寢廟.

12. 是月也. 可以築城郭. 建都邑. 穿竇窖. 脩囷倉.

13. 乃命有司. 趣民收斂. 務畜菜. 多積聚.
 14. 乃勸種麥. 毋或失時. 其有失時. 行罪無疑.

B. Phiên âm

11. Dĩ khuyến thường ma, tiên tiến tẩm miếu.
 12. Thị nguyệt dã, khả dĩ trúc thành quách, kiến đô ấp, xuyên đậu diếu, tu khuân thương.
 13. Nãi mệnh hữu tư, thú dân thu liễm, vụ súc thái, đa tích tụ.
 14. Nãi khuyến chủng mạch, vô hoặc thất thời, kỳ hữu thất thời, hành tội vô nghi.

C. Dịch

11. Vua ăn thịt chó với vừng sau khi đã cúng nơi tẩm miếu.
 12. Tháng này có thể xây thành quách, dựng đô ấp, đào hào, đào mương, sửa sang lại các vựa lẫm.
 13. Truyền quan hữu tư thúc dân nạp thuế, cho hái rau, trữ thực phẩm.
 14. Khuyến gieo lúa mạch, đừng để mất thời cơ; để lỡ thời cơ sẽ phải phạt.

oOo

A. Hán Văn

15. 是月也. 日夜分. 雷始收聲. 蟄蟲坏戶. 殺氣浸盛. 陽氣日衰. 水始涸.
 16. 日夜分. 則同度量. 平權衡. 正鈞石. 角斗甬.

B. Phiên âm

15. Thị nguyệt dã, nhật dạ phân, lôi thủy thu thanh. Chập trùng phôi hộ. Sát khí sâm thịnh, dương khí nhật suy; thủy thủy hạc.

16. Nhật dạ phân, tắc đồng độ, lượng; bình quyền, hành; chính quân thạch; giác đấu dũng.

C. Dịch

15. Tháng này Thu phân. Trời hết nổi sấm. Các vật đông miên (animaux hibernants) bít miệng hang. Sát khí càng mạnh, dương khí càng suy, nước bắt đầu cạn.

16. Tiết Thu phân, kiểm soát lại thước tắc, độ lượng, cân cân, quả cân, sửa lại đấu, dũng. (*)

(*) Quyền = quả cân; Hành = cân cân; Quân = 30 cân; Thạch = 120 cân; Đấu = đấu; Dũng = 10 đấu.

oOo

A. Hán Văn

17. 是月也. 易關市. 來商旅. 納貨賄. 以便民事. 四方來集. 遠鄉皆至. 則財不匱. 上無乏用. 百事乃遂.

18. 凡舉大事. 毋逆大數. 必順其時. 慎因其類.

B. Phiên âm

17. Thị nguyệt dã, dị quan thị, lai thương lữ, nạp hoá hối, dĩ tiện dân sự; tứ phương lai tập; viễn hương giai chí, tắc tài bất quĩ. thượng vô pháp dụng, bách sự nãi tại.

18. Phạm cử đại sự, vô nghịch đại số, tất thuận kỳ thời, thận nhân kỳ loại.

C. Dịch

17. Tháng này giảm thuế nơi quan ải chợ búa, chiêu lai khách thương từ bốn phương tới, từ những xứ xa tới, các thức cần dùng sẽ không thiếu, các công việc sẽ tiến hành dễ dàng.

18. Khi muốn làm công chuyện lớn, không nên trái đạo Trời, phải chọn thời cơ thuận tiện, và xem xét kỹ lưỡng tính chất của công việc.

oOo

A. Hán Văn

19. 仲秋行春令. 則秋雨不降. 草木生榮. 國乃有恐. 行夏令. 則其國乃旱. 蟄蟲不藏. 五穀復生. 行冬令. 則風災數起. 收雷先行. 草木蚤死.

B. Phiên âm

19. Trọng Thu hành Xuân lệnh, tắc Thu vũ bất giáng, thảo mộc sinh vinh, quốc nãi hữu khủng. Hành Hạ lệnh, tắc kỳ quốc nãi hạn, chấp trùng bất tàng, ngũ cốc phục sinh. Hành Đông lệnh, tắc phong tai số khởi, thu lôi tiên hành, thảo mộc tảo tử.

C. Dịch

19. Tháng giữa Thu mà cư xử theo như mùa Xuân, mưa Thu sẽ không rơi; thảo mộc sẽ ra hoa; nước sẽ gặp sợ hãi. Cư xử theo như mùa Hạ, nước sẽ bị hạn hán, các vật đông miên sẽ chui ra ngoài; lúa má sẽ lớn lại. Cư xử theo mùa đông, gió lạnh sẽ phá hoại, sấm sẽ động sớm: cây cối chết sớm.

oOo

A. Hán Văn

20. 季秋之月. 日在房. 昏虛中. 旦柳中.

21. 其日庚辛. 其帝少皞. 其神蓐收. 其蟲毛. 其音商. 律中無射.

22. 其數九. 其味辛. 其臭腥. 其祀門. 祭先肝.

B. Phiên âm

20. Quý thu chi nguyệt, nhật tại Phòng, hôn Hư trung, đán Liễu trung.

21. Kỳ nhật Canh Tân, kỳ đế Thiệu Hạo, kỳ thần Nhục Thu, kỳ trùng mao, kỳ âm Thương, luật trung Vô Dịch.

22. Kỳ số cửu, kỳ vị tân, kỳ xú tinh, kỳ tự môn, tế tiên can.

C. Dịch

20. Tháng cuối Thu, mặt trời tại sao Phòng (la Tête du Scorpion). Sao Hư (le Petit Cheval) qua kinh tuyến buổi chiều; sao Liễu (la tête de l'Hydre) qua kinh tuyến buổi sáng.

21. Ngày là Canh tân, ứng vào vua Thiệu Hạo, vào thần Nhục Thu, vào loài có lông, vào âm Thương, vào dấu Vô Dịch.

22. Ứng số 9, vị cay, mùi tanh, tế thần cửa, cúng gan trước.

oOo

A. Hán Văn

23. 鴻鴈來賓. 爵入大水為蛤. 鞠有黃華. 豺乃祭獸戮禽.

24. 天子居總章右個. 乘戎路. 駕白駱. 載白旂. 衣白衣. 服白玉. 食麻與犬. 其器廉以深.

B. Phiên âm

23. Hồng nhận lai tân, tước nhập đại thủy vi cấp, cúc hữu hoàng hoa, sài nãi tế thú, chạc cầm.

24. Thiên tử cư Tổng Chương hữu cá, thừa nhung lộ, giá bạch lạc, tải bạch kỳ, ý bạch y, phục bạch ngọc, thực ma dữ khuyến, kỳ khí liên dĩ thâm.

C. Dịch

23. Hồng nhận về trú tạm; chim sẻ nhào xuống biển hóa thành trai. Cúc nở hoa vàng. Sói bắt đầu săn mồi.

24. Thiên tử ngự cung phía hữu cung Tổng Chương, ngự chiến xa trắng ngựa trắng bờm đen, trưng cờ trắng, mặc phẩm phục trắng, đeo ngọc trắng, ăn vừng và thịt chó, dùng đồ có góc và sâu.

oOo

A. Hán Văn

25. 是月也。申嚴號令。命百官貴賤無不務內。以會天地之藏。無有宣出。

26. 乃命冢宰農事備收。舉五穀之要。藏帝藉之收於神倉。祇敬必飭。

B. Phiên âm

25. Thị nguyệt dã, thân nghiêm hiệu lệnh, mệnh bách quan quý tiện vô bất vụ nội, dĩ hội thiên địa chi tàng, vô hữu tuyên xuất.

26. Nãi mệnh trủng tể nông sự bị thu cử ngũ cốc chi yếu, tàng đế tịch chi thu ư thần thương, chi kính tất sức.

C. Dịch

25. Tháng này tuyên cáo hiệu lệnh một cách nghiêm chỉnh, truyền bá quan, ai nấy phải lo thu thập, bắt chước đường lối trời đất, không được phát tán.

26. Quan trủng tể được lệnh làm sổ sách lúa gạo cho cẩn thận, sau khi công việc mùa màng đã hoàn tất, lúa má gặt được ở đạo điền phải cất vào kho lẫm dành cho việc tế tự và phải làm cho thành kính.

oOo

A. Hán Văn

27. 是月也。霜始降。則百工休。

28. 乃命有司曰。寒氣總至。民力不堪。其皆入室。

29. 上丁。命樂正。入學習吹。

30. 是月也。大饗帝。嘗犧牲。告備于天子。

B. Phiên âm

27. Thị nguyệt dã, sương thủy giáng, tắc bách công hưu.

28. Nãi mệnh hữu tư viết: Hàn khí tổng chí, dân lực bất kham, kỳ giai nhập thất.

29. Thượng Đinh, mệnh nhạc chính nhập học tập xuy.

30. Thị nguyệt dã, đại hưởng đế, thường hi sinh, cáo bị vu Thiên tử.

C. Dịch

27. Tháng này sương trắng bắt đầu sa, các công việc đều ngưng nghỉ.

28. Quan chức nhận được lệnh rằng: Trời đã trở lạnh, dân chúng không chịu nổi rét. Hãy cho họ về nhà.

29. Ngày Đinh đầu tiên trong tháng, truyền nhạc quan vào trường dạy học trò xử dụng các loại âm nhạc thổi bằng miệng.

30. Tháng này tâu lên vua rằng các vật hi sinh đã sẵn sàng để làm đại lễ kính Trời và tế tổ tiên.

oOo

A. Hán Văn

31. 合諸侯.制百縣.為來歲受朔日.與諸侯所稅於民輕重之法.貢職之數.以遠近土地所宜為度.以給郊廟之事.無有所私.

32. 是月也.天子乃教於田獵.以習五戎.班馬政.

B. Phiên âm

31. Hợp chư hầu, chế bách huyện. Vì lai tuế thụ sóc nhật, dĩ chư hầu sở thuế ư dân khinh trọng chi pháp, cống chức chi số, dĩ viễn cận thổ địa sở nghi vi độ, dĩ cấp giao miếu chi sự, vô hữu sở tư.

32. Thị nguyệt dã, Thiên tử nãi giáo ư điền猎, dĩ tập ngũ nhung, ban mã chính.

C. Dịch

31. Vua hợp chư hầu và truyền lệnh cho các quận huyện trực thuộc. Phát lịch năm tới; định mức thuế khóa chư hầu được thu của dân, ấn định cống lễ tùy theo sự xa gần, giàu nghèo của mỗi xứ, và cũng là để cung ứng nhu cầu tế tự nơi giao miếu, và để tránh mọi bất công.

32. Tháng này Thiên tử thống suất thuộc hạ đi săn, để cho họ tập luyện 5 loại khí giới (cung tên, thù, mâu, qua, thích) và để tập đánh các loại xe ngựa.

oOo

A. Hán Văn

33. 命僕及七駟咸駕.載旌旆.授車以級.整設于屏外.司徒摺扑.北面誓之.

34. 天子乃厲飾.執弓挾矢以獵.命主祠祭禽于四方.

35. 是月也.草木黃落.乃伐薪為炭.

B. Phiên âm

33. Mệnh bộc cập thất sô hàm giá, tải tinh triệu thụ xa dĩ cấp, chỉnh thiết vu bình ngoại, tư đồ tấn phác, bắc diện thệ chi.

34. Thiên tử nãi lệ sức, chấp cung, hiệp thi dĩ猎, mệnh chủ từ tế cầm vu tứ phương.

35. Thị nguyệt dã, thảo mộc hoàng lạc, nãi phạt tân vi than.

C. Dịch

33. Truyền cho các người đánh xe và các người giữ ngựa thắt ngựa, trương các cờ tỉnh, cờ triệu, phân phát xe cộ cho các hàng quan theo phẩm trật, sắp xe thành hàng lối trước bình phong. Quan tư đồ buộc roi vào thắt lưng, ngoảnh mặt về phương Bắc, để nói cùng quần chúng.

34. Thiên tử nãi nịt hần hoi, cầm cung, cặp tên và bắt đầu săn. Truyền quan coi về tế tự dâng thú săn cho tứ phương thần.

35. Tháng này lá cây vàng rụng. Người ta chặt củi đốt than.

oOo

A. Hán Văn

36. 蟄蟲咸俯。在內皆瑾其戶。乃趣獄刑。毋留有罪。收祿秩之不當。供養之不宜者。

37. 是月也。天子乃以犬嘗稻。先薦寢廟。

B. Phiên âm

36. Chập trùng hàm phủ, tại nội giai cận kỳ hộ. Nãi thú ngục hình; vô lưu hữu tội, thu lộc trật chi bất đáng, cung dưỡng chi bất nghi giả.

37. Thị nguyệt dã, Thiên tử nãi dĩ khuyến thường đạo, tiên tiến tẩm miếu.

C. Dịch

36. Các loài động vật đông miên, đầu cúi cắm, nằm trong hang, bít cửa lại. Người ta xử gấp các hình án; không giữ kẻ có tội lâu; thu lại các phẩm trật, các bổng lộc không xứng đáng.

37. Tháng này Thiên tử thường thức gạo mới với thịt chó, sau khi đã tiến dâng nơi tẩm miếu.

oOo

A. Hán Văn

38. 季秋行夏令。則其國大水。冬藏殃敗。民多飢饉。行冬令。則國多盜賊。邊竟不寧。土地分裂。行春令。則煖風來至。民氣解惰。師興不居。

B. Phiên âm

38. Quý Thu hành Hạ lệnh, tắc kỳ quốc đại thủy; đông tàng ương bại; dân đa cầu chí. Hành Đông lệnh, tắc quốc đa đạo tặc, biên cảnh bất ninh, thổ địa phân liệt. Hành Xuân lệnh, tắc noãn phong lai chí, dân khí giải nhược, sư hưng bất cư.

C. Dịch

38. Tháng cuối Thu mà cư xử theo như mùa Hạ, nước sẽ có lụt; các vật thực súc tích để dùng trong nhà mùa Đông sẽ bị hư hỏng; dân chúng sẽ có nhiều người bị khát hơi, sổ mũi. Cư xử theo như mùa Đông, nước sẽ có đạo tặc, biên giới sẽ mất an ninh, đất đai sẽ bị chia xẻ. Cư xử theo như mùa Xuân, sẽ có gió nóng thổi tới, mọi người sẽ mệt nhọc uể oải. Quân lính sẽ phải vất vả.

oOo

TIẾT VI

A. Hán Văn

1. 孟冬之月。日在尾。昏危中。旦七星中。

2. 其日壬癸。

3. 其帝顓頊。其神玄冥。

4. 其蟲介。

B. Phiên âm

1. Mạnh Đông chi nguyệt, nhật tại Vĩ. hôn Nguy trung, đán Thất tinh trung.

2. Kỳ nhật Nhâm Quý.

3. Kỳ đế Chuyên Húc, kỳ thần Huyền Minh.

4. Kỳ trùng giới.

C. Dịch

1. Tháng đầu mùa Đông, mặt trời ở chòm sao Vĩ (la Queue du Scorpion). Chòm sao Nguy (a du

Verseau, ε du Pégase) qua kinh tuyến buổi chiều; sao Thất Tinh (la Tête de l'Hydre) qua kinh tuyến buổi sáng.

2. Ngày là Nhâm Quý.
3. Ứng với vua Chuyên Húc, với thần Huyền Minh.
4. Với loài sâu bọ có vỏ cứng.

oOo

A. Hán Văn

5. 其音羽. 律中應鍾.
6. 其數六. 其味鹹. 其臭朽.
7. 其祀行. 祭先腎.
8. 水始冰. 地始凍. 雉入大水為蜃. 虹藏不見.

B. Phiên âm

5. Kỳ âm Vũ, luật trung Ứng Chung.
6. Kỳ số lục, kỳ vị hàm, kỳ xú hủ.
7. Kỳ tự hành, tế tiên thận.
8. Thuỷ thuỷ băng, địa thuỷ đông, trĩ nhập đại thuỷ vi thận; hồng tàng bất kiến.

C. Dịch

5. Ứng với âm Vũ, ứng với dấu Ứng Chung.
6. Ứng số 6, vị mặn, mùi thối.
7. Cúng thần coi đường đi, cúng thận trước.
8. Nước bắt đầu đóng băng, đất có giá phủ; chim trĩ nhào xuống nước hóa thành sò. Không còn thấy cầu vồng.

oOo

A. Hán Văn

9. 天子居玄堂左個. 乘玄路. 駕鐵驪. 載玄旂. 衣黑衣. 服玄玉. 食黍與薺. 其器閔以菴.

B. Phiên âm

9. Thiên tử cư Huyền Đường tả cá. Thừa huyền lộ, giá thiết ly; tải huyền kỳ; ý hắc y, phục huyền ngọc, thực thử dữ trệ, kỳ khí hoành dĩ yểm.

C. Dịch

9. Thiên tử ngự cung góc phía tả cung Huyền Đường. Xa giá màu huyền, thắng ngựa ô, trưng cờ xám, mặc áo đen, đeo ngọc huyền, ăn kê và thịt lợn; đồ dùng rộng và sâu.

oOo

A. Hán Văn

10. 是月也. 以立冬. 先立冬三日. 太史謁之天子曰. 某日立冬. 盛德在水. 天子乃齋. 立冬之日. 天子親帥三公九卿大夫. 以迎冬於北郊. 還反. 賞死事. 恤孤寡.

B. Phiên âm

10. Thị nguyệt đã, dĩ Lập Đông. Tiên Lập Đông tam nhật, thái sử yết chi Thiên tử viết: «Mỗ nhật Lập Đông, thịnh đức tại thủy.» Thiên tử nãi trai. Lập Đông chi nhật, Thiên tử thân soái tam công, cửu khanh, đại phu, dĩ nghinh Đông ư Bắc giao. Hoàn phản, thưởng tử sự, tước cô quả.

C. Dịch

10. Tháng này Lập Đông. Ba ngày trước Lập Đông, thái sử tâu lên vua: «Ngày mỗ Lập Đông. Oai Trời sẽ hiển dương trong nước.» Thiên tử liền trai giới. Ngày Lập Đông, Thiên tử thân chinh hướng dẫn tam công, cửu khanh, đại phu, ra đồng phía Bắc đón Đông về. Lúc hồi trào, sẽ tưởng thưởng những người chết và ban ân cho vợ con họ.



A. Hán Văn

11. 是月也。命太史。釁龜策占兆。審卦吉凶。是察阿黨。則罪無有掩蔽。

12. 是月也。天子始裘。

13. 命有司曰。天氣上騰。地氣下降。天地不通。閉塞而成冬。

B. Phiên âm

11. Thị nguyệt đã, mệnh thái sử hấn qui thệ, chiêm triệu, thẩm quái, cát hung thị sát, a đảng tặc tội vô hữu yểm tế.

12. Thị nguyệt đã, Thiên tử thủy cừu.

13. Mệnh hữu tư viết: Thiên khí thượng đằng, địa khí hạ giáng, thiên địa bất thông, bế tắc nhi thành Đông.

C. Dịch

11. Tháng này truyền quan thái sử lấy máu bôi lên thi, qui, xem xét các điềm các quẻ, đoán định cát hung. Nhờ đó những kẻ dua nịnh, phản loạn đều có thể biết được.

12. Tháng này Thiên tử bắt đầu mặc áo cừu.

13. Truyền quan hữu tư: «Khí trời bốc lên, khí đất lắng xuống, trời đất không liên lạc, vì thế có mùa Đông.»



A. Hán Văn

14. 命百官謹蓋藏。命司徒循行積聚。無有不斂。

15. 坏城郭。戒門閭。脩鍵閉。慎管籥。固封疆。備邊竟。完要塞。謹關梁。塞徯徑。

B. Phiên âm

14. Mệnh bách quan cẩn cái tàng, mệnh tư đồ tuần hành tích tụ, vô hữu bất liễm.

15. Phôi thành quách, giới môn lư. Tu kiện bế, thận quản thược, cố phong cương, bị biên cánh, hoàn yếu tắc, cẩn quan lương, tắc kê kính.

C. Dịch

14. Truyền bá quan phải đậy diệm các kho lẫm cho cẩn thận, truyền quan hữu tư phải xem xét lại các kho đụn, để mọi sự đều được chu tất.

15. Người ta sửa sang lại thành quách, giữ gìn cửa ra, sửa chữa lại các khóa then, xây đắp lại bờ cõi,

biên ải, đóng các chỗ hiểm yếu, kiểm soát các ải, các cầu, chặn các đường nhỏ.

oOo

A. Hán Văn

16. 飭喪紀. 辨衣裳. 審棺槨之厚薄. 塋丘壟之大小. 高卑. 厚薄之度. 貴賤之等級.

B. Phiên âm

16. Sức táng kỷ, biện y thường, thẩm quan quách chi hậu bạc, doanh khâu lũng chi đại tiểu, cao ti, hậu bạc chi độ, quý tiện chi đẳng cấp.

C. Dịch

16. Xem xét các lệ luật về tống táng, phân định các loại áo tang, soát lại sự dày mỏng của quan quách, định kích thước của huyệt, bề cao của mộ, phân định đẳng cấp của tang lễ tùy sang hèn.

oOo

A. Hán Văn

17. 是月也. 命工師效功. 陳祭器. 按度程. 毋或作為淫巧. 以蕩上心. 必功致為上. 物勒工名. 以考其誠. 功有不當. 必行其罪. 以窮其情.

B. Phiên âm

17. Thị nguyệt dã, mệnh công sư hiệu công, trần tế khí, án độ trình. Vô hoặc tác vi dâm xảo, dĩ đẳng thượng tâm, tất công chí vi thượng, vật lặc công danh, dĩ khảo kỳ thành. Công hữu bất đáng, tất hành kỳ tội dĩ cùng kỳ tình.

C. Dịch

17. Tháng này truyền quan coi thợ đệ trình các khí cụ đã làm được, nhất là về các đồ dùng về tế tự, và phải xếp chúng theo kích thước. Không được cho làm những đồ quá đẹp, quá khéo để kích động lòng ham muốn xa hoa của các quan chức lớn. các đồ vật phải làm cho thực tốt. Tên mỗi người thợ phải được khắc vào đồ, để kiểm soát sự thành thực của họ. Nếu thấy đồ vật nào kém, sẽ phạt thợ để sửa lỗi họ.

oOo

A. Hán Văn

18. 是月也. 大飲烝.

19. 天子乃祈來年于天宗. 大割祠于公社及門閭. 臘先祖五祀. 勞農以休息之.

20. 天子乃命將帥講武. 習射御. 角力.

B. Phiên âm

18. Thị nguyệt dã, đại ẩm chưng.

19. Thiên tử nãi kỳ lai niên vu thiên tông, đại cát từ vu công xã cập môn lư. Lạp tiên tổ ngũ tự; lao nông dĩ hưu tức chi.

20. Thiên tử nãi mệnh tương soái giảng vũ, tập xạ ngự, giác lực.

C. Dịch

18. Tháng này vua cùng quần thần uống rượu, thịt tế đặt trên bàn.

19. Thiên tử cầu xin nhật nguyệt tinh cầu cho sang năm đất nước phì nhiêu. Giết nhiều vật để cúng tế các thần đất đai và cửa rã. Cúng dâng thời vật cho vong linh tiên tổ và thần coi năm phần trong nhà. Cho

nông dân ăn uống để giải lao.

20. Vua truyền tướng soái giảng võ, dạy binh lính tập bắn, tập đánh xe, thí võ.

oOo

A. Hán Văn

21. 是月也。乃命水虞漁師。收水泉池澤之賦。毋或敢侵削眾庶兆民。以為天子取怨于下。其有若此者。行罪無赦。

B. Phiên âm

21. Thị nguyệt dã, nãi mệnh thủy ngư ngư sư, thu thủy tuyền trì trạch chi phú, vô hoặc cảm xâm tước chúng thứ triệu dân, dĩ vi Thiên tử thủ oán vu hạ. Kỳ hữu nhược thử giả, hành tội vô xá.

C. Dịch

21. Tháng này truyền các quan phụ trách về ngư nghiệp hồ hải thu thuế về sông, ngòi, hồ, ao. Cấm không được lạm thu hay tước đoạt của dân để họ có thể ta oán Thiên tử. Kẻ nào phạm tội ấy sẽ bị trừng phạt không khoan xá.

oOo

A. Hán Văn

22. 孟冬行春令。則凍閉不密。地氣上泄。民多流亡。行夏令。則國多暴風。方冬不寒。蟄蟲復出。行秋令。則雪霜不時。小兵時起。土地侵削。

B. Phiên âm

22. Mạnh Đông hành Xuân lệnh, tắc đông bế bất mật, địa khí thượng tiết, dân đa lưu vong. Hành Hạ lệnh, tắc quốc đa bạo phong; phương Đông bất hàn, chấp trùng phục xuất. Hành Thu lệnh, tắc tuyết sương bất thời, tiểu binh thời khởi. thổ địa xâm tước.

C. Dịch

22. Tháng đầu Đông mà cư xử theo như mùa Xuân, lớp giá đóng trên mặt đất sẽ không kín, khí đất sẽ bốc lên, dân sẽ có nhiều người bị lưu vong ly tán. Cư xử theo như mùa Hạ, nước sẽ có gió mạnh nhiều; mùa Đông sẽ không lạnh, các loài đông miên sẽ ra khỏi hang tổ. Cư xử theo như mùa Thu, tuyết sương sẽ thất thời, sẽ có giặc giã nhỏ, nước sẽ bị xâm lăng và bị mất đất.

oOo

A. Hán Văn

23. 仲冬之月。日在斗。昏東壁中。旦軫中。

24. 其日壬癸。其帝顓頊。其神玄冥。其蟲介。其音羽。律中黃鍾。

B. Phiên âm

23. Trọng Đông chi nguyệt, nhật tại Đẩu; hôn Đông Bích trung; đán Chấn trung.

24. Kỳ nhật Nhâm Quý, kỳ đế Chuyên Húc, kỳ thần Huyền Minh, kỳ trùng giới, kỳ âm Vũ, luật trung Hoàng Chung.

C. Dịch

23. Tháng giữa mùa Đông mặt trời tại chòm sao Đẩu (l'épaule et l'arc du Sagittaire). Chòm sao Đông Bích (Algénib de Pégase et a d'Andromède) qua kinh tuyến buổi chiều, chòm sao Chấn (le Corbeau) qua kinh tuyến buổi sáng.

24. Ngày là ngày Nhâm Quý, ứng với vua Chuyên Húc, với thần Huyền Minh, với loài có vỏ cứng; với âm Vũ, với dấu Hoàng Chung.

oOo

A. Hán Văn

25. 其數六. 其味鹹. 其臭朽. 其祀行. 祭先賢.

26. 冰益壯. 地始坼. 鶡旦不鳴. 虎始交.

B. Phiên âm

25. Kỳ số lục, kỳ vị hàm, kỳ xú hủ, kỳ tự hành; tế tiên thận.

26. Băng ích tráng, địa thủy sách, hạt đán (*) bắt minh, hổ thủy giao.

(*) Hạt đán là một con chim núi hót về đêm và như gọi bình minh tới.

鶡旦山鳥 (高誘) 夜鳴而求日 (方慤)

C. Dịch

25. Ứng số 6, ứng vị mặn, mùi thối. Cúng thần coi về đường đi, cúng thận trước.

26. Băng dày thêm, d8a61t nứt ra; chim gọi ngày không hót nữa, hổ bắt đầu đi giống.

oOo

A. Hán Văn

27. 天子居玄堂太廟. 乘玄路. 駕鐵驪. 載玄旂. 衣黑衣. 服玄玉. 食黍與粢. 其器閔以菴.

28. 飭死事.

B. Phiên âm

27. Thiên tử cư Huyền Đường Thái miếu, thừa huyền lộ, giá thiết ly, tải huyền kỳ, ý hắc y, phục huyền ngọc, thực thử dĩ trệ, kỳ khí hoành dĩ yểm.

28. Sức tử sự.

C. Dịch

27. Thiên tử ngự cung Huyền Đường, xa giá màu huyền, thắng ngựa ô, trường cờ xám, mặc áo đen, đeo ngọc huyền, ăn kê và lợn, đồ dùng rộng và sâu.

28. Xem xét lại các nghi lễ đối với người chết.

oOo

A. Hán Văn

29. 命有司曰. 土事毋作. 慎毋發蓋. 毋發室屋. 及起大眾. 以固而閉. 地氣沮泄. 是謂發天地之房. 諸蟄則死. 民必疾疫. 又隨以喪. 命之曰暢月.

B. Phiên âm

29. Mệnh hữu tư viết: Thổ sự vô tác; thận vô phát cái, vô phát thất ốc, cập khởi đại chúng; dĩ cố nhi bế, địa khí tự tiết. Thự vị phát thiên địa chi phòng, chư chấp tắc tử, dân tất tật dịch, hựu tùy dĩ táng. Mệnh chi viết sưởng nguyệt.

C. Dịch

29. Truyền quan coi về giáo dục rằng: «Không được đào đất, không được mở những gì đã đóng,

không được mở cửa hay động dân chúng, để mọi sự được bề tề túc tích. Nếu không khí đất sẽ tiết tán. Thế tức là mở cửa trời đất. Các loài đông miên sống dưới đất sẽ chết, người sẽ bị bệnh tật, ôn dịch, và sẽ bị hao hại nhiều.» Cho nên gọi là tháng thư thả thoải mái.

oOo

A. Hán Văn

30. 是月也。命奄尹。申宮令。審門閭。謹房室。必重閉。省婦事。毋得淫。雖有貴戚近習。毋有不禁。

B. Phiên âm

30. Thị nguyệt dã, mệnh yểm doãn, thân cung lệnh, thẩm môn lư, cẩn phòng thất. Tất trọng bế, tỉnh phụ sự, vô đắc dâm, tuy hữu quý thích cận tập, vô hữu bất cấm.

C. Dịch

30. Tháng này truyền quan yểm doãn (hoạn quan đứng đầu trong cung) phải ban bố luật lệ trong cung, khám xét các cửa ngõ, và để ý đến các phòng thất. Các cửa cung nội phải đóng cẩn thận, giảm công tác cho cung nhân, không được cho làm những đồ quá đẹp quá khéo. Lệnh cấm này áp dụng cho cả các hàng quý tộc, hoàng thân, quốc thích.

oOo

A. Hán Văn

31. 乃命大酋秬稻必齊。麴蘖必時。湛熾必絜。水泉必香。陶器必良。火齊必得。兼用六物。大酋監之。毋有差貸。

32. 天子命有司。祈祀四海。大川。名源。淵澤井泉。

B. Phiên âm

31. Nãi mệnh đại tù thuật đạo tất tề, khúc nghiệt tất thời, trạm sí tất khiết, thủy tuyền tất hương, đào khí tất lương; hoả tề tất đắc, kiêm dụng lục vật, đại tù giám chi, vô hữu sai thái.

32. Thiên tử mệnh hữu tư kỳ tự tứ hải, đại xuyên, danh nguyên, uyên trạch tỉnh tuyền.

C. Dịch

31. Truyền quan có nhiệm vụ cất rượu phải lựa kê và gạo cho đúng phép; làm men làm giá cho đúng kỳ, phải ngâm, phải nấu cho sạch sẽ, phải chọn nước tốt, phải dùng những vỏ tốt, lửa phải nhóm vừa phải; sáu điều kiện trên phải đầy đủ, quan cất rượu phải trông nom cho mọi công việc được đúng cách.

32. Thiên tử truyền quan hữu tư tế lễ dâng cúng thần sông, thần biển, thần nguồn, thần hồ, thần giếng.

oOo

A. Hán Văn

33. 是月也。農有不收藏積聚者。馬牛畜獸有放佚者。取之不詰。

34. 山林薮澤。有能取蔬食田獵禽獸者。野虞教道之。其有相侵奪者。罪之不赦。

B. Phiên âm

33. Thị nguyệt dã, nông hữu bất thu tàng, tích tụ giả, mã ngưu súc thú hữu phóng dật giả, thủ chi bất cật.

34. Sơn lâm tảo trạch, hữu năng thủ sơ thực, điền lạp cầm thú giả; dã ngưu giáo đạo chi. Kỳ hữu tương

xâm đoạt giả, tội chi bất xá.

C. Dịch

33. Tháng này nếu nhà nông nào để ngoài đồng thức gì mà không thu thập, đập điếm lại, hay để trâu bò chạy rông, súc vật thả cỏ mà mất, sẽ không được quyền kiện cáo đòi trừng phạt người lấy.

34. Trên rừng núi hay trong đồng, trong hồ, quan coi về nông lâm khuyến khích hướng dẫn những người muốn hái quả hay săn thú. Họ sẽ trừng phạt những kẻ tranh cướp của người khác.

oOo

A. Hán Văn

35. 是月也。日短至。陰陽爭。諸生蕩。君子齋戒。處必掩身。身欲寧。去聲色。禁耆慾。安形性。事欲靜。以待陰陽之所定。

36. 芸始生。荔挺出。蚯蚓結。麋角解。水泉動。

B. Phiên âm

35. Thị nguyệt dã, nhật đoản chí, âm dương tranh, chư sinh đãng quân tử trai giới, xử tất yểm thân, thân dục ninh, khứ thanh sắc, cấm thị dục, an hình tính, dĩ đãi âm dương chi sở định.

36. Vân thủy sinh, lệ đỉnh xuất, khuu dẫn kết, mi giác giải, thủy tuyền động.

C. Dịch

35. Tháng này ngày ngắn nhất, âm dương tương tranh, các sinh vật bị giao động. Người quân tử trai giới, ở nơi thanh vắng, cho thân thể nghỉ ngơi, kiêng thanh sắc, giảm thị dục, cho thân tâm được yên tĩnh, đợi cho âm dương trở lại khí thế ổn định.

36. Cỏ thơm sinh, cỏ lệ lớn mạnh. Giun thu hình, hươu thay sừng, các nguồn suối bắt đầu chuyển động.

oOo

A. Hán Văn

37. 日短至。則伐木取竹箭。

38. 是月也。可以罷官之無事。去器之無用者。

39. 塗闕廷門閭。築圉圉。此以助天地之閉藏也。

B. Phiên âm

37. Nhật đoản chí, tắc phạt mộc, thủ trúc tiễn.

38. Thị nguyệt dã, khả dĩ bãi quan chi vô sự, khứ khí chi vô dụng giả.

39. Đồ khuyết đình môn lư, trúc linh ngữ, thử dĩ trợ thiên địa chi bế tàng dã.

C. Dịch

37. Ngày Đông Chí chặt cây chặt tre làm tên.

38. Tháng này đóng cửa những cơ quan không có công việc, cất bớt những đồ không dùng đến.

39. Trát các cửa ngõ, xây ngục tù, giúp đất trời trong công cuộc cất giấu.

oOo

A. Hán Văn

40. 仲冬行夏令. 則其國乃旱. 氛霧冥冥. 雷乃發聲. 行秋令. 則天時雨汁. 瓜瓠不成. 國有大兵. 行春令. 則蝗蟲為敗. 水泉咸竭. 民多疥癩.

B. Phiên âm

40. Trọng Đông hành Hạ lệnh, tắc kỳ quốc nãi hạn, phân vụ minh minh, lôi nãi phát thanh. Hành Thu lệnh, tắc thiên thời vũ trấp; qua hồ bất thành; quốc hữu đại binh. Hành Xuân lệnh, tắc hoàng trùng vi bại, thủy tuyền hàm kiệt, dân đa giới lệ.

C. Dịch

40. Tháng giữa mùa Đông mà cư xử theo như mùa Hạ, nước sẽ có hạn hán; sẽ sa mù tối trời, sấm sẽ động. Cư xử theo như mùa Thu, mưa tuyết sẽ rơi; dưa, bầu sẽ không đậu, nước sẽ có loạn. Cư xử theo như mùa Xuân, châu chấu sẽ phá hoại, các nguồn suối sẽ cạn, và dân chúng sẽ bị ghẻ lở phong cùi.

oOo

A. Hán Văn

41. 季冬之月. 日在婺女. 昏婁中. 旦氐中.

42. 其日壬癸. 其帝顓頊. 其神玄冥. 其蟲介. 其音羽. 律中大呂.

43. 其數六. 其味鹹. 其臭朽. 其祀行. 祭先腎.

B. Phiên âm

41. Quý Đông chi nguyệt, nhật tại Vụ Nữ, hôn Lô trung, đán Đề trung.

42. Kỳ nhật Nhâm Quý, kỳ đế Chuyên Húc, kỳ thần Huyền Minh, kỳ trùng giới, kỳ âm Vũ, luật trung Đại Lữ.

43. Kỳ số lục, kỳ vị hàm, kỳ xú hủ, kỳ tự hành, tế tiên thận.

C. Dịch

41. Tháng quý Đông, mặt trời tại chòm sao Vụ Nữ (quatre étoiles du Verseau). Sao Lô (la Tête du Bélier) qua kinh tuyến buổi chiều, sao Đề (la Balance) qua kinh tuyến buổi sáng.

42. Ngày là Nhâm Quý, ứng với vua Chuyên Húc, với thần Huyền Minh, với loài có vỏ cứng, với âm Vũ, với dấu Đại Lữ.

43. Ứng số 6, vị mặn, mùi thối. Cúng thần coi đường đi, cúng thận trước.

oOo

A. Hán Văn

44. 鴈北鄉. 鵲始巢. 雉雊. 雞乳.

45. 天子居玄堂右個. 乘玄路. 駕鐵驪. 載玄旂. 衣黑衣. 服玄玉. 食黍與彘. 其器閔以菴.

46. 命有司. 大難旁磔. 出土牛. 以送寒氣.

B. Phiên âm

44. Nhạn bắc hương, thước thủy sào, trĩ cầu, kê nhũ.

45. Thiên tử cư Huyền Đường hữu cá, thừa huyền lộ, giá thiết ly, tải huyền kỳ, ý hắc y, phục huyền ngọc, thực thử dữ trệ, kỳ khí hoành dĩ yểm.

46. Mệnh hữu tư, đại nạn bàng trách, xuất thổ ngưu, dĩ tổng hàn khí.

C. Dịch

44. Nhạn bay về Bắc, thuốc làm tổ, trĩ kêu, gà ấp.

45. Thiên tử ngự cung góc phía hữu cung Huyền Đường; xá giá màu huyền, thắng ngựa ô, trường cờ xám, mặc áo đen, đeo ngọc huyền, ăn kê và thịt lợn; đồ dùng rộng và sâu.

46. Truyền quan hữu tư làm lễ cầu an, mổ xẻ các thú vật hi sinh, đem ra đồng một con trâu đất để tổng tiến khí lạnh.

oOo

A. Hán Văn

47. 征鳥厲疾.

48. 乃畢山川之祀. 及帝之大臣. 天之神祇.

49. 是月也. 命漁師始漁. 天子親往. 乃嘗魚. 先薦寢廟.

50. 冰方盛. 水澤腹堅. 命取冰. 冰以入.

B. Phiên âm

47. Chinh điểu lệ tật.

48. Nãi tất sơn xuyên chi tự, cập Đế chi đại thần, thiên chi thần kỳ.

49. Thị nguyệt dã, mệnh ngư sư thủy ngư, Thiên tử thân vãng; nãi thường ngư, tiên tiến tẩm miếu.

50. Băng phương thịnh, thủy trạch phúc kiên. Mệnh thủ băng, băng dĩ nhập.

C. Dịch

47. Chim bắt mồi bay nhanh.

48. Dâng lễ cúng các thần sông núi, các hiền thần của các đấng tiên vương, các thần trời đất.

49. Tháng này truyền lệnh cho các quan coi về chài lưới câu cá. Vua dự cuộc câu. Ăn cá, sau khi đã dâng nơi tẩm miếu.

50. Nước đá đông nhiều, sông đầm đóng thành băng đá cứng. Vua truyền lấy nước đá, cất nước đá.

oOo

A. Hán Văn

51. 命告民出五種. 命農計耦耕事. 脩耒耜. 具田器.

52. 命樂師大合吹而罷.

53. 乃命四監. 收秩薪柴. 以共郊廟. 及百祀之薪燎.

B. Phiên âm

51. Mệnh cáo dân xuất ngũ chủng. Mệnh nông kế ngẫu canh sự, tu lỗi tử, cụ điền khí.

52. Mệnh nhạc sư đại hợp suy nhi bãi.

53. Nãi mệnh tứ giám, thu trật tân sài, dĩ cộng giao miếu cập bách tự chi tân liệu.

C. Dịch

51. Truyền chúng dân xuất kho lẫm năm loại hạt giống, truyền nông dân hợp nhau hai người một, sửa soạn cày ruộng, xem xét sửa chữa lại cày và lưỡi cày, mua sắm các dụng cụ đồng áng.

52. Truyền các nhạc quan mở đại hòa tấu tất niên.

53. Các quan thanh tra (sơn lâm, xuyên, trạch) phải cho thu thập củi cành để cung ứng củi đuốc cho

các cuộc tế lễ giao, miếu, hay các cuộc cúng lễ khác.

oOo

A. Hán Văn

54. 是月也。日窮于次。月窮于紀。星回于天。數將幾終。歲且更始。專而農民。毋有所使。

55. 天子乃與公卿大夫。其飭國典。論時令。以待來歲之宜。

B. Phiên âm

54. Thị nguyệt dã, nhật cùng vu thứ, nguyệt cùng vu kỷ, tinh hồi vu thiên, số tương cơ chung, tuế thả canh thủy, chuyên nhi nông dân, vô hữu sở sử.

55. Thiên tử nãi dĩ công khanh đại phu, kỳ sức quốc điển, luận thời lệnh, dĩ đãi lai tuế chi nghi.

C. Dịch

54. Tháng này mặt trời đi được một vòng chu thiên, mặt trăng hợp bích lần cuối với mặt trời tinh tú trở về chỗ cũ, số ngày gần hết, năm sắp đổi mới. Phải để cho nông dân rảnh tay, đừng huy động họ làm phù sai tạt dịch.

55. Thiên tử cùng công khanh đại phu sửa sang lại luật lệ, lập chương trình công tác, để thích ứng năm sau.

oOo

A. Hán Văn

56. 乃命太史次諸侯之列。賦之犧牲。以共皇天上帝社稷之饗。乃命同姓之邦。共寢廟之芻豢。命宰歷卿大夫。至于庶民。土田之數。而賦犧牲。以共山林名川之祀。凡在天下九州之民者。無不咸獻其力。以共皇天上帝。社稷寢廟。山林名川之祀。

B. Phiên âm

56. Nãi mệnh thái sử thứ chư hầu chi liệt, phú chi hi sinh, dĩ cung Hoàng Thiên Thượng Đế, xã tắc chi hưởng. Nãi mệnh đồng tính chi bang. cộng tẩm miếu chi sô hoạn. Mệnh tế lịch khanh đại phu, chí vu thứ dân. thổ điền chi số, nhi phú hi sinh. dĩ cộng sơn lâm, danh xuyên chi tự. Phàm tại thiên hạ cửu châu chi dân giả, vô bất hàm hiến kỳ lực, dĩ cung Hoàng Thiên Thượng Đế, xã tắc tẩm miếu, sơn lâm danh xuyên chi tự.

C. Dịch

56. Truyền quan thái sử viết danh tách chư hầu theo thứ tự, bắt họ nạp các vật hi sinh để tế lễ Thượng Đế và thần xã tắc. Truyền cho các vị hoàng thân nạp sô hoạn (bò, cừu, lợn) để cúng nơi tẩm miếu. Truyền ghi tính danh, và điền sản từ đại phu đến thứ dân để bắt nạp các loại vật dùng để cúng tế các thần rừng, núi, sông. Chúng dân khắp thiên hạ ai cũng phải góp phần vào công việc tế lễ Thượng Đế, tế lễ xã tắc tẩm miếu, và các thần núi, rừng, sông.

oOo

A. Hán Văn

57. 季冬行秋令。則白露蚤降。介蟲為妖。四鄙入保。行春令。則胎夭多

傷。國多固疾。命之曰逆。行夏令。則水潦敗國。時雪不降。冰凍消釋。

B. Phiên âm

57. Quý đông hành Thu lệnh, tắc bạch lộ tảo giáng, giới trùng vi yêu, tứ鄙 nhập bảo. Hành Xuân lệnh,

tắc thai yếu đa thương, quốc đa cố tật. Mệnh chi viết nghịch. Hành Hạ lệnh, tắc thủy lao bại quốc, thời tuyết bất giáng, băng đồng tiêu thích.

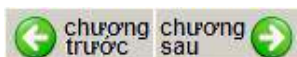
C. Dịch

57. Tháng cuối Đông mà cư xử theo như mùa Thu, sương trắng sẽ ra sớm, các loại trùng có vảy sẽ có những hình thù quái đản. Dân các nơi biên ải sẽ phải rút vào thành. Cư xử theo như mùa Xuân nhiều trẻ con sẽ chết trong bụng mẹ, hay sau khi lọt lòng, nước sẽ có nhiều bệnh khó chữa. Trời không chiều người. Cư xử theo như mùa Hạ sẽ có thủy tai, tuyết sẽ không rơi, băng giá sẽ tiêu tan.

Đồ bản các vật loại tương ứng đã đề cập tới trong thiên Nguyệt Lệnh

方	行	帝	神	蟲	音	數	味	祀	臭	臟	色
東	木	太皞	句芒	鱗	角	八	酸	戶	羶	脾	青
南	火	炎帝	祝融	羽	徵	七	苦	竈	焦	肺	赤
中	土	黃帝	后土	倮	宮	五	甘	中雷	香	心	黃
西	金	少皞	蓐收	毛	商	九	辛	門	腥	肝	白
北	水	顓頊	玄冥	介	羽	六	鹹	行	朽	腎	黑

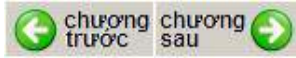
[Mục lục](#) | [Lời nói đầu](#) | [chương 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) | [Tổng luận](#) | **[Phụ lục 1](#)** [2](#) [3](#) | [Sách tham khảo](#)



KHÔNG HỌC TINH HOA

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

[Mục lục](#) | [Lời nói đầu](#) | [chương 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) | [Tổng luận](#) | **[Phụ lục 1](#)** **[2](#)** **[3](#)** | [Sách tham khảo](#)



Phụ lục 2

THƠ THẤT NGUYỆT

七月

Bân Phong Kinh Thi

A. Hán Văn

七月流火, 九月授衣.
一之日鬻發, 二之日栗烈.
無衣無褐, 何以卒歲.
三之日子趾, 四之日舉子.
同我婦子, 饁彼南畝, 田畯至喜.

B. Phiên âm

Thất nguyệt lưu hủ (hoả)
Cửu nguyệt thụ ý (y).
Nhất chi nhật tất phê (phát)
Nhị chi nhật lật lệ (liệt).
Vô y vô hệ (hạt)
Hà dĩ tốt tuế.
Tam chi nhật vu di (chỉ)
Tứ chi nhật cử chỉ (tử)
Đồng ngã phụ tử,
Diệp bỉ nam mĩ (mẫu). (*)
Điền tuần chí hỉ.

(*) Các chữ trong ngoặc đã được đọc khác đi cho hợp vần thơ.

C. Dịch

Sao tâm tháng bảy xế đôi
Áo quần tháng chín liệu bài quân phân
Tháng giêng gió lạnh căm căm
Tháng hai rét mướt thêm phần giá băng

Hàn y nếu chẳng sẵn sàng
 Làm sao sống được chu toàn suốt năm
 Tháng ba cày cuốc sửa sang
 Tháng tư ta sẽ tính toán ra đồng
 Ta cùng thê tử tùy tùng
 Cơm cơm, nước nước kẻ gồng người mang
 Mang cơm ra phía đồng Nam
 Điền quan trông thấy, nở nang mặt mày.

oOo

A. Hán Văn

七月流火, 九月授衣.
 春日載陽, 有鳴倉庚.
 女執懿筐, 遵彼微行, 爰求柔桑.
 春日遲遲, 采蘩祁祁.
 女心傷悲, 殆及公子同歸.

B. Phiên âm

Thất nguyệt lưu hủi (hoả)
 Cửu nguyệt thụ ý (y).
 Xuân nhật tải dương,
 Hữu minh thương canh (canh).
 Nữ chấp ý khuông,
 Tuân bỉ vi hang (hành) (*)
 Viên cầu nhu tang.
 Xuân nhật trì trì,
 Thái phồn kỳ kỳ.
 Nữ tâm thương bi,
 Đãi cập công tử đồng qui.

(*) Lối đọc «hiệp vận» như trên đều theo phát âm của Chương Phúc Ký giám bản Kinh Thi.

C. Dịch

Sao tâm tháng bảy xế đoài
 Áo quần tháng chín liệu bài quân phân
 Ngày xuân trời ấm áp dần
 Con oanh kia đã mấy lần líu lo
 Mấy cô đeo rỏ nhơn nhơ
 Tung tăng nẻo hẹp, đi dò dâu non
 Ngày xuân dùng dăng gót son

Bao cô lũ lượt đi bòn bạch hao
 Một cô ủ dột má đào
 Vầy duyên công tử, sắp vào cung môn.
 oOo

A. Hán Văn

七月流火, 八月萑葦.
 蠶月條桑, 取彼斧斨,
 以伐遠揚, 猗彼女桑.
 七月鳴鵒, 八月載績.
 載玄載黃, 我朱孔陽, 為公子裳.

B. Phiên âm

Thất nguyệt lưu hủ (hoả)
 Bát nguyệt hoàn vĩ.
 Tằm nguyệt điều tang,
 Thủ bĩ phủ thương (tường),
 Dĩ phạt viễn dương,
 Y bĩ nữ tang.
 Thất nguyệt minh quyết (quých),
 Bát nguyệt tải tích.
 Tải huyền tải hoàng,
 Ngã chu khổng dương,
 Vi công tử thường.

C. Dịch

Sao tâm tháng bảy xế đoài
 Sậy lau tháng tám là thời trở sinh
 Tháng tám dâu phải tuốt cành
 Búa rìu ta phạt những ngành xa vườn
 Lá dâu hãy tuốt sạch trơn
 Quyết kia tháng bảy véo von trên cành
 Tháng tám lo việc cửi canh
 Dệt rồi lại nhuộm tơ thành vàng, đen.
 Tơ ta son rực màu lên
 Để cho công tử ta đem may thường.
 oOo

A. Hán Văn

四月秀萼, 五月鳴蜩.

八月其穫,十月隕穰.
一之日于貉,取彼狐狸,
為公子裘.二之日其同,
載纘武功,言私其豸,獻豸于公.

B. Phiên âm

Tứ nguyệt tú yêu,
Ngũ nguyệt minh điều (điều).
Bát nguyệt kỳ hoạch,
Thập nguyệt vãn thác.
Nhất chi nhật vu hạc (lạc),
Thủ bỉ hồ ly,
Vi công tử kỳ (cửu).
Nhị chi nhật kỳ đồng,
Tải toán vũ công,
Ngôn tư kỳ tông (tung),
Hiển kiên vu công.

C. Dịch

Tú yên cỏ mọc tháng tư
Tháng năm ra rả ve dư tiếng sầu
Tháng tám mùa gặt bắt đầu
Tháng mười lá rụng theo nhau rơi
Tháng giêng săn bắt cày chơi
Bắt chồn, bắt cáo, bắt thoi cho nhiều
Làm cho công tử áo cừu
Săn to, bắn lớn lựa chiều tháng hai
Rồi ra luyện võ cho tài
Heo non giữ lấy, heo nhai dâng người.
oOo

A. Hán Văn

五月斯螽動股,六月莎雞振羽.
七月在野,八月在宇,九月在戶.
十月蟋蟀,入我床下.
穹窒熏鼠.塞向墜戶.
嗟我婦子,日為改歲,入此室處.

B. Phiên âm

Ngũ nguyệt tư chung động cổ,

Lục nguyệt sa kê chấn vũ.

Thất nguyệt tại dữ (dã)

Bát nguyệt tại vũ,

Cửu nguyệt tại hộ.

Thập nguyệt tất suất,

Nhập ngã sàng hũ (hạ).

Khung trất (thất) huân thử.

Tắc hướng cận hộ.

Ta ngã phụ tử,

Viết vi cải tuế,

Nhập thử thất xử.

C. Dịch

Tháng năm châu châu động chân

Tháng sáu con dế rần rần cánh bay

Tháng bảy nó ra ruộng cày

Tháng tám nó quần ở ngay hiên nhà

Tháng chín nó đậu cửa ra

Tháng mười nó rét nó sa gầm giường

Kể ta lấp, chuột ta hun

Song hồ bít lại, liếp sồn bồi thêm

Vợ con ơi, lại mà xem

Năm cùng, nên phải lo tiền sửa sang

Vào đây ta sống bình an.

oOo

A. Hán Văn

六月食鬱及薹,

七月亨葵及菽.

八月剥棗, 十月穫稻.

為此春酒, 以介眉壽.

七月食瓜, 八月斷壺,

九月叔苴, 采荼薪樗.

食我農夫.

B. Phiên âm

Lục nguyệt thực uất cập úc

Thất nguyệt phanh (hanh) quì cập thúc.

Bát nguyệt bác tẩu (tảo),

Thập nguyệt hoạch đầu (đạo).

Vi thử xuân tửu,

Dĩ giới mi thậu (thọ).

Thất nguyệt tự (thực) qua,

Bát nguyệt đoạn hồ,

Cửu nguyệt thúc thư,

Thái đồ tân sư (xư).

Tự (thực) ngã nông phu.

C. Dịch

Tháng sáu ăn mặn cùng nho

Tháng tám lược đậu và lo lược qui

Táo kia tháng tám trẩy đi

Tháng mười gặt lúa đem về ta ăn

Rồi ta cất rượu thưởng xuân

Uống cho mày mặt thêm phần phờn phơ

Tháng bảy ta sẽ ăn dưa

Tháng tám sau trước nhớ lo cất bầu

Hạt gai tháng chín ta khâu

Rau đồ hái nấu, củ vâu đóm lò

Nhà nông ăn uống khỏi lo.

oOo

A. Hán Văn

九月築場圃,十月納禾稼.

黍稷重穆,禾麻菽麥.

嗟我農夫,我稼既同,

上入執宮功.晝爾于茅,

宵爾索綯.亟其乘屋,其始播百穀.

B. Phiên âm

Cửu nguyệt trúc tràng bố (phổ),

Thập nguyệt nạp hoà cổ (giá).

Thử tắc trùng lục (lục),

Hoà ma thúc cực (mạch).

Ta ngã nông phu,

Ngã giá ký đồng,

Thượng nhập chấp cung công.

Trú nhĩ vu mao,

Tiêu nhĩ sách đào.

Cức kỳ thừa ốc,

Kỳ thủy bá bách cốc.

C. Dịch

Tháng chín vườn nện thành sân
Tháng mười lúa má ta khuân về nhà
Thêm kê sớm muộn non già
Lúa mì đậu hạt với là đay gai
Nông phu này các bạn ơi
Nay đã gặt hái xong xuôi mùa màng
Ta về ta ở trên làng
Ban ngày ta cắt ta làm cỏ gianh
Đến đêm ta đánh thanh tranh
Ta trèo lên mái, lợp nhanh cho rồi
Loay hoay nông vụ đến nơi
Cả trăm thứ giống nó đòi ta gieo.
oOo

A. Hán Văn

二之日鑿冰冲冲,三之日納于凌陰.
四之日其蚤,獻羔祭韭.
九月肅霜,十月滌場.
朋酒斯饗,曰殺羔羊.
躋彼公堂,稱彼兕觥,萬壽無疆.

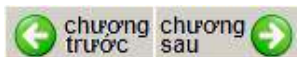
B. Phiên âm

Nhị chi nhật tạc băng xung xung,
Tam chi nhật nạp vu lảnh (lăng) ung (âm).
Tứ chi nhật kỳ tảo,
Hiển cao tế kiêu (cửu).
Cửu nguyệt túc sương,
Thập nguyệt địch trường.
Bằng tửu tư hương (hưởng),
Viết sát cao dương.
Tê bỉ công đường,
Xưng bỉ huỷ quàng (quang),
Vạn thọ vô cương

C. Dịch

Tháng hai nước đá ta phẳng
Đem về «băng thất» trong tuần tháng ba
Tháng tư ban sớm nở ra
Sau khi đã lễ cừu và họ thơm
Tháng chín vừa lạnh vừa sương
Tháng mười quét dọn sạch trơn sân nhà
Rượu ngon ta lễ hai vò
Chiên cừu ta dọn cỗ cho chững chàng
Rồi ra ta tới công đường
Sùng tê nâng chén thọ khương chúc người.
oOo

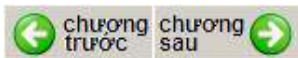
[Mục lục](#) | [Lời nói đầu](#) | [chương 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) | [Tổng luận](#) | **[Phụ lục 1](#)** **[2](#)** [3](#) | [Sách tham khảo](#)



KHÔNG HỌC TINH HOA

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

[Mục lục](#) | [Lời nói đầu](#) | [chương 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) | [Tổng luận](#) | **[Phụ lục 1](#)** [2](#) **3** | [Sách tham khảo](#)



Phụ lục 3

CHIÊM CHU NIÊN PHONG NĂM CA [\[1\]](#)

Phi Lộ:

Cứ trong Ngọc Hạp chiêm niên,
Chép làm quốc ngữ để truyền cho con
Dám đâu lấy khéo làm khôn
Gọi là để dạy gia môn nhà mình.
Biết năm biết tháng dữ lành
Biết mưa biết nắng, đã đành ấm no
Biết cơ ắt cũng khỏi lo
Dầu mà tiền bạc để cho chẳng tày.

oOo

A. Hán Văn

正月

歲朝宜黑四邊天
大雪紛紛是旱年
但得立春晴一日
農夫不用力耕田
(上元日晴宜百果)

二月

驚蟄聞雷米似泥
春分有雨病人稀
月中但得縫三卯
處處棉花豆麥宜
(社日雨年豐果少)

B. Phiên âm

Chính nguyệt:

Tuế triều nghi hắc tứ biên thiên,
Đại tuyết phân phân thị hạn niên;

Đã đắc lập xuân tình nhất nhật,
 Nông phu bất dụng lực canh điền.
 (Thượng nguyên nhật tình nghi bách quả.)

Nhị nguyệt:

Kinh trập văn lời mễ tự nê
 Xuân phân hữu vũ bệnh nhân hi
 Nguyệt trung đã đắc phùng tam mao
 Xứ xứ miên hoa đậu mạch nghi.
 (Xã nhật vũ, niên phong, quả thiếu.)

C. Dịch

Tháng giêng trước hết kể ngay
 Lập Xuân sao được một ngày tạnh cho
 Lập Xuân trời tạnh được mùa
 Đầu năm, mừng một, sương mù: hạn tai.
 Mây đen khắp bốn phương trời
 Trời trong năm ấy thanh thoi mùa màng
 Thượng nguyên trời nắng chang chang
 Quả hoa năm ấy mọi đường tốt tươi
 Tháng hai Kinh Trập sấm trời
 Được mùa năm ấy gạo coi như bùn
 Xuân phân mùa có mưa phùn
 Quanh năm chẳng có tai ôn đầu mà
 Tháng hai ngày Mão được ba
 Nơi nơi lúa thóc quả hoa được mùa
 Trong ngày Xuân Xã mà mưa
 Lúa nhiều mà giống quả hoa chẳng nhiều.

oOo

A. Hán Văn

三月

風雨相逢初一頭
 沿村瘟疫萬民憂
 清明風若從南至
 定是農家大有收
 (初三日雨宜蠶)

四月

立夏東風少病疴
 春逢初一果生多
 雷鳴甲子庚辰日
 須防蝗蟲侵損禾
 (初四雨穀貴初八雨豐收)

B. Phiên âm

Tam nguyệt:

Phong vũ tương phùng sơ nhất đầu
 Duyên thôn ôn dịch vạn dân ưu
 Thanh minh phong nhược tông Nam chí
 Định thị nông gia đại hữu thu.
 (Sơ tam nhật vũ nghi tầm.)

Tứ nguyệt:

Lập Hạ Đông phong thiếu bệnh a
 Xuân phùng sơ nhất quả sinh đa
 Lôi minh giáp tý canh thìn nhật
 Tu phòng hoàng trùng xâm tổn hoà.
 (Sơ tứ vũ, cốc quý; sơ bát vũ, phong thu.)

C. Dịch

Tháng ba mừng một mưa rào
 Ấy điềm tai dịch lao đao chẳng lành
 Gió Nam trong tiết Thanh Minh
 Thỏa lòng những kẻ nông canh cày bừa
 Mừng ba mưa, tốt tầm tơ
 Đoạn rồi xem tiết tháng tư Lập Hè
 Gió Đông ắt chẳng bệnh chi
 Mưa ngày mừng bốn, gạo suy bằng tiền
 Mưa ngày mừng tám: phong niên.
 Sấm ngày Giáp Tí, Canh Thìn: Sâu keo.

oOo

A. Hán Văn

五月

端陽有雨是豐年
 芒種聞雷美亦然
 夏至風從西北起

瓜蔬果園受熬煎

六月

三伏之中逢酷熱

五谷田中多不結

此時若不見災危

定主三冬多雨雪

B. Phiên âm

Ngũ nguyệt:

Đoan Dương hữu vũ thị phong niên,

Mang Chủng văn lời mỹ diệc nhiên

Hạ Chí phong tòng Tây Bắc khởi

Qua sơ quả viên thụ ngao tiên.

Lục nguyệt:

Tam phục chi trung phùng khốc nhiệt

Ngũ cốc điền trung đa bất kết

Thử thời nhược bất kiến tai nguy,

Định chủ tam đông đa vũ tuyết.

C. Dịch

Tháng năm Đoan Ngọ mưa rào

Sấm ngày Mang Chủng thể nào cũng no

Hạ Chí mưa lúa đầy bờ

Gió phương Tây Bắc, phải chờ hạn tai

Tháng sáu tam phục nắng nôi

Ruộng nhiều lúa ít, hạn tai khá phòng

Tai ương mùa ấy mà không

Rồi ra mưa tuyết ba Đông dầm dề.

oOo

A. Hán Văn

七月

立秋無雨最堪憂

萬物從來只半收

處暑若逢天下雨

縱然結實也難留

(立秋小雨大雨傷禾)

八月

秋分天氣白云多
處處歡歌好晚禾
只怕此時雷電閃
冬來米價道如何
(社日雨來年豐)

B. Phiên âm

Thất nguyệt:

Lập thu vô vũ tối kham ưu
Vạn vật tòng lai chỉ bán thu
Xử Thử nhược phùng thiên há vũ
Túng nhiên kết thật dã nan lưu.
(Lập Thu tiểu vũ đại vũ thương hoà.)

Bát nguyệt:

Thu Phân thiên khí bạch vân đa
Xử xử hoan ca hảo văn hoà
Chỉ phạ thử thời lôi điện thiểm
Đông lai mễ giá đạo như hà.
(Xã nhật vũ, lai niên phong.)

C. Dịch

Tháng bảy Lập Thu không mưa
Vật nào vật ấy lúa thừa nửa phần
Lập Thu mưa lớn đổ rầm
Mùa màng, lúa má, có phần xác xơ
Nếu ngày Xử Thử mưa to
Rồi ra xẹp lép, phạc phờ lúa năn
Bước sang tháng tám Thu Phân
Trời mây trắng xóa, gạo ăn thiếu gì
Sấm chớp thời kém thương đi
Mưa ngày Thu Xã, được kỳ sang năm.

oOo

A. Hán Văn

九月

初一飛霜侵損民
重陽無雨一冬晴
月中火色人多病

若遇雷聲采價增
(重九雨大宜收禾)

十月

立冬之日怕逢壬
來歲高田枉費心
此日更逢壬子日
災傷疾病損人民

B. Phiên âm

Cửu nguyệt:

Sơ nhất phi sương xâm tổn dân
Trùng Dương vô vũ nhất đông tình
Nguyệt trung hoả sắc nhân đa bệnh
Nhược ngộ lời thanh thái giá tăng.
(Trùng cửu vũ đại nghi thu hoà.)

Thập nguyệt:

Lập Đông chi nhật phạ phùng Nhâm
Lai tuế cao điền uống phí tâm
Thử nhật cánh phùng Nhâm Tý nhật
Tai thương tật bệnh tổn nhân dân.

C. Dịch

Tháng chín mồng một sương dầm
Ấy là thời khí tai xâm bệnh nhiều
Tháng này, nắng lắm cũng nao
Sấm ra thời gạo giá cao bằng vàng.
Tạnh thời gặp buổi Trùng Dương
Mùa Đông năm ấy nắng tuôn đã đành
Trùng Dương mưa xuống thì lành
No nê lúa gạo, nông canh thỏa lòng
Tháng mười Nhâm nhật, Lập Đông
Ruộng cao năm tới uống công cày bừa
Năm ngày Nhâm, còn vừa vừa
Gặp ngày Nhâm Tí, có cơ tổn người.

oOo

A. Hán Văn

十一月

初 一 西 風 盜 賊 多
 更 兼 大 雪 有 災 魔
 冬 至 天 晴 無 日 色
 來 年 定 唱 太 平 歌
 十 二 月
 初 一 東 風 大 留 災
 若 逢 大 雪 旱 年 來
 但 得 此 日 晴 明 好
 分 付 農 家 放 下 懷

B. Phiên âm

Thập nhất nguyệt:

Sơ nhất tây phong đạo tặc đa
 Cánh kiêm đại tuyết hữu tai ma
 Đông Chí thiên tình vô nhật sắc,
 Lai niên định xướng thái bình ca.

Thập nhị nguyệt:

Sơ nhất đông phong đại lưu tai
 Nhược phùng đại tuyết hạn niên lai
 Dẫn đắc thử nhật tình minh hảo
 Phân phó nông gia phóng hạ hoài.

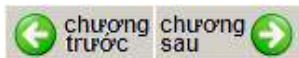
C. Dịch

Tháng một, mừng một gió Đoài
 Sẽ sinh đạo tặc lắm loài gian manh
 Tuyết sương thời lắm ma tinh
 Bằng ngày Đông Chí thiên tình khá coi
 Thanh quang mà vắng mặt trời
 Thái bình thiên hạ nơi nơi bằng lòng
 Tháng chạp mừng một gió Đông
 Tai ương lục súc hải hùng xiết bao
 Đại Tuyết, hạn hán năm sau
 Trời quang, mây tạnh, phong thu tốt lành.

oOo

[1] Hán văn trích trong quyển Ngọc Hạp. Bản dịch Việt văn nguyên là của cụ huyện Hiệp Hòa, đã được ông Nguyễn Triệu sưu tầm và đăng tải trong Phổ Thông (Phổ Thông số 91, trang 53-54, nơi bài Khí tượng học). Xin mạn phép sao lục bản dịch này nơi đây, với một vài sửa đổi.

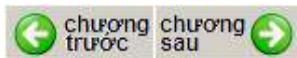
[Mục lục](#) | [Lời nói đầu](#) | [chương 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) | [Tổng luận](#) | **[Phụ lục 1](#) [2](#) [3](#)** | [Sách tham khảo](#)



KHÔNG HỌC TINH HOA

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

[Mục lục](#) | [Lời nói đầu](#) | [chương 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) | [Tổng luận](#) | [Phụ lục 1](#) [2](#) [3](#) | **Sách tham khảo**



Sách tham khảo

Hán Anh

- The Chinese Classics: James Legge
- + Vol III. The Shoo King
- + Vol IV. The She King

Hán Pháp

- Chou King – Séraphin Couvreur
- Li Ki – Séraphin Couvreur
- Tch'ouen ts'ieu – Séraphin Couvreur

Hán Việt

- Dịch Kinh Tân Khảo – Nguyễn mạnh Bảo
- Tứ Thư – Đoàn Trung Còn dịch

La Ngữ

- Biblia Sacra (juxta Vulgatoe exemplaria et correctoria romana) – Librarie Letouzey et Ané

Hán

- Cận tư lục tạp chú – Chu Hi, Giang Vinh, Lã Tổ Khiêm
- Chương Phúc Ký Giám bản Thi Kinh
- Đầu thủ Hà Lạc lý khí ngao đầu (toàn bộ)
- Huỳnh Đình Kinh chú
- Nội Kinh Tố Vấn – Hoàng Đế, Kỳ Bá
- Tham Đồng trực chỉ
- Tống Nguyên học án – Từ Khê, Bằng Vân Hào
- Trùng biên Tống Nguyên học án – Trần Thúc Lượng, Lý Tâm Trang
- Trung Hoa ngũ thiên niên sử - Trương Kỳ Quân
- Trung Quốc nhất chu (tạp chí)

Anh

- Baker's Dictionary of Theology
- Encyclopedia of Religion – Vergilius Ferm
- Halley's Bible Handbook

- Key to the Apocalypse – H. Grattan Guinness
- Mackey's Freemasonry Encyclopedia
- Moral and Dogmas – Albert Pike
- The Golden Bough – James George Frazer
- The prophetic faith of our Fathers – Le Roy Edwin Froom

Pháp

- Aspect du Bouddhisme – Henri de Lubac
- Astronomie – Larousse
- Astronomie populaire – Camille Flammarion
- Bulletin de la Société des E.I. (1er trimestre 1956)
- Etude de la catégorie logique correspondant à la notion de Siang (Tượng) dans le Hi-Ts'ou (Hệ Từ) – Trần Thị Nở (Đại Học Văn Khoa 1964-1965)
- Idées pour la philosophie de l'histoire de l'humanité – Herder
- Initiation biblique – A. Robert et A. Tricot
- L'âme de la Chine – Amaury de Riencourt
- L'enseignement de Ramakrishna – J. Herbert
- La Bible de Jérusalem
- La Bible et le plan de Dieu – André Lamorte
- La pensée chinoise – Marcel Granet
- La Sainte Bible – Crampon
- La Sainte Bible – Louis Segond
- La vocation de l'Occident – Louis Lallement
- Le philosophe Tchou Hi, Sa doctrine, son influence – Stanislas Le Gall S.J.
- Les Conciles oecuméniques – J.M.A. Salles Dabadie
- Les fondements de la mystique tibétaine (traduction) – Charles Andrieu et J. Herbert
- Miroir de l'Histoire No 157 – Les grandes heures des Papes
- Pensées pour l'action – Napoléon
- Planète (Revue)
- Revue des sciences philosophiques et théologiques – Paris Librairie philosophique J. Vrin
- Sagesse chinoise et philosophie chrétienne – Henri Bernard Maître
- Teilhard de Chardin – George Magloire, Hubert Cuyppers
- Textes historiques – Léon Wieger
- Textes philosophiques – Léon Wieger
- Traité d'astrologie ésotérique – Robert Ambelain
- Traité de médecine chinoise – Dr A. Chamfrault

- Uranographie chinoise – Gustave Schlegel

Việt

- Châu Dịch đại toàn – VN Âm Dương Dịch Lý Hội (dịch)
- Giáo sĩ Đắc Lộ và tác phẩm quốc ngữ đầu tiên – Nguyễn Khắc Xuyên, Phạm Đình Khiêm
- Lịch sử triết học Đông phương – Nguyễn Đăng Thục
- Phổ thông (tạp chí)
- Sấm Truyền Cũ – Imprimerie de la Mission
- Thánh Kinh – Thánh Thư Công Hội
- Thánh Vịnh toàn tập – Mai Lâm, Đoàn Văn Thăng
- Thượng Đế trong Nho giáo – A.M. Bùi Hữu Ngạn
- Thượng Thư – Nhượng Tống
- Tổ chức văn hóa quốc tế chính trị học hiện đại – Tôn Thất Trạch (dịch)
- Tống Nho – Bửu Cầm
- Vương Dương Minh – Đào Trinh Nhất

[Mục lục](#) | [Lời nói đầu](#) | [chương 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) | [Tổng luận](#) | [Phụ lục 1](#) [2](#) [3](#) | **Sách tham khảo**

